

KHỔNG TƯ
KINH THI
(TRỌN BỘ)

2

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN NƯỚC NGOÀI
VĂN HỌC TRUNG QUỐC

KHỔNG TỬ

Kinh Thi

(THI KINH TẬP TRUYỆN)

TẬP II

Dịch giả

Tạ Quang Phát

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

MỤC LỤC

Trang

TIỂU NHÀ

161. <i>Lộc minh</i> : Đãi đãng tân khách để vua tôi quyến luyến nhau.	10
162. <i>Tử mâu</i> : Nỗi lòng của bê tôi vì việc vua sai mà không phụng dưỡng được cha mẹ.	17
163. <i>Hoàng hoàng giả hoa</i> : Bè tôi lo công việc của vua sai.	24
164. <i>Thường đệ</i> : Anh em, vợ con thì bao giờ cũng quý hơn bạn hữu.	31
165. <i>Phat mộc</i> : Tìm bạn bè, hậu đãi bạn bè.	42
166. <i>Thiên bảo</i> : Lời của bê tôi chúc tụng vua.	50
167. <i>Thái vi</i> : Nỗi lòng người chiến sĩ lúc ra đồn trú và lúc trở về.	58
168. <i>Xuất xa</i> : Quân đội đi và trở về sau khi thắng trận.	70
169. <i>Đệ đỗ</i> : Vợ mong chồng đi quân dịch mau trở về.	81
170. <i>Nam cai</i> : (Không có lời thơ).	88
171. <i>Bạch hoa</i> : (Không có lời thơ).	89
172. <i>Hoa thủ</i> : (không có lời thơ).	89
173. <i>Ngư ly</i> : Các món để ăn uống đãi khách rất nhiều và ngon.	90
174. <i>Do canh</i> : (Không có lời thơ).	96
175. <i>Nam hữu gia ngư</i> : Món ăn vật uống ngon lành đem ra đãi khách.	96
176. <i>Sùng khâu</i> : (Không có lời thơ).	100

178. <i>Do nghi</i> : (Không có lời thơ).	107
179. <i>Lục tiêu</i> : Lời thiên tử chúc tụng chư hầu đến châu.	107
180. <i>Trăm lộ</i> : Chư hầu có uy nghi đứng đán đến châu thiên tử được đai đăng yến tiệc.	114
181. <i>Đồng cung</i> : Thiên tử đai yến và ban cung cho chư hầu.	119
182. <i>Tinh tinh giả nga</i> : Lòng chủ nhân ham thích tân khách.	125
183. <i>Lục nguyệt</i> : Cảnh trang tướng lãnh đem quân đánh giặc.	129
184. <i>Thái khi</i> : Quân đội ra đánh dẹp giặc rợ làm phản.	141
185. <i>Xa công</i> : Thiên tử đi săn cùng chư hầu.	152
186. <i>Cát nhật</i> : Thiên tử đi săn.	163
187. <i>Hồng nhạn</i> : Dân chúng lưu lạc nghèo khổ được vua cứu giúp.	169
188. <i>Định liệu</i> : Thiên tử nôn nao sắp ra triều gặp chư hầu.	174
189. <i>Miễn thuỷ</i> : Buồn đời loạn lạc tình đời biến đổi.	178
190. <i>Hạc minh</i> : Trong cái dở có cái hay, trong cái hay có cái dở. Hay dở đắp đổi nhau.	183
191. <i>Kỳ phủ</i> : Quân sĩ đi quân dịch oán quan chỉ huy.	187
192. <i>Bach câu</i> : Mong lưu giữ được người hiền tài.	191
193. <i>Hoàng điểu</i> : Dân lưu lạc đến nước khác cũng ở không yên muốn trở về.	198
194. <i>Ngã hành ký dã</i> : Vì chồng phụ bạc, vợ bỏ trở về.	202

195.	<i>Tư can</i> : Vua xây dựng cung tháp mà ở vào rồi sinh con trai con gái.	206
196.	<i>Vô dương</i> : Việc vua nuôi bò nuôi dê.	221
197.	<i>Tiết nam sơn</i> : Trách thừa tướng tham bạo bất công khiến nhân dân cùng khổ.	228
198.	<i>Chính nguyệt</i> : Buồn than đời điên đảo, nhân dân sâu khổ, tình đời thoái hoá.	245
199.	<i>Thập nguyệt chi giao</i> : Trời nghiêng đất lở dân chúng hoạn nạn vì bọn tiểu nhân được trọng dụng.	268
200.	<i>Vũ vô chính</i> : Trách trời trách vua trách quan trong thời biến loạn.	285
201.	<i>Tiểu man</i> : Than triều đình toàn đưa tiểu nhân làm quan thì họa tai sẽ chẳng khôi.	298
202.	<i>Tiểu uyển</i> : Lời khuyên răn nhau phải giữ mình để khỏi nạn.	310
203.	<i>Tiểu bàn</i> : Lời than trách vua cha.	319
204.	<i>Xảo ngôn</i> : Khuyên vua chớ nghe lời tiểu nhân sâm nịnh.	337
205.	<i>Hà nhân tư</i> : Trách mắng đứa tiểu nhân đã lánh mặt.	346
206.	<i>Hạng bá</i> : Trách mắng đứa siêm nịnh đã hại mình.	359
207.	<i>Cóc phong</i> : Trách bạn vì tiểu tiết mà bỏ quên nhau.	369
208.	<i>Lục nga</i> : Nhớ ơn cha mẹ mà tự trách mình.	373
209.	<i>Đại động</i> : Thương nhân dân nghèo khổ vì vua quá vơ vét bóc lột.	381

210.	<i>Tứ nguyệt</i> : Thương xót cho mình và trách vua.	404
211.	<i>Bắc sơn</i> : Lời so đo phiền trách vua không công bình, quan kia thì nhàn rảnh, ta đây thì cực nhọc.	413
212.	<i>Vô tướng đại xa</i> : Chớ lo nghĩ điều ưu phiền.	420
213.	<i>Tiểu minh</i> : Than thân mình và răn các bạn đồng liêu.	423
214.	<i>Cổ chung</i> : Trách vua đương thời và nhớ tiếc vua ngày xưa.	432
215.	<i>Sở từ</i> : Lo cày cấy để có vật phẩm cúng tế mà nhận phúc lộc của thần.	437
216.	<i>Tín Nam sơn</i> : Lo trồng trọt để có phẩm vật cúng tế mà được phúc.	452
217.	<i>Phù điền</i> : Lo cúng tế để được mùa.	461
218.	<i>Đại điền</i> : Công việc nhà nông.	470
219.	<i>Chiêm bỉ lạc hỉ</i> : Lời chư hầu khen tặng thiên tử.	478
220.	<i>Thường thường giả hoa</i> : Lời thiên tử khen tặng chư hầu.	482
221.	<i>Tang hộ</i> : Lời thiên tử khen thưởng chư hầu.	488
222.	<i>Uyên ương</i> : Lời chư hầu chúc phúc thiên tử.	492
223.	<i>Khuya biển</i> : Mong dài yên tiệc cho anh em được sum vầy vui thích.	496
224.	<i>Xa hat</i> : Lòng mừng cưới được người vợ đứng đắn.	503
225.	<i>Thanh nhăng</i> : Khuyên vua chớ nghe lời sâm nịnh.	510
226.	<i>Tân chi sơ diên</i> : Lời răn về uống rượu trong yến tiệc.	513

227.	<i>Ngu tảo</i> : Lời chư hầu khen tặng thiên tử.	526
228.	<i>Thái thúc</i> : Lời thiên tử khen tặng và ban ơn cho chư hầu đến châu.	528b
229.	<i>Giác cung</i> : Lời châm biếm vua không thân họ hàng mà lại ưa nghe kẻ sàm nịnh.	538
230.	<i>Uất liễu</i> : Thiên tử bạo ngược nên chư hầu không giám đến giúp đỡ.	547
231.	<i>Đô nhân sĩ</i> : Trong thời suy vi, mong được thấy trở lại những điều đẹp đẽ huy hoàng xưa.	551
232.	<i>Thái lục</i> : Nỗi lòng vợ nhớ chồng.	558
233.	<i>Thử miêu</i> : Việc quân sĩ đi xây đắp thành.	562
234.	<i>Tháp tang</i> : Nỗi vui mừng khi gặp người quân tử.	567
235.	<i>Bach hoa</i> : Hoàng hậu trách vua hờ hững lánh xa.	571
236.	<i>Miên man</i> : Quá khổ nhọc mong được nơi nương tựa và dậy bảo.	580
237.	<i>Hồ điệp</i> : Chủ khách ăn uống vui say với nhau.	584
238.	<i>Sàm sàm chi thạch</i> : Nỗi khổ nhọc của vị tướng suý xuất chinh.	588
239.	<i>Điều chi hoa</i> : Thời suy bại, đời sống gian nan, ăn không no dạ.	592
240.	<i>Hà thảo bất hoàng</i> : Thời binh đao, chiến sĩ khổ sở.	596

QUYỀN TRUNG

THI KINH QUYỀN BỐN

II. TIẾU NHÃ

Nhã 雅 là chính, những bài thơ của nhạc chính đính. Những thiêng thơ nhã vốn có phần 大雅 đại nhã và 小雅 tiểu nhã khác nhau, nhưng theo giải thuyết của các tiên nho, thì mỗi phần tiểu nhã hay đại nhã lại có chia ra phần chính và biến riêng biệt nhau.

Theo sự khảo cứu của thơ nhã ngày nay thì thơ 正小雅 chính tiểu nhã là những bài thơ ca nhạc về yến ẩm ăn uống, và thơ 正大雅 chính đại nhã là những bài ca nhạc về triều hội, những lời nhận phúc lộc của thần và trần bảy điều giới răn. Cho nên có khi lại hân hoan vui vẻ dịu dàng để cạn tình của bọn bể tôi, có khi cung kính đoan trang để phát huy cái đức của tiên vương. Vì thế mà khí thế của lời thơ không đồng, và âm điệu tiết tấu cũng khác, phần nhiều do Chu công định ra khi chế tác. Đó là nói về phần chính (正小雅 chính tiểu nhã và 正大雅 chính đại nhã).

Còn phần biến thì chưa át đà đồng như thế. Nhưng mỗi loại (小雅 tiểu nhã hay 大雅 đại nhã) đều lấy thanh điệu mà

phụ vào, mà thứ tự hay lời thời thế của những thơ ấy thì có phân không thể nào khao cứu được.

1. LỘC MINH CHI THẬP.

(Mười thiên thuộc phần *Lộc minh*)

Thơ *nhā* và thơ *tung* không có phân biệt của nước này hay nước khác, cho nên cứ lấy mười thiên làm một quyển gọi là *thập*, như theo quân pháp mười người lính lại là một thập.

BÀI THỨ 161

CHƯƠNG I

鹿鳴	Lộc minh (Lộc minh I)
呦呦鹿鳴	1. U u lộc minh.
食野之苹	2. Thực dã chi bình.
我有嘉賓	3. Ngā hữu gia tân.
鼓瑟吹笙	4. Cỗ sắt xuy sênh.
吹笙鼓簧	5. Xuy sênh cỗ hoàng.
丞筐是將	6. Thừa khuông thị tương.
人之好我	7. Nhân chi háo ngā.
示我周行	8. Thị ngā chu hành.

Dịch nghĩa

1. Con hươu kêu hoà dịu
2. Để gọi nhau ăn cỗ bình ở đồng nội.

3. Ta có nhiều tân khách tốt.
4. Thì đánh dàn thổi sáo lên.
5. Thổi sáo thổi kèn lên.
6. Hãy bưng cái rổ đựng hàng lụa để ta trao tặng tân khách.
7. Những người mến thích ta.
8. Hãy chỉ cho ta nẻo đường to tát (để ta noi theo).

Dịch thơ

*Con hươu nọ oang oang tiếng gọi
 Ăn cỗ bình đồng nội xanh tươi.
 Ta nay khách tốt lắm người.
 Đánh dàn thổi sáo vui chơi tung bừng.
 Kèn sáo thổi tung bừng rộn rịp.
 Rổ lụa hàng bưng kíp tặng trao.
 Những ai yêu mến ta đâu ?
 Chỉ cho ta biết nẻo nào thên n那 thang.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hán語. 哟呦 u u, tiếng hoà dịu, 幸 binh
 cỏ lại tiêu, cỏ tiêu, màu xanh, cộng trắng như chiếc dùa. 我
 ngã, ta, chủ nhân. 恤 tân, khách đến dự yến tiệc, hoặc là các
 bê tôi của nước ấy, hoặc là các quan lại của chư hầu. 箕 sắt,
 筌 sênh (đọc sêng) cho hợp vần) là đàn sắt và ống sáo, nhạc khí
 dùng khi yến lễ. 箕 hoàng, cái lưỡi gà trong ống sáo. 箕 thừa,
 phụng thừa, kính dâng lên. 箕 khuêng, cái giỗ, cái rổ hay cái

khay để đựng hàng lụa. *Hộ tương*, cho. Bưng cái giỗ, cái khay đựng hàng lụa trao tặng cho tân khách, lúc uống rượu thì cũng lấy nó để bưng rượu mời khách, lúc ăn thì cũng lấy nó bưng cơm mời khách. *Đọc chu hành* (đọc chu hàng cho hợp vận) con đường to. Đó là thời xưa có việc nói chuyện với nhiều người, cho nên muốn được nghe ở đây lời nói của mọi người.

Đây là bài thơ thuộc về yến ẩm với tân khách. Bởi vì giữa vua và tôi thì lấy nghiêm làm chủ yếu. Còn lễ nghi ở triều đình thì lấy kính làm chủ yếu. Nhưng nếu nhất nhất đều lấy nghiêm và kính, thì tâm tình hoặc có chỗ không thông cảm nhau mà sẽ không có lợi ích về việc tấu cáo hết dạ trung thành. Cho nên những bức vua đời trước nhân những buổi hội họp ăn uống chung với nhau mà chế ra nghi lễ của yến hội cho tâm tình giữa vua và tôi được thông cảm nhau. Mà phần nhạc ca lại lấy việc con hươu kêu khởi hứng để nói cái ý của nghi lễ đã nồng hậu như thế, ngõ hầu mọi người đều mến vua mà chỉ cho vua nẻo đường to tát (trọn đạo lành).

Sách *Lê ký* nói rằng: Đôi với những nhân ái riêng tây không thuộc về ân đức, người quân tử không hề lưu luyến. Vì là điều trông mong của vua đôi với những tân khách bê tôi chỉ là việc các bê tôi hãy chỉ cho vua nẻo đường to tát. Thì hẳn là chẳng lấy những nhân ái riêng tây làm ân đức mà để tâm lưu luyến vào vậy.

Hỡi ôi! Thế cho rên vui hòa với nhau mà không thái quá!

CHƯƠNG II

呦呦鹿鳴

9. Uu lộc minh.

食野之蒿

10. Thực dā chi hao.

我有嘉賓	11. Ngā hữu gia tân.
德音孔昭	12. Đức âm khổng chiêu.
視民不挑	13. Thị dân bất thiêu.
君子是則是效	14. Quân tử thị tắc thị hào (hiệu)
我有旨酒	15. Ngā hữu chỉ tửu.
嘉賓式燕以敖	16. Gia tân thức yến dī ngao.

Dịch nghĩa

9. Con hươu kê hòa dịu.
10. Để gọi nhau ăn cỗ hao ở đồng nội.
11. Ta có nhiều tân khách tốt.
12. Mà tiếng tốt của những vị tân khách ấy rất sáng tỏ.
13. Đủ để bày tỏ cho dân biết và khiến dân không khinh bỉ.
14. Những bậc quân tử áy thật đáng làm gương cho dân chúng bắt chước theo.
15. Ta có rượu ngon.
16. Tân khách hãy dừng mà ăn uống rồi đi dạo chơi.

Dịch thơ

Oang oang gọi những con hươu nõ.

Ngoài cánh đồng ăn cỗ hao này.

Ta thì khách tốt đồng thay!

Thay đều rạng rỡ đủ đầy đức âm.

Hết khinh bạc dân tâm cải hóa.

Quân tử kia thật đã nên gương.

Ta đây có rượu quýnh tương.

Khách cùng chuốc chén, lên đường dạo chơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 高 hao, cỗ khăn, tức là cỗ thanh hao. 非 khồng. rất. 昭 chiêu (đọc trao cho hợp vận), sáng tỏ. 視 thị đồng với 知 示 thi, bày tỏ cho biết. 昭 chiêu (đọc thao cho hợp vận), mỏng manh, khinh bạc. 教 ngao, đi dạo chơi.

Nói rằng tiếng tốt của các tân khách rất sáng tỏ, đủ để bày tỏ cho dân biết và khiến dân không khinh bạc. Mà việc người quân tử đáng được làm gương cho mọi người bắt chước thì cũng chẳng cần đợi phải nói, cũng đã tỏ cho ta biết rất sâu xa.

CHƯƠNG III

呦呦鹿鳴

17. U u lộc minh,

食野之芩

18. Thực dã chi cầm.

我有嘉賓

19. Ngă hữu gia tân,

鼓瑟鼓琴

20. Cổ sắt cổ cầm.

鼓瑟鼓琴

21. Cổ sắt cổ cầm,

和樂且湛

22. Hoà lạc thả đam.

我有旨酒

23. Ngă hữu chi tửu,

以燕樂嘉賓之心

24. Dī yến lạc gia tân chi tâm.

Dịch nghĩa

17. Con hươu kêu hoà dịu,
18. Để gọi nhau ăn cỏ cầm ở đồng nội.
19. Ta có nhiều tân khách tốt.
20. Thì cho đánh đàn cầm đàn sắt lên.
21. Đánh đàn cầm đàn sắt lên.
22. Là để cùng nhau vui hoà māi māi.
23. Ta có rượu ngon
24. Để an vui tâm lòng của tân khách tốt.

Dịch thơ

*Hươu lên tiếng oang oang êm ái,
Tìm cỏ cầm ăn lấy ngoài đồng.
Ta thì khách tốt nhiều đong
Sắt cầm dùu đặt gãy chung tung bừng.
Tiếng cầm sắt đón mừng vang dậy,
Để cùng nhau māi māi vui hoà.
Rượu ngon thiết đãi khách ta,
Yên vui lòng khách rượu ngà ngà say.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 草 cầm, tên loại cỏ, cộng như cỏng thoa, lá như lá tre, mọc bò lan ra. 铁 đam (đọc trầm cho hợp vận), vui thích rất lâu. 息 yên, an.

Nói rằng làm cho lòng khách yên vui, không phải là để an dưỡng thân thể, mà chỉ là vui vẻ bể ngoài mà thôi. Vì rằng sở dĩ dâ an cần hậu dài các tân khách là ý muốn các tân khách ấy cứ làm gương mà dậy đồ dân chúng mà thôi.

Thiên Lộ minh có 3 chương, mỗi chương 8 câu.

Theo bài tự, đây là bài thơ về yến tiệc dài các tân khách bể tôi.

Thiên Yến lễ trong sách *Nghi lễ* cũng nói *Công ca Lộc minh Từ mẫu, Hoàng hoàng giả hoa* tức là nói về việc này.

Cuộc uống rượu trong làng xóm cũng có dùng nhạc như thế. Mà thiên *Học ký* trong sách *Lễ ký* nói rằng bức đại học mới bắt đầu dạy cho học tập ba thiên tiểu nhã: *Lộc minh, Từ mẫu, Hoàng hoàng giả hoa*. cũng là nói về ba bài thơ áy. Nhưng ba bài thơ áy đều là những bài ca nhạc thông dụng từ bức trên đến kẻ dưới. Há lại vốn là vì cuộc yến tiệc thiết dài tân khách bể tôi mà làm ra, rồi về sau lại được những người trong làng xóm dùng nữa ư? Cho nên ở trong triều đình thì gọi vua và tôi, trong yến tiệc thì gọi chủ và khách. Việc tiên vương dùng lễ nồng hậu để sai khiến kẻ bể tôi có thể nhận thấy rõ ở đây.

Họ Phạm nói rằng: Cho kẻ bể tôi ăn bằng lỗ, làm vui vẻ bể tôi bằng nhạc, giúp kẻ bể tôi với lòng thực thà và cầu kẻ bể tôi bằng lòng thành, như thế mới được lòng kẻ bể tôi. Nhưng bức tài giỏi há lại lấy việc được ăn uống, được cùa cải hàng lụa trao tặng làm vui thích hay sao? Nên biết rằng nghi lễ cưới hỏi không đầy đủ thì người con gái trinh hạnh không chịu đi theo chồng. Còn lễ nhạc mà không đủ, thì người tài giỏi không ở lại, người tài giỏi không ở lại thì há lại được vui mà tận tâm tận lực hay sao?

BÀI THỨ 162

CHƯƠNG I

四牡	Tứ mâu. (Lộc minh 2)
四牡駢駢	1. Tứ mâu phi phi,
周道倭遲	2. Chu đạo uy trì.
豈不懷歸	3. Khi bát hoài quy?
王事靡鹽	4. Vương sự mỹ cỗ,
我心傷悲	5. Ngā tâm thương bì.

Dịch nghĩa

1. Xe bốn ngựa được chạy mãi không dừng,
2. Trên đường lộ to quanh co và xa xôi.
3. Kẻ bề tôi ấy lại không há muốn trở về hay sao?
4. Chỉ vì việc của vua không thể nào không lo chắc chắn cẩn thận được.
5. Nhớ đến nhà, lòng ta thương cảm đau xót.

Dịch thơ

*Bốn con ngựa chạy chẳng thôi,
Đường to khúc khuỷu xa xôi chạy dài.
Há chẳng muốn quay ngay trả lại?
Việc vua không trẽ nải khinh thường.
Lòng ta luống những sầu thương.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 驕馭 *phi phi*, dáng chạy mãi không dừng. 倚道 *chu đạo*, đường lộ to. 倦遲 *uy trì*, dáng quanh co xa xôi. 無所 *cố*, không kiên cố, không chắc chắn.

Đây là bài thơ sai khiến bê tôi những công việc nhọc nhằn.

Ôi! Vua sai khiến bê tôi, bê tôi phải phụng sự vua, đó là lẽ. Cho nên kẻ làm tôi, chạy vạy lo công việc của vua, chỉ riêng lo sao cho hết chức phận mình phải làm mà thôi, nào dám tự cho là khó nhọc hay sao? Nhưng lòng của vua thì không dám lấy đó mà yên tâm. Cho nên trong buổi yên tiệc đãi dâng kẻ bê tôi, vua thường kề tâm tình của mình để thương xót đến nỗi khó nhọc của kẻ bê tôi.

Nói ràng đi chiếc xe do bốn con ngựa đực kéo chạy ra cõi ngoài, đường đi quanh co xa xôi như thế. Dương lúc ấy há lại không muốn trở về hay sao? Nhưng riêng vì việc của vua, không thể nào không lo cho chắc chắn được, không dám vì việc tư mà bỏ việc công, cho nên ngoảnh lại phía trong nước bùi ngùi thương cảm.

Kẻ bê tôi khó nhọc vì công việc của vua mà không tự nói ra. Vua lại dù hiểu tâm tình ấy mà thay lời kể lại, coi đó thì từ bức trên đến kẻ dưới, mọi người đều có thể nói là làm trọn đạo nghĩa của mình.

Mao thi truyện nói rằng: Lòng muôn trở về, ấy là ân tình riêng. Việc chắc chắn cẩn thận, ấy là nghĩa công. Lòng thương cảm xót xa, ấy là tâm tình nhớ nghĩ. Không có ân tình riêng (để nhớ tưởng đến cha mẹ ở nhà) thì không phải là con hiếu. Không có nghĩa công (để lo công việc của vua) thì không phải là tôi trung. Người quân tử không vì việc tư mà hại việc công, không vì việc nhà mà từ chối việc vua.

Họ Phạm nói rằng: Bề tôi chờ vua thì phải lo việc công trước, rồi lo việc tư sau. Còn vua lấy việc khó nhọc sai khiến bề tôi thì phải lo việc ân đức trước, rồi lo việc nghĩa sau.

CHƯƠNG II

四牡駢駢

6. Từ mǎu phi phi,

暉暉駱馬

7. Than than lạc mā.

豈不懷歸

8. Khi bát hoài quy?

王事靡鹽

9. Vương sự mŷ cỗ,

不遑啓處

10. Bất hoàng khai xứ.

Dịch nghĩa

6. Xe bốn ngựa đực chạy mãi không dừng.

7. Phản đông là những ngựa trắng bờm đen.

8. Kẻ bề tôi ấy há lại không muốn trở về nhà hay sao?

9. Chỉ vì việc của vua không thể nào không lo cho chắc chắn cẩn thận được.

10. Cho nên đành phải đi, không còn rảnh rang để đứng hay ngồi ở trong nhà nữa.

Dịch thơ

Chẳng thôi bốn ngựa ruồi dong

Bờm đen mình trắng phản động ngựa này

Há chẳng muốn quay ngay trở lại?

Việc vua không trê nải lôi thôi.

Rảnh rang đâu để đứng ngồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng 肉肉 than than dáng đông
nhiều. 駱 lạc, ngựa trắng bờm đen. 遙 hoàng, rảnh rang.
啓 khải, quỳ đầu gối để đứng lên (vì người xưa trải chiếu
xuống đất mà ngồi). 處 xứ, ở, ngồi.

CHƯƠNG III

翩翩者維

11. Phiên phiên giả chuy,

載飛載下

12. Tái phi tái hạ.

集于苞栩

13. Tập vu bao hủ,

王事靡鹽

14. Vương sự mỹ cổ.

不遑將父

15. Bất hoàng tương phụ.

Dịch nghĩa

11. Chim chuy bay đi.

12. Hoặc bay lên hoặc đáp xuống.

13. Rồi đậu lên bụi cây hủ.

14. Chỉ vì việc vua không thể nào không lo cho chắc
chắn cẩn thận được.

15. Cho nên không còn rảnh rang để phụng dưỡng cha
nhà.

Dịch thơ

Chim chuy bay vút ra xa.

Khi bay khi đáp thật là thành thạo,

Trên bụi hủ yên nơi đâu lại.

Việc vua không trẽ nải khinh thường.

Rảnh đâu phụng dưỡng nghiêm đường.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng 飄翩 phiên phiên, dáng bay đi 離 chuy, chim phu phủ, nay là con chim bột cưng. Phàm những chim đuôi ngắn đều thuộc loại chim chuy. 將 tương, nuôi dưỡng.

Chim chuy bay đi, hoặc bay lên hoặc đáp xuống mà đậu nơi yên ổn. Hôm nay người được sai khiến ra đi, chịu lao khổ ở cõi ngoài không còn rảnh rang dưỡng nuôi cha nữa. Ấy là nỗi áy náy của vua không yên tâm mà xót thương thâm thiết.

Họ Phạm nói rằng: Tôi trung, con hiếu đã phục dịch chưa từng không nghĩ đến cha mẹ. Vua sai khiến bề tôi, há lại chờ họ đau khổ để tự họ xót thương lấy hay sao? Vua cũng đau khổ những nỗi đau khổ của họ như chính của mình. Đó là cử chỉ của bậc thánh nhân đã làm cảm động lòng người.

CHƯƠNG IV

翩翩者維

16. Phiên phiên giả chuy,

載飛載止

17. Tái phi tái chi.

集于苞杞

18. Tập vu bao khỉ.

王事靡鹽

19. Vương sự mĩ cỗ.

不遑將母

20. Bất hoàng tương mâu.

Dịch nghĩa

16. Chim chuy bay đi.
17. Hoặc bay lên hoặc dừng lại.
18. Rồi đậu lên bụi cây khỉ.
19. Chỉ vì việc vua không thể nào không lo cho chắc chắn cẩn thận được.
20. Cho nên không rảnh rang để phụng dưỡng mẹ nhà.

Dịch thơ

Chim chuy vun vút bay qua,

Hoặc bay hoặc đáp thật là thành thạo.

Trên bụi khỉ làm nơi đậu lại.

Việc vua sai chẳng phải khinh thường.

Rảnh đâu nuôi dưỡng huyên đường.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 杞 khỉ, cây cầu kê.

CHƯƠNG V

駕彼四駟

21. Giá bỉ tứ lạc,

載驥駛駛

22. Tái sậu xâm xâm.

豈不懷歸

23. Khi bất hoài quy?

是用作歌
將母來志

24. Thị dụng tác ca,
25. Tương mâu lai thăm.

Dịch nghĩa

21. Ngồi chiếc xe có bốn ngựa bạch bờm đen kia.
22. Chạy mau vun vút.
23. Há không muôn trở về nhà hay sao?
24. Sẽ làm bài thơ ca.
25. Để tâu bẩm lên vua biết nỗi lòng muôn phụng dưỡng mẹ.

Dịch thơ

Bờm đen ngựa trắng bốn con.

Thay đều vun vút chạy dồn ra xa.

Há không muôn về mà quay lại?

! Bài thơ ca làm lấy đã xong.

Muốn nuôi mẹ đến tâu cùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 駿駿 xâm xâm, dáng chạy mau. 詠 thám (đọc thâm cho hợp vận), cáo cho biết.

! Đem nỗi tình không được phụng dưỡng cha mẹ đến tâu lại để vua biết. Chàng phải người đi sứ làm bài ca này, mà chính vua đặt ra lời bày tỏ tâm tình ấy để uỷ lạo kẻ bê tôi ấy.

Chương này chỉ nói phụng dưỡng mẹ mà thôi, đó là nhân câu văn của chương trên.

Thiên Tử mâu có 5 chương, mỗi chương 5 câu.

Bài tự nói rằng bài thơ này là để uỷ lạo sứ thần (bề tôi được vua sai ra đi) trở về, thì rất hợp ý nghĩa của bài thơ, cho nên truyện *Xuân thu* cũng nói như thế.

Nhưng sách ngoài cho là để làm sáng tỏ việc cần lao của sứ thần. Sứ thần nói ở đây, tuy là Thúc Tôn tự xưng, nhưng cũng rất hợp với câu truyện ấy.

Còn sách *Nghi lễ* cho là bài ca nhạc thông dụng từ bậc trên đến kẻ dưới.

Nghi rằng bài thơ này cũng vốn là để uỷ lạo kẻ bề tôi được sai ra đi, rồi về sau được đem ra dùng về việc khác.

BÀI THÚ 163

CHƯƠNG I

皇皇者華

Hoàng hoàng giả hoa. (Lộc minh 3)

皇皇者華

1. Hoàng hoàng giả hoa,

于彼原隰

2. Vu bì nguyên thấp.

駢駢征夫

3. Sắn sắn chinh phu,

每懷靡及

4. Môi hoài mĩ cập.

Dịch nghĩa

1. Những đoá hoa rực rỡ.

2. Đem nở trên gò cao và trũng thấp kia.

3. Những người đông đảo tuôn lượt ra đi.

4. Thị nỗi lo nghĩ trong lòng như có điều lo chăng kịp (mà việc phục dịch sẽ chăng vừa ý vua).

Dịch thơ

Những đoá hoa non tươi rực rỡ

Gò trũng kia đua nở khắp nơi.

Chinh phu rong ruổi bao người.

Việc lo chăng kịp lòng thời xốn xang.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 皇皇 *hoàng hoàng* như 煌煌 *hoàng hoàng*, sáng rỡ. 華 *hoa* (đọc phô cho hợp vận), bông hoa của cây cỏ. 原 *nguyên*, nơi cao mà bằng gọi nguyên. 隙 *tháp*, nơi trũng thấp gọi tháp. 駢駢 *sằn saddle*, dáng đồng người chạy mau. 徵夫 *chinh phu*, kẻ bồ tui được sai đi cùng những người thuộc hạ. 懷 *hoài*, nhớ.

Đây là bài thơ sai khiến sứ thần. Vua sai bồ tui hẳn là muốn tỏ rõ cái đức của bê trên và thấu đạt tâm tình của kẻ dưới. Còn bồ tui nhận mệnh lệnh thì cũng chỉ lo sợ sẽ không được vừa ý của vua. Cho nên các bực vua đời trước khi sai khiến sứ thần ra đi thì khen ngợi công cần khổ tuôn lướt đậm đường và xét kể đến nỗi nhớ thương trong lòng vì sứ thần ấy.

Nói rằng những đoá hoa rực rỡ kia đơm mọc ở những dải cao trũng thấp. Những người đồng đảo tuôn lướt ra đi thì những nỗi lo nghĩ trong lòng thường có điều không lo đến kịp (phận làm tôi khi được vua sai thường ngại có điều lo chăng kịp mà không vừa ý vua). Thị cũng nhân đấy mà nêu lên điều răn dạy. Nhưng với lời thơ uyển chuyển không vời vàng, sự trung hậu của bài thơ này cũng có thể nhận thấy được.

CHƯƠNG II

我馬維駒

5. Ngā mā duy câu,

六轡如濡

6. Lục bì nhu nhu.

載馳載驅

7. Tái trì tái khu,

周愛咨諭

8. Chu vien tư tu.

Dịch nghĩa

5. Ngựa kéo xe của ta toàn là ngựa câu (ngựa tơ mới lớn lên dồi dào sức lực).

6. Sáu dây cương bóng loáng.

7. Hoặc chạy mau hoặc chạy gấp.

8. Đến đâu thì hỏi thăm rộng rãi để làm tròn chức vụ của mình.

Dịch thơ

Kéo xe ta ngựa câu dung mãnh.

Sáu dây cương lấp lánh chói loà.

Lướt mau chạy gấp ra xa.

Hỏi han rộng rãi để màn dò thăm.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 如濡 *nhu nhu*, bóng láng, tươi sáng. 周 *chu*, khắp nơi. 爰 *viên*, ở, nơi. 咨諭 *tư tu*, hỏi thăm.

Sứ thần dung ruỗi ra đi cứ tự cho có điều chẳng lo tròn vẹn kịp, cho nên phải hỏi 'hỏi rộng rãi ở khắp nơi mà bỏ

khuyết những điều thiếu sót ấy để làm tròn chức vụ của mình.

Trình từ nói rằng: Sự phỏng vấn là công việc lớn lao của sứ thần.

CHƯƠNG III

我馬維騏

9. Ngā mā duy kỳ,

六轡如絲

10. Lục bí như ty.

載馳載驅

11. Tái trì tái khu,

周愛咨謀

12. Chu vien tư mưu.

Dịch nghĩa

9. Ngựa kéo xe của ta toàn là ngựa kỳ (ngựa màu xanh và đen)

10. Sáu dây cương dịu mềm như bằng tơ.

11. Hoặc chạy mau hoặc chạy gấp.

12. Đến đâu thì hỏi thăm rộng rãi đến đây.

Dịch thơ

Sắc xanh đen ngựa kỳ vút chạy,

Sáu dây cương mềm mại như tơ.

Lướt mau chạy gấp xa mà.

Đến nơi rộng rãi tìm dò hỏi thăm.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 如絲 *như ty*, dịu hoà và dai như tơ. 講 *mưu* (đọc my, cho hợp vận), như tu là hỏi thăm, thay chữ cho khác nhau để hợp vận.

Chương sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG IV

我馬維駱

13. Ngā mā duy lạc,

六轡沃若

14. Lục bí ốc nhược.

載馳載驅

15. Tái trì tái khu

周愛咨度

16. Chu vien tự đặc (dộ)

Dịch nghĩa

13. Kéo xe ta toàn là ngựa lạc (ngựa bạch bờm đen).

14. Sáu sợi dây cương bóng láng.

15. Hoặc chạy mau hoặc chạy gấp.

16. Đến đâu thì hỏi thăm rộng rãi đến đây.

Dịch thơ

Ngựa lạc ta bờm đen mình trắng,

Sáu dây cương bóng láng chói loà.

Lướt mau chạy gấp ra xa,

Hỏi thăm rộng rãi để mà lo toan.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 沃若 óc nhược như chũ 濡 nhu là bồng lảng tươi sáng. 度 độ (đọc đặc cho hợp vận), hỏi thăm.

CHƯƠNG V

我馬維駟

17. Ngā mā duy ân,

六轡既均

18. Lục bí ký quân.

裁馳載驅

19. Tái trì tái khu,

周愛諮詢

20. Chu vien tư tuân.

Dịch nghĩa

17. Kéo xe của ta toàn là ngựa ân (ngựa bạch có đốm sặc).

18. Sáu dây cương đều điều hòa.

19. Hoặc chạy mau hoặc chạy gấp.

20. Đến đâu thì hỏi thăm rộng rãi đến đây.

Dịch thơ

Ngựa ân ta trắng chen đốm sặc,

Sáu dây cương thay nắm điều hòa.

Lướt mau chạy gấp ra xa,

Đến nơi đi khắp để mà dò thăm.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 畫 án, ngựa có lông sậm lông trắng lộn nhau. 色 quān, điều hoà. 韻 tuán như chữ 度 độ là hỏi thăm.

Thiên Hoàng hoàng giả hoa có 5 chương, mỗi chương 4 câu.

Theo bài tự, đây là bài thơ vua sai khiến sứ thần ra đi. Phần nội và ngoại truyện của sách *Xuân thu* đều nói là thơ vua dậy các sứ thần. Thuyết này đã thấy ở thiên trước. Sách Nghi lễ cũng thấy có thiên Lộc minh, ngờ rằng cũng vì sai khiến sứ thần mà làm ra, rồi về sau mới đem dùng về việc khác.

Nhưng Thúc Tôn Mục tử cho là việc vua dậy các sứ thần, nói rằng: Mỗi người đều lo nghĩ có điều không lo tròn vẹn kịp (sợ không vừa ý vua), và bốn chữ tu, mưu, độ, tuân (đều nghĩa là hỏi thăm) át là phải hỏi thăm rộng rãi ở khắp nơi thì dám đâu không chịu lời dậy bảo, thế thì có thể gọi là đúng ý của bài thơ này.

Họ Phạm nói rằng: Vua sai sứ đi ra bốn phương, thì phải dậy hỏi thăm đường lành nèo tốt để mở rộng trí thông minh. Ôi! Bề tôi muốn giúp vào cái đức của vua thì át phải tìm kiếm người giỏi để giúp đỡ mình. Cho nên hễ bề tôi chịu theo đường thiện, thì có thể cải thiện được vua; và hễ bề tôi chịu nghe lời can gián, thì có thể can gián được vua. Chưa có bề tôi nào không sửa trị được mình mà lại có thể chính đinh được vua.

BÀI THÚ 164

CHƯƠNG I

常棣	Thường đê.
常棣之華	1. Thường đê chi hoa.
鄂不韙 韙	2. Ngạc bất vī vī?
凡今之人	3. Phàm kim chi nhān.
莫如兄弟	4. Mạc như huynh đê.

Dịch nghĩa

1. Hoa cây thường đê
2. Trông bẽ ngoài há lại không chói lọi hay sao?
3. Phàm người bấy giờ
4. Thị chẳng gì bằng anh em.

Dịch thơ

Hoa thường đê tung bừng đua nở.

Há lại không rực rỡ xinh tươi?

Giờ đây tất cả những người.

Số cùng huynh đê ấy thời bằng đâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng 常棣 thường đê, cây đê, quả như quả anh đào ăn được. 鄂 ngạc là 鄂然 ngạc nhiên, dáng

trông thấy bẽ ngoài. 不 *bất* như 立不 *khi bất*. há chāng. 離離
vī vī, dáng sáng chói rõ ràng.

Đây là bài ca nhạc khi yến ẩm với anh em. Cho nên nói rằng: Hoa cây thường đẹ, dáng hiện ra bẽ ngoài há lại không chói lợi hay sao? Phàm người bây giờ thì há lại được như anh em vậy chāng?

CHƯƠNG II

死喪之威

5. Tử táng chí uy,

兄弟孔懷

6. Huynh đệ khổng hoài.

原隰哀矣

7. Nguyên tháp bầu hý!

兄弟求矣

8. Huynh đệ cầu hý!

Dịch nghĩa

5. Tử vong tang tóc là việc đáng sợ.

6. (Chỉ có anh em vì tình thân nên rất nhớ thương nhau (còn người dưng kẻ lạ thì không).

7. Còn đến những tử thi chồng chất ở ngoài đồi cao trung thấp

8. Thì anh em cũng tìm kiếm lẫn nhau.

Dịch thơ

Việc tử vong tang tóc đáng sợ.

Chỉ anh em mới nhớ thương nhau.

Thấy chồng trung thấp đồi cao,

Kiếm tìm cho được ngày nào anh em!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. *bí uy*, sợ. *bí hoài* (đọc *huỳ* cho hợp vận), nhớ nghĩ. *裏 bầu*, tụ họp lại.

Nói rằng tai họa tử vong là điều ghét sợ của người dung kẻ lụ. Chỉ có anh em vì tình thương xót nhau, cho đến cảnh tử thi chồng chất ở ngoài đồng nội, cũng vì tình anh em nên chẳng sợ mà đến kiếm tìm.

Bài thơ này vì Chu công vừa giết hại hai người em Quán Thúc Tiên và Thái Thúc Độ mà làm ra. Cho nên từ chương này trở về sau đều chuyên nói về việc tử vong, việc tai biến nguy cấp và việc bất hòa anh em chống chọi nhau. Tâm chí của ngài rất thiết tha, tình ý của người rất ai oán, đều là việc xử sự những tai biến giữa anh em cả? Cũng như Mạnh Tử nói: Như người anh mình giương cung toan bắn kẻ khác, thì mình phải rơi nước mắt khóc lóc mà ngăn anh mình vậy. (*Mạnh Tử*, Cáo Tử, chương cú hạ).

Bài tự cho là thơ này vì thương xót Quán Thúc Tiên và Thái Thúc Độ mất đạo nghĩa anh em mà làm ra thì đúng, rồi lại cho là thơ của Văn vương và Vũ vương thì lầm. Đại khái những thời buổi về *Kinh Thi* của thuyết xưa đều không đủ tin, đan cử một việc này đã mâu thuẫn nhau để thấy rõ được một môt. Còn những việc về sau thì không thể biện luận rõ ràng được.

CHƯƠNG III

脊令在原
兄弟急難
每有良朋
況也永嘆

9. Tích linh tại nguyên,
10. Huynh đệ cấp nạn.
11. Mỗi hữu lương bằng,
12. Huống già vĩnh thán.

Dịch nghĩa

9. Chim tích linh đậu ở gò cao.
10. Về hoạn nạn nguy cấp của anh em mình.
11. Tuy mình có bạn tốt.
12. Nhưng bạn tốt của mình chỉ thở dài, chờ không cứu đỡ gì được.

Dịch thơ

*Trên gò cao tích linh đậu lại,
Anh em đang gặp phải gian nguy.
Bạn bè tốt có thiếu gì.
Thở dài thôi đấy, cứu thì chờ mong.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng 脊令 *tích linh*, chim ung cừ, loài chim nước.況 *huống*, tiếng đệm ở đầu câu, cũng có người cho chữ 惋 *huống* là đáng thất ý. Chim tích linh bay thì kêu, đi thì nhấp nhấp, ý như có việc tai nạn gì nguy cấp, cho nên lấy đó khởi hứng mà nói rằng: Đương lúc hoạn nạn nguy cấp ấy, đâu có bạn tốt, bất quá bạn tốt cũng chỉ thở dài mà thôi, hoặc giả vì không đủ sức để cứu đỡ.

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: Sơ với người thân mà lại thân với người sơ, ấy là mất cái bản tâm.

Cho nên bài thơ này lặp đi lặp lại nói rằng bằng hữu không như anh em là để bày rõ sự phân biệt người thân với người sơ, để khiến mình noi trở lại theo lẽ căn bản. Bản tâm của mình một khi đã giữ được thì từ người thân trước rồi đến người sơ sau, rõ ràng có trật tự. Tình thân giữa anh em một

khi đã nồng hậu, thì nghĩa với bạn bè cũng đầy dặn. Mới đâu
chẳng phải mình bạc với bạn bè đâu. Nếu mình lẩn lộn và
không noi theo trật tự thân sơ, thì tuy là nói mình đôn hậu
với bạn bè, nhưng thế không bền lâu đâu, cũng như dòng
nước không có nguồn, sớm thì đầy, tối thì cạn, làm sao giữ
gìn lâu dài được thay?

Hoặc có người nói rằng: Người ta đang lúc bị tai nạn,
bạn bè lại có thể ngồi yên mà ngó hay sao? Đáp: Xét hai câu
thơ trên: *Mỗi hữu lương bằng*, *Huống dã vĩnh thân* (Đâu có
bạn tốt, bạn tốt cũng chỉ thở dài.) như thế chẳng phải là
không lo thương cho nhau, nhưng mà việc nguy cấp hoạn
nạn của anh em đối với bạn bè thì có khác bắc.

Nói về phần từ của nhà thơ, có lúc nén xuống có lúc
trưởng lên. Nhưng thiên *Thường đệ* này là của Chu công làm
ra. Lời của bậc thánh nhân nhỏ to cao thấp đều thích hợp,
mà trước sau tả hữu không trái ngược nhau.

CHƯƠNG IV

兄弟鬪于牆
外御其務
每有良朋
烝也無戎

- 13. **Huynh đệ hích vu tường,**
- 14. **Ngoại ngự kỳ vụ.**
- 15. **Mỗi hữu lương bằng,**
- 16. **Chưng dã vô nhung.**

Dịch nghĩa

13. Anh em có việc chống chọi nhau ở phía trong tường
(trong nhà).

14. Cũng phải đồng lòng ngăn chặn khinh dể nhục nhã
từ ngoài đưa đến.

15. Tuy có bạn tốt.
16. Bạn tốt ấy cũng không giúp đỡ nhau được.

Dịch thơ

*Tuy trong tường anh em chống đối,
Ngăn nhục ngoài đã với hợp nhau.
Bạn bè tốt có thiếu đâu,
Nhưng mà giúp đỡ thế nào cũng không.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 間 hích, chống chơi tranh nhau. 隔 ngự, cấm ngăn. 無 chung, tiếng đệm ở đầu câu. 戲 nhung (đọc nhủ cho hợp vận), giúp đỡ.

Nói rằng anh em chẳng may có việc chống chơi nhau ở trong nhà, nhưng nếu có việc khinh dể nhục nhã từ ngoài đưa đến phải đồng lòng với nhau mà ngăn chặn lại.

Tuy mình có bạn tốt, bạn tốt ấy há lại có thể giúp nhau như thế chăng? Phú Thần nói rằng: Anh em tuy có việc giận nhau nhỏ mọn, cũng không bỏ tình chí thân.

CHƯƠNG V

喪亂既平
既安且寧
雖有兄弟
不如友生

17. Tang loạn ký bình,
18. Ký an thả ninh.
19. Tuy hữu huynh đệ.
20. Bất như hữu sinh.

Dịch nghĩa

17. Việc tang tóc biến loạn đã dứt.
18. Đã yên ổn vô sự rồi.
19. Tuy có anh em.
20. Lại xem, không bằng bạn bè.

Dịch thơ

*Cơn biến loạn tóc tang dứt hẳn,
Đời yên vui bình thản lại rồi.
Anh em tuy có lăm người,
Không bằng bạn hữu, thật lời kém suy.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Chương trên nói trong lúc hoan nạn, anh em cứu đỡ nhau, còn bạn bè không được như thế. Chương này bèn nói lúc sau khi đã được bình yên rồi thì lại coi anh em không như bằng hữu. Thật là nghịch lý.

CHƯƠNG VI

賓爾籩豆
飲酒之飲
兄弟既具
和樂且孺

21. Tấn nhị biến đậu,
22. Ấm tửu chí ứ.
23. Huynh đệ ký cự,
24. Hoà lạc thả nhu.

Dịch nghĩa

21. Bày những đĩa đồ ăn ra,
22. Để uống rượu cho no say.
23. Mà anh em đều đầy đủ.
24. Cùng vui hoà và quyến luyến nhau.

Dịch thơ

Bày những đĩa đồ ăn mọi thức.,

Cùng uống ăn đến thật no say.

Anh em chẳng thiếu một ai,

Thuận hòa quyến luyến vui thay nghĩa tình!

Chú giải của Dịch giả

Chương này thuộc phú. *賓 tān*, tràn bày ra. { ú, ăn no. 具 cù, cùng nhau. *孺 nhu*, con trẻ quyến luyến cha mẹ.

Nói rằng tràn bày những đĩa đồ ăn ra để cùng nhau uống no say mà anh em có người thiếu sót không đầy đủ thì cùng ai để ăn uống vui chơi vậy?

CHƯƠNG VII

妻子好合

25. Thέ tử hảo hợp,

如鼓瑟琴

26. Như cổ sắt cầm.

兄弟既翕

27. Huynh đệ ký hấp,

和樂且湛

28. Hòa lạc thả đam.

Dịch nghĩa

25. Vợ con hoà hợp với nhau.
26. Như gảy đàn cầm đàn sắt.
27. Anh em hòa hợp rồi.
28. Thì hoà vui sâu xa lâu dài.

Dịch thơ

*Vợ con mà yên vui xum hiệp,
Như sắt cầm hoà nhịp gảy vang.
Anh em hoà hợp kính nhường
Cuộc vui hoà ấy lại càng bền lâu.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 翳 háp, hoà hợp.

Nói rằng vợ con hoà hợp như đàn sắt đàn cầm hoà điệu. Còn anh em mà có điều không hoà hợp thì không lấy gì làm cho cuộc vui hoà ấy được lâu dài.

CHƯƠNG VIII

宜爾室家
樂爾妻帑
是究是圖
直其然乎

29. Nghi nhī thất gia,
30. Lạc nhī thê nô.
31. Thị cứu thị đồ.
32. Đán kỳ nhiên hô?

Dịch nghĩa

29. Ôn đáng gia đình của mày.
30. Làm vui hoà vợ con của mầy.
31. Hãy cứu xét và suy tính lẽ ấy.
32. Rồi tin là đúng như vậy chăng?

Dịch thơ

Hãy yên định cửa nhà anh vậy.

Khiến vợ con cả thảy vui hoà.

Xét suy lẽ ấy sâu xa.

Để tin chắc chắn có là đúng không?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 篇 nô, con. 究 cứu, cứu xét cùng tận. 究 dồ, mưu tính. 究 đán, tin.

Ôn đáng gia đình của người, anh em đều đầy đủ, rồi sau mới vui vẻ và quyến luyến nhau.

Làm hòa vợ con của người, hoà hợp anh em rồi sau mới vui vẻ và bền lâu. Anh em đối với người quan trọng như thế. Hãy thử lấy đó mà xét cứu và suy tính, há lại không tin đúng như thế hay sao?

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: Lấy việc anh em phải thân mến nhau mà bảo người ta, thì chưa có ai không cho đó là phải. Nếu chẳng cứu xét và suy tính như thế để thực tình noi theo lẽ ấy, thì cũng chưa có ai đã thành thật hiểu biết đó là phải. Không thành thật hiểu biết đó là phải thì việc hiểu biết

Ấy chỉ có tiếng hiểu biết mà thôi. Phàm người đọc thì không ai lại không như thế.

Thiên Thường đệ có 8 chương, mỗi chương 4 câu.

Bài thơ này chương đầu nói sơ lược cái ý tình chí thân không gì bằng anh em.

Chương II lại lấy việc xây đến một cách bất ngờ mà nói (việc tử vong tang tóc) để tỏ rõ mối tình giữa anh em đã thiết tha như thế.

Chương III chỉ nói việc hoạn nạn nguy cấp, thì nhẹ hơn việc tử vong tang tóc.

Đến chương IV lại lấy tình nghĩa anh em tuy rất mông manh (đã gây gỗ chống chơi nhau) mà còn có chỗ chằng nỡ (cùng hợp lực đồng tâm chặn ngăn việc xâm phạm khinh dể đến từ bên ngoài) mà nói.

Bài tự như nói rằng: Không đợi đến việc tử vong tang tóc, rồi sau anh em mới cứu đỡ nhau. Chỉ có việc hoạn nạn nguy cấp thì đã phải giúp đỡ nhau rồi.

Và nói ví không may anh em mà đến nỗi hoặc có điều hờn giận nhỏ nhen, mà còn phải hợp sức để chống ngăn việc khinh nhục từ bên ngoài. Việc mà sở dĩ đã nói ra tuy như càng nhẹ nhàng vẫn tắt, nhưng mà để tỏ rõ cái nghĩa giữa anh em càng sâu sắc thiết tha.

Đến chương V bèn nói đến lúc sau khi đã được yên ổn, lại cho rằng anh em không như bạn bè, thì người chí thân ấy (anh em) trái lại thành kẻ qua đường người đứng nước lũ. Nhân đạo cơ hồ như dứt hết rồi.

Cho nên hai chương sau, VI và VII lại hết sức nói lên mối ân nghĩa giữa anh em, và cái ý của anh em, khác hình dạng mà đồng khí chất, chết sống, khổ vui không lúc nào là không cần đến nhau.

Chương cuối nhắc lại việc áy, khiến mình trở qua trở lại mà nghiệm xét tới cùng mà tin đúng như thế. Có thể nói là khúc chiết cẩn kẽ lần lần theo thứ tự mà nói cho cạn tình đời.

Người đọc ngâm nghĩ sâu xa những ý vị áy.

BÀI THỨ 165

CHƯƠNG I

伐木
伐木丁丁
鳥鳴嚶嚶
出自幽谷
遷于喬木
嚶其鳴矣
求其友聲
相彼鳥矣
猶求友聲
矧伊人矣
不求友生
神之聽之
終和且平

Phật mộc (Lộc minh 5)

- 1. Phật mộc tranh tranh,**
- 2. Điều minh oanh oanh,**
- 3. Xuất tự u cốc,**
- 4. Thiên vu kiều mộc,**
- 5. Oanh kỳ minh hī.**
- 6. Cầu kỳ hữu thanh.**
- 7. Tướng bỉ điều hī.**
- 8. Do cầu hữu thanh.**
- 9. Thần y nhân hī,**
- 10. Bất cầu hữu sinh.**
- 11. Thần chi thính chi,**
- 12. Chung hoà thả bình.**

Dịch nghĩa

1. Tiếng đồn cây nghe tranh tranh.
2. Tiếng chim kêu nghe oanh oanh.
3. Bay ra từ hang sâu.
4. Rồi bay lên trên cây cao.
5. Kêu lên những tiếng oanh oanh.
6. Đó là tiếng kêu tìm bạn.
7. Xem con chim kia.
8. Còn có tiếng kêu tìm bạn.
9. Huống chi là người ta.
10. Lại không tìm bạn.
11. (Giao hảo đôn hậu với bạn bè) thì được thần linh nghe cho.
12. Rồi sau cùng được vui hòa và bình yên.

Dịch thơ

Đồn cây nghe tiếng tranh tranh.

Chim thì cất giọng oanh oanh gọi bầy.

Chốn hang sâu vừa bay ra khỏi,

Thẳng lên cây voi vót cao,

Oanh oanh cất tiếng thanh tao.

Kêu lên tìm bạn hợp nhau vui hòa.

Xem chim kia thiết tha như thế,

Còn biết kêu lên để tìm nhau.

*Huống người chẳng thể hay sao?
Lại không tìm bạn để trao ân tình.
Bạn thâm giao thần linh sẽ chứng,
Và sau cùng được hưởng vui hòa.*

—

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 丁巳 tranh tranh, tiếng đốn cây. 哟 哟 oanh oanh, tiếng chim kêu hoà dịu. 幽幽, sâu 遙 thiêng, thăng lên. 高 kiều, cao. 目 tương, xem. 眼 thần, hưởng chi, phương chi.

Đây là bài ca nhạc yến ẩm cùng bạn cũ. Cho nên lấy tiếng đốn cây nghe tranh tranh và tiếng chim kêu oanh oanh mà nói chim tìm bạn. Và lấy việc chim tìm bạn ví với người không thể nào không có bạn được. Người mà đôn hậu được môi giao hảo giữa bạn bè thì được thần linh nghe cho, rồi rốt cùng được vui hoà và yên bình.

CHƯƠNG II

伐木許許

13. Phạt mộc hổ hổ.

釀酒有蕡

14. Sư tử hữu tự.

既有肥羶

15. Ký hữu phì trữ,

以速諸父

16. Dī tốc chư phủ.

寧適不來

17. Ninh thích bất lai.

微我弗顧

18. Vì ngã phát cố.

於粲灑埽

19. Ô xan sai tảo!

陳體八簋	20. Trần quỳ bát cửu.
既有肥牡	21. Ký hữu phì mâu.
以速諸舅	22. Dī tóc chư cữu.
寧適不來	23. Ninh thích bất lai.
微我有咎	24. Vì ngã hữu cữu.

Dịch nghĩa

13. Có tiếng nhiều người chung sức lại đốn cây.
14. Lược rượu cho dẹp ngon.
15. Đã có con dê tơ mập béo.
16. Để mời các bậc tôn quý bạn bè đồng họ.
17. Thà bạn mình bận việc mà không đến.
18. Chớ không phải mình không đoái tưởng đến bạn mình đâu.
19. Ôi! Hãy rưới nước quét dọn cho sạch sẽ sáng sủa.
20. Để bày tám cái thổ tròn đựng đồ ăn lên.
21. Đã có con dê đực mập béo.
22. Để mời các bậc tôn quý bạn bè khác họ.
23. Thà bạn mình bận việc mà không đến.
24. Chớ không phải mình có lỗi (mà bạn bận không đến).

Dịch thơ

Đốn cây chung sức ôn ào.

Lại còn lược rượu dồi dào ngọt ngon.

*Đây mập béo dê non đã có.
Để dài người đồng họ bạn ta.
Thà rằng bạn việc chẳng qua.
Nào mình chẳng đoái lợ là bỏ rơi.
Hãy rưới nước quét chùi trơn bóng.
Tâm thố kia mau chóng đem bày.
Mập ngon dê đực có đây.
Bạn bè khác họ xum vầy mời sang.
Thà chẳng đến vì đang bạn việc.
Chớ đâu nào lôi thiệt nỡ ta.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 許許 hổ hổ, tiếng nhiều người chung súc lại. Hoài nam tử nói: Khi người ta khiêng cất cây to thì hé tốn lên, vì đó là lời khuyên nhau gắng sức để cất vật nặng. 酣酒 sủ tửu, lấy cái rổ hay những cỏ tranh mà lược rượu gạn bỏ phần hèm ra. Kinh Lễ nói: Sức chước dụng mao (Lấy cỏ tranh lược rượu) là đấy. 與 tự, dáng đẹp. 犹 trũ, dê con, chưa thành dê lớn. 速 tốc, mời đến. 諸父 chư phủ, bạn bè một họ được tôn quý. 微 vi, không. 顧 cõi đoái tưởng đến. 矜 ô, tiếng than. 桀 xá, dáng tươi sáng. 八簋 bát cửu, tám cái thố tròn bằng đất hầm, ý nói vật dụng đựng đồ ăn rất nhiều. 諸舅 chư cữu, những bạn bè khác họ mà tôn quý. Nói những bạn bè đồng họ (chư phủ) trước, rồi nói những bạn bè khác họ (chư cữu) sau, là ý thân sơ khác biệt nhau. 答 cữu, lối.

Nói rằng: Đây đủ rượu thức ăn làm vui cho các bạn bè như thế, thà là bạn bè của mình vì bạn duyên cớ gì mà chẳng đến dự cuộc ăn uống, hơn là tình ý nồng hậu của mình không thấu đến bạn bè. Khổng Tử nói rằng: *Sở cầu hồ bằng hữu, tiên thi chi, nặng dã.* (Những gì ta cần làm cho bạn bè mà ta phải thi hành trước, thì ta vẫn thiếu sót, chưa làm được. *Trung dung*).

Đây có thể nói là mình đã thi ân nghĩa cho bạn bè mình trước.

CHƯƠNG III

伐木于阪
釀酒有衍
籩豆有踐
兄弟無遠
民之失德
乾餗以愆
有酒湑我
無酒酤我
坎坎鼓我
躃躃舞我
迨我暇矣
飲此湑矣

25. Phạt mộc vu phản.
26. Sư tửu hữu diến.
27. Biên đậu hữu tiễn.
28. Huynh đệ vô viễn.
29. Dân chi thất đức.
30. Can hâu dī khiển.
31. Hữu tửu tử ngā.
32. Vô tửu cỗ ngā,
33. Khảm khảm cỗ ngā,
34. Tồn tồn vú ngā,
35. Đãi ngā hạ hī,
36. Ấm thử tử hī.

Dịch nghĩa

25. Đốn cây ở bên sườn núi.
26. Lược rượu cho nhiều.
27. Những đĩa đồ ăn được bày liệt ra.
28. Anh em đều có mặt ở đây cả.
29. Dân chúng mà thắt hoà với nhau.
30. Chỉ vì cái lỗi nhỏ nhen, cơm khô không chia cho nhau ăn mà thôi.
31. Có rượu thì lược cho ta uống.
32. Không có rượu thì mua cho ta dùng.
33. Đánh trống thùng thùng cho ta nghe.
34. Nhảy múa lảng xảng cho ta xem.
35. Kịp khi ta rảnh rang.
36. Thì uống thứ rượu đã lược rồi ấy để cùng vui với. (Ý nói đôi với bạn bè ta không đòi hỏi dê nhỏ dê to thứ này thứ khác chỉ cả. Khi ta rảnh rang, bạn bè của ta chỉ đánh trống nhảy múa và cho ta uống rượu cùng vui với nhau là đủ rồi.)

Dịch thơ

Ở bên sườn núi đốn cây.

Lai lo lược rượu nhiều đầy cùng nhau.

Những đĩa đã ngọt ngào đơm đat.

Anh em đều đủ mặt uống ăn.

Dân mà gầy gỗ lấm lân.

Cơm khô chẳng chịu chia phần cho nhau.

Có rượu thi lược mau ta nhấp.

Không rượu thi hãy gấp mua dùng.

Trống kia cứ đánh thùng thùng.

Lặng xanh nhảy múa ta cùng ngắm trông.

Kịp khi ta ở không nhàn rỗi.

Cùng uống chơi rượu mới lược này.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 行 diển, nhiều 跖 tiên, dáng trắn liệt ra. 兄弟 huynh đệ, anh em cũng đồng một lúa, một bạn với bạn bè. 無遠 vô viễn, đều cùng có ở đây. Trước nói các bực tôn quý bạn bè khác họ, rồi sau mới đến anh em, đó là thứ bực cao thấp vậy. 乾餱 can hầu, cơm khô, thức ăn tồi. 憾 khiển, tội lỗi. 滑 tử cũng là 酒 sư, lượi rượu bỏ hèm ra. 酷 cổ, mua. 坎坎 khâm khâm, tiếng đánh trống. 蹤蹠 tôn tôn, dáng nhảy múa. 竝ださい, kịp.

Nói người ta sở dĩ đến nỗi phải mất tình nghĩa bạn bè, chẳng phải hẳn là vì có duyên cớ to tát đâu. Hoặc chỉ là vì có cơm khô, món ăn tồi không chia cho nhau cùng ăn đáy thôi, mà đến nỗi phải có lỗi với bạn. Cho nên ta đối với bạn bè, không kể là có hay không, hễ gặp lúc rảnh rang thì uống rượu để vui với nhau như vậy.

Thiên Phạt mộc có 3 chương, mỗi chương 12 câu.

Họ Lưu nói rằng: Bài thơ này ở đầu mỗi chương đều có nói *phạt mộc*, đã nói ba lần *phạt mộc* tất cả, cho biết đó là 3 chương. Xưa bài thơ này có 6 chương, đáy là sai vậy. Nay theo thuyết trên mà sửa cho đúng lại.

BÀI THÚ 166

CHƯƠNG I

天保	Thiên bảo. (Lộc minh 6)
天保定爾	1. Thiên bảo định nhī.
亦孔之固	2. Diệc khổng chi cố.
俾爾單厚	3. Tý nhī đan hậu.
何福不除	4. Hà phúc bất trừ (trừ).
俾爾多益	5. Tý nhī đa phúc,
以莫不庶	6. Dī mạc bất thứ.

Dịch nghĩa

1. Trời đã yên định cho ngài.
2. Ngài cũng rất là vững vàng.
3. Khiến ngài hết lòng đôn hậu.
4. Thì có cái phúc nào lại chẳng hết đi thì sinh ra cái mới. (Ý nói nhà vua hưởng nhiều phúc, phúc này hưởng xong, thì có cái phúc khác hưởng nữa.)
5. Khiến ngài được nhiều điều lợi ích.
6. Cho nên những gì ngài có, thì không có món nào là không nhiều.

Dịch thơ

Cho ngài, Trời đã định yên.

Khiến cho cơ nghiệp trở nên vững vàng.

Và cho ngài lại càng đôn hậu.

Phúc lành nào chẳng đảo lại ngay?

Khiến cho hưởng lợi đủ đầy.

Những gì sở hữu nhiều thay là nhiều.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 保 bǎo, 安 nhī, ngài, chỉ vua. 固 cố, kiên cố. 單 đan, hết. 除 trừ (đọc trú cho hợp vận), trừ đi cái cũ, thì sinh ra cái mới. 庶 thứ, đông nhiều.

Năm bài thơ từ thiên *Lộc minh* trở về sau là nhà vua thiết yến tiệc đãi bệ tôi. Bề tôi nhận những ân huệ ấy thì ca bài thơ này để đáp lại. Nói rằng Trời đã yên định vua ta, khiến vua được phúc như thế.

CHƯƠNG II

天保定爾

7. Thiên bảo định nhī.

俾爾戬穀

8. Tý nhī tiến cốc.

罄無不宜

9. Khánh vô bất nghi.

受天百祿

10. Thụ thiên bách lộc.

降爾遐福

11. Giáng nhī hà phúc.

維日不足

12. Duy nhật bất túc.

Dịch nghĩa

7. Trời đã yên định cho ngài

8. Khiến ngài được chọn lành.
9. Hết cả những việc ngài làm, không có việc gì là không thích nghi ổn đáng.
10. Ngài nhận hàng trăm phúc lộc của Trời.
11. Trời lại ban xuống cho ngài những phúc đức lâu dài xa xôi nữa.
12. Chỉ có ngày tháng quá ngắn ngủi không đủ để cho ngài hưởng trọn phúc lộc mà thôi.

Dịch thơ

Trời đã yên định ngài rồi.

Khiến cho ngài được xong xuôi trọn lành.

Việc ngài làm hoàn thành ổn đáng.

Trăm lộc trời ngài đãng hưởng qua.

Trời ban ngài lắm phúc xa.

Tháng ngày chẳng đủ để mà hưởng thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Họ Văn nhân nói rằng: 戰 tiễn và 剪 tiễn đồng nhau, nghĩa là hết, tận. 穀 cốc, thiện, hay, lành. 戰 穀 tiễn cốc, nói hết mực lành hay, trọn lành, cũng như nói 單厚 đan hậu (hết mực đôn hậu) và 多益 đa ích (nhiều điều lợi ích) ở chương trên. 遊 há, xa.

Ngài đã thụ hưởng lộc của Trời, rồi Trời lại ban xuống cho ngài phúc nữa. Nói giữa trời và người có sự tương quan với nhau. Kinh Thư nói: Chiêu thu Thương đế, thiên kỳ thân mệnh, dung huu. (Ngài rõ là nhận mệnh lệnh của Trời để

chẩn dân, Trời lại ban mệnh lệnh cho ngài nữa, để ngài làm những điều tốt đẹp. *Ngu thư*, chương Ích Tắc). Ý của lời này cũng đúng như thế.

CHƯƠNG III

天保定爾	13. Thiên bảo định nhĩ.
以莫不興	14. Dĩ mạc bất hưng.
如山如阜	15. Nhu sơn nhu phu.
如岡如陵	16. Nhu cương nhu lăng.
如川之方至	17. Nhu xuyên chí phương chí.
以莫不增	18. Dĩ mạc bất tăng.

Dịch nghĩa

13. Trời đã yên định cho ngài.
14. Cho nên không có gì là không hưng khởi thịnh vượng.
15. Phúc đức của ngài như núi như gò.
16. Như đồi như nồng.
17. Như nước sông cuồn cuộn chảy đến.
18. Cho nên không có gì là không tăng gia dồi dào thêm.

Dịch thơ

*Cho ngài, Trời đã định qua
Để cho mọi việc thành ra thịnh giàu.*

Nhu núi gò, phúc cao vời vợi.

Lại còn so sánh với nồng đồi.

Nhu sông cuồn cuộn chảy xuôi

Việc gì nhiều cũng tăng bồi thêm lên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 興 *hung*, thịnh, nhiều. Chỗ cao mà bằng gọi 陸 *lục*, chỗ đại lục gọi 阜 *phụ*, chỗ đại phụ gọi 陵 *lăng*. Lục, phụ, lăng đều là ý nói cao lớn. 川之方至 *xuyên chi phuong chí*, sông vừa cuộn chảy đến, nói sức lớn và nhiều vô lượng, chưa có thể lường biết được.

CHƯƠNG IV

吉蠲爲館

19. Cát quyên vi xí.

是用孝享

20. Thị dụng hiếu hưởng.

祿 祠烝嘗

21. Được từ chưng thường.

于公先王

22. Vu công tiên vương.

君曰卜爾

23. Quân viết: Bốc nhĩ

萬壽無疆

24. Vạn thọ vô cương.

Dịch nghĩa

19. Lựa ngày cùng chọn nơi tốt cùng trai giới sạch sẽ để làm rượu thịt.

20. Mà dùng vào việc cúng tế.

21. Mùa hạ tế được, mùa thu tế từ, mùa đông tế chung,
mùa thu tế thường.

22. Dâng tế các vị công vị vương đời trước.

23. Các vị tổ tiên ấy nói rằng: Mong cho người

24. Tuổi thọ muôn năm sống không giới hạn.

Dịch thơ

Chọn ngày trai giới làm đỗ.

Dùng vào lễ cúng mà lo đủ đầy.

Cùng bốn mùa dâng bày mọi lễ.

Các vương công được tế nghiêm trang.

Tổ tiên lại ước mong rằng:

Muôn năm tuổi thọ người hằng sống lâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 吉 cát, nói hỏi thăm ngày tốt
chọn ngày tốt và chọn đất tốt. 篱 quyên, nói trai giới tẩm gội
sạch sẽ. 餽 xi, rượu và đồ ăn. 享 hương (đọc hương cho hợp
vận), dâng cúng lên. Lễ tế ở tông miếu vào mùa xuân gọi
祠 từ, vào mùa hạ gọi 福 được, vào mùa thu gọi 育 thường, vào
mùa đông gọi 燕 chung. 公 công, những công hầu đời trước,
như những vị từ Hậu Tắc trở về sau đến Công Thúc
Tổ. 先王 tiên vương, những bậc vương đời trước từ Thái
vương trở về sau. 君 quân, tiếng gọi các bậc công bậc vương
đời trước. 卜 bốc, ước mong.

Đây là lời của các xác đồng truyền lại cái ý của thần
chúc phúc cho chủ nhân.

Thời Văn vương, nhà Chu chưa có vị nào được gọi là tiên vương, thì bài thơ này át đã làm sau thời Vũ vương.

CHƯƠNG V

神之弔矣

25. Thần chi đích hĩ.

詒爾多幅

26. Di nhĩ đa phúc.

民之質矣

27. Dân chi chất hĩ.

日用飲食

28. Nhật dụng ẩm thực. 29.

群黎百姓

Quần lê bách tính.

徧爲爾德

30. Biến vi nhĩ đức.

Dịch nghĩa

25. Tổ tiên thần linh về đến.

26. Di truyền cho ngài nhiều việc phúc.

27. Người dân chất phát.

28. Suốt ngày chỉ lo việc ăn uống vui chơi.

29. Trăm họ dân đen.

30. Cả thảy đều làm việc nhân đức như ngài vậy.

Dịch thơ

Tổ tiên thần thánh về đây.

Truyền cho lầm phúc để ngài sống yên.

Đây người dân dịu hiền chân chất.

Chỉ suốt ngày ẩm thực vui chơi.

Dân đen trǎm họ khắp nơi.

Tập tành nhân đức như ngài nêu gương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 神之至矣 *thần chi chí hĩ*, như là nói tổ tiên về đến. 言 di, di truyền. 言 chát, thật. nói chân thật không hư ngoa, suốt ngày chỉ lo ăn uống mà thôi. 群 quần, đám, bọn. 黎 lê, đen, như nhà Tần nói 黑, 尚 kiêm thủ, đầu đen, dân chúng có đầu tóc đen. 百姓 bách tính, trǎm họ bình dân. 爲爾德 vi nhī đức, bắt chước theo việc nhân đức của ngài, cũng như làm việc nhân đức mà giúp ngài.

CHƯƠNG VI

如月之恆	31. Như nguyệt chi hằng.
如日之升	32. Như nhật chi thăng.
如南山之壽	33. Như nam sơn chi thọ
不騫不崩	34. Bất khiên bất băng.
如松柏之茂	35. Như tùng bách chi mậu.
無不爾或承	36. Vô bất nhī hoặc thằng.

Dịch nghĩa

31. Cơ nghiệp của ngài cứ thịnh vượng dồi dào như mặt trăng non lắn lắn đầy.
32. Như mặt trời mới mọc cứ thăng lên cao.
33. Như núi nam trường thọ lâu dài.
34. Không khuyết không lõ.

35. Như sự xanh tốt của cây tùng cây bách (hết lá cũ sắp rụng lá thì mới mọc ra, cứ nối tiếp nhau mãi).

36. Dòng dõi ngài cứ nối tiếp mãi.

Dịch thơ

Như trăng non cứ thêm đầy.

Mặt trời trong buổi sáng ngày lên cao.

Như núi nam dài lâu tuổi thọ.

Lại không bằng không lỡ rời rời.

Như tùng như bách xanh tươi.

Giống dòng như cứ đời đời truyền xa.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 恒 hằng, mặt trăng non lân lân trở nên đầy tròn. 升 thăng, mọc lên. Mặt trăng non lân lân đầy tròn, mặt trời mới mọc lên cứ lân lân sáng tỏ. 鼎 khiên, khuyết. 承 thăng, kế nối. Nói lá cũ của cây tùng cây bách giàn rụng, thì lá mới cứ xanh non cứ nối nhau mà xanh tốt lâu dài.

Thiên Thiên bảo có 6 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THÚ 167

CHƯƠNG I

采薇

Thái vi (Lộc minh 7)

采薇采薇	1. Thái vi, thái vi.
薇亦作止	2. Vi diệc tác chỉ.
曰歸曰歸	3. Viết quy, viết quy.
歲亦莫止	4. Tuế diệc mộ chỉ.
靡室靡家	5. Mỹ thất mỹ gia
玁狁之故	6. Nghiêm doãn chi cố
不遑啟居	7. Bất hoàng khai cư.
玁狁之故	8. Nghiêm doãn chi cố.

Dịch nghĩa

1. Hái rau vi, hái rau vi.
2. Rau vi cũng đã mọc lên rồi.
3. Nói trở về nói trở về.
4. Thì năm đã muộn sắp dứt.
5. Không nhà không cửa.
6. Vì cớ quân rợ địch (hay sang xâm lăng).
7. Không được rảnh rang để đứng ngồi thong thả trong gia đình.
8. Vì cớ quân rợ địch (hay sang xâm lăng).

Dịch thơ

Hái rau vi, hái rau vi.

Rau đã thấy mọc xanh rì mọi nơi.

Trở về, ta hãy về i hôi.

Nam tân sáp sửa đến nơi kia mà.

Tâm thân không cửa không nhà.

Bởi quân rợ Địch tràn qua bất kỳ.

Đứng ngồi nào rảnh rang chi.

Bởi quân rợ Địch liên thì xâm lăng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 微 vi, tên một thứ rau. 蕃 tác (đọc tố cho hợp vận), từ dưới đất mọc ra. 幕 mó, muộn, trễ. 罷 mỵ, không. 獄狁 Nghiêm doãn, rợ Địch phương bắc. 遙 hoảng, rảnh rang. 啓 khái, quỳ đầu gối để đứng lên (giống như 啓處 khái xử ở chương II thiên Tứ mâu).

Đây là bài thơ sai khiến việc đóng quân giữ biên giới. Nhân lúc ra trấn giữ biên giới, quân lính đi hái rau vi để ăn mà nhớ ngày trở về quá xa xăm. Cho nên mới kể lại nỗi tình, lấy việc hái rau vi mà khởi hứng. Nói rằng: Hái rau vi, hái rau vi, thì rau vi đã mọc lên. Nói đi về, đi về, thì năm đã cũng đã sắp hết rồi. Nhưng mà sở dĩ đã khiến ta bỏ gia đình và không còn rảnh rang để đứng ngồi nữa ấy lại chẳng phải do người trên có ý muốn làm ra thế để cho ta phải khổ sở. Nói thẳng ra chỉ vì cớ quân rợ Địch phương bắc (Hung nô) hay đến xâm lăng. Đó là việc bất đắc dĩ dành phải như thế. Ấy là kể lại nỗi tình cần khổ bi thương rồi lại đem nghĩa ra để cảm hoá.

Trình Tử nói rằng: Làm cho nhân dân khổ hận mà không do người trên cố ý gây ra, thì nhân dân ôm lòng thù ghét quân địch.

Lại nói rằng: Đời xưa trấn giữ biên giới dù hai năm thì được trở về. Hết cuối xuân năm nay đi, đến mùa hạ năm sau

thì người đến thay thế đã tới, nhưng còn phải ở lại để phòng bị mùa thu, rồi đến qua tháng II mới được trở về. Lại năm sau tháng trọng xuân (tháng 2) đến, và vào tháng cuối xuân thì toàn lính thú kể theo được sai đến, mỗi đầu mùa thu mùa đông, hai phiên lính thú lại có mặt ở biên giới, như việc phòng thủ ngày nay vậy.

CHƯƠNG II

采薇采薇

9. Thái vi, thái vi.

薇亦柔止

10. Vi diệc nhu chỉ.

曰歸曰歸

11. Viết quy, viết quy.

心亦憂止

12. Tâm diệc ưu chỉ.

憂心烈烈

13. Ưu tâm liệt liệt.

載饑載渴

14. Tái cơ tái khát.

我戍未定

15. Ngã thú vị định.

靡使歸聘

16. Mỵ sứ quy sinh.

Dịch nghĩa

9. Hái rau vi, hái rau vi.

10. Thị rau vi vừa lên còn non mềm.

11. Nói trở về, nói trở về.

12. Thị lòng ta ưu sầu.

13. Lòng ta buồn rười rượi.

14. Khi đói, khi khát.

15. Việc trấn giữ biên giới của ta chưa xong.

16. Cho nên không có ai để khiến về nhà hỏi thăm có được bình yên không.

Dịch thơ

Hái rau vi, hái rau vi.

Rau đà thây mọc đường kỳ non tươi.

Trở về ta hãy về thôi.

Lòng ta luống nhũng bồi hồi buồn đau.

Tác lòng rười rượi ưu sầu.

Khi thì đôi khát dãi dầu long dong.

Biên thuỳ ta giữ chưa xong.

Chẳng ai về được mà mong thăm nhà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 柔 *nhu*, non mềm khi mới mọc lên. 烈烈 *liệt liệt*, dáng ưu sầu. 載 *tái*, thì. 定 *định*, dứt hết. 聘 *sinh*, hỏi.

Nói rằng người lính thú nhỏ đến ngày về của mình xa xôi mà phải rất đỗi buồn rầu khổ nhọc. Nhưng mà việc trấn giữ biên giới chưa dứt, thì không có ai để khiến trở về hỏi thăm gia đình có yên ổn hay không.

CHƯƠNG III

采薇采薇

17. Thái vi, thái vi.

薇亦剛止

18. Vi diệc cương chỉ.

曰歸曰歸	19. Viết quy, viết quy.
歲亦陽止	20. Tuế diệc dương chi.
王事靡鹽	21. Vương sự mỹ cỗ.
不遑啓處	22. Bất hoàng khải xứ.
憂心孔疚	23. Ưu tâm khổng cứu.
我行不來	24. Ngā hành bất lai.

Dịch nghĩa

17. Hái rau vi, hái rau vi.
18. Thị rau vi đã già cứng rồi.
19. Nói trở về, nói trở về.
20. Thị năm đã tới tháng mười rồi.
21. Việc của vua không thể nào không lo chắc chắn cẩn thận được.
22. Cho nên không rảnh rang mà đứng ngồi thong thả.
23. Lòng buồn rầu, ta rất bình hoạn.
24. Ta đi không về đến nhà được nữa.

Dịch thơ

Hái rau vi, hái rau vi.

Ngọn rau lên cứng vừa khi già rồi.

Trở về ta hãy về thôi.

Thị năm đã thấy tháng mười kề sang.

Việc vua lo phải vững vàng.

Cho nên ta chẳng rảnh rang đứng ngồi.

Buồn rầu bình hoan ngâm ngùi.

Ta về, đi chẳng tận nơi đến nhà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 剛 *cương*, già *cứng*. 陽 *dương*, tháng 10, đó là tháng dùng toàn hào âm (thuộc quẻ khôn), ghét nó không có một hào dương nào cả. cho nên mới gọi ngược ra là tháng dương. 𠂔 *khổng*, rất. 疾 *cứu* (đọc cúc cho hợp vận), đau, bệnh. 來 *lai*, về.

Đây nhận thấy quân sĩ đã kiệt sức gần chết, không còn lòng muốn trở về nữa.

CHƯƠNG IV

彼爾維何

25. Bỉ nhī duy hà?

維常之華

26. Duy thường chi hoà.

彼路斯何

27. Bỉ lộ tư hà?

君子之車

28. Quân tử chí xa.

戎車既駕

29. Nhung xa ký giá.

四牡業業

30. Tứ mâu nghiệp nghiệp.

豈敢定居

31. Khi cảm định cư?

一月三捷

32. Nhất nguyệt tam tiệp.

Dịch nghĩa

25. Đây đặc nở ra như kia là gì thế?

26. Đây là hoa cây thường đê.
27. Xe binh kia là của ai thế?
28. Là xe của tướng suý.
29. Xe binh đã thắng ngựa vào.
30. Bốn con ngựa được đều mạnh mẽ.
31. Sao lại dám dừng lại mà ở yên?
32. Mong rằng trong một tháng phải ba lần thắng trận.

Dịch thơ

Nở đều đơm đặc hoa gì?

Áy cây thường đê đến kỳ trổ hoa.

Của ai kia cõ binh xa?

Của quan tướng suý dùng mà lập công

Binh xa vừa thắng ngựa xong.

Bốn con ngựa được uy hùng biết bao!

Dám dừng để ở yên sao?

Ba lần thắng trận tháng nào cũng mong.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 路 nhī, dáng hoa nhiều
常 thường, cây thường đê. 路 lô, xe nhà binh. 君子 quân tử,
nói quan tướng suý. 業 nghiệp nghiệp, mạnh mẽ. 捷 tiệp,
thắng trận.

Dây đặc nở rõ là hoa cây thường đê. Cỗ xe binh kia là xe
của tướng suý. Xe binh đã thắng ngựa vào, bốn con ngựa được

đều mạnh mẽ. Thế thì sao dám dừng lại mà ở yên mong được? Mong rằng trong một tháng, đánh giặc ba lần thì tháng cả ba.

CHƯƠNG V

駕彼四牡
四牡睯睯
君子所依
小人所腓
四牡翼翼
象弭魚服
豈不日戒
玁狁孔棘

33. Giá bỉ tứ mâu.
34. Tứ mâu quỳ quỳ.
35. Quân tử sở y.
36. Tiểu nhân sở phì.
37. Tứ mâu dực dực.
38. Tượng mês ngư phục.
39. Khi bất nhật cức (giới)?
40. Nghiêm doãn khổng cức.

Dịch nghĩa

33. Tháng vào xe bốn con ngựa đực.
34. Bốn con ngựa đực áy mạnh mẽ.
35. Để bực tướng suý (quân tử) đi.
36. Và cũng để cho lính cậy nhờ che chở.
37. Bốn con ngựa đực có hàng ngũ chỉnh tề.
38. Đầu cung thì bằng xương voi, bao đựng cung đựng tên thì bằng da con ngư.
39. Há lại suốt ngày không cảnh bị đề phòng hay sao?
40. Vì nạn rợ Địch rất là khẩn cấp.

Dịch thơ

Bốn con ngựa được thăng vào.

Bốn con ngựa áy xiết bao uy hùng.

Đè quan tướng suý ngài dùng.

Đỡ che linh thú giữ trong biên thuỳ.

Chinh tề bốn ngựa uy nghi.

Đầu cung xương tượng, ngư bì làm bao.

Há không cảnh bi hay sao?

Đè phòng rợ Địch tràn vào khẩn trương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 駿駿 quỳ quỳ, mạnh mẽ. 依 y, cõ xe. 腹 phì như chũ 腹 tỳ, che đỡ, dựa cậy vào. Trình tử nói rằng: 腹 phì là noi theo mà cử động, như câu 如足之腹 như túc chi phì. 翼翼 dực dực, dáng co hàng liệt chinh tề. 象强tượng mẽ, lấy xương voi trang sức đầu cung cho đẹp. 魚 ngư, tên một giống thú, giống như con beo, ở Đông hải có loài thú này, da trên có vằn, da dưới bụng toàn màu xanh, có thể làm đồ đựng cung đựng tên. 戒 giới (đọc cức cho hợp vận), cảnh giới, khiến phải chú ý. 棘 cúc, gáp.

Nói bình xa là của tướng suý ngồi để đi và để cho lính thú cậy nhờ che chở.

Vả lại hàng ngũ đã chỉnh tề, khí giới lại tinh hảo như thế, há lại không suốt ngày cùng nhau đe phòng hay sao? Nạn rợ Địch xâm lăng rất khẩn cấp, thật không thể nào quên phòng bị được.

CHƯƠNG VI

昔我住矣	41. Tịch ngā vāng hī.
楊柳依依	42. Dương liêu y y.
今我來思	43. Kim ngā lai tư.
雨雪霏霏	44. Vũ tuyết phi phi.
行道遲遲	45. Hành đạo trì trì.
載渴載饑	46. Tái khát tái cơ.
我心傷悲	47. Ngā tâm thương bi.
莫知我哀	48. Mạc tri ngā ai.

Dịch nghĩa

41. Xưa ta ra đi.
42. Thì cây dương liêu rướm rà.
43. Nay ta trở lại.
44. Mưa tuyết rơi xuống nhiều.
45. Đường đi về dài xa.
46. Khi khát, khi đói.
47. Lòng ta ưu sầu đau xót.
48. Mà chẳng ai biết nỗi thương thảm áy.

Dịch thơ

Khi xưa tách bước xa nhà.

Thấy cây dương liêu rướm rà xanh tươi.

Nay ta trở bước đến nơi.

Dầm dề mưa tuyêt tuôn rơi lạnh lùng.

Đường xa, xa tít muôn trùng.

Đã cam đói khát xót lòng lấm khi.

Lòng ta u uất sâu bi.

Nỗi thương cảm ấy ai thi biết cho?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 楊柳 dương liêu, cây bồ liêu. 飛鶯 phi phi, dáng tuyết rơi xuồng nhiều. 遲遲 trì trì, dài xa.

Chương này lại đặt ra lời của người lính thú tự kể ra những việc đã liệu biết trước trong lúc đi về để thấy rõ những nỗi rất cần khổ lao nhọc. Trình tử nói rằng: Đây đều là nói lên nỗi tình hết sức lao khổ buồn thương.

Nếu người trên hay xét được những tình cảnh ấy thì kẻ dưới tuy lao khổ mà không cần oán hận, tuy ưu sầu mà nang cố gắng.

Phạm thị nói rằng: Ở thiên *Thái vi*, ta thấy được những bậc vua đời trước đã lấy lòng nhân đạo mà sai khiến người. còn đời sau thì coi người như con bò con dê để sai khiến mà thôi.

Chú giải của Dịch giả

依依 y y, dáng nhiều thịnh rườm rà. 思 tư (đọc ti theo chính âm), ở câu 43, tiếng đậm trong câu văn.

Thiên Thái vi có 6 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THÚ 168

CHƯƠNG I

出車	Xuất xa. (Lộc minh 8)
我出我車	1. Ngā xuất ngā xa.
于彼牧矣	2. Vu bỉ mục hī.
自天子所	3. Tự thiên tử sở.
謂我來矣	4. Vì ngā lai hī.
召彼僕夫	5. Triệu bỉ bộc phu.
謂之載矣	6. Vì chỉ tái hī.
王事多難	7. Vương sự da nạn.
維其棘矣	8. Duy kỳ cức hī.

Dịch nghĩa

1. Ta cho xe ta chạy ra.
2. Ở phía ngoài đồng nội xa xôi kia.
3. Từ chối của thiên tử ở.
4. Thiên tử gọi ta đến đây (để điều khiển quân sĩ).
5. Ta gọi người đánh xe kia.
6. Bảo người ấy đánh xe trở đi ngay.
7. Vì việc vua nhiều hoạn nạn.
8. Phải chạy gấp (không được trì hoãn).

Dịch thơ

*Ta cho xe chạy vút ra
 Đến nơi đồng nội ngoài xa tiến hành.
 Từ nơi thiên tử triều đình.
 Gọi ta đến đây điều binh tức thời.
 Bảo phu đánh ngựa đến nơi.
 Đánh xe mà chờ ta rời đi ngay.
 Việc vua hoạn nạn lăm thay!
 Phải mau chạy gấp kịp ngày xuất chinh.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 牧 mục (đọc mịch), vùng ở ngoài xa, phía ngoài cõi giao. 自 tự, do, từ. 天子 thiên tử, vua nhà Chu. 僕夫 bộc phu, phu đánh xe ngựa. Đây là bài thơ uỷ lạo vị tướng suý xuất chinh mà trở về. Nhắc lại lúc mới đầu nhận mệnh lệnh ra đi, chạy xe ra phía ngoài đồng nội xa xôi, vị tướng suý ấy nói với người nhà rằng: Ta nhận mệnh lệnh từ triều đình của thiên tử mà tới. Cho nên mới gọi người đánh xe, khiến đánh xe đi, rồi răn người đánh xe ấy rằng: Việc của vua nhiều hoạn nạn, phải đi ngay, không thể nào trì hoãn được.

CHƯƠNG II

- | | |
|------|---------------------|
| 我出我車 | 9. Ngã xuất ngã xa. |
| 于彼郊矣 | 10. Vu bỉ giao hỉ. |

設此旐矣	11. Thiết thử triệu hī.
建彼旄矣	12. Kiến bỉ mao hī.
彼旟旟斯	13. Bỉ dư triệu tư.
胡不旆旆	14. Hồ bất bại bại?
憂心悄悄	15. Ưu tâm thiểu thiểu.
僕大況瘁	16. Bộc phu huống tuy.

Dịch nghĩa

9. Ta cho xe ta chạy ra.
10. Ở nơi đồng nội cõi giao.
11. Bày cờ triệu lên ở đáy.
12. Dựng cờ mao kia lên.
13. Cờ dư kia và cờ triệu nầy.
14. Há lại không phát phôi bay cát lên hay sao?
15. Lòng của tướng súy thì lo lăng.
16. Người pusy đánh xe thì kinh sợ tiêu tuy.

Dịch thơ

Ta cho xe chạy lướt mau.

Đến ngoài đồng nội cõi giao tiến hành.

Chứng cờ triệu ấy khắp quanh.

Cờ mao nọ cũng rành rành dựng lên.

Cờ dư cờ triệu mọi bên,

Há không phất phới trong nền trời sao?

Lòng viên chủ tướng lo âu.

Còn người đánh ngựa ưu sầu ngắn ngo.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 郡 giao. vùng cõi giao ở phía trong cõi mục (giao gần hòn mục), vì rằng tiền quân đã ra đến cõi mục, mà hậu quân còn ở vùng cõi giao. 設 thiết, bầy ra. 旗 triều. cờ có vẽ hình con rùa và con rắn, 建 kiến, dựng lên. 旗 mao, thứ cờ có gân lông đuôi bò ở đầu gù. 旗 dư, thứ cờ có vẽ hình chim cắt. Chim cắt, rùa và rắn ấy thì theo thiên Khúc lê ở sách Lễ ký nói Tiền chu tước (chim cắt) nhi hậu huyền vũ (rùa và rắn) là đây.

Dương thị nói rằng: Phép tiến quân thì vịn theo sao ở bốn phương, mỗi ngôi đều tuỳ theo phương hướng mà định bên phải, bên trái, phía trước, phía sau khi tiến tới, khi lui về đều có pháp độ, mỗi mặt đều giữ theo cuộc thế của mình thì quân sĩ không mất hàng ngũ không loạn trật tự. 旆旆 bại bại (đọc bị bị), dáng bay cát lên. 憔悴 thiểu thiểu, dáng ưu sầu. 沦 huống, nay hoặc có người cho là chữ 悯 huống, dáng thất ý.

Nói rằng: Dánh xe ra vùng đồng nội cõi giao. cẩm dụng cờ xí lên. Những cờ xí kia hả lại không phất phới bay cát cao hay sao?. Nhưng vị tướng suý vừa nhận trách nhiệm to tát rất lấy làm lo lắng. Cho nên người đánh xe cũng vì thế mà kinh sợ, dáng người tiêu tụy.

Lữ thị ở Đông Lai nói rằng: Ngày xưa khi tiến quân ra ngoài thì lấy tang lễ mà đổi xử. Ngày mà mệnh lệnh ban xuống thì quân sĩ đều ngậm ngùi ứa lệ. Lời của Khổng Tử về tiến hành ba quân cũng nói là: Lâm sự nhi cụ (Lâm việc chiến binh thì kinh hãi). Điều là ý ấy cả.

CHƯƠNG III

- | | |
|-------|---------------------------|
| 王命南仲 | 17. Vương mệnh Nam Trọng. |
| 往城于方 | 18. Vǎng thành vu phuơng. |
| 出車彭 彭 | 19. Xuất xa bành bành. |
| 旂旐央央 | 20. Kỳ triệu ương ương. |
| 天子命我 | 21. Thiên tử mệnh ngã. |
| 城彼朔方 | 22. Thành bỉ sóc phuơng. |
| 赫赫南仲 | 23. Hách hách Nam Trọng. |
| 玁狁于襄 | 24. Nghiêm doän vu tương. |

Dịch nghĩa

17. Vua sai đại tướng quân Nam Trọng.
18. Đì xây thành ở phương bắc.
19. Xe chạy ra đông đảo.
20. Cờ kỳ cờ triệu tưới sáng.
21. Thiên tử sai ta.
22. Đáp thành ở phương bắc kia.
23. Đại tướng quân Nam Trọng uy danh hiển hách.
24. Nạn rợ Dịch được tiêu trừ.

Dịch thơ

Tướng quân Nam Trọng vua sai

Đến vùng phuơng bắc mà xây luỹ thành.

Đoàn xe đông đảo tiến hành.

Cờ kỳ cờ triệu tinh anh sáng lòa.

Đức thiên tử đã sai ta.

Đến vùng phương bắc mà ra đắp thành.

Tướng Nam Trọng rất uy danh.

Ngoại xâm nan rợ nay dành trừ xong.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 王 vương, vua nhà Chu. 南仲 *Nam Trọng*, viên tướng của thời ấy. 方 phương, sóc phương, phương bắc, nay là vùng đất Linh châu, Hạ châu. 彭彭 *bành bành* (đọc phang phang cho hợp vận), dáng đông nhiều. 旂 kỳ, thứ cờ có vẽ hình rồng giao kết với nhau. Đây là nói bên tả thì có rồng xanh đây. 夬兌 *Ương Ương*, tươi sáng. 赫赫 *hách hách*, uy danh hiển hách. 襄 *tương*, tiêu trừ, hoặc nói là tiến lên cao, cùng đồng nghĩa với chữ tương trong câu *Đăng đăng hoài sơn tương lăng* (Thế nước dâng tràn ngập lên trên gò núi). Chương *Nghiêu diễn* trong kinh *Thư* là nói thắng được nó.

Lữ thị ở Đông Lai nói rằng: Đại tướng truyền mệnh lệnh của thiên tử để sai khiến quân sĩ, cho nên xe ngựa đông đảo, cờ kỳ cờ triệu tươi sáng, khi uy linh bừng bừng lên, rung động lòng người phải kinh sợ. Bình bị thì lấy việc lo buồn và nghiêm kính làm gốc, nhưng mà điều đáng chuộng hơn hết là uy.

Chương II nói việc giữ gìn sự hãi, chương I nói việc phán chấn lén, quân sĩ cùng nhau tiến tới mà không nghịch nhau.

Trình Tử nói rằng: Đắp thành ở phương bắc để ngăn giữ thì nạn rợ địch xâm lăng sẽ được tiêu trừ. Đạo chống ngăn

rợ. Nhưng ở phương tây, rợ Địch ở phía bắc thì lấy việc bố trí phòng bị làm gốc mà không lấy việc tấn công chinh chiến làm đầu.

CHƯƠNG IV

昔我往矣
黍稷方華
今我來思
雨雪載途
王事多難
不遑啟居
豈不懷歸
畏此簡書

25. Tịch ngã vắng hī.
26. Thủ tắc phương hoa.
27. Kim ngã lai tư.
28. Vũ tuyết tái đồ.
29. Vương sự da nạn.
30. Bát hoàng khải cư.
31. Khỉ bắt hoài quy?
32. Uý thủ giản thư.

Dịch nghĩa

25. Xưa ta ra đi.
26. Cây nếp cây lúa mới lên rướm rà.
27. Nay ta trở về.
28. Thì mưa tuyết tai bời.
29. Việc vua sai rất nhiều hoạn nạn.
30. Không còn rảnh rang mà đứng ngồi nữa.
31. Há lại không nhớ nhà mà muốn trở về hay sao?
32. Ta chỉ sợ những mảnh thơ (bằng tre) cáo báo (đưa đến thì có) việc chiến chinh nữa mà chẳng dặng trở về).

Dịch thơ

Khi xưa cát bước ra đi.

Nép và lúa đã xanh rì xum xuê.

Nay ta cát bước trở về.

Trên đường mưa tuyêt đầm dề phủ bay.

Lấm hoạn nạn việc vua sai.

Đứng ngồi nào rảnh mẩy may nưa mà.

Há không nhớ trở lại nhà?

Ngại thơ cấp báo truyền ra biên thùy.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 华 hoa (đọc phó cho hợp vận), nhiều thịnh rườm rà. 塗 đồ, nước đá tan ra thành bùn lầy. 簿書 giản thư, thơ viết bằng thẻ tre để báo cáo cho biết. Nước lảng giêng có việc khẩn cấp thì viết thơ lên thẻ tre báo cáo cho biết để cầu cứu. Hoặc nói giản thư là lời người trên sai khiến kẻ dưới.

Đây nói quân sĩ đã trở về đang đi trên đường lầy lội, kể lại những việc đã thấy lúc ra đi và thuật lại những điều được gặp lúc trở về hôm nay để thấy rằng quân sĩ ra đi đã lâu rồi.

Lữ thị ở Đông Lai nói rằng: Thơ Thái vi nói việc ra đi, ấy là lúc sai lính thú ra trấn phòng. Còn thơ Xuất xa này nói việc ra đi, ấy là lúc đang đi trên đường. Thơ Thái vi nói việc trở về, ấy là lúc thú phòng đã dứt. Còn thơ Xuất xa này nói việc trở về, ấy là lúc trở về đang đi trên đường.

CHƯƠNG V

嘒嘒草蟲	33. Yêu yêu thảo trùng,
趯趯阜螽	34. Thích thích phụ chung.
未見君子	35. Vị kiến quân tử.
憂心忡忡	36. Ưu tâm sung sung.
旣見君子	37. Kỳ kiến quân tử.
我心則降	38. Ngã tâm tác hàng.
赫赫南仲	39. Hách hách Nam Trọng.
薄伐西戎	40. Bạc phạt Tây Nhung.

Dịch nghĩa

33. Con châu chấu kêu yêu yêu.
34. Con cào cào nhảy.
35. Khi chưa thấy được chồng.
36. Thị lòng buồn rười rượi.
37. Khi đã thấy được chồng.
38. Thị lòng ta lảng hạ xuống.
39. Tướng quân Nam Trọng uy danh hiển hách.
40. Hãy đánh dẹp rợ Tây Nhung. (Nhận thấy 6 câu đầu của chương này giống như chương đầu của *Thảo trùng*, Thiệu nam 3 bài thứ 14).

Dịch thơ

Rè rè châu chấu kêu vang.

Cào cào đã nhảy dọc ngang khắp vùng.

Khi chưa gặp được mặt chồng.

Nhớ ai rười rượi tác lòng xốn xang.

Đến khi gặp được mặt chàng.

Những điều buồn khổ lắng tan đáy lòng.

Tướng quân Nam Trọng uy hùng.

Hãy đi chính phạt Tây Nhụng kịp thời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Đây nói việc xuất chinh của viên tướng súy, vợ của người ở nhà cảm thấy vạn vật theo mùa biến đổi mà nhớ đến người. Khi chưa gặp được chồng thì lòng buồn như thế, khi gặp được chồng rồi thì lòng buồn phiền mới lắng hạ xuống. Nhưng tướng quân Nam Trọng nay lại ở nơi nào? Tướng quân vừa đi đánh rợ Tây Nhụng mà chưa về. Há lại khi đã đánh lui được rợ Bắc Địch (Nghiêm doãn) rồi lại đem quân đội về đánh rợ Côn di (thuộc giống Tây Nhụng) hay sao?

薄 bạc là nói "hãy", vì là không cần nhọc đến sức thừa.

CHƯƠNG VI

春日遲遲

41. Xuân nhật trì trì.

卉木萎萎

42. Huỷ mộc thê thê.

倉庚喈喈

43. Thương canh giê giê (giai giai).

采蘩祁祁

44. Thái phiền kỳ kỳ.

執訊獲醜	45. Chấp tấn hoạch xú.
薄言還歸	46. Bạc ngôn tuyỀn quy.
赫赫南仲	47. Hách hách Nam Trọng.
獄犹于夷	48. Nghiêm doān vu di.

Dịch nghĩa

41. Ngày xuân dǎng dǎng ám áp.
42. Cây cỏ tươi tốt rướm rà.
43. Chim hoàng ly hót hoà dịu.
44. Người đi hái rau phiền rất đông đảo.
45. Dương lúc ấy thì bắt được tên đầu đảng để tra tấn và bắt được bọn giặc mà đem về.
46. Hãy nói trở về.
47. Tướng quân Nam Trọng uy danh hiển hách.
48. Đã đánh được rợ Bắc Dịch mà dẹp yên.

Dịch thơ

Ngày xuân dǎng dǎng ám êm
Cỏ cây đều mọc đã thêm rướm rà.
Hoàng ly vừa hót dịu hoà.
 • *Rau phiền người hái gần xa đông đầy.*
Bắt đầu đảng giặc rồi đây.
Thì ta bèn nói ngày quay về cùng.
Tướng quân Nam Trọng uy hùng.

Đánh tan rợ Địch một vùng dẹp yên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 并 hủy, cỏ. 蔷薇 thê thê, dáng rướm rà. 倉庚 thương canh, chim hoàng ly. 喳喳 gai gai (đọc giê giê cho hợp vận), tiếng kêu hoà dịu. 訊 tần, tra hỏi, đứa đầu đảng phải bị tra hỏi. 醄 xú, bọn. 失 di, dẹp yên

Ân dương thị nói rằng: Thuật lại lúc trở về, ngày xuân ám áp dẹp đẽ, cây cỏ tươi tốt rướm rà, chim chóc ca hát dịu dàng. Vào lúc ấy thì bắt được tên đầu đảng để tra tấn và bắt được bọn giặc mà trở về, thì há lại không vui hay sao?

Trịnh thị nói rằng: Bài thơ này cũng có nói đến việc đánh rợ Tây Nhung, nhưng chỉ nói dẹp yên giặc Bắc Địch mà thôi. là vì giặc rợ Bắc Địch thì vĩ đại hơn hết cho nên được nói đến ở đầu tiên và được nhắc lại ở cuối thiên.

Thiên Xuất xa có 6 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THÚ 169

CHƯƠNG I

杕 杜
有杕之杜
有旼其實
王事靡鹽
繼嗣我日
日月陽止

- Đệ đỗ. (Lộc minh 9)
1. Hữu đệ chi đỗ.
 2. Hữu hoạn kỳ thực.
 3. Vương sự mỹ cỗ.
 4. Kế tự ngã nhật.
 5. Nhật nguyệt dương chỉ.

女心傷止

征夫遑止

6. Nữ tâm thương chi.

7. Chinh phu hoàng chi.

Dịch nghĩa

1. Có cây đỗ mọc lẻ loi một mình.
2. Đã đơm kết trái.
3. Việc của vua không thể nào không lo chắc chắn cẩn thận.
4. (Cho nên ta không được rảnh rang), ngày lại cứ nôi tiếp nhau.
5. Đến ngày tháng mười này là dứt khí dương (thuộc quẻ khôn, toàn hào âm) (thì mãn hạn quân dịch, chàng sẽ được trở về, nhưng sao chàng không về tối?)
6. Cho nên lòng em ưu sầu.
7. (Em tự hỏi rằng:) Người chinh phu cũng có lúc được rảnh rang khi mãn kỳ quân dịch (mà sao chàng chưa thấy trở về?)

Dịch thơ

Có cây đỗ mọc lẻ loi.

Vừa đơm những quả khắp nơi trên cành.

Việc vua cẩn thận lo thành.

Chuỗi ngày nôi tiếp phản mình rảnh chi.

Tháng mười quân dịch dứt kỳ.

Lòng em luống những sâu bi đợi chàng.

Chinh phu át được rành rang?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 晏 hoan, dáng kết trái. 翼 tự, nối. 陽 dương, tháng 10 (xem lại chú giải ở chương III, thiên *Thái vi*, bài thứ 167), 遵 hoàng; rành rang.

Đây là bài thơ uỷ lạo kẻ đi quân dịch trở về. Cho nên thuật lúc chưa trở về thì người vợ ở nhà cảm thấy vạn vật theo mùa đã biến thay mà nhớ đến chồng, mới nói rằng: Cây đỗ mọc lè loi một mình đã đơm kết trái, ấy là lúc hết thu sang đông. Thế mà người lính chinh phu vì công việc của vua ra đi, ngày này lại nối theo ngày khác mãi không được lúc nghỉ ngơi. Nay đến tháng mười rồi thì chàng có thể trở về được mà sao vẫn chưa về tối? Cho nên lòng người vợ ở nhà phải bi thương mà nói rằng: Người chinh phu cũng có lúc rành rang, vì sao mà không trở về?

Chương này hoặc cho là thuộc hứng. Chương sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG II

有杕之杜

8. Hữu đệ chi đỗ.

其葉萋萋

9. Kỳ diệp thê thê.

王事靡鹽

10. Vương sự mỹ cổ.

我心傷悲

11. Ngã tâm thương bi.

卉木萋止

12. Huý mộc thê chỉ.

女心悲止

13. Nữ tâm bi chỉ.

征夫歸止

14. Chinh phu quy chỉ.

Dịch nghĩa

8. Có cây đỗ mọc lẻ loi một mình.
9. Lá đơm rướm rà khi mùa xuân sắp dứt.
10. Việc vua không thể nào không lo chắc chắn cẩn thận,
11. (Cho nên ta phải ở lại lo tròn nhiệm vụ) mà lòng ta thường sâu bi.
12. Cỏ cây đã mọc rướm rà (ý nói mùa xuân sắp dứt, đã quá hạn quân địch rồi mà chàng không thấy về đến).
13. Cho nên lòng em bi thảm.
14. Người chinh phu có thể trở về được (nhưng sao không thấy về đến?).

Dịch thơ

Có cây đỗ mọc một mình

Mùa xuân sắp dứt lá xanh rậm dày,

Ráng cẩn thận việc vua sai.

Ta đành nán lại nơi này xót xa,

Cỏ cây xuân dứt rướm rà,

Lòng nàng bi thảm vì đà uổng trông.

Chinh phu về được hay không?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 蕤蕤 thê thê, nhiều, rướm rà. Lá đơm rướm rà là mùa xuân sắp dứt. 归止 quy chỉ có thể trở về được.

CHƯƠNG III

陟彼北山	15. Trắc bỉ bắc sơn,
言采其杞	16. Ngôn thái kỳ khỉ.
王事靡鹽	17. Vương sự mĩ cỗ,
憂我父母	18. Ưu ngã phụ mâu.
檀車幃幃	19. Đàn xa xiển xiển,
四牡瘡瘡	20. Tứ mâu quản quản,
征夫不遠	21. Chinh phu bất viễn

Dịch nghĩa

15. Lên trên núi bắc kia (hướng rợ Bắc Dịch)
16. Nói trăng hái rau khỉ.
17. Việc vua không thể nào không lo chắc chắn cân thận (phải ở lại lo tròn nhiệm vụ).
18. Vì thế mà cha mẹ của chàng ở nhà phải lo buồn.
19. Chiếc xe bằng gỗ đàn của chàng đi đã hư nát,
20. Bốn ngựa đực kéo xe của chàng cũng đã mệt mỏi.
21. Thì ngày về của chàng không xa.

Dịch thơ

*Núi kia phía bắc leo lên,
Nói rằng rau khỉ ở trên hái dùng.
Việc vua cần thận lo xong.
Khiến cha mẹ phải đợi trông nể ám ngùi.*

*Gỗ đàn xe đã hư rồi,
Bốn con ngựa đực đến hồi mỏi mè.
Ngày hàng trở bước gần kề.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 檀 *dàn*, gỗ đàn rất chắc dùng làm xe. 懈懈 *xièn xièn*, dáng hư nát. 瘦痺 *quản quản* (đọc quyền quyền cho hợp vận), mệt mỏi khốn đốn. Lên trên núi hái rau khỉ. Hết mùa xuân gần hết thì cây rau khỉ có thể ăn được. Nhưng đó là mượn cớ để lên núi trông ngóng chồng ở phương xa, rồi nhớ chàng vì việc của vua mà để cha mẹ phải buồn rầu.

Nhưng nay xe bằng gỗ đàn của chàng chắc cũng đã hư, bốn con ngựa đực kéo xe chàng rất mạnh mẽ cũng đã mệt mỏi (ý nó thời gian đã qua lâu rồi) thì ngày về của chàng cũng không xa.

CHƯƠNG IV

匪載匪來
憂心孔疚
期逝不至
而多爲恤
卜筮偕止
會信近止
征夫邇止

22. Phỉ tái phỉ lai
23. Ưu tâm không cứu.
24. Kỳ phệ bất chỉ.
25. Nhi da vi tuất
26. Bốc thệ giai chi.
27. Hội ngôn cận chỉ.
28. Chinh phu nhī chỉ.

Dịch nghĩa

22. Chàng không sửa soạn trang sức để không trở về.
23. Vì buồn nhớ đến chàng mà em phải lăm đau ốm.
24. Hẹn trở về đã qua rồi mà chàng không về đến.
25. Cho nên em phải lăm nỗi ưu phiền.
26. Bói mai rùa và bói cỏ thi, em đều dùng qua hết.
27. Hợp những lời bàn quẻ đều thấy nói gần rồi.
28. Thì chinh phu đã gần lăm sấp đến nơi.

Dịch thơ

Không về chàng chẳng giỏi trau.

Nhớ chàng em đã ốm đau nặng nề.

Hẹn kỳ đã hết chẳng về,

Cho nên em lăm não nè sâu bi.

Bói mai rùa, bói cỏ thi.

Những lời bàn quẻ đều ghi gần rồi.

Chinh phu cũng sấp đến nơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 载 tái, sửa soạn trau giỏi. 疾
cửu (đọc cức cho hợp vận), bình. 逝 thệ, đi 憶 tuất, ưu buồn.
偕 giai (đọc kỵ cho hợp vận), đều, cùng nhau. 會 hội, hợp
nhau.

Nói chinh phu không trang sức trau giỏi lại để trở về,
hắn đã khiến em buồn nhớ đến chàng mà phải phát đau ốm.

Phương chi ngày trở về đã quá rồi mà chàng còn chưa về đến thì khiến em phải lầm điều ưu buồn lo nghĩ. Phải làm thế nào vậy thay? Chỉ dành bói bằng mai rùa và bói bằng cỏ thi. Hai cách bói ấy đều dùng hết cả. Hợp những lời bói của các quẻ đều gần rồi. Thì chinh phu cũng đã gần lầm sắp đến nơi.

Phạm thị nói rằng: Lấy việc bói mai rùa và bói cỏ thi mà kết thúc bài thơ này là ý nói lòng nhớ thương thiết tha lầm mà không có việc gì là không làm (để biết cho được tin tức của chàng).

Thiên Đệ đỗ có 4 chương, mỗi chương 7 câu.

Trịnh thị nói rằng: Sai khiến tướng suý và sai khiến lính thú thì đồng một bài ca và đồng một lúc, ấy là ý muốn cho tướng suý và lính thú cùng đồng tâm với nhau. Còn uý lạo khi trở về thì khác bài ca và khác lúc, ấy là để phân biệt bậc trên kẻ dưới.

Sách Lê ký nói rằng: Ban tặng cho người quân tử (bậc trên) và kẻ tiểu nhân (bậc dưới) mà không đồng một ngày một lúc, ấy là nghĩa. Khi ra đi để hành quân thì y phục đều nhau, ăn uống đồng nhau, ấy là muôn nhất trí tâm tình của tất cả quân sĩ. Khi trở về chinh đốn quân đội, thì phân bậc trên người dưới, chia bậc sang kẻ hèn, ấy là an định ý chí của tất cả quân sĩ.

Phạm thị nói rằng: Để uý lạo tướng suý ở thiên Xuất xa, cho nên khen ngợi công lao của người. Để uý lạo quân sĩ thiên ở thiên Đệ đỗ, cho nên nói cạn tâm tình. Đáng tiên vương lấy tâm tình của mình làm tâm tình của người, cho nên nói lên được những éo le uẩn khúc cho cạn tâm tình thì có thể khiến dân quên sự chết để tận trung với vua.

BÀI THÚ 170

南陔

Nam eai. (Lộc minh 10)

Đây là bài thơ nhạc sáo (thổi sắc để hát) có thanh âm mà không có lời thơ, xưa được đặt ở sau thiên *Ngư ly* phải lấy sách *Nghi lê* mà khảo cứu. Thứ tự của thiên *Nam cai* này phải đặt ở đây. Nay đính chính lại và xem lời giải thuyết ở thiên *Hoa thủ*.

Lộc minh chi thập có 10 thiên, nhưng có 1 thiên không lời, gồm tất cả 46 chương, 297 câu.

2 - *BẠCH HOA CHI THẬP*

Mao công cho là ba thiên từ *Nam cai* trở về sau đều không có lời thơ, cho nên đem thiên *Ngư ly* lên để nhập vào phần 10 thiên *Lộc minh* cho đủ số, rồi đem hai thiên nhạc sản phụ vào ở phía sau. Và nhân đây lấy thiên *Nam hữu gia ngư* làm thiên đầu của phần 10 bài kể.

Nay đều y sách *Nghi lê* mà đính chính lại.

BÀI THỨ 171

白華

Bạch hoa. (Bạch hoa 1).

Đây là bài thơ nhạc sáo (không có lời). Lời giải thuyết xin xem ở thiên trước (*Nam cai*) và thiên sau (*Hoa thủ*).

BÀI THỨ 172

華黍

Hoa thủ. (Bạch hoa 2)

Cũng là bài thơ nhạc sáo (không có lời). Lẽ uống rượu trong làng xóm thì gảy đàn sắt mà ca những thơ *Lộc minh*, *Từ mâu* và *Hoàng hoàng giả hoa*, rồi sau người thổi sáo mới vào ở dưới nhà, đặt cái khánh ở phía nam, đứng quay mặt về phía bắc thổi những bài *Nam cai*, *Bạch hoa* và *Hoa thủ*.

Lẽ yến tiệc cũng gãy đàn sắt mà ca những bài *Lộc min*, *Tứ mẫu* và *Hoàng hoàng giả hoa*, rồi sau người thổi sáo mới vào đứng ở trong chỗ nhà quan, thổi những bài *Nam cai*, *Bach hoa* và *Hoa thứ*.

Về những thơ nhạc sáo từ bài *Nam cai* trở về sau, nay không lấy gì khảo cứu tên và nghĩa của những bài ấy được.

Nhưng chỉ nói 笙 *sênh* (ống sáo), 樂 *nhạc* (âm nhạc). 奏 *tấu* (đánh nhạc) mà không nói 歌 *ca* (hát) thì rõ ràng là những bài ấy chỉ có thanh âm mà không có lời thơ.

Nhưng sở dĩ biết thứ tự của những bài ấy ở đây là vì nghiệm rằng ở dưới tựa của những thiên trong các kinh sách xưa đều có bài phô nói rõ thứ tự lai lịch ra. Như thiên Đầu hồ ở trong kinh *Lê* có chép tiết điệu của trống Lỗ cổ và trống Tiết cổ, nhưng đã mất không còn.

BÀI THỨ 173

CHƯƠNG I

魚麗

Ngư ly. (Bach hoa 3)

魚麗于罶

1. Ngư ly vu lựu.

鰈鱉

2. Thường sa.

君子有酒

3. Quân tử hữu tửu.

旨且多

4. Chỉ thả đa.

Dịch nghĩa

1. Những cá lội qua mắc vào cái đó
2. Ấy là cái thường cá sa.

3. Quân tử chủ nhân có rượu.

4. Đã ngon lại nhiều.

Dịch thơ

Mắc vào đó, cá lội qua

Ấy toàn những loại cá sa cá thường.

Chủ nhân có rượu săn sàng.

Đã nhiêu đầy đủ lại càng thơm ngon.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 霽 ly, trải qua. 霽 liêu (đọc lựu cho hợp vận) lấy phiến đan làm cái đó đặt tại đường nước chảy ở miệng đập để bắt cá. 鮀 thương bay lên, nay là thứ cá má vàng, giống đầu chim én, thân cá hình dáng dài, to lớn mà dài, xương má màu vàng, là thứ cá to có sức mạnh và biết bay. 鯀 sa, cá đà, cá đẹp mà nhỏ, thường há miệng thổi cát, cho nên lại có tên là cá xuy sa, cá thổi cát, 君子 quân tử, chỉ người chủ nhân. 旨且多 chỉ thả đà, ngon mà lại nhiều.

Đây là bài ca nhạc thông dụng trong khi yến tiệc. Nói những món ăn dâng lên rất ngon và nhiều là để thấy lòng ân cần lễ phép của chủ nhân để đai tân khách.

Hoặc nói chương này thuộc phú. Hai chương sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG II

魚麗于罶

5. Ngư ly vu liêu

紡鱧

6. Phòng lê.

君子有酒
多且旨

7. Quân tử hữu tửu
8. Đa thả chỉ.

Dịch nghĩa

5. Những cá lội qua măc vào cái đó.
6. Ấy là cá phòng cá lẽ.
7. Quân tử chủ nhân có rượu
8. Đã nhiều lại ngon.

Dịch thơ

Lội qua đó măc vào trong

Toàn là cá lẽ cá phòng ấy thôi.

Chủ nhân đã có rượu rồi

Đã ngon và lại nhiềuơi là nhiều!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 鮑 lẽ, cá đồng, lại gọi là cá hoạn.

CHƯƠNG III

魚麗于罶
絕鯉
君子有酒
旨且有

9. Ngư ly vu liêu
10. Yến lý.
11. Quân tử hữu tửu
12. Chỉ thả hữu.

Dịch nghĩa

9. Những cá lội qua măc vào cái đó.
10. Ấy là cá trên (cá măng) cá chép (cá gáy).
11. Quân tử chủ nhân có rượu.
12. Đã ngon lại nhiều.

Dịch thơ

Măc vào đó cá lội sang

Nào là cá chép cá măng đủ đầy.

Chủ nhân có rượu săn đầy

Ngon lành và lại nhiều thay là nhiều!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 鱗 yến, cá niêm, cá trê, cá măng. 有 hữu (đọc vī cho hợp vận), nhiều.

CHƯƠNG IV

物其多矣

13. Vật kỳ đa hī.

維其嘉矣

14. Duy kỳ gia hī.

Dịch nghĩa

13. Những vật để ăn uống ấy đã nhiều.
14. Mà lại tốt nữa.

Dịch thơ

Vật dùng ăn uống dồi dào
 Lại còn tốt nữa món nào cũng ngon.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

CHƯƠNG V

- | | |
|------|---------------------|
| 物其旨矣 | 15. Vật kỳ chỉ hī. |
| 維其偕矣 | 16. Duy kỳ giai hī. |

Dịch nghĩa

15. Những vật để ta ăn uống đã ngon
 16. Mà lại đều nhau.

Dịch thơ

Vật dùng ăn uống đã ngon
 Vì này món nọ lại còn đều nhau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

CHƯƠNG VI

- | | |
|------|--------------------|
| 物其有矣 | 17. Vật kỳ hữu hī. |
| 維其時矣 | 18. Duy kỳ thì hī. |

Dịch nghĩa

17. Những vật để ăn uống đã có.
18. Mà lại vẫn có luôn.

Dịch thơ

Vật dùng ăn uống có đây.

Thứ kia món nọ hằng ngày có luôn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

Tô thị nói rằng: Hết nhiều thì e không được tốt. Hết ngon thì e không được đồng đều nhau. Hết có thì e không thường (có lúc có lúc không). Nay thì nhiều mà tốt, ngon mà đều nhau, có mà vẫn có luôn. Ấy là nói những vật nhỏ nhặt ấy đều hoàn toàn tất cả.

Thiên Ngư ly có 6 chương, 3 chương 4 câu và 3 chương 2 câu.

Theo sách *Nghi lê* trong những cuộc uống rượu trong làng xóm và những yếu lẽ, khi khúc nhạc đầu tiên đã dứt, thì đều hát xen kẽ thiên *Ngư ly* này, rồi thổi sáo bài *Do canh*, hát thiên *Nam hữu gia ngư*, rồi thổi sáo bài *Sùng khâu*, hát thiên *Nam sơn hữu dài*, rồi thổi sáo bài *Do nghi*. 隨 gian, luân phiên thay thế nhau, ý nói hát rồi thì thổi sáo, thổi sáo rồi thì hát như thế đủ 6 phiên (3 lần hát và 3 lần thổi sáo). Vì rằng đó là bài thơ trong một thời buổi mà được làm bài ca nhạc trong những cuộc yến tiệc thông dụng cho các tân khách cao hay thấp.

Mao Công lấy thiên *Ngư ly* bù vào cho đủ số 10 thiên phần *Lộc minh*, mà người giải thuyết không xét kỹ bèn chia

những thiên từ thơ. *Ngư ly* trở lên làm thơ của Văn vương và Vũ vương, còn từ thơ *Nam hữu gia ngư* trở về sau làm thơ của Thành vương thì sai lầm quá lầm.

BÀI THÚ 174

由庚

Do canh. (Bạch hoa 4).

Đây cũng là bài thơ nhạc sáo. Lời giải thuyết xem ở thiên *Ngư ly*.

BÀI THÚ 175

南有嘉魚

Nam hữu gia ngư. (Bạch hoa 5)

南有嘉魚

1. Nam hữu gia ngư,

烝然罩罩

2. Chung nhiên trào trào.

君子有酒

3. Quân tử hữu tửu

嘉賓式燕以樂

4. Gia tân thức yến dī ngạo (lạc).

Dịch nghĩa

1. Phương nam có loại cá già
2. Thị lấy nơm mà bắt.
3. Chủ nhân quân tử có rượu.
4. Thị khách tốt hãy ăn uống cho vui.

Dịch thơ

Cá già săn ở phương nam,

Vậy ta hãy lấy cái nơm bắt vào.

Chủ nhân có rượu đổi dào

Tiệc cùng khách tốt cùng nhau vui hoà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 南 nam, nói vùng sông Trường Giang sông Hán. 嘉魚 *gia ngư*, thú cá rất ngon, thể chất như cá lý, thịt như thịt cá tồn cá túc, sản xuất ở Binh Huyệt phía nam Miền châu. 燕然 *chưng nhiên*, tiếng đệm ở đầu câu. 罩 trảo, cá nơm, kết bằng tre nhỏ để chụp lấy cá mà bắt. Nói *trảo trảo* hai chữ tiếp nhau là ý nhiều lần, không phải một lần.

Đây cũng là bài ca nhạc thông dụng trong khi yến tiệc, cho nên lời thơ nói rằng: Phương nam có loại cá gia. thì át phải lấy cái nơm mà bắt. Người quân tử (chủ nhân) có rượu thì át cũng khách tốt uống chung và để cùng vui với nhau.

Đây cũng là nhân những món dâng lên ăn mà bày tỏ ý của chủ nhân ham thích tân khách.

CHƯƠNG II

南有嘉魚

5. Nam hữu gia ngư.

燕然汕汕

6. Chưng nhiên sán sán.

君子有酒

7. Quân tử hữu tửu,

嘉賓式燕以衍

8. Gia tân thức yến dī khán.

Dịch nghĩa

5. Phương nam có loại cá gia,

- Thì lấy cái đó mà bắt.
- Quân tử chủ nhân có rượu.
- Thì khách tốt hãy ăn uống cho vui.

Dịch thơ

*Phương nam có loại cá già,
Hãy dùng cái đó đem ra bắt vào.
Rượu thì chủ có đổi dào.
Vui say khách tốt cùng nhau tạc thù.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng 汗 sán, lấy dò mà bắt cá. 衍 khán, vui.

CHƯƠNG III

南有樛木	9. Nam hữu cù mộc,
甘瓠纍之	10. Cam hộ lôi chi.
君子有酒	11. Quân tử hữu tửu
嘉賓式燕綏之	12. Gia tân thức yến tuy chi.

Dịch nghĩa

- Phương nam có cây sà xuống,
- Thì dây bầu ngọt leo bám lên.
- Quân tử chủ nhân có rượu.
- Thì khách tốt hãy ăn uống để an vui.

Dịch thơ

*Phương nam cây mộc sà sà,
Có cây bâu ngọt leo qua quấn vào.
Rượu thì chủ có dồi dào,
An vui khách tốt cùng nhau vầy bàn.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng.

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: Trái bâu có thứ ngọt thứ
đắng, thứ bâu ngọt thì ăn được.

楊木 *cửu mộc*, cây sà thấp xuống thì có những dây có trái
đẹp leo quấn lên, bám chặt vào không thể gỡ ra được.

Kẻ ngu này (Chu Hy tự xưng) nói lấy theo ý nghĩa thì
dây là thuộc hưng, giống như thuộc tỳ, mà thật là thuộc
hưng vậy.

CHƯƠNG IV

翩翩者誰	18. Phiên phiên giả chuy,
烝然來思	24. Chưng nhiên lai tư.
君子有酒	15. Quân tử hữu tửu.
嘉賓式燕又思	16. Gia tân thức yến hữu tư.

Dịch nghĩa

13. Con chim chuy bay nhanh,
14. Thị đã bay đến.

15. Quân tử chủ nhân có rượu,
16. Thị khách tốt hãy ăn uống rồi lại ăn uống nữa.

Dịch thơ

Bay mau kia bóng chim chuy.

Vượt lên vun vút tức thì đến ngay.

Rượu thì chủ có đủ đầy.

Uống rồi uống nữa vui say khách hào.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. Nhưng thuộc hứng ở đây không hoàn toàn lấy theo ý nghĩa. 忠_{ti} (đọc ti theo chính âm), ngữ từ, tiếng đệm. 又_{hựu}, lại nữa đã đến yến ẩm rồi lại yến ẩm nữa, để thấy rõ lòng chí thành cứ gia thêm mãi không thôi. Hoặc nói rằng 又_{hựu} 忠_{ti} (lại nhớ nghĩ) ý nói lại nhớ nghĩ nữa không quên được.

Thiên Nam hữu gia ngư có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

Lời giải thuyết xem ở thiên Ngu ly.

BÀI THÚ 176

丘

Sùng khâu. (Bách hoa 6)

Lời giải thuyết xem ở thiên Ngu ly. Thiên Sùng khán cũng là bài thơ nhạc sáo không có lời.

BÀI THÚ 177

CHƯƠNG I

南山有台	Nam sơn hữu dài. (Bách hoa 7)
南山有台	1. Nam sơn hữu dài,
北山有萊	2. Bắc sơn hữu lai.
樂只君子	3. Lạc chỉ quân tử!
邦家之基	4. Bang gia chi cơ.
樂只君子	5. Lạc chỉ quân tử!
萬壽無期	6. Vạn thọ vô kỳ.

Dịch nghĩa

1. Núi nam có cây dài.
2. Núi bắc có cỏ lai.
3. Vui thay những tân khách!
4. Đó là nền tảng của nước nhà.
5. Vui thay những tân khách!
6. Được sống lâu muôn tuổi không hạn kỳ.

Dịch thơ

Núi nam thi có cây dài.

Ở bên núi bức cỏ lai rườm rà.

Vui thay quân tử tài ba!

Đó là nền tảng quốc gia vững vàng.

*Vui thay tân khách hiên ngang!
Sóng lâu muôn tuổi cữu tràng vô biên.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 翠 dài (đọc đì cho hợp vận), cây phu tu, cây toa thảo. 莱 lai (đọc li cho hợp vận), tên một thứ cỏ, lá thơm ăn được. 君子 quān tử, chỉ những tân khách.

Đây cũng là bài ca nhạc thông dụng về yến tiệc cùng nhau, cho nên lời thơ nói rằng: Núi nam thì có cây dài, núi bắc thì có cỏ lai. Vui thay những tân khách! Thì đó là nền tảng của nước nhà. Vui thay những tân khách! Thì sông lâu muôn tuổi không hạn kỳ. Nói như thế là để bày tỏ cái ý tôn trọng tân khách của chủ nhân, khen tặng đức hạnh của tân khách và chúc tân khách đặng sống lâu.

CHƯƠNG II

南山有桑

7. Nam sơn hữu tang,

北山有楊

8. Bắc sơn hữu dương.

樂只君子

9. Lạc chỉ quān tử!

邦家之光

10. Bang gia chi quang.

樂只君子

11. Lạc chỉ quān tử!

萬壽無疆

12. Vạn thọ vô cương.

Dịch nghĩa

- Núi nam có cây dâu,
- Núi bắc có cây dương.

9. Vui thay những tân khách!
10. Đó là ánh sáng rạng rỡ của nước nhà.
11. Vui thay những tân khách!
12. Được sống lâu muôn tuổi không giới hạn.

Dịch thơ

Núi nam thì có cây dâu.

Cây dương núi bắc lên cao rướm rà.

Vui thay tân khách tài hoa!

Đó là ánh sáng nước nhà vè vang.

Vui thay tân khách hiên ngang!

Sóng lâu muôn tuổi cùu tràng vô biên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|----------------------|
| 南山有杞 | 13. Nam sơn hữu khỉ, |
| 北山有李 | 14. Bắc sơn hữu lý. |
| 樂只君子 | 15. Lạc chỉ quân tử, |
| 民之父母 | 16. Dân chi phụ mẫu. |
| 樂只君子 | 17. Lạc chỉ quân tử! |
| 德昔不已 | 18. Đức âm bất di. |

Dịch nghĩa

13. Núi nam có cây khỉ,
14. Núi bắc có cây lý.
15. Vui thay những tân khách!
16. Là bậc cha mẹ của dân.
17. Vui thay những tân khách!
18. Tiếng tốt không dứt.

Dịch thơ

*Núi nam cây khỉ mọc dài,
Lý bên núi bắc lên cây rướm rà.
Vui thay tân khách tài hoa!
Thật là đáng bậc cha dân lành.
Vui thay tân khách hùng anh!
Tiếng thơm không dứt lưu danh đời đời.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 杞 khỉ, thứ cây giống như cây sự, có một tên nữa là cầu cốt.

CHƯƠNG IV

南山有栲
北山有杻
樂只君子

19. Nam sơn hữu khảo,
20. Bắc sơn hữu nữu.
21. Lạc chỉ quân tử!

遐不眉壽

22. Hà bất my tho?

樂只君子

23. Lạc chỉ quân tử!

德昔是茂

24. Đức âm thị mậu.

Dịch nghĩa

19. Núi nam có cây khảo,

20. Núi bắc có cây nữu.

21. Vui thay những tân khách!

22. Sao lại không sống lâu, lông mày mọc ra dài?

23. Vui thay những tân khách!

24. Tiếng tốt dồi dào

Dịch thơ

Núi nam cây khảo rành rành,

Ở bên núi bắc nữu tranh mọc đầy

Vui thay tân khách anh tài!

Lẽ nào chẳng được mày dài sống lâu?

Vui thay tân khách anh hào!

Tiếng thơm không dứt dồi dào truyền xa.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 楷 *khảo* (đọc *khǎu* cho hợp vận), cây sơn cư. 伍 *nữu*, cây ức. 遐 *hà* thông dụng như chữ 𠙴 *hà* là sao? 眉壽 *my tho* (đọc *trāu* cho hợp vận), lông *my* có cọng dài khi người đã già.

CHƯƠNG V

- | | |
|------|-----------------------|
| 南山有枸 | 25. Nam sơn hữu củ, |
| 北山有楛 | 26. Bắc sơn hữu dũ. |
| 樂只君子 | 27. Lạc chỉ quân tử! |
| 遐不黃耇 | 28. Hà bất hoàng cẩu? |
| 樂只君子 | 29. Lạc chỉ quân tử! |
| 保艾爾後 | 30. Bảo ngài nhĩ hậu. |

Dịch nghĩa

25. Núi nam có cây củ.
26. Núi bắc có cây dũ.
27. Vui thay những tân khách!
28. Sao lại không sống lâu, tóc bạc trở thành màu vàng,
mặt nổi đốm đen?
29. Vui thay những tân khách!
30. Con cháu sẽ được nuôi dưỡng yên ổn.

Dịch thơ

Núi nam cây củ xanh rì.

Ở bên núi bắc dũ thì tốt tươi.

Vui thay tân khách các người!

Sao không vàng tóc da môi sống lâu?

Vui thay tân khách anh hào!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 柏 củ, cây chỉ củ, cây cao lớn như cây bạch dương, có trái ở đầu cành to như ngón tay, dài vài tấc, ăn ngon ngọt như mứt, tháng 8 trái chín, cũng gọi là mộc mật (cây mật). 檀 dū, cây thủ tử, lá cây và sớ gỗ như cây thu, cũng gọi là cây khổ thu. 皇 hoàng, vàng, người già tóc bạc trở thành màu vàng. 者 cǎu, người già thi mặt nỗi đốm đen như màu trái đồng lê, như có đất đen bám vào. 保 bǎo, yên. 艾 ngài, nuôi dưỡng.

Thiên Nam sơn hữu dài có 5 chương, mỗi chương 6 câu.

Lời giải thuyết xem ở thiên *Ngư ly*.

BÀI THÚ 178

由儀

Do nghi. (Bách hoa 8)

Lời giải thuyết xem ở thiên *Ngư ly*. (Thiên *Do nghi* cũng là bài thơ nhạc sáo, không có lời).

BÀI THÚ 179

CHƯƠNG I

蓼蕭

Lục tiêu. (Bách hoa 9)

蓼彼蕭斯

1. Lục bỉ tiêu tư,

零露湑兮

2. Linh lộ tứ hề.

既見君子

3. Ký kiến quân tử,

我心寫兮

4. Ngā tâm tả hề.

燕笑語兮

5. Yến tiếu ngữ hề.

是以有譽處兮

6. Thị dĩ hữu dự xứ hề.

Dịch nghĩa

1. Cỗ tiêu kia đã lớn, cao lện,
2. Được sương lộ rơi xuống thâm nhuần (như bê tông được ơn mưa móc của vua)
3. Đã gặp chư hầu.
4. Thị lòng ta (thiên tử nhà Chu) là làm không có ân hận gì nữa.
5. Ăn uống cười nói với nhau.
6. Là để có sự yên vui đẹp đẽ với nhau.

Dịch thơ

Cỗ tiêu nay đã lớn cao,

Móc sương nhuần đượm dõi dào tốt tươi.

Chư hầu nay đã gặp rồi.

Làu làu chẳng bợn, thảm thời tắc lòng.

Nói cười uống vui chung.

Cho niềm vui đẹp kết đồng với nhau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 翩 lục, dáng to lớn. 翩 tiêu, cỗ hao. 滑 tú, tức là 滑然 tự nhiên dâng xương lộ phủ lên trên cỗ tiêu. 君子 quán tú, chỉ chư hầu. 寫 tả (đọc tú cho hợp vận), trừ sạch hết. 燕 yến, yến ẩm. 譬 dụ, tiếng tốt. 處 xứ, an

lạc, yên vui. Tô thị nói rằng: 雖 *dự* thông dụng với 猶 *dự* là vui. Phàm những chữ 雖 *dự* trong kinh *Thi* đều nói là vui. Nói như thế cũng thông lý.

Chư hầu đi triều kiến thiên tử, thiên tử cùng chư hầu yến tiệc với nhau để tỏ lòng nhân ái thương yêu, cho nên mới hát bài thơ này lên. Nói rằng: Cỏ tiêu kia đã cao lớn thì sương lộ lại nồng đậm phủ lên. Đã gấp chư hầu thì lòng ta lầu lầu không còn ân hận nữa, cho nên ăn uống cười nói để yên vui tốt đẹp với nhau.

Nói đã gấp (ký kiến) là vì hát vào lúc mới bắt đầu ăn uống với nhau.

Chú giải của Dịch giả

斯 *tư*, ngũ tú, tiếng dệm ở cuối câu. 路 *linh*, rơi xuống.

CHƯƠNG II

蓼彼蕭斯

7. Lục bỉ tiêu tư

零露瀼瀼

8. Linh lộ nhương nhương

既見君子

9. Ký kiến quân tử,

為龍為光

10. Vi long vi quang

其德不爽

11. Kỳ đức bất sàng,

壽考不忘

12. Thọ khảo bất vong

Dịch nghĩa

7. Cỏ tiêu kia đã cao lớn.
8. Được sương lộ rơi xuống đầm đìa.
9. Đã gấp được chư hầu,
10. Thì thấy chư hầu đều được yêu mến, đều được vinh quang
11. Nếu đức hạnh của chư hầu không có điều chi sai lầm
12. Thì chư hầu sống lâu đến già vẫn được ta nhớ mãi i, không quên bỎ.

Dịch thơ

Lớn cao kia đám cỏ tiêu

Đã nhờ sương lộ xuống nhiều tốt tươi.

Chư hầu nay đã gấp rồi,

Thấy đều được mến, rạng người vinh quang

Sai lầm, đức hạnh chẳng mang,

Sống lâu tuổi tho, ta càng chẳng quên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 濡濡 *nhuơng nhuơng*, dáng nhiều sương lộ. 龍 *long*, sủng ái yêu mến vinh hạnh . 為龍為光 *vi long vi quang* được yêu mến được vinh uang, là lời mừng đức hạnh của người. 爽 *sang* (đọc sang cho hợp vận), sai. Đức hạnh của chư hầu không có chỗ nào sai lầm, thì sống đến già cũng không bị quên. Đó là lời khen tặng để chúc mừng chư hầu, và cũng nhân đây để khen chư hầu nữa.

CHƯƠNG III

蓼彼蕭斯	13. Lục bỉ tiêu tư,
零露泥泥	14. Linh lộ nê nê
既見君子	25. Ký kiến quân tử.
孔燕豈弟	16. Khổng yến khải đế.
宜兄宜弟	17. Nghi huynh nghi đệ.
令德壽豈	18. Linh đức thọ khải.

Dịch nghĩa

13. Cỏ tiêu kia đã cao lớn
14. Được sương lộ rơi xuống thầm nhuần.
15. Đã gặp được chư hầu.
16. Thì là rất yên vui dễ dàng.
17. Chúc mừng cho chư hầu, anh em được hoà thuận với nhau.
18. Đức hạnh ấy được đẹp đẽ, tuổi thọ được lâu dài vui vẻ.

Dịch thơ

Cỏ tiêu kia đã cao rồi,

Móc sương nhuần đượm tốt tươi dồi dào.

Nay đã gặp được chư hầu.

Thầy đều vui đẹp cùng nhau an bình.

Anh em hòa nhã thuận tình.

Đức đẹp đẽ niên linh thọ dài.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 泥泥 *nē nē*, dáng sương lộ thâm nhuần. 孔 *khổng*, rất. 壴 *khải*, vui. 弟 *dê*, dễ dàng. 宜兄宜弟 *nghi huynh nghi đệ*, như nói 宜其家人 *nghi kỵ gia nhán* là người trong nhà đều hoà thuận yên ổn. Vì rằng vua chư hầu đều cha truyền con nối, phần nhiều hay nghi kỵ anh em, như những việc Tân Kiệm sợ bị anh kể tội. Cho nên lấy việc anh em hoà thuận để khen nhau và cũng là để răn dạy vậy. 詩 壴 *tho khải* (đọc *khể* cho hợp vận), sống lâu mà lại vui vẻ.

CHƯƠNG IV

蓼彼蕭斯

19. Lục bỉ tiêu tư

零露濃濃

20. Linh lộ nùng nùng

既見君子

21. Ký kiến quân tử

惄革沖沖

22. Điều cách trùng trùng,

和鸞離離

23. Hoà lan ung ung,

萬福攸同

24. Vạn phúc du đồng.

Dịch nghĩa

19. Cỏ tiêu kia đã cao lớn

20. Được sương lộ rơi xuống dày đặc.

21. Đã gặp được chư hầu

22. (Thì thấy) đầu dây cương buông thông xuống dịu dàng,

23. (Và nghe) tiếng chuông treo ở đầu xe và chuông reo
ở hàm ngựa khua vang hòa điệu,

24. Thì bao nhiêu phúc hậu đều quy tụ vào chư hầu ấy.

Dịch thơ

Vượt cao tiêu mọc thẳng thời,

Móc sương nhuần đượm khắp nơi phủ đầy.

Chư hầu đã gặp hôm nay,

Đầu cương buông rủ lắc lay dịu dàng

Tiếng chuông hòa điệu khua vang

Bao nhiêu phúc hậu chứa chan tụ vào

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng 浓濃 *nùng nùng* (đọc nồng nồng), dáng đầy nhiều 像 *diều*, thuộc dây cương. 革 *cách*, đầu dây cương. 條 *diều cách*, phần đầu dây cương thòng xuống từ chỗ tay mình nắm. 冲冲 *trùng trùng*, dáng thong xuống. 和 *hoa*, 緣 *loan*, đều là chuông, lục lạc, thứ treo ở cây đòn dựa trước mặt xe gọi là hoà, thứ treo ở hàm ngựa gọi là loan, đều là những vật trang sức xe ngựa của chư hầu. Thiên Đình liệu (trong Đồng cung chi tập phần Tiểu nhã) cũng lấy tiếng quân tử để gọi chư hầu, để khen cờ loan kỳ đẹp đẽ, chính cũng là loan ấy. 故 *du*, sở, chốn. 同 *đồng*, tụ lại.

Thiên Lục tiêu có 4 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THÚ 180

CHƯƠNG I

湛露	Trầm lộ (Bạch hoa 10)
湛湛露斯	1. Trầm trầm lộ tư,
匪陽不晞	2. Phỉ dương bất hy.
厭厭夜飲	3. Yêm yêm dạ ẩm,
不醉無歸	4. Bất tuỷ vô quy.

Dịch nghĩa

1. Sương lộ đầm đìa,
2. Nếu không có mặt trời thì không khô được.
3. Yến ẩm trong ban đêm yên vui với nhau,
4. Nếu không say mèm thì không được về.

Dịch thơ

*Lộ sương rơi xuống đầm đê,
Nếu không mặt nhật, chẳng hề khó đâu.
Chung vui yến ẩm đêm thâu,
Chẳng say chẳng được cùng nhau lui về.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng 湛湛 *trầm trầm*, dáng nhiều sương lộ. 阳 dương, mặt trời. 晒 hy, khô. 厥厥 *yêm yêm*, yên,

cũng có nghĩa là lâu, là đây đú. 夜飲 dạ ǎm, ăn uống riêng
tự trong ban đêm. Ban đêm có yến lể thì ở hai bậc thềm và ở
cửa đều có đặt cây nến to.

Đây cũng là bài thơ nói về thiên tử thiết đãi chư hầu.

Nói rằng: Sương lộ đậm đìa, nếu không có mặt trời thì
không khô được, để khởi hứng rằng ban đêm yên ǎm yên vui
với nhau, nếu không say mềm thì không được cho về. Vì đó là
bài thơ để hát khi cuộc dạ yến đã tàn.

CHƯƠNG II

湛湛露斯

5. Trầm trầm lộ tư

在彼豐草

6. Tại bỉ phong hảo,

厭厭夜飲

7. Yêm yêm dạ ǎm.

在宗載考

8. Tại tông tái khảo.

Dịch nghĩa

5. Sương lộ đậm đìa
6. Ở trên lớp cỏ rườm rà tươi tốt.
7. Yên ǎm trong ban đêm vui với nhau,
8. Ở trong tông thất thì thành công.

Dịch thơ

Lộ sương rơi xuống đậm đà.

Phủ lên đậm cỏ rườm rà xanh tươi

Ban đêm yên ǎm vui chơi,

Ở nhà tông thất ấy thời thành công

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 豐 phong, rườm rà tươi tốt. 宗 tông, nhà tông thất vì nơi đó thuộc về chính tẩm (chỗ ở chính thức của thiên tử). 考 khảo, thành.

CHƯƠNG III

湛湛露斯

9. Trầm trâm lộ tư,

在彼杞棘

10. Tại bỉ khỉ cức

顯允君子

11. Hiển doān quân tử

莫不令德

12. Mạc bất lệnh đức.

Dịch nghĩa

9. Sương lộ đầm đìa

10. Ở trên bụi cây khỉ cây gai.

11. Các tân khách chư hầu ấy đều tỏ rõ là những người đáng tin cậy của thiên tử

12. Không ai là không có đức tốt.

Dịch thơ

Lộ sương rơi xuống đặc dây,

Phủ lên bụi khỉ bụi gai dõi dào.

Đáng tin tân khách chư hầu,

Không ai chẳng có đức cao tuyệt vời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 顯 hiển, sáng tỏ. 尤 doán, tin. 爵子 quân tử, chỉ chư hầu làm tân khách đến yến ẩm. 令 linh, tốt, lành. 令德 linh đức, nói có đức tốt, uống rượu nhiều mà không rối loạn tinh thần, cái đức tốt ấy đủ để bồi dưỡng cho chư hầu ấy.

CHƯƠNG IV

其桐其椅

13. Kỳ đồng kỳ y,

其實離離

14. Kỳ thực ly ly.

豈弟君子

15. Khải đê quân tử,

莫不令儀

16. Mạc bất linh nghi.

Dịch nghĩa

13. Cây đồng và cây y

14. Trái thì đơm thòng xuống.

15. Các tân khách chư hầu đều vui vẻ dễ dàng,

16. Không ai là không giữ được uy nghi tuy là đã uống say.

Dịch thơ

Cây y lại với cây đồng,

Đôi đào trái đã đơm thòng khắp cây.

Dễ dàng tân khách vui thay!

Uy nghi vẫn giữ khi say ngà ngà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 離離 ly ly, rủ xuống. 令儀 linh
nghi, uy nghi tốt đẹp, nói uống say mà không mất uy nghi.

Chú giải của Dịch giả

豈弟 khải dẽ, vui vẻ dẽ dàng.

Thiên trām lộ có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

Trong truyện *Xuân thu*, Ninh vū tử nói rằng: Chư hầu vào chầu thiên tử để nhận những lời dạy bảo về chính trị thì được thiên tử thết yến để ăn uống vui chơi, cho nên mới trình bài thơ *Trām lộ* này mà hát.

Tăng thị nói rằng: Hai chương đầu thì nói ăn uống yên vui trong ban đêm, hai chương thì nói đức tốt và uy nghi tốt, tuy đã qua ba chén rượu mà cũng có thể nói là không đến nỗi rối loạn.

Bạch hoa chi thập có 10 thiên, mà 5 thiên không có lời thơ, có tất cả 23 chương và 104 câu.

THI KINH QUYỀN 5

3. ĐỒNG CUNG CHI THẬP.

(Mười thiên thuộc phần thơ Đồng cung).

BÀI THỨ 181

CHƯƠNG I

彤弓	Đồng cung. (Đồng cung 1)
彤弓弨 弓	1. Đồng cung siêu hế.
受言藏之	2. Thu ngôn tàng chi.
我有嘉賓	3. Ngā hữu gia tân.
中心貺之	4. Trung tâm huống chi.
鍾鼓旣設	5. Chung cổ ký thiết,
一朝饗之	6. Nhất triêu hưởng chi.

Dịch nghĩa

1. Cây cung đở đã mở dây ra,

2. Vua vừa nhận được (của anh thợ làm cung) thì trân trọng đem cất (ở vương phủ)
3. Ta có khách tốt,
4. Trong lòng thành thật định đem ban cho chư hầu có công
5. Chuông trống đã bày ra đánh lên,
6. Trong một buổi sớm ta thết tiệc rượu và ban cung đồ cho công thần.

Dịch thơ

Chiếc cung đỏ đã mở dây,

Vua vừa nhận được, mang ngay cát vào.

Ta thì có khách anh hào,

Chân thành ban tặng chư hầu có công.

Gióng lên nào cổ nào chung,

Sớm mai thết tiệc ban cung ân cần.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 彤弓 đồng cung, cây cung. 紫 siêu, dáng tháo mở ra. 賦 huồng (đọc hương cho hợp vận), cho. 韶 huồng (đọc hương cho hợp vận) cuộc uống rượu to tát để đãi tân khách.

Đây là bài ca nhạc về thiêng tử đai yến tiệc và ban cung tên cho chư hầu có công.

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: 受言藏之 thu ngôn tàng chi, (nhận được cây cung vừa làm xong thì đem cất ở vương phủ) là ý nói quý trọng cây cung. Thợ làm cung dâng cây

cung lên thì đem cất ở vương phủ để đợi cho người có công mà ban cho, không dám cho ai một cách khinh suất. 中心覲之 trung tâm huống chi (do ý thành thật yêu quý ở trong lòng mà ban cho) là ý nói thiên tử rất thành thật, trong lòng quả thật muốn ban cho, không phải do lẽ nào khác ở ngoài.

—朝饗之 *nhất triêu hương chi* (một buổi sớm thết yến và đem cung ra ban cho) là ý nói việc rất mau lẹ không trù trừ. Cây cung cát trong vương phủ: Một buổi sớm đem ra ban cho người, chưa từng có ý trù trừ giải đai tiếc của.

Đời sau lại coi những vật cát trong vương phủ là phần có riêng của mình, cho nên đã có việc lấy vũ khí cát trong kho ban cho những bể tội lộng quyền, thì so với việc đem cát cây cung mới làm xong vào trong phủ một cách rất quý trọng để chờ người có công mà ban cho thật khác xa nhau.

Việc ban cho áy nếu không vì lợi lộc dẫn dụ, thì cũng vì sự thế bức bách mà ra, cho nên đã có việc sớm thì ban cho thiết khoán (tờ khoán bằng sắt ghi công trạng để ngày sau có thể đem ra xin ân xá hay giảm tội nếu vị công thần áy mắc trọng tội) mà chiêu thì đem ra giết chết phanh thây. Thị so với việc do ý thành thật yêu quý ở trong lòng mà ban cho thật khác xa nhau.

Ôn trách thì ít ôi, tặng thường thì keo kiết khiến cho công thần ly toán phản loạn, cho nên đã có việc cái án đã mòn hú mà chẳng chịu trao cho kẻ bể tôi. Thị so với việc một buổi sáng thết tiệc và đem cung ban cho bể tôi thật là khác xa.

CHƯƠNG II

彤弓弨兮

7. Đóng cung siêu hế.

受言載之
我有嘉賓
中心喜之
鍾鼓旣設
一朝右之

8. Thụ ngôn tái chi.
9. Ngā hữu gia tân,
10. Trung tâm hỉ chi.
11. Chung cổ ký thiết,
12. Nhất triêu hựu chi.

Dịch nghĩa

7. Cung cây đỗ đã mở dây ra
8. Vua vừa nhận thì đem cất một cách rất quý trọng,
9. Ta có khách tốt
10. Trong lòng vui thích.
11. Chuông trống đã bày ra đánh lên,
12. Trong một buổi sớm ta mời chư hầu có công uống rượu.

Dịch thơ

Cây cung đỗ đã gỡ dây ra.

Tưng tiu đem cất khi đã nhận xong,

Ta nay có khách anh hùng.

Xiết bao vui thích trong lòng hôm nay!

Trống chuông bày đánh vui thay!

Khuyến mời tiệc rượu buổi mai ân cần.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 载 tái (đọc tứ cho hợp vận) . 喜

hỷ (đọc ký) vui. 右 hựu, khuyên mời tôn trọng.

CHƯƠNG III

形弓弨 弓

13. Đồng cung siêu hế.

受言橐之

14. Thủ ngôn cao chi

我有嘉賓

15. Ngā hữu gia tân,

中心好之

16. Trung tâm háo chi,

鍾鼓旣設

17. Chung cổ ký thiết,

一朝 酣之

18. Nhất triêu thù chi.

Dịch nghĩa

13. Cây cung đỗ đã mở dây ra,

14. Vua vừa nhận được thì lấy bao cung bọc lại

15. Ta có khách tốt.

16. Trong lòng vui thích.

17. Chuông trống đã bày ra đánh lên

18. Một buổi sớm thù tạc uống rượu với chư hầu có công

Dịch thơ

Cây cung đỗ gỡ dây xong.

Ta liền bọc lại ở trong bao rồi.

Có dây khách tốt bao người,

*Trong lòng ta thật thích vui rạt rào
Trống chuông khua đánh xôn xao,
Chung vui thù tạc chư hầu buổi mai.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 鼾 cao (đọc cáo), bao cung. 好 hảo hiếu, vui thích. 酣 thù, báo đáp. Theo lễ uống rượu, chủ nhân dâng chén rượu cho khách, thì khách mời lại chủ để báo đáp lại, và chủ lại rót rượu để tự uống với khách, chủ nhân uống xong bèn rót rượu mời khách uống nữa, như thế gọi là thù. Thù có nghĩa là đôn hậu khuyên mời.

Thiên Đồng cung có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

Theo truyện *Xuân thu*, Ninh Vũ tử nói rằng: *Chư hầu địch vương sứ khải, nhi hiến kỳ công, ư thị hồ lứ chi đồng cung nhất, đồng thi bách lự cung thi thiên, dī giác báo yến.* (= Chư hầu ra đương những việc mà thiên tử đã thịnh nộ để hiến công. Cho nên thiên tử ban cho một cây cung đỏ, một trăm tên đỏ với một cây cung đen một ngàn mũi tên để tỏ rõ sự báo đáp công lao mà yến ẩm vui chơi) . Có lời cho rằng: *Khải* là hòn giận, *giác* là tỏ rõ. Nói chư hầu có công ra đánh dẹp bốn giống rợ (Đông Di, Tây Nhụng, Nam Man, Bắc Dịch). Cho nên thiên tử ban cho cung tên và lại cho hái bài *Đồng cung* để tỏ rõ sự báo đáp công lao mà yến ẩm vui vẻ.

Trịnh thị nói rằng: Phàm chư hầu được ban cho cung tên là để về sau chuyên di chinh phạt.

Lữ thị ở Đông Lai nói rằng: Chuyên chinh phạt là nói việc đánh dẹp bốn giống rợ xâm lăng vào bờ cõi, hay những tội con soán ngôi, giết vua thì không cần phải báo cáo. Còn những việc khác về phép cứu phạt (9 việc đánh dẹp) thì thuộc về chức vụ của quan đại tư mã, chớ không phải là việc

chuyên trách của chư hầu. So với đời sau việc cường thàn
dâng hiếu lên vua là di chính phạt ngay, thật khác xa nhau.

BÀI THÚ 182

CHƯƠNG I

菁苦者莪
菁菁者莪
在彼中阿
既見君子
樂且有儀

Tinh tinh giả nga (Đồng cung 2)
1. Tinh tinh giả nga,
2. Tại bỉ trung a.
3. Ký kiến quân tử,
4. Lạc thả hữu nghi.

Dịch nghĩa

1. Cỏ nga đã mọc rườm rà,
2. Ở trong cái gò lớn kia.
3. Khi đã gặp tân khách quân tử rồi,
4. Thì lòng ta vui vẻ và có lẽ nghi.

Dịch thơ

*Cỏ nga đã mọc rậm đầy,
Ở trong gò lớn găm đầy khắp nơi.
Khách gặp quân tử gặp rồi,
Ta cùng nghi lễ vui tươi trong lòng*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 菁菁 *tinh tinh*, dáng rườm rà tươi tốt. 義 *nga*, cỏ la hoa. 中阿 *trung a*, tức là a trung (ở trong gò lớn), cái gò lớn gọi là a, 君子 *quân tử*, chỉ các tân khách.

Đây là bài thơ về yến âm tân khách. Nói rằng: Cỏ nga đã rườm rà trong cái gò lớn kia. Đã gặp tân khách rồi thì lòng ta vui vẻ và có lễ nghi.

Hoặc nói rằng lấy cỏ rườm rà để ví với dung mạo uy nghi của tân khách. Chương sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG II

菁菁者莪

在彼中沚

既見君子

我心則喜

5. Minh tinh giả *nga*,

6. Tại bỉ trung chỉ.

7. Ký kiến quân tử,

8. Ngā tâm tắc hy.

Dịch nghĩa

5. Cỏ nga đã mọc rườm rà,

6. Ở trong cái cồn nhỏ kia.

7. Khi ta gặp tân khách quân tử rồi,

8. Thì lòng ta vui vẻ.

Dịch thơ

Rậm dày chen mọc cỏ nga.

Ở trên cồn cỏ lan ra khắp cùng.

Khách người quân gặp xong.

Thì ta mừng rõ trong lòng xiết bao!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 中沚 trung chỉ tức là chỉ trung, trong cồn nhỏ. 喜 hỷ, vui.

CHƯƠNG III

菁普者莪

9. Tinh tinh giả nga,

在彼中陵

10. Tại bỉ trung lăng.

既見君子

11. Ký kiến quân tử,

錫我百朋

12. Tich ngã bách bằng.

Dịch nghĩa

9. Cỏ nga đã mọc rườm rà.

10. Ở trong cái gò kia.

11. Khi đã gặp tân khách quân tử rồi.

12. Thì ta vui mừng như ai cho ta một trăm bằng (500
trăm đồng tiền) vậy.

Dịch thơ

Cỏ nga đã mọc rậm nhiêu

Gò kia đã thay lan đều đâm cao.

Gặp người quân tử anh hào.

Mừng như vừa được tặng trao trăm bằng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 中陵 *trung lăng* tức là *lăng trung*, ở trong gò. Tiền tệ ngày xưa cứ 5 đồng gọi là một *bằng*. 錫我百朋 *tích ngã bách bằng*, cho ta một trăm bằng, tức là 500 đồng tiền, thấy bao nhiêu tiền ấy thì vui mừng lên như được số tiền rất nhiều. .

CHƯƠNG IV

汎汎楊遄

13. Phiếm phiếm dương chu.

載沈載浮

14. Tái trầm tái phù.

既見君子

15. Ký kiến quân tử,

我心則休

16. Ngã tâm tắc hưu.

Dịch nghĩa

13. (Khi chưa gặp quân tử tân khách thì lòng ta vô định) như chiếc thuyền bằng gỗ cây dương,

14. Khi chìm khi nổi.

15. Khi đã gặp tân khách quân tử rồi,

16. Thì lòng ta yên định.

Dịch thơ

Gỗ dương thuyền nợ vật vờ,

Khi chìm khi nổi lung lờ vật trôi

Khách người quân tử gặp rồi.

Lòng ta yên định vui tươi nhẹ nhàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 楊舟 dương chu, chiếc thuyền
bằng gỗ cây dương. 載 tái, thì. 載沉載浮 tái trầm tái phù,
khi chìm khi nổi như nói tái thanh tái trọc (khi trong khi
đục) và tái trì tái khu (khi chạy mau khi chạy gấp) để ví với
lúc chưa gặp tân khách thì lòng không an định. 休 hưu túc là
hưu hưu nhiên, ý nói đã yên định.

Thiên Tinh tinh giả nga có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THÚ 183

CHƯƠNG I

- | | |
|------|---------------------------|
| 六月 | Lục nguyệt. (Đồng cung 3) |
| 六月棲棲 | 1. Lục nguyệt tê tê, |
| 戎車既飭 | 2. Nhung xa kỵ sức, |
| 四牡騤騤 | 3. Tứ mãu quỳ quỳ. |
| 載是常服 | 4. Tái thị thường phục. |
| 玀狁孔熾 | 5. Nghiêm đoán khổng xí, |
| 我是用急 | 6. Ngã thị tâm cấp, |
| 王于出征 | 7. Vương vu xuất chinh, |
| 以匡王國 | 8. Dī khuông vương quốc. |

Dịch nghĩa

1. Tháng sáu rộn rịp không yên.
2. Bình xa đã nghiêm chỉnh,
3. Bốn con ngựa đực kéo những bình xa ấy đều mạnh mẽ.
4. Lại mặc nhung phục (quần áo mặc trong quân đội).
5. Quân rợ Địch rất đông,
6. Lòng ta khẩn cấp.
7. Vua sai xuất chinh.
8. Để chính định yên ổn nước của vua.

Dịch thơ

*Tháng sáu nay không yên rộn rịp,
 Bình xa bay liên tiếp nghiêm trang.
 Mạnh thay bốn ngựa sắp hàng!
 Ba quân đều mặc đàng hoàng nhung y.
 Quân rợ Địch kia thì đông khắp.
 Lòng ta thời khẩn cấp tiến binh.
 Vua sai ta gấp xuất chinh.
 Bảo toàn cương giới, an bình nước vua.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 六月 lục nguyệt, tháng sáu, tháng kiến vị. 棘棲 tê tê như遑遑 *hoàng hoàng*, dáng bất an. 戢車 *nhung xa*, xa binh. 筋 sức, nghiêm chỉnh. 駭駭 quỳ

quỳ, dáng mạnh mẽ. 常服 thường phục (đọc bậc cho hợp vận), quần áo thường mặc trong việc binh: Lấy da nhuộm đỏ làm mũ và lại làm áo với quần trắng, giày trắng. 獄狁 Nghiêm doãn tức Hiêm doãn, rợ Địch ở phương bắc. 孤 khổng, rất. 燥 xí, thịnh nhiều. 匡 khuông, làm cho ngay chính.

Khi Thành Vương và Khang Vương nhà Chu mất rồi, nhà Chu lần lần suy yếu. Đời thứ 8 là Lê vương tên Hồ bạo ngược, bị người nhà Chu đuổi, chạy ra ở đất Trệ. Rợ Bắc Địch vào xâm lăng tiến bức gần kinh kỳ. Lê vương băng, con là Tuyên Vương tên Tịnh lên ngôi, sai Doãn Cát Phủ làm tướng suý đem quân đánh đuổi rợ Địch thành công mà trở về.

Nhà thơ làm bài thi ca này để kể việc ấy ra như thế.

Theo sách *Tư mã Nhưỡng Tư binh pháp* thì mùa đông mùa hạ không được hưng binh. Nhưng nay là tháng 6 (cuối hạ) lại đem quân ra đi, vì quân rợ Địch rất đông, sự thế rất nguy cấp cho nên bắt đắc dĩ thiên tử mới sai xuất chinh vào thời ấy (tháng 6, cuối hạ) để chính đính nước của thiên tử.

CHƯƠNG II

比物四驪

9. Tỷ vật tứ ly

閑之維則

10. Nhàn chi duy tắc.

維此六月

11. Duy thử lục nguyệt,

既成我服

12. Ký thành ngã phục.

我服既成

13. Ngã phục ký thành,

于三十里

14. Vu tam thập lý.

王于出征

15. Vương vua xuất chinh,

以佐天子

16. Dì tá thiên tử.

Dịch nghĩa

9. Bốn con ngựa ô được chọn lựa theo sức lực
10. Đã được luyện tập đúng theo phép tắc.
11. Chỉ ở tháng 6 này.
12. Thị quân phục của ta được may xong.
13. Quân phục của ta được may xong,
14. Thị quân đội lên đường cứ đi 30 dặm thì lại dừng nghỉ.
15. Đó là theo lệnh vua dạy xuất chinh.
16. Để giúp vua dẹp yên bờ cõi.

Dịch thơ

Bốn ngựa ô chọn theo sức lực,

Tập luyện theo phép tắc tính rồi.

Chỉ trong tháng sáu hiện thời

Quân trang ta đã xong xuôi may thành.

Nhưng y đã rành rành may sắm.

Tiến quân ba mươi dặm thì đình.

Đây theo vua dạy xuất chinh.

Giúp vua dẹp giặc an bình biên cương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 比物 tí vật, cho sức lực cùng ngang đồng nhau. Phàm về đại sự như cúng tế, triều kiến, hội đồng thì chọn ngựa theo sắc lông mà ban cho. Phàm về quân sự, thì chọn ngựa theo vật lực mà ban cho. Ngựa mà chọn theo sắc lông thì phải đồng màu sắc với nhau. Ngựa mà chọn theo vật lực, thì phải đồng sức lực với nhau. Cát sự (như việc cúng tế, giá thú) thì chuộng về vân vẻ ở ngoài. Còn quân sự thì chuộng sức mạnh. 則 tắc, phép tắc. 服 phục (đọc bậc cho hợp vận) là nhung phục y phục của quân sĩ. 三里 tam thập lý, 30 dặm, đi 30 dặm thì dừng nghỉ một lần. Đời xưa người ta thường lựa ngày tốt mà đi một ngày 50 dặm, còn quân đội thì đi một ngày 30 dặm.

Đã chọn lựa theo vật lực mà còn nói bốn con ngựa ô (tứ ly) thì sắc lông của những ngựa lại đồng như nhau nữa, thì có thể thấy rằng ngựa có thừa thãi. Những ngựa ấy được tập luyện và đều đúng theo phép tắc, thì lại có thể biết rằng vốn trước đã được rèn dạy rồi. Cho nên trong tháng áy (tháng sáu), quân phục của ta liền được may xong. Quân phục của ta được may xong thì ngày áy lên đường, không thư thả không gấp rút, cứ hết một xá 30 dặm thì dừng nghỉ. Lại thấy được sự ứng biến mau lẹ, việc tùng sự nhanh chóng mà không mất pháp độ thông thường. Đến đây lệnh vua dạy xuất chinh là để ứng phó với việc thịnh nộ của vua mà ra công giúp vua dẹp yên bờ cõi.

CHƯƠNG III

四牡脩廣

其大有頤

17. Tứ mẫu tu quảng,

18. Kỳ đại hữu ngung.

薄伐嚴狁	19. Bạc phật Nghiêm doān
以奏膚公	20. Dī tấu phu công.
有嚴有翼	21. Hữu nghiêm hữu dực,
共武之服	22. Cung vũ chí phục.
共武之服	23. Cung vũ chí phục,
以定王國	24. Dī định vương quốc.

Dịch nghĩa

17. Bốn con ngựa đực (kéo xe) dài và to
18. Dáng to lớn giềng giàng.
19. Hãy đi đánh rợ Dịch ở phương bắc,
20. Để tiến dâng lên vua những công lao to tát.
21. Tướng súy lại uy nghiêm cung kính
22. Để cung ứng vào việc phục dịch vũ bị.
23. Cung ứng vào việc phục dịch vũ bị
24. Là để yên định nước của vua.

Dịch thơ

*Thân to dài bốn con ngựa đực,
Lớn to thay rất mực hiên ngang!
Hãy đi đánh rợ bắc phương,
Dâng lên thiên tử phi thường chiến công.*

Dã cung kính uy hùng tướng suý,

Để sung vào vũ bị chiến chinh.

Sung vào vũ bị quân binh.

Dẹp tan quân rợ an bình nước vua.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 僥 tu, dài. 廣 quǎng. 頤 ngung, dáng to lớn. 奏 tấu, tiến dâng lên. 膚 phu, to. 公 công, công lao. 嚴 nghiêm uy nghiêm. 翼 dực, kính. 爰 cung, đồng với. 供 cung là cung cấp. 服 phục (đọc bậc cho hợp vận), phục sự. Nói tướng suý đều nghiêm kín để cung ứng việc vũ bị.

CHƯƠNG IV

獮狁匪茹

25. Nghiêm doãn phi nhũ,

整居焦獲

26. Cảnh cư Tiêu Hộ,

侵鎬及方

27. Xâm Hạo cập Phương.

至于涇陽

28. Chí vu Kinh dương.

織文鳥章

29. Chi văn diểu chương

白旆央央

30. Bạch bại ương ương.

元戎十乘

31. Nguyên nhung thập thăng,

以先啓行

32. Dĩ tiên khải hành.

Dịch nghĩa

25. Quân rợ Địch chẳng tự lượng sức mình,
26. Cứ tề chỉnh xâm chiếm ở yên đất Tiêu đất Hộ,
27. Đã xâm nhập vào đất Hạo đất Phương.
28. Lại đến vùng Kinh Dương (phía bắc sông Kinh).
29. Mới bày bố những cờ có vẽ hình con chim con ó.
30. Đầu cờ có tua trắng rực rỡ tươi sáng,
31. Mười chiếc xe binh to lớn.
32. Mở đường dẫn đầu tiến tới (để xung phong đánh đuổi quân rợ Địch).

Dịch thơ

*Chẳng lượng mình những quân rợ ấy,
 Dám chỉnh tề chiếm lấy Hộ, Tiêu,
 Đất Phương, đất Hạo chiếm liêu,
 Kinh dương vùng ấy cũng diều binh sang.
 Cờ chim ó huy hoàng bày bố,
 Tua trắng bay rực rỡ sáng loà.
 Lớn lao mười chiếc binh xa.
 Mở đường tiến dẫn quân ta đánh tràn.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 范 nhũ, độ lường. 整 chỉnh, tề chỉnh. 焦 Tiết, 穢 Hộ, 鎬 Hạo, 方 Phương, đều là những tên đất. Đất Tiêu thì chưa rõ ở đâu. Đất Hộ thì ông Quách Phác

cho là đất Hỗ trung, tức nay là huyện Tam Nguyên tại Diệu Châu. Đất Hạo thì ông Lưu Hương cho là ở xa ngàn dặm về phía bắc chớ không phải đất Hạo là chốn kinh đô nhà Chu, và cũng không rõ đất Hạo xa xôi ấy là ở đâu. Còn đất Phương thì nghi tức là sóc phương, phương bắc. 涇陽 *Kinh dương*, phía bắc sông kinh ở về phía tây bắc đất Phong, đất Hạo, nói những vùng bị giặc xâm nhập. 至 chí đồng với 執 xí là cờ xí. 鳥章 *diểu chương*, cờ có vẽ hình con chim ó. 白旆 *bạch bai*, những tua trắng nối theo lá cờ triệu (cờ có vẽ hình con rắn) 央央 *ương ương*, dáng tươi sáng. 元 *nguyễn*, to. 戎 *nhung* là nhung xa, xe binh, đội đi đầu xung phong của quân lữ. 啓 *khải*, mở ra. 行 *hành* (đọc hàng cho hợp vận), đường đi. *Khải hành* là như nói phát trình, lên đường.

Nói quân rợ Dịch không biết tự lượng sức mình, xâm nhập vào để cướp phá như thế. Cho nên ta mới dựng những cờ ấy lên, chọn những phần tử bén nhọn để xung phong lướt tới, lên tiếng hạch tội của chúng ra để trừu trị. Ngay thẳng và mạnh mẽ giữ đúng theo pháp luật mà giỏi gián đạo quân ấy không đánh thì thôi, hễ đánh thì tất phải thắng.

CHƯƠNG V

戎車既安

33. Nhung xa ký an,

如輕如軒

34. Như trí như hiên.

四牡既佶

35. Tứ mâu ký cát.

既佶且閑

36. Ký cát thả nhàn

薄伐 獄狁

37. Bạc phạt nghiêm doãn.

至于大原

38. Chí vu Thái Nguyên.

文武吉甫

39. Văn vũ Cát Phù.

萬邦爲憲

40. Vạn ban vi hiến.

Dịch nghĩa

33. Bình xa đã yên chỉnh,
34. Như xe trí (thứ xe gục xuống) như xe hiên (thứ xe cát lên) rất vững vàng thích hợp điều hoà.
35. Bốn con ngựa đực đã mạnh mẽ.
36. Đã mạnh mẽ lại được luyện tập thuần thực.
37. Hãy đi đánh dẹp quân rợ Dịch,
38. Duỗi đến đất Thái nguyên.
39. Quan đại tướng Đoan Cát phủ lúc ấy văn vũ toàn tài.
40. Trị nước như thế mới là phép tắc của muôn nước.

Dịch thơ

Xe binh đã chỉnh yên toàn mỹ.

Như xe hiên xe trí vững vàng.

Mạnh hùng bốn ngựa sấp hàng,

Đã dư mạnh mẽ lại càng luyện tinh.

Ta hãy kíp đi bình lù giặc

Đuỗi ra khỏi đất Thái Nguyên.

Vũ văn Cát Phù vẹn tuyễn

Làm gương muôn nước trị yên sơn hà

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 軒 *trí*, xe gác xuống như chuí tới trước (*trí* là xe trước thấp sau cao). 軒 *hiên*, xe cát lên như lùi ra sau (*hiên* là xe trước cao sau thấp). Phàm về xe, nếu ở sau mà nhìn nó như xe *trí* (trước thấp sau cao) và ở phía trước mà nhìn nó như xe *hiên* (trước cao sau thấp) thì xe ấy mới thích hợp điều hòa. 信 *cát*, dáng tráng kiện. 太原 *Thái nguyễn*, tên đất, cũng gọi là Thái lỗ, nay ở huyện Dương Khúc phủ Thái nguyên. 至于太原 *chí vu Thái Nguyên*, ý nói đuổi quân rợ Địch ra khỏi đáy mà thôi, không rượt đuổi quá bức. Đạo của tiên vương trị những rợ Nhung rợ Địch là như thế. 吉甫 *Cát Phủ* tức là Doãn Cát Phủ, viên đại tướng thời bấy giờ. 売 *hiên* (đọc *hiên* cho hợp vận), phép.

Không có văn chương thì không lấy gì để dân chúng nhờ cậy được, còn không có vũ khí thì không lấy gì để mà thị uy với quân địch. Phải vừa có văn vừa có vũ, muôn nước phải lấy đó làm phép tắc để trị yên nước.

CHƯƠNG VI

吉甫燕喜

41. Cát Phủ yến hī.

既多受祉

42. Ký đa thụ chỉ.

來歸自鎬

43. Lai quy tự hạo

我行永久

44. Ngã hành vīnh cửu.

飲御諸友

45. ām ngự chư hữu.

魚鼈膾鯉

46. Bào biết khoái lý,

侯誰在矣

47. Hâu thùy tại hī?

Dịch nghĩa

41. Đại tướng Cát Phủ yên ấm vui vẻ,
42. Đã nhận được nhiều phúc lộc.
43. Từ đất Hạo xa xôi trở về.
44. Ta đi lâu ngày (mà trở về đây),
45. Cho nên ta thết đãi các bạn bè ăn uống.
46. Nào là món ba ba nướng, món gỏi cá gáy,
47. Vậy có ai trong số khách đến dự áy?
48. Có Trương Trọng là người hiếu với cha mẹ và tốt với bạn bè.

Dịch thơ

Tướng Cát phủ hân hoan yên tiệc.

Phúc lộc thì hưởng thật đây đủ.

Từ xa đất Hạo về đây,

Trải qua đằng đẵng bao ngày dài ghê.

Ta thết đãi bạn bè ăn uống.

Gỏi lý ngư, biêt nướng cỗ đây.

Khách thì hỏi có nào ai?

Có Trương Trọng bức thảo ngay, bạn hiền.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 祀 *chi*, phước. 御 *ngự*, tiến dâng. 俟 *hái*, duy, lại. 張仲 *Trương Trọng* là bạn của đại tướng Cát Phủ. 孝 *hiếu*, khéo thờ cha mẹ gọi là hiếu. 反 *hữu* (đọc *vī* cho hợp vận), khéo giao du với bạn bè gọi là hữu.

Đây nói việc đại tướng Cát Phủ yến ấm vui vẻ, nhận được nhiều phúc lộc. Vì rằng đại tướng từ đất Hạo xa xôi trở về phải đi quá lâu ngày tháng. Cho nên đại tướng mới đem rượu và món ăn lên dâng bạn bè, mà trong số bạn bè ấy có ông Trương Trọng là người hiếu với cha mẹ, tốt với bạn bè. Nói rằng những vị yến tiệc toàn là người hiền để khen Cát Phủ và ca ngợi cuộc yến tiệc ấy.

Thiên lục nguyệt có 4 chương, mỗi chương có 8 câu.

BÀI THÚ 184

CHƯƠNG I

采芑

Thái khỉ. (Đồng cung 5)

薄言采芑

1. Bạc ngôn thái khỉ,

于彼新田

2. Vu bỉ tân diền,

于此菑畝

3. Vu thử trị mấu.

方叔涖止

4. Phương Thúc lý chi.

其車三千

5. Kỳ xa tam thiên.

師干之試

6. Sư can chi thí.

方叔率止	7. Phương Thúc suất chi.
乘其四驥	8. Thừa kỳ tứ kỳ.
四驥翼翼	9. Tứ kỳ dực dực.
路車有奭	10. Lộ xa hữu hất,
簟茀魚服	11. Đệm phắt ngư phục,
鉤膺儻革	12. Câu ưng diều cách.

Dịch nghĩa

1. Hãy hái rau khỉ,
2. Ở đám ruộng mới khẩn hai năm kia
3. Và ở mâu ruộng mới khẩn một năm này.
4. Tướng Phương Thúc đến duyệt qua.
5. Bình xa của ngài đến ba ngàn cỗ.
6. Quân sĩ nhiều đồng mà lại được luyện tập.
7. Tướng Phương Thúc thống lãnh tất cả.
8. Ngài đi chiếc xe có bốn ngựa kỳ màu xanh đen.
9. Bốn ngựa kỳ ấy rất thuận hòa theo thứ tự.
10. Bình xa thì sơn màu đỏ.
11. Có đệm vuông bằng tre bông phủ lên, và có ống tên
đằng da cá.
12. Ngựa thì có hai cái móc ở hàm thiết và có dây đái to
bằng da buộc ở ngực, đầu dây cương thừa ra thông xuống khi
cầm nắm.

Dịch thơ

*Rau khỉ nọ ta đi lặt hái,
Khẩn hai năm ruộng ấy, đến nơi,
Đến vùng mới khẩn năm rồi.
Tướng quân Phương Thúc đến thời duyệt qua.
Xe binh nhiều đến ba ngàn chiếc.
Binh sĩ đông đặc biệt tập tành.
Tướng quân Phương Thúc thống binh.
Đi xe bốn ngựa kỳ xanh đen này.
Có thứ tự thuần bảy bốn ngựa.
Binh xa sơn màu lửa chói hồng.
Ông tên phủ đệm tre bông.
Ngựa đai hàm thiết, buông thòng đầu cương.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 芭 khỉ, rau đắng, màu xanh trắng, ngọt cái lá thì có mủ trắng chảy ra, khi lên tươi tốt thì có thể ăn sống, cũng có thể chưng mà ăn, tức nay là rau khổ mài. Cho ngựa ăn cũng được, lúc hành quân thì hái rau ấy, lính và ngựa đều ăn được. 畈 tri, ruộng mới khẩn một năm gọi tri, hai năm gọi tân điền, ba năm gọi dư. 方叔 Phương Thúc, tên quan khanh sĩ của Tuyên vương, nhận mệnh lệnh ra làm tướng. 薦 ly, đến. 其車三千 kỳ xa tam thiên, binh xa có ba nghìn cỗ, vì theo phép thì mỗi chiếc xe binh (khinh xa) có ba người lính mặc giáp, bảy hai lính đi bộ, có hai năm lính

đem chiếc xe nặng (trọng xa) theo sau, là tất cả chẵn một
trăm người. Nhưng đây cũng là nói cho hết sức đông đảo,
chưa át thật đã có dùng đến số ấy. 防_{sư}, đông nhiều. 卫_{can},
bảo vệ, chống cự. 試_{thí} (đặc thí), tập luyện. Nói đã nhiều
đông mà lại được tập luyện. 率_{suất}. thống lãnh cả. 翼翼_{dực}
{dực}, dáng thuận theo thứ tự. 路{xa}, xe binh. 駕_{hất},
dáng màu đỏ. 翼第_{diệm} phát, lấy đệm vuông bằng tre bông
phủ lên xe binh. 鉤膺_{cầu} ưng, dây cương ở hàm thiết ngựa
có cái móc, còn chỗ ngực con ngựa có dây đai to để cột. 緣革_{diều} cách, phần đầu dây cương thòng xuống từ chỗ tay mình
nǎm (xem lại thiên Lục tiêu).

Thời Tuyên vương rợ Man kinh làm phản, vua sai Phương Thúc đi đánh dẹp phương nam. Quân sĩ đi hái rau
khi mà ăn, cho nên phô tràn việc ấy mà khởi hứng nói rằng:
Hãy hái rau khi ở dám ruộng mới khẩn hai năm kia và ở
mẫu ruộng mới khẩn một năm này. Tướng quân. Phương
Thúc đến, binh xa có đến ba ngàn cỗ, quân sĩ rất đông và
được luyện tập. Lại nói đến binh xa và chiến mã dẹp đê để
thấy rằng dung trạng quân đội rất phán khởi thịnh vượng.

CHƯƠNG II

薄言采芑

13. Bạc ngôn thái khỉ,

于彼新田

14. Vu bỉ tân diền,

于此中鄉

15. Vu thử trung hương.

方叔蒞止

16. Phương Thúc lỵ chí.

其車三千

17. Kỳ xa tam thiên.

旂旂央央

18. Kỳ triêu ương ương

方叔率止	19. Phương thúc xuất chỉ.
約軛 錯衡	20. Ước chỉ thác hành.
八鸞瘞瘞	21. Bát loan thương thương.
服其命服	22. Phục kỳ mệnh phục.
未芾斯皇	23. Chu phát tư hoàng,
有瘞蕙珩	24. Hữu thương thông hành.

Dịch nghĩa

13. Hãy hái ra khỉ,
 14. Ở trong ruộng mới khẩn hai năm kia,
 15. Và trong ruộng ở làng này.
 16. Tướng quân Phương Thúc đến duyệt qua.
 17. Bình xa của ngài đến ba ngàn cỗ.
 18. Cờ kỳ (vẽ rồng giao kết với nhau), cờ triều (vẽ con rắn quấn con rùa) đều tươi sáng.
 19. Tướng Phương Thúc thống lãnh cả quân đội.
 20. Đùm bánh xe thì có bọc da, cây ngang ở đầu gọng xe rắn rít nhiều màu.
 21. Tám cái chuông đeo ở hai bên bốn hàm thiết ngựa khua lên reng reng
 22. Tướng quân mặc y phục theo cấp bậc của vua ban
 23. Có tấm phát đỏ chói lọi,
 24. Có viên ngọc hành màu xanh khua lên tiếng xoang xoảng.

vịnh thơ

Hái rau khỉ, đi tìm rau khỉ,

Ruộng hai năm quyết ý tìm ra.

Ruộng làng đến hái gần xa.

Tướng quân Phương Thúc duyệt qua quân tình.

Ba ngàn cỗ xe binh đông đặc.

Cờ triệu kỳ màu sắc tinh anh.

Tướng quân Phương Thúc tống binh

Đùm xe da bọc, ách xinh nhiều màu.

Tám chuông khua xôn xao mỗi lúc.

Tướng quân dùng nhung phục vua ban,

Phất màu đỏ chói rõ ràng,

Ngọc hành xanh biếc dịu dàng nghe khua.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 中鄉 *trung hương*, làng dân ở thì ruộng ở đây càng được săn sóc hơn. 約 ước, cột. 軛 chỉ cái dùm bánh xe. Lấy da cột bó cái dùm của cỗ binh xa và lấy màu đỏ trang sức lên. 錯 thác, rắn. 緣 loan, chuông đeo ở hai bên hàm thiết ngựa. mỗi bên mép một cái. Có bốn ngựa kéo xe thì được 8 cái chuông. 琪琪 *thương thương*, tiếng chuông khua reng reng. 命服 *mệnh phục*, y phục của thiên tử ban theo cấp bậc. 朱芾 *chu phát*, tấm phủ che đầu gối màu vàng và màu đỏ. 皇 *hoàng* như 煌煌 *hoàng hoàng*, rực rõ. 琪 *thương*, tiếng ngọc khua. 蕙 *thông*, xanh như màu cây hành.

衡 *hành* (đọc *hang* cho hợp vận), viên ngọc đầu tiên đặt ngang trong một xâu ngọc. Theo kinh Lê, làm quan bậc tam mệnh thì được tấm phát đỏ, viên ngọc hành xanh.

CHƯƠNG III

歛 彼 飛 隼

25. Duật bỉ phi chuẩn,

其 飛 羁 天

26. Kỳ phi lệ thiên.

亦 愛 止

27. Diệc tập viên chỉ.

方 叔 淹 止

28. Phương Thúc ly chỉ,

其 車 三 千

29. Kỳ xa tam thiên.

師 千 之 試

30. Sư can chi thí.

方 叔 率 止

31. Phương Thúc suất chỉ,

鉦 人 伐 鼓

32. Chinh nhân phạt cổ.

陳 師 鞠 旅

33. Trần sư cúc lữ.

顯 允 方 叔

34. Hiển doãn Phương Thúc.

伐 鼓 淵 淵

35. Phật cổ uyên uyên.

振 旅 閨 閨

36. Chân lữ diền diền.

Dịch nghĩa

25. Con chim cắt kia bay mau.

26. Nó bay vút lên tận trời.

27. Rồi tụ chung lại ở chỗ đậu (như quân sĩ nhanh nhẹn tiến tới và lui về có tiết độ).
28. Tướng Phương Thúc đến duyệt qua.
29. Bình xa của ngài đến ba ngàn cõi.
30. Quân sĩ đã đông nhiều mà lại được luyện tập.
31. Tướng Phương Thúc đã thống lãnh cả quân đội.
32. Người đánh chiêng đánh trống.
33. Dàn quân ra, đọc lời thề răn dạy quân sĩ.
34. Để quân sĩ tin tưởng rõ ràng tướng Phương Thúc.
35. Đánh trống nghe tùng tùng để quân sĩ tiến tới.
36. Khi đánh xong thu quân, cũng đánh trống để quân đi trở về vị trí.

Dịch thơ

Bay mau tha kìa con chim cắt!

Nó vút lên tận sát lưng trời,

Tụ chung một chỗ mà thôi.

Tướng quân Phương Thúc đến thời duyệt qua.

Xe binh nhiều đến ba ngàn cõi.

Đông đảo thay quân số luyện binh!

Tướng quân Phương Thúc thống binh.

Trống chuông khua đánh rập rình khắp nơi.

Dàn quân ra đọc lời thề dạy.

Để quân tin tưởng soái chỉ huy.

Tùng tùng trống giục quân đi.

Chiến xong đánh trống biết khi lui về.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 隼 tuấn (quen đọc chuẩn), giống chim cắt thuộc loại ó, bay rất mau. 戰 lê, đến. 爰 viễn, ở. 鑄 chinh, cái chiêng, một thứ chuông có cán, cái nao, cái trạc. 伐 phạt, đánh. Đánh chiêng để quân sĩ yên định, đánh trống để quân sĩ hoạt động phán đấu. Chuông trống đều có người đánh, nhưng ở đây nói người đánh chiêng lại đánh trống (chinh nhân phạt cổ), đây là câu văn lẩn lộn. 鞠 cúc, cáo cho biết. 騕 sư, sư đoàn có 2500 người. 旅 lữ, lữ đoàn có 500 người.

Đây nói lúc sắp xáp chiến, dàn quân ra để đọc lời thề răn dạy các tướng sĩ biết mà tuân theo. Nói dàn quân ra và đọc lời thề răn dạy quân sĩ (trần sư cúc lữ) cũng là câu văn lẩn lộn. 淵渊 uyên uyên (đọc uân uân cho hợp vận), tiếng trống điều hoà không phải tiếng trống hung bạo giận dữ, nói lúc xáp chiến khiến quân sĩ tiến tới. 戢 chấn, dừng 旅 lữ quân sĩ. Nói đánh xong khiến quân sĩ dừng lại để thu quân.

Truyện Xuân thu nói rằng: Tiến quân ra gọi là tri binh, thu quân vào gọi là chấn lữ, là đấy. 開闢 diển diển (đọc dần cho hợp vận), cũng là tiếng trống, hoặc nói là đáng nhiều thịnh. Trình tử nói rằng: Thu quân về cũng đánh trống để đi đánh chiêng để dừng.

Nói rằng chim cắt bay vút đến trời rồi cùng tụ chung ở chỗ đậu, để khởi hứng quân sĩ rất đông nhiêu mà lui có tiết độ, như đoạn văn sau đã nói.

Chú giải của Chu Hy

駟 duật, đáng bay mau.

CHƯƠNG IV

蠡爾蠻荆	37. Xuân nhī Man kinh,
大邦爲讎	38. Đại bang vi thu.
方叔元老	39. Phương Thúc nguyên lão,
克壯其猶	40. Khắc tráng kỳ du.
方叔率止	41. Phương Thúc suất chỉ,
執訊獲醜	42. Chấp tấn hoạch xú.
戎車單嘒	43. Nhung xa than than.
嘒嘒 烥𤞵	44. Than than thôî thôî.
如霆如雷	45. Như đình như lôi.
顯允方叔	46. Hiển doãn Phương Thúc.
征伐獮狁	47. Chinh phạt Nghiêm doãn.
蠻荆來威	48. Man Kinh lai uy.

Dịch nghĩa

37. Rợ Man ở Kinh châu chúng bảy quá ngu xuân,
38. Lại lấy nước to là nước Tàu làm thù địch.
39. Tướng Phương Thúc tuy là bức đại lão,
40. Nhưng về bàn mưu định chươn thì người còn tráng kiên lắm.
41. Tướng Phương Thúc thống lĩnh cả quân đội.

42. Bắt được quân giặc mà tra tấn và bắt được đồng bọn
rất đông.
43. Bình xa của ngài rất nhiều.
44. Đã nhiều mà lại sung túc hứng khởi.
45. Uy vũ như sấm như sét.
46. Rõ là đáng tin tưởng Phương Thúc.
47. Đã đánh dẹp rợ Bắc Địch.
48. Cho nên quân rợ Man ở Kinh châu nghe tiếng đã
khiếp sợ mà hàng phục.

Dịch thơ

Rợ Kinh châu chúng bày ngu dại.

Làm địch thù chóng lại bang ta.

Tướng quân Phương Thúc tuy già

Bày mưu định chước tài ba siêu quần.

Tướng Phương Thúc, ba quân thông suất

Khảo tra tù và bắt rất đông.

Binh xa điệp điệp trùng trùng,

Đã nhiều mà lại hăng lòng đấu tranh.

Khi uy vũ lôi đình chấn động

Phương tướng quân tài trọng đáng tin.

Bắc phương rợ Địch an bình.

Thảy đều khiếp phục, rợ Kinh châu nầy.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 蠢 xuǎn, dáng ngu dại, hành động mà không biết là thế nào. 燮荆 Man Kinh, rợ ở Kinh châu. 大邦 dài bang, nước to nói nước Tâu. 元 nguyễn, to, lớn. 猶 du, mưu. Nói Phương thúc tuy già mà bàn mưu định chước thì người còn tráng kiện lắm. 肉肉 than than, đông. 焦焦 thôî thôî, thịnh. 震 định, tiếng sấm nhanh. Phương Thúc vì thường có công đánh dẹp rợ Dịch phương bắc, cho nên giặc rợ ở Kinh châu nghe tiếng đều khiếp sợ đến hàng phục.

Thiên Thai khi có 4 chương, mỗi chương 12 câu.

BÀI THÚ 185

CHƯƠNG I

車攻	Xa công. (Đóng cung 5)
我車旣攻	1. Ngã xa ký công,
我馬旣同	2. Ngã mã ký đồng.
四牡龐龐	3. Tứ mãu lung lung,
駕言徂東	4. Giá ngôn tồ Đông.

Dịch nghĩa

1. Xe của ta đã vững chắc
2. Ngựa của ta đã đồng đều
3. Bốn con ngựa đực đều mạnh mẽ,

4. Thắng vào để đi sang Đông Đô.

Dịch thơ

Xe của ta nay đều vững chắc,
Ngựa của ta cũng rất chọn đồng.
Bốn con ngựa được mãnh hùng,
Thắng vào để chạy sang vùng Đông Đô.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 攻 công, chắc chắn. 同 đồng, đều, đều ngang nhau. Mao thi truyện nói rằng: Về cúng tế nơi tông miếu thì phải chọn những con vật cùng một màu lông với nhau, chuộng nhất là những con cùng một sắc (không lang không đốm). Về vũ bị chọn những con vật (ngựa) có sức mạnh đồng nhau, chuộng nhất là những con mạnh mẽ. Về đi săn thì chọn những con vật (chó săn, ngựa) chân chạy đồng nhau, chuộng nhất là những con chạy nhanh. 龐龐 lung lung, dáng đầy đủ mạnh khoẻ. 東 đông, Đông Đô, tức là Lạc Ấp.

Chu Công làm tướng quốc cho Thành vương, dựng Lạc áp làm Đông đô để chư hầu về chầu. Khi nhà Chu suy, lê chầu của chư hầu ấy bị phế bỏ đã lâu. Đến Tuyên vương trong lo việc chính trị, lo dẹp trừ rợ Nhung rợ Dịch, khôi phục lại lãnh thổ của Văn vương và Vũ vương, sửa sang xe ngựa, chuẩn bị khí giới, tụ tập chư hầu về chầu trở lại Đông Đô. Nhận những cuộc đi săn mà tuyển lựa binh xa và quân sĩ. Cho nên làm bài thơ này để khen tặng.

Chương đầu là những lời nói rộng về lúc sắp sang Đông đô.

CHƯƠNG II

田車既好	\	5. Điền xa kỵ hảo,
四牡孔阜		6. Tứ mãu khổng phu,
東有甫草		7. Đông hữu Phủ thảo.
駕言行寧		8. Giá ngôn hành thú.

Dịch nghĩa

5. Xe để đi săn đã tốt,
6. Bốn con ngựa đực kéo xe rất to lớn.
7. Phía đông có cái trâm Phủ thảo.
8. Thắng ngựa vào xe mà đi săn.

Dịch thơ

*Xe đi săn nay đã tốt thật,
Bốn ngựa to trông rất uy hùng.
Cái trâm Phủ thảo phía đông.
Thắng xe vào để ta cùng đi săn.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 田車 *diền xa*, xe để đi săn. 好 *hảo* (đọc hẫu cho hợp vận), tốt. 阜 *phu*, thịnh đại lớn lao. 甫草 *Phủ thảo*, tức là Phủ điền, về sau là đất nước Trịnh, nay là cái trâm Bổ điền ở phía tây huyện Trung mâu, phủ Khai phong. Trong thời Tuyệt vương chưa có nước Trịnh, cái

trầm Bồ điền thuộc phần đất của thiên tử ở Đông Đô, cho nên mới nói là đi đến Phủ điền.

Chương này chỉ cái trầm Bồ điền là nơi sắp đến để đi săn.

CHƯƠNG III

之子于苗

9. Chi tử vu miêu,

選徒罿罿

10. Toán đồ ngao ngao.

建旗設旄

11. Kiến triệu thiết mao,

搏獸于敖

12. Bác thú vu Ngao.

Dịch nghĩa

9. Quan lại đi theo săn bắn,

10. Tiếng đếm lính để đi săn nghe ôn ào.

11. Dựng cờ triệu (có vẽ hình con rắn quấn con rùa) và cờ mao (có gắn lông đuôi bò ở đầu gù).

12. Để săn bắt thú ở đất Ngao.

Dịch thơ

Theo săn bắn có nhiều quan chức,

Đếm lính nghe tiếng thực ôn ào.

Dựng lên cờ triệu cờ mao,

Để săn bắn thú đất Ngao mà dùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 之子 *chi tử*, quan hữu tư, quan lại. 苗 *miêu* (đọc *mao* cho hợp vận), tên chung của những cuộc đi săn. 選 *soán*, kề, đếm. 翦翦 *ngao ngao*, tiếng nhiều người ôn ào. Đếm xe, đếm lính đếm theo đi săn rất đông. Vả lại xe và lính thì không có tiếng ôn ào, chỉ có người đếm là có tiếng ôn ào, thì lại thấy rằng quân lính rất yên lặng nghiêm chỉnh. 放 *Ngao*, tên đất gần Vinh Dương.

Chương này nói đến Đông Đô, đếm lính để đi săn.

CHƯƠNG IV

駕彼四牡

13. Giá bỉ tứ mâu,

四牡奕奕

14. Tứ mâu dịch dịch.

赤芾金鳥

15. Xích phất kim tích,

會同有繹

16. Hội đồng hữu dịch.

Dịch nghĩa

13. Thắng bốn con ngựa đực vào xe.

14. Bốn con ngựa đực ấy phân bày ra.

15. Chư hầu mặc phật đỏ, giày đỏ có nạm vàng.

16. Cùng đến Đông đô, phân bày hàng liệt theo thứ tự để chầu thiên tử.

Dịch thơ

Bốn ngựa đực thảy đều được thắng,

Bốn ngựa đều ngay ngắn sắp hàng.

*Phát màu đỏ, giày nạm vàng,
Chư hầu hội hợp đàng hoàng chầu vua.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 奕奕 *dich dich*, phân bày liên lạc nhau. 赤芾 *xích phất*, tấm che đầu gối của chư hầu màu đỏ. 金舄, *kim tích*, giày đỏ có gân vàng để trang sức cho đẹp, cũng là đồ trang phục của chư hầu. 會 *hội*, cuộc gặp gỡ bất thường. 同 *đồng*, cuộc gặp gỡ đông người. 繹 *dịch*, đáng bày ra liên lạc với nhau.

Chương này nói chư hầu cùng đến chầu ở Đông đô.

CHƯƠNG V

決拾既佽

17. Quyết thập ký thứ,

弓矢既調

18. Cung thi ký diều,

射夫既同

19. Xa phu ký đồng,

助我舉柴

20. Trợ ngā cử tử.

Dịch nghĩa

17. Khoen để nấm dây cung và miếng da để che cánh tay đều đầy đủ.

18. Cung và tên đã xứng hợp với nhau.

19. Những tay thiện xạ cũng đã hiệp nhau.

20. Giúp ra lượm những cầm thú bắn được để chất đống lại.

Dịch thơ

Đây đủ miếng che tay, khoen bắn.

Vừa xứng nhau đã săn tên cung.

Những tay thiện xạ hợp cùng,

Giúp ta lượm xác thú chẳng chất cao.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 決 quyết, cái khoen bằng xương voi đeo vào ngón tay cái của tay mặt để nắm dây cung mà dương lên bắn. 拈瑟, miếng bằng da mang ở cánh tay trái để che chở làn da vào lớp áo cho thuận dây cung, cho nên cũng gọi là loại (遂 loại là thuận). 佽 thư (đọc tử), sánh với nhau. 調 điêu (đọc đồng cho hợp vận), điêu hoà, nói cung mạnh hay yếu, tên nặng hay nhẹ điêu hoà xứng hợp với nhau. 射父 xạ phu, những người bắn giỏi theo hộ vệ cho chư hầu lúc đi chầu thiên tử. 同 đồng, hiệp nhau lại. 柴 tử, sách Thuyết văn nói là chữ tỳ, chất lên. Nói cầm thú bắn được để chất đồng lại. Khiến những người đi theo chư hầu giúp đỡ để lượm đem về, ý nói săn bắn được rất nhiều.

Chương này nói đã hợp nhau ở buổi chầu rồi thì cùng đi săn.

CHƯƠNG VI

四黃既駕

21. Tứ hoàng ký giá,

兩驂不猗

22. Lưỡng sam bất ý,

不失其馳

23. Bất thất kỳ trì.

Dịch nghĩa

21. Bốn con ngựa vàng đã thắng vào xe.
22. Hai con ngựa thắng ở bìa thì không nghiêng lệch.
23. Chạy đúng theo phép.
24. Và hễ buông tên bắn là trúng ngay.

Dịch thơ

Bốn ngựa vàng thấy đều được thắng.

Hai con bìa chạy chẳng nghiêng nào.

Chạy đều đúng phép cùng nhau.

Hễ buông tên bắn, pháp vào trúng ngay.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 猶 ý (đọc á cho hợp vạn), nghiêng lệch không ngay. 馳 tri (đọc đọa cho hợp vạn), phép đánh ngựa chạy. 舍矢如破 *xả thi như phá*, buông tên mà bắn thì trúng, nói bắn giỏi mà mạnh. Tô thị nói rằng: Người đánh xe và người bắn tên không giỏi mà theo phép bất chánh thì bắn được, nếu không theo phép bất chánh thì không bắn được. Nay người đánh xe đã giữ đúng phép tắc (không theo phép bất chánh) mà người bắn hễ buông tên ra thì trúng ngay, thì có thể nói đều là bậc giỏi đánh xe và bắn tên cả.

Chương này nói đi săn mà thấy được sự giỏi gián của kẻ đánh xe và người bắn tên.

CHƯƠNG VII

蕭蕭馬鳴	25. Tiêu tiêu mã minh,
悠悠旆旌	26. Du du bại tinh.
徒御不驚	27. Đỗ ngự bất kinh.
大庖不盈	28. Đại bào bất doanh.

Dịch nghĩa

25. Ngựa hí nhàn nhã.
26. Cờ bay tha thoát lặng lẽ.
27. Lính đi bộ và quan đánh xe không ai dám kinh động ôn ào.
28. Phần thịt làm bếp cho vua không đầy đủ.

Dịch thơ

Tiếng ngựa hí nghe chiều nhàn nhã.

Bóng cờ bay ẻo lả thùng dung.

Bộ binh, quan ngự lạnh lùng.

Bếp vua, phần thịt thì không đủ đầy.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 蕭蕭 *tiêu tiêu*, 悠悠 *du du* đều là dáng nhàn hạ. 徒 *dỗ*, lính đi bộ. 御 *ngự*, người đánh xe. 驚 *kinh* (như *chữ kinh* dùng trong câu *đại quân trung kinh* ở sách *Hán thư*) là kinh động huyên náo. 不驚 *bất kinh*, nói so

sánh với lúc xong cuộc đi săn, không ồn ào huyên náo. 大庖
đại bào, nhà bếp của vua. 不盈 *bất doanh*, không đầy, ý nói
lấy cầm thú săn được để làm bếp rất có pháp độ, không muốn
lấy nhiều. Vì rằng đời xưa đi săn, những cầm thú hạ được,
những con nào bị bắn trúng thẳng vào mặt thì không được
dâng lên vua, những con nào bị bắn trúng ngược từ phía
trước thì không được dâng lên vua. (Phép đi săn ngày xưa là
phải đánh xe rượt đuổi cầm thú mà bắn xuôi theo từ phía
sau, chứ không được ở một bên bắn ngược trúng vào từ phía
trước. Và những cầm thú còn nhỏ bé thì không được dâng lên
vua. Những cầm thú bị bắn hạ đúng phép ấy lại được vua lựa
phân ra làm 3 hạng: I Những con vật bị mũi tên bắn từ bên
hông trái xuyên qua chả vai mặt (ngang qua trái tim, con vật
chết ngay thì thịt ngon hơn hết) được làm thịt hạng nhất để
làm thịt khô lạp trường mà cung tế ở tông miếu. 2 Những
con vật bị mũi tên bắn xuyên qua góc lỗ tai mặt (bị trúng xa
trái tim, con vật chết hơi chậm, thì thịt hơi kém ngon) được
làm thịt hạng nhì để cho tân khách. 3 Những con vật bị mũi
tên bắn từ đùi bên trái xuyên qua sườn bên mặt (bị trúng ở
hông, con vật lâu chết thì thịt không ngon) được làm thịt
hạng ba để nấu bếp cho vua (Vì rằng vua phải tôn trọng tông
miếu của tiên vương, kính nể tân khách, rồi sau mới nghĩ
đến mình). Những cầm thú săn được mỗi loại chỉ lấy 30 con,
mỗi hạng thịt 10 con (thịt hạng nhất 10 con, thịt hạng nhì 10
con, thịt hạng ba 10 con). Còn những con thừa ra thì cho các
quan khanh sĩ đại phu tập bắn ở nơi xa trường (trạch cung,
chỗ tập bắn), người nào bắn trúng thì được lấy. Cho nên đi
săn tuy được nhiều cầm thú, mà nhà bếp của vua thì không
đầy là vì thế. Trương Tử nói rằng: Cỗ bàn tuy nhiều mà
không có dư là vì được chia đều cho mọi người theo pháp độ.
Phàm việc gì có pháp độ, thì sao lại còn lo là không đồng đều
được?

Theo thuyết xưa: 不盤 *bát kinh* là kinh hải (sao chặng kinh hải?). 不盈 *bát doanh* là đầy (sao chặng đầy?), giải như thế cũng thông.

Chương này nói về lúc xong cuộc săn bắn được nghiêm trang, ban cấp cầm thú cho mọi người được đồng đều.

CHƯƠNG VIII

之子于征

29. Chi tử vu chinh.

有聞無聲

30. Hữu vấn vô thanh.

允矣君子

31. Doān hī quân tử,

展也大成

32. Triển dāi đại thành.

Dịch nghĩa

29. Các vị ra đi để săn bắn,

30. (Quân sĩ đi theo rất nghiêm bính) biết quân đi mà không nghe tiếng ồn ào.

31. Đáng tin thay bực quân tử!

32. Thành thực thay việc đại thành công của vua để tạo được cảnh thái bình!

Dịch thơ

Các vị cùng ra đi săn ấy,

Biết quân đi chặng thấy ồn ào.

Lòng tin quân tử dồi dào.

Đại thành công ấy xiết bao nhân tình!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 允 doān, tin 展 triển, thành thật. Biết quân đi mà không nghe tiếng ồn ào, nói rất là nghiêm kinh (vì có mặt vua).

Đáng tin thay bậc quân tử!

Thành thật thay việc đại thành công của vua đã tạo được cảnh thái bình!

Chương này tổng kết từ đầu đến cuối cuộc đi săn để khen tặng sâu xa.

Thiên Xa công có 8 chương, mỗi chương 4 câu.

Lấy từ chương V trở về sau mà khảo xét, thì e rằng nên gộp thành 4 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 186

CHƯƠNG I

吉日

Cát nhật. (Đồng cung 6)

吉日維戊

1. Cát nhật duy mậu.

既伯既襦

2. Ký bá ký đào.

田車既好

3. Điền xa ký hảo.

四牡孔阜

4. Tứ mãu khồng phụ,

升彼大阜

5. Thăng bỉ đại phụ,

從其群讌

6. Tùng kỳ quần xú.

Dịch nghĩa

1. Ngày tốt là ngày lẻ, ngày mậu.
2. Đã cúng tế và cầu đảo thần sao Mā tổ.
3. Cho nên xe đi săn đã chắc, đã tốt.
4. Và bốn con ngựa được rất mạnh mẽ.
5. Chạy lên trên gò to kia,
6. Đuổi theo bầy cầm thú để săn bắn.

Dịch thơ

*Ngày tốt lành là nhầm ngày mậu,
Sao ba thì tế đảo xong xuôi.
Xe đi săn chắc chắn rồi,
Bốn con ngựa được đồng thời mạnh thay!
Gò to kia chạy ngay trên ấy
Kịp đuổi theo bắn lấy thú cầm.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 戊 mậu, ngày lỗ (Trong 10 ngày theo thập can, có 5 ngày lỗ là: giáp bính, mậu, canh, nhâm). 伯 bá, sao Mā tổ, gọi là sao Thiên tử, thần sao Phòng tinh. 酣 xú, bầy bọn đồng đảo, nói bầy cầm thú.

Đây cũng là bài thơ về Tuyên vương.

Nói rằng: Cuộc đi săn sắp dùng đến sức ngựa, cho nên chọn ngày tốt tế thần sao Mā tổ mà cầu đảo. Tế xong thì xe chắc ngựa mạnh có thể lướt qua những nơi hiểm trở để đuổi

theo cầm thú. Lấy chương sau mà suy, thì ngày áy là ngày mâu thìn chăng?

CHƯƠNG II

吉日庚午

7. Cát nhật canh ngọ,

既差我馬

8. Ký sai ngã mā.

獸妝猶同

9. Thủ chi sở đồng,

塵鹿虞虞

10. U lộc ngũ ngũ.

漆沮之從

11. Tất tư chi tùng,

天子之所

12. Thiên tử chi sở.

Dịch nghĩa

7. Ngày tốt là ngày canh ngọ, ngày lẻ,

9. Đã lựa chọn ngựa cho ta.

9. Chỗ nào cầm thú tụ lại.

10. Chỗ nào hươu đực cái có nhiều,

11. Hãy đến bên sông Tất tư,

12. Nơi áy đáng cho thiên tử đến săn.

Dịch thơ

Ngày tốt là nhằm ngày canh ngọ,

Ngựa của ta đâu đó chọn xong.

Nơi nào cầm thú tụ đồng,

*Hươu thì đực cái gom chung nhiều bầy.
Sáng Tất tư đến ngay bên ấy,
Thiên tử nên đến đây để săn.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 庚午 *canh ngọ*, ngày canh ngọ, ngày lẻ. 差 *sai*, chọn, chọn ngựa theo chân chạy mau chậm đồng nhau. 同 *đồng*, tụ lại. 麋 *u*, con nai cái. 虞虞 *ngữ ngữ*, đông nhiều. 漆沮 *Tất Tư*, tên sông, ở phía bắc sông Kinh sông Vị trong vùng đất kinh kỳ ở tây đô, gọi là sông Lạc Thuỷ, nay từ Diên vĩ chảy vào Phu phường, đến Đông châu chảy vào sông Hoàng Hà.

Ngày mậu thìn (ở chương trên) đã cúng tế cầu đảo xong, đến ngày thứ ba là ngày canh ngọ, bèn lựa chọn ngựa để cõi, xem chỗ nào cầm thú tụ lại, chỗ nào hươu đực hươu cái thật nhiều mà đuổi theo. Chỉ có bên sông Tất tư là nhiều hơn hết, đáng là chỗ thiên tử đến săn.

CHƯƠNG III

瞻彼中原

13. Chiêm bỉ trung nguyên,

其祁孔有

14. Kỳ kỳ khổng hữu.

儦儦俟俟

15. Tiêu tiêu sī sī.

或群或友

16. Hoặc quân hoặc hữu.

悉率左右

17. Tất suất tả hữu.

以燕天子

18. Dī yến thiên tử.

Dịch nghĩa

13. Xem trong cánh đồng bằng kia,
14. Có nhiều con thú rất to.
15. Con thì chạy mau, con thì đi chậm.
16. Hoặc nhóm ba con; hoặc nhóm hai con.
17. Lại đốc suất kẻ tả hữu giúp công vào lùa đuổi,
18. Để thiên tử bắn được làm vui.

Dịch thơ

*Hãy nhìn xem cánh đồng bằng nọ,
Thú lớn cao thì có nhiều thay!
Chạy mau, bước chậm đó đây,
Nhóm ba con, hoặc nhóm hai khắp đồng,
Khiến tả hữu ra công đuổi lại.
Để cho vua bắn lấy làm vui.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 中原 *trung nguyên* tức là *nguyên trung*, trong khoảng đồng bằng. 犀 kỳ, to lớn. 儒 儒 *tiêu tiêu*, xua lướt tới. 俟俟 *sī sī* (đọc *vī vī*), chậm chậm. Lướt tới thì mau gấp còn bước đi thì từ từ. 群 quần, bầy thú 3 con gọi quần, 狐 hưu (đọc *vī* cho hợp *vận*), bầy thú hai con gọi hưu. 燕 yến, vui.

Nói rằng những bậc đi theo vua thấy bầy thú kia đông đảo, mới đốc suất kẻ đồng sự đi theo mọi người đều giúp tay vào việc để làm vui cho thiên tử.

CHƯƠNG IV

既張我弓

19. Ký trương ngā cung,

既挾我矢

20. Ký hiệp ngā thi,

發彼小爬

21. Phát bỉ tiểu ba.

殪此大兜

22. Ý thủ đại tự

以御賓客

23. Dì ngự tân khách.

且以的醴

24. Thả dī chước lê.

Dịch nghĩa

19. Đã giương cung của ta,

20. Đã cắp (kẹp vào nách) tên của ta.

21. Bắn vào con heo nái kia.

22. Bắn một phát chết tốt con tự, loài bò rừng to này.

23. Để đai tân khách,

24. Và uống rượu ngọt.

Dịch thơ

Cung của ta đã giương lên gấp,

Tên của ta đã cắp dưới tay.

Bắn vào heo nái trúng ngay,

Một tên chết tốt tự này lớn cao.

Để đai khách anh hào ta đây,

Rượu ngọt thì cũng lấy uống chung.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 發 phát, bắn tên ra . 犯 ba, con heo nái. 瘋 ý, bắn một phát mà giết chết gọi ý卽 tự (đọc ly hợp vận), con tự, loài bò rừng. Nói là bắn rất tài, bắn con vật nhỏ thì trúng ngay (vật nhỏ bắn khó trúng) và bắn con vật to thì giết chết ngay (con vật to dễ trúng nhưng lâu chết). 御 ngự, tiến dâng cho. 禮 lễ, tên một thứ rượu. Theo *Chu quan* có 5 cách để chế rượu cách thứ 2 là lě trai, chua rằng khi rượu lě đã thành thì nước rượu và cẩn rượu, lẫn lộn nhau (không cất lấy hơi, cho nên rất ngọt) như nước cơm rượu bây giờ.

Nói rằng bắn để bắt cầm thú làm thịt, đai tân khách dùng mà uống rượu lě ngọt ấy.

Thiên Cát nhật có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: Thiên Xa công và thiên Cát nhật sở dĩ là khôi phục nền nếp cũ là tại vì sao? Vì rằng lě đi săn mùa xuân, mùa đông là để thấy việc vũ bị của vua được khôi phục, để thấy thực lực quân đội của vua đã hưng thịnh, để thấy pháp luật trong quân đội của vua được nghiêm chỉnh, để thấy tình thân ái giữa người trên và kẻ dưới, để thấy việc chính trị của vua được chu đáo. Muốn nhận rõ công nghiệp của quân thần văn vũ, thì đây cũng đủ để xem xét được.

BÀI THÚ 178

CHƯƠNG I

鴻雁

Hồng nhạn. (Đồng cung 7)

鴻雁于飛

1. Hồng nhạn vu phi,

蕭蕭其羽	2. Túc túc kỳ vū.
之子于征	3. Chi tử vu chinh.
劬勞于野	4. Cù lao vu dā.
爰及矜人	5. Viên cặp cảng nhân,
哀此鰥寡	6. Ai thử quan quả.

Dịch nghĩa

1. Chim hồng chim nhạn bay đi
2. Cánh vỗ nghe sàn sạt.
3. Dân chúng lưu lạc bỏ đi.
4. Bị khổ đau bệnh tật ở ngoài đồng nội.
5. Vua nói rằng: Phải đoái đến những kẻ đáng thương xót.
6. Mà đau đớn cho những người già cả trơ trọi không vợ không chồng này.

Dịch thơ

Bay đi chim nhạn chim hồng

Cánh khua sàn sat khi tung lên trời.

Bỏ đi dân chúng lạc loài.

Khổ đau bệnh tật ở ngoài đồng hoang,

Đoái thương những kẻ lang thang,

Xót người quan quả, lòng càng đón đau,

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. Chim 鴻 *hồng* và chim 雁 *nhạn* giống nhau, nhưng chim hồng thì to, chim nhạn thì nhỏ. 翩翩 *túc túc*, tiếng cánh vỗ. 之子 *chi tử*, những người dân lưu lạc gọi nhau. 征 *chinh*, đi. 劤勞 *cù lao*, bệnh tật khổ đau, 眉 *căng*, thương xót. 鰥 *quan*, già mà không vợ. 寡 *quả*, già mà không chồng.

Theo thuyết xưa, khoảng giữa đời nhà Chu bắt đầu suy kém, muôn dân ly tán, Chu Tuyên vương mới giúp đỡ dân lưu lạc đem về cho ở yên một nơi. Cho nên dân lưu lạc ấy vui mừng làm bài thơ này, kể lại việc thuở trước mà nói rằng: Chim hồng chim nhạn bay đi, tiếng vỗ cánh nghe sần sật. Dân chúng lưu lạc bỏ đi thì bị khổ đau bệnh tật ở ngoài đồng nội. Mà những kẻ khổ đau bệnh tật ấy đều là những người già cả trơ trọi không vợ không chồng đáng thương.

Nhưng nay cũng chưa nhận được gì để thấy rõ là thơ về vua Tuyên vương cả. Ba chương sau cũng phỏng theo đây.

Chương này thuộc hứng là ý nói chim hồng chim nhạn bay đi về nam, bỏ phương bắc lạnh lẽo đến miền ấm áp, cũng như dân chúng lưu lạc được gom lại định cư ở một nơi yên ổn. 爰 *viên*, nói rằng.

CHƯƠNG II

鴻雁 于飛

7. Hồng nhạn vu phi,

集于中澤

8. Tập vu trung trạch.

之子于垣

9. Chi tử vu vien.

百堵皆作

10. Bách đồ giai tác.

雖則劬勞

11. Tuy tắc cù lao.

Dịch nghĩa

7. Chim hồng chim nhạn bay đi.
8. Đậu chung vào trong đầm.
9. Người dân lưu lạc lo xây tường.
10. Hàng trăm bức tường đều được làm xong.
11. Nay tuy lao nhọc.
12. Mà rốt cuộc sẽ được nhà cửa để ở yên.

Dịch thơ

*Chim hồng chim nhạn tung bay,
Giữa đầm đã thấy cả bầy đậu chung,
Xây tường dân đã lo cùng.
Tường hàng trăm bức làm xong hoàn toàn.
Nay tuy lao khổ gian nan.
Rốt cùng nhà cửa sống an sau này.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 中澤 *trung trach* (đọc đặc) tức là *trach trung*, ở trong cái chầm, cái đầm. Tường dài I trượng gọi 板 *bản*, tường dài 5 bản gọi 堵 *dỗ*. 究 *cứu*, cuối cùng.

Dân lưu lạc tự nói với nhau rằng: Chim hồng chim nhạn tụ tập ở trong đầm để khởi hùng việc chúng mình được nơi yên ổn và xây cất nhà cửa mà ở. Hôm nay tuy lao khổ (vì việc xây cất) nhưng rốt cuộc chúng mình được chốn bình yên mà sống.

CHƯƠNG III

- | | |
|-------|-------------------------|
| 鴻雁 于飛 | 13. Hồng nhạn vu phi, |
| 哀鳴噭 噭 | 14. Ai minh ngao ngao. |
| 維此哲人 | 15. Duy thử triết nhân. |
| 謂我劬勞 | 16. Vị ngā cù lao. |
| 維彼愚人 | 17. Duy bỉ ngu nhân, |
| 謂我宣驕 | 18. Vì ngā tuyêñ kiêu. |

Dịch nghĩa

13. Chim hồng chim nhạn bay đi.
14. Kêu bi thương ngao ngao.
15. Chỉ những người có trí hiểu biết.
16. Nói là ta vì lao khổ.
17. Còn những kẻ ngu dại kia,
18. Thì nói ta bày tỏ lòng kiêu căng.

Dịch thơ

Chim hồng chim nhạn bay đi.

Kêu lên những tiếng ai bi rạt rào.

Chỉ người minh mẫn trí cao

Vừa nghe liền hiểu ta đau xót đời.

Còn người ngu dại đương thời

Nói ta bày tỏ những lời kiêu căng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. Dân lưu lạc lấy việc chim hồng chim nhạn kêu bi thương để tự ví mà làm bài ca này. *哲 triết* người có trí hiểu biết. *示 thị*, bày tỏ ra. Người có trí nghe ta ca biết là do nỗi cực nhọc khổ đau. Người không có trí nói ta nhàn hạ mà bày tỏ lòng kiêu căng.

Hàn thị nói rằng: *Lao giả ca ký sự* (Người lao nhọc đem việc khổ đau của mình ra mà ca hát.)

Thơ Nguy phong, thiên *Viên hưu đào* cũng nói: *Ngā ca thả dao, Bất trí ngā giả. Vị ngā sī dā kiêu.* (Ta hát chung và lại hát riêng một mình, kẻ không hiểu ta, nói ta kiêu căng...)

Đại để lời ca phần nhiều là do nỗi lao khổ mà thốt ra, mà người không hiểu biết lại thường cho là kiêu căng.

Thiên Hồng nhạn có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THÚ 188

CHƯƠNG I

庭燎	Đình liệu. (Đồng cung 8)
夜如何其	1. Dạ như hà cơ
夜未央	2. Dạ vi ương.
庭燎之光蘭	3. Đình liệu chí quang
君子至止	4. Quân tử chí chỉ,
鸞聲將將	5. Loan thanh tương tương.

Dịch nghĩa

1. Đêm đã thế nào (còn sớm hay đã muộn)?
2. Đêm chưa đến giữa khuya.
3. Mà cây đuốc to đã thấy thấp sáng.
4. Chư hầu đã đến.
5. Có tiếng lạc ngựa leng keng.

Dịch thơ

Đêm nay đã thế nào kia?

Đêm thì chưa đến giữa khuya đây mà.

Ngoài sân đuốc cháy sáng lòe.

Chư hầu cũng đã dần dà đến nơi.

Leng keng lạc ngựa liên hồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 其 cơ, ngũ từ, tiếng đêm theo câu văn không có nghĩa. 央 ương, chính giữa. 庭燎 đình liêu, cây đuốc to. Chư hầu đến triều kiến thiên tử thì quan tư huỷ (coi về lửa) lấy 100 thân cây gộp lại mà bó rồi đặt ở trong cửa để đốt làm đuốc. 君子 quân tử, chư hầu. 將將 thương thương, tiếng lạc ngựa khua.

Thiên tử sắp dậy để ra chầu, nằm ngủ không yên, mới hỏi đêm còn sớm hay muộn rồi: Đêm thế nào vậy thay? Đêm tuy chưa đến lúc giữa khuya, mà cây đuốc đã thấp sáng. Chư hầu tiến chầu đã đến cho nên nghe được tiếng lạc ngựa đó đây.

CHƯƠNG II

夜如何其	6. Dạ như hà cơ?
夜未艾	7. Dạ vī ngái.
庭燎晰晰	8. Đinh liệu ché ché.
君子至止	9. Quân ử chí chỉ,
鸞聲噓噓	10. Loan thanh huý huý.

Dịch nghĩa

6. Đêm đã thế nào (còn sớm hay đã muộn)?
7. Đêm chưa dứt.
8. Cây đuốc to cháy đã lu lu.
9. Chư hầu đã đến.
10. Tiếng lạc ngựa đã nghe gần gần chậm chậm.

Dịch thơ

Thế nào kia hời đêm nay?

Đêm thì chưa dứt còn dài âm u.

Đuốc to đang cháy lu lu.

Đã nghe quân tử chư hầu đến nơi.

Lạc khua chậm chậm gần rồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 艾 ngái (đọc nghè cho hợp vận), dứt hết. 誓誓 ché ché, lu lu không sáng lầm. 曳曳 huý huý, đã kề gần bên mà nghe tiếng di chậm chậm có tiết độ.

CHƯƠNG III

夜如何其

11. Dạ như hà cơ?

夜鄉農

12. Dạ hương thân.

庭燎有輝

13. Đinh liệu hữu huy.

君子至止

14. Quân tử chí chỉ.

言觀其旂

15. Ngôn quan kỳ kỳ.

Dịch nghĩa

11. Đêm đã thế nào (còn sớm hay đã muộn)?

12. Đêm đã gần sáng.

13. Cây đuốc to cháy đã thấy rõ cả lửa lẫn khói rồi.

14. Chư hầu đã đến.

15. Đang xem những lá cờ kỳ (có vẽ hình hai con rồng giao nhau).

Dịch thơ

Đêm nay đã thế nào rồi?

Đêm thì gần sáng đến nơi đây mà.

Đuốc to lửa khói lộ ra.

Chư hầu lũ lượt nay đã tới đây.

Đứng xem kỳ xí chung bày.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 鄕晨 *hương thần*, gần sáng. 煙 *huân*, khí lửa. Trời gần sáng, cây đuốc cháy đã thấy khói và lửa lộn nhau (đêm tối không thấy khói, trời sáng thì thấy khói).

Chư hầu đã đến mà xem những lá cờ kỳ, thì trời đã sáng tỏ có thể phân biệt rõ ràng màu sắc.

Thiên Đinh liệu có 3 chương, mỗi chương 5 câu.

BÀI THÚ 189

CHƯƠNG I

沔水

Miễn thủy. (Đồng cung 9)

沔彼流水

1. Miễn bỉ lưu thuỷ,

朝宗于海

2. Triệu tông vu hải.

歛彼飛隼

3. Duật bỉ phi chuẩn.

載飛載止

4. Tái phi tái chỉ.

嗟我兄弟

5. Ta ngã huynh đệ!

邦人諸友

6. Bang nhân chư hữu.

莫肯念亂

7. Mạc kháng niệm loạn.

誰無父母

8. Thuỳ vô phụ mẫu?

Dịch nghĩa

1. Dòng nước chảy đầy tràn kia,
2. Tuôn chảy ra biển.
3. Con chim cắt bay vút kia,
4. Khi thì bay khi thì đậu.
5. Than ôi! Anh em của ta.
6. Người trong nước và bạn bè của ta.
7. Lại chẳng nhớ nghĩ đến loạn lạc.
8. Ai lại không có cha mẹ (Loạn lạc đến thì khổ sở sẽ đến với cha mẹ mà phải lo buồn)?

Dịch thơ

*Đầy tràn dòng nước cuộn trôi,
Chảy tuôn ra tận biển khơi trùng trùng.
Con chim cắt bay tung lướt ấy,
Khi bay, khi đậu lại thành thời.
Này anh em của ta ôi!
Thân bằng, trong nước những người đó đây.
Lại chẳng những ngày loạn rồi.
Không mẹ cha thử hỏi có ai?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 沔 miễn, nước chảy đầy. Chu hầu đến chầu thiên tử vào mùa xuân gọi triều 朝, vào mùa hạ gọi tông 宗.

Đây là bài thơ buồn đời loạn lạc. Nói rằng dòng sông còn chảy ra biển (con sông nhỏ đến biển to, như chư hầu đến chầu thiên tử), con chim cắt bay vút kia có còn có chỗ đậu.

Còn anh em, bằng hữu của ta lại không chịu nhở nghĩ đến
loạn lạc. Riêng ai lại không có cha mẹ hay sao? Đến thời loạn
lạc thi lo buồn những nỗi khổ sở sẽ đến với cha mẹ, như vậy
há lại không lo nghĩ hay sao?

CHƯƠNG II

沔彼流水

9. Miên bỉ lưu thuỷ,

其流湯湯

10. Kỳ lưu thương thương.

歟彼飛隼

11. Duật bỉ phi chuẩn,

載飛載揚

12. Tái phi tái dương.

念彼不跡

13. Niệm bỉ bất tích,

載起載行

14. Tái khởi tái hành,

心之憂矣

15. Tâm chi ưu hĩ.

不可弭忘

16. Bất khả mĩ vong.

Dịch nghĩa

9. Dòng nước chảy đầy tràn kia

10. Nhấp nhô sóng cuốn đi.

11. Con chim cắt bay vút kia

12. Khi thì bay khi thì cắt lên.

13. Nhớ đến những kẻ không theo đạo nghĩa kia.

14. Thi ta khi đứng dậy khi bước đi, bức rúc không thể
nào rảnh rang để ở yên được.

15. Lòng ta ưu lo.

16. Không thể nào ngăn và quên được.

Dịch thơ

*Cuốn trôi dòng nước đầy tràn,
Nhập nhô đợt sóng, muôn làn xôn xao.
Con chim cắt bay cao vút áy,
Khi thì bay, khi lại cắt lên.
Nhớ người đạo nghĩa lăng quên.
Đứng đi bức rứt nào yên rãnh gì.
Lòng ta cứ sầu bi não nuột.
Không thể nào ngăn được và quên.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 湯湯 *thương thương*, dáng
nhiều sông cuồn đi. 不蹟 *bất tích*, không noi theo đạo nghĩa.
載起載行 *tái khời tái hành* (đọc hàng cho hợp vận), khi dậy
khi đi, nói quá nhớ lo mà không còn rãnh rang để ở yên nữa.
弭 *mǐ*, dừng, ngăn.

Nước đầy nhiều thì chim cắt bay lên, để khởi hứng lòng
nhớ nghĩ không thể nào quên được.

CHƯƠNG III

- | | | | |
|------|------|------|------|
| 歛彼飛隼 | 率彼中陵 | 民之訛言 | 寧莫之懲 |
|------|------|------|------|

- | | | | |
|------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|
| 17. Duật bỉ phi chuẩn. | 18. Suất bỉ trung lăng. | 19. Dân chi ngoa ngôn. | 20. Ninh mạc chi trường. |
|------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|

我友敬矣

21. Ngā hữu kính hī.

讒言其興

22. Sàm ngôn kỳ hưng.

Dịch nghĩa

17. Con chim cắt bay vút kia,
18. Còn noi theo ở trong gò nồng.
19. Còn lời dõi trá của dân
20. Lại không bị ngăn cấm.
21. Bạn của ta là người cung kính.
22. Lại bị lời gièm pha khởi lên.

Dịch thơ

Con chim cắt cú bay nhanh,

Thê mà còn thấy liệng quanh nồng gò.

Lời dân chúng nhỏ to gian nguy

Chẳng cấm ngăn trừng tri thế này?

Bạn ta cung kính thẳng ngay

Bạn ta cung kính thẳng ngay

Lời gièm pha cứ dãy đầy khởi lên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 率 suất, noi theo. 詐 ngoa, nguy dối. 憲 trừng, ngăn lại.

Con chim cắt bay cao còn noi theo gò nồng (để bắt chim khác mà ăn) còn lời dõi trá của dân lại không bị ngăn cấm. Cho nên bạn của ta thành thật là rất cung kính để giữ lấy mình, mà lời gièm pha lại khởi lên từ đâu vậy?

Bắt đầu là lo buồn cho người, rồi cuối cùng xét lại mình.

Thiên Miên thuỷ có 3 chương, 2 chương 8 câu và 1 chương 6 câu.

Nghi là đáng phải 3 chương, mỗi chương 8 câu, vì chương cuối thấy mất 2 câu đầu.

BÀI THỨ 190

CHƯƠNG I

鶴鳴

Hạc minh. (Đồng cung 10)

鶴鳴于九皋

1. Hạc minh vu cửu cao,

聲聞于野

2. Thanh vân vu dã,

魚潛在淵

3. Ngư tiêm tại uyên.

或在于渚

4. Hoặc tại vu chủ.

樂彼之園

5. Lạc bỉ chi viêng!

愛有樹檀

6. Viên hữu thụ đàn.

其下維擗

7. Kỳ hạ duy thác.

它山之石

8. Tha sơn chi thạch

可以爲錯

9. Khả dĩ vi thác.

Dịch nghĩa

1. Con hạc kêu ở cõi xa nơi chín đầm.

2. Tiếng còn nghe ra xa ngoài đồng nội.

3. Con cá lặn ở vực sâu.
4. Hoặc ở nơi bãi cạn.
5. Vui thích thay cái vườn kia!
6. Có trồng cây đàn,
7. Dưới gốc cây đàn ấy có lá rụng.
8. Đá của hòn núi xa lạ kia.
9. Có thể làm đá mài dao.

Dịch thơ

Chín đầm con hạc kêu vang

Tiếng còn vắng vắng vọng sang cánh đồng.

Chốn vực sâu vô cùng cá lặn.

Hoặc những nơi bãi cạn chốn này.

Cái vườn nọ thích vui thay!

Cây đàn kia đã trồng đầy nơi nơi.

Rụng dưới gốc tai bời những lá.

Núi xa kia hòn đá ấy thì.

Mài dao dùng được ngại chi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 鶴 hạc, tên chim hạc, cổ dài, mình cao, chân dài, đỉnh đầu màu đỏ, mình lông trắng, cổ và đuôi lông đen, tiếng kêu nghe cao mà trong rõ, nghe xa 8 hay 9 dặm. 高 cao. đầm, nước trong đầm tràn ra thành vực, từ ngoài mà vào phải qua 9 cái đầm như thế, ý nói chỗ xa xôi. 瘋 thác, rơi rụng. 錯 thác, đá mài dao.

Bài thơ này làm ra, không biết do vì đâu, nhưng ắt là lời tràn bày điều thiện và thâu nhận lời răn dạy.

Vì rằng chim hạc kêu ở ngoài xa chõ chín đầm, mà tiếng còn nghe được ở ngoài đồng nội, ý nói là thành thật không thể nào bưng bít tiếng kêu của nó được.

Con cá lặn trong vực sâu, hoặc nơi bái cạn, ý nói cái lẽ vô định không ở chắc một chỗ nào.

Trong vườn có trồng cây đàn, dưới gốc thì có lá rung, ý nói là thương mến ai cũng phải biết những điều xấu của người ấy.

Đá của hòn núi xa lạ kia có thể làm đá mài dao, ý nói là ghét kỵ ai thì cũng phải biết những điều tốt của người ấy.

Do bốn việc ấy (con hạc, con cá, cây đàn, đá núi) mà dãm ra so sánh mà suy rộng, thì cái lẽ của thiên hạ cũng có thể hiểu biết gần đúng như thế.

CHƯƠNG II

鶴鳴于九皋

10. Hạc Minh vu cửu cao,

聲聞于天

11. Thanh ván vu thiên,

魚在于渚

12. Ngư tại vu chử.

或潛在淵

13. Hoặc tiêm tại uyên.

樂彼之園

14. Lạc bỉ chi viên,

愛有樹檀

15. Viên hữu thụ dàn,

其下維穀

16. Kỳ hạ duy cốc.

它山之石

17. Tha sơn chi thạch.

可以攻玉

18. Khả dĩ công ngọc.

Dịch nghĩa

10. Con hạc kêu ở cõi chín đầm xa xôi,
11. Tiếng kêu nghe vắng ở trời cao,
12. Con cá lặn ở bãi cạn,
13. Hoặc ở vực sâu.
14. Vui thích thay cái vườn kia.
15. Có trông cây đàn!
16. Dưới gốc cây đàn ấy có cây cổ là loại cây xấu.
17. Đá của hòn núi xa lạ kia.
18. Có thể dùng để mài ngọc.

Dịch thơ

*Chín đầm con hạc kêu lên,
Tiếng nghe vắng vắng vút trên lưng trời.
Con cá lặn ở nơi bãi cạn,
Hoặc có khi chìm hẳn vực sâu.
Vườn kia vui thích xiết bao!
Cây đàn đã thấy trông vào nơi đây.
Cây cổ xấu lên ngay dưới cội.
Phiên đá kia trên núi phương xa.
Dùng để mài ngọc được mà.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 穀 cốc, tên thứ cây xấu, có một tên nữa đó là cây trứ. 爾 công, mài.

Trình tử nói rằng: Hòn ngọc mà chon bóng mà vật tuyệt đẹp của thiên hạ. Hòn đá thô tệ là vật xấu của thiên hạ. Nhưng hai hòn ngọc mài vào nhau không thể nào tựu thành

được. Lấy đá mà mài ngọc thì viên ngọc mới hoàn thành. Cũng như người quân tử ở với kẻ tiểu nhân, việc trái ngược cứ diễn thêm ra, rồi sau mới tu tĩnh kiêng dè, tâm lòng mới cảm phát, tính tình mới nhẫn nại, biết thêm ý đề phòng, mà nghĩa lý phát sinh ra, đạo đức được thành tựu. Đó là những điều mà ta nghe được ở ông Thiệu tử.

Thiên hạc minh có 2 chương, mỗi chương 9 câu.

Đồng cung chi thập có 10 thiên, 40 chương, 259 câu.

4. KỲ PHỦ CHI THẬP

(Mười thiên thuộc phần thơ Kỳ phủ)

BÀI THỨ 191

CHƯƠNG I

祈父

Kỳ phủ. (Kỳ phủ I)

祈父

1. Kỳ phủ!

予王之爪牙

2. Di vương chi trào nha

胡轉予于恤

3. Hồ chuyển dư vu tuất?

靡所止居

4. Mý sở chỉ cư.

Dịch nghĩa

1. Nầy quan Kỳ phủ!

2. Chúng tôi là quân dũng mãnh của vua.

3. Sao ông lại dời chuyển chúng tôi vào địa điểm quá ưu phiền.

4. Khiến chúng tôi không có nơi nào dừng ở cả.

Dịch thơ

*Này quan Kỳ phủ hời ngài!
Tôi là nanh vuốt vua đây rõ ràng.
Chốn ưu phiền bị đổi sang
Không nơi dừng ở khiến càng xót đau.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 祈父 *Kỳ phủ*, chức quan tư mã cầm giữ binh giáp trong chốn phong kỵ, cho nên lấy đó làm tước hiệu. Thiên Tử u cáo trong kinh Thư nói *Kỳ phủ bạc vi* (quan tư mã phải ngăn chặn kẻ làm nghịch) là đây. 尚 du ta, tiếng của quân sĩ trong 6 quân tự xưng (theo Chu lỗ, một quân có 22.500 người. Thiên tử có 6 quân, nước to có 3 quân, nước nhỏ có 2 quân nước nhỏ hơn hết có 1 quân). Hoặc nói rằng chức *tư hữu 行* là thuộc lính hổ bôn dũng mãnh để theo vua mà hộ vệ. 爪牙 *chảo nha*, móng vuốt và răng nanh của chim thú dùng để ra oai. Quân dũng mãnh theo vua để thị oai. 血 tuất, lo buồn.

Quân sĩ oán hận việc quân địch quá lâu ngày, cho nên gọi quan Kỳ phủ (Tư mã) mà nói rằng:
Chúng tôi là quân dũng mãnh của vua, mà ông sao lại rời chuyển chúng tôi vào địa điểm quá ưu phiền khiến chúng tôi không có chỗ nào dừng ở cả vậy?

CHƯƠNG II

祈父

5. Kỳ phủ!

予王之爪士

6. Dư vương chi trào sĩ.

胡轉予于恤

7. Hồ chuyền dư vu tuất?

靡所匠止

8. Mỵ sở dể chỉ.

Dịch nghĩa

5. Nay quan Kỳ phủ!
6. Chúng tôi là quân dũng mãnh của vua.
7. Sao ông lại đòi chuyền chúng tôi vào địa điểm quá ưu phiền?
8. Khiến chúng tôi không có nơi nào đến để ở được cả.

Dịch thơ

Này quan Kỳ phủ ngàiơi!

Tráo nha thiên tử, chúng tôi đây mà.

Chốn ưu phiền bị đổi ra,

Không nơi đến ở thật là đơn đau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 爪士 *tráo sī*, tráo nha chi sī, quân dũng mãnh. 底 *dế*, đến.

CHƯƠNG III

祈父

9. Kỳ phủ!

置不聰

10. Đản bất thông.

胡轉予于恤

11. Hồ chuyền dư vu tuất?

Dịch nghĩa

9. Nay quan Kỳ phủ!
10. Ông thật là không thông minh.
11. Sao ông lại dời chuyển chúng tôi vào địa điểm quá ưu phiền?
12. Khiến mẹ chúng tôi phải lo việc nấu nướng vì không ai phụng dưỡng nữa.

Dịch thơ

Hỡi quan Kỳ phủ, hỡi quan!

Ngài là người thật chẳng toàn thông minh.

Chốn ưu phiền đổi ra đành.

Mẹ già kia phải chịu nhọc quanh bếp lò.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 爭 辨, thành thật đáng tin. □ thi, chủ. 餘 ung, đồ ăn chín. Ý nói không được phụng dưỡng mẹ, khiến mẹ trái lại phải chủ trì công việc lao khổ nấu nướng món ăn.

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: Vua Câu Tiễn nước Việt đánh nước Ngô khiến những người lính nào còn cha mẹ già và không có anh em được trở về. Công tử Vô Kỵ nước Ngụy cứu nước Triệu cũng khiến những người lính nào là con một không có anh em được trở về phụng dưỡng cha mẹ. Thì ngày xưa những người có cha mẹ già mà không có anh em được khỏi phải đi đánh giặc, hẳn đã có phép tắc săn rồi. Cho nên ở đây quân lính mới trách quan tư mã là người không thông

minh. Ý nói cái phép ấy người người đều nghe biết, chỉ riêng chỉ có một mình ông là không nghe biết hay sao? Ông lại lừa chúng tôi vào quân đội, khiến cha mẹ chúng tôi không tránh khỏi việc lao khổ về cùi nước nặng nhọc trong nhà. Chỉ trách quan Tư mã mà không dám trách vua.

Thiên Kỳ phủ có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

Bài Tự theo sách *Mao thi* cho là bài thơ châm biếm vua Chu Tuyên vương. Thuyết ấy lại cho là Chu Tuyên vương trong năm thứ 39 đánh giặc ở Thiên mâu, quân nhà vua bị quân Rợ Nhung họ Khương đánh bại, cho nên quân sĩ than oán mà làm bài thơ này.

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: Lời của Thiên tử Tấn can vua Linh vương: (Từ những tiên vương nhà Chu ta là Lê vương, Tuyên vương, U vương, Bình vương bị tai họa của trời đến nay cũng chưa dứt). Tuyên vương là vua đã trung hưng vương thất, lại bị kề trung với U vương, Lê vương, thì lời nói ấy tuy cũng là quá đáng. Xem xét sự châm biếm của bài thơ này, thì lời nói của thái tử Tấn lại không có lý do ư?

Nhưng nay khảo xét lời văn của bài thơ này thì chưa có gì để thấy rõ ắt là lời nói về Chu Tuyên vương cả.

Thiên sau cũng phỏng theo đây.

BÀI THỨ 192

CHƯƠNG I

白駒

Bạch câu. (Kỳ phủ 2)

皎皎白駒

1. Kiểu kiều bạch câu,

食我場苗

2. Thực ngã trường miêu.

繫之維之	3. Chấp chi duy chi.
以永今朝	4. Dī vīnh kim triêu.
所謂伊人	5. Sở vị y nhân.
於焉逍遙	6. Ư yên tiêu diêu.

Dịch nghĩa

1. Ngựa tơ lông trắng tinh anh,
2. Hè ăn mạ ở trong vườn của ta,
3. Thì ta cột chân, cột cổ lại,
4. Để lưu người hiền ấy lại suốt buổi sáng này.
5. Cho người hiền mà mình nói đó
6. Cứ dạo chơi ở nơi đây.

Dịch thơ

Ngựa tơ lông trắng đẹp thay!

Hè ăn lúa mạ vườn này của ta.

Cột chân cổ, kẹp mà giữ lại.

Chọn sáng này lưu mai người hiền.

Để người mình nói ấy liền.

Thảnh thoảng đi dạo khắp miền vui chơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 皎皎 kiểu kiều, sạch sẽ trong trắng. 駒 câu, ngựa tơ chưa mạnh mẽ, ngựa của người hiền cưỡi. 場 trường, cái vườn. 繫 chấp, cột chân lại. 維 duy, lấy sợi

dây cương mà cột lại. 永 vĩnh, lâu dài. 伊人 y nhân, chỉ người hiền. 遙遙 tiều diêu, dạo chơi.

Người làm bài thơ này, thấy người hiền bỏ đi hết mà không thể lưu lại được, cho nên mượn cớ rằng: hễ thấy con ngựa của người hiền ấy ăn mạ ở trong vườn của ta thì ta sẽ cột lại, để lưu người hiền ấy suốt buổi sáng này, khiến người hiền ấy cứ đi dạo ở nơi đây mà không bỏ đi được. Cũng như người đời sau cầm khách ở lại bằng cách nói chốt đầu trực xe xuống giếng.

CHƯƠNG II

皎皎白駒

7. Kiểu kiểu bạch câu.

食我場藿

8. Thực ngā trường hoắc.

繫之維之

9. Chấp chí duy chí.

以永今夕

10. Dī vīnh kim tịch.

所謂伊人

11. Sở vị y nhân.

於焉嘉客

12. Ư yên gia khách.

Dịch nghĩa

7. Ngựa tơ lông trắng tinh anh,
8. Hễ ăn rau hoắc trong vườn của ta.
9. Thì ta cột chân cột cổ lại,
10. Để lưu người hiền ấy suốt đêm nay.
11. Cho người hiền mà mình nói đó.
12. Làm khách quý ở nơi đây.

Dịch thơ

Ngựa tơ trẳng muốt sắc lông,
Hết ăn rau hoắc ở trong vườn mình,
Cột cổ, chân ta nhanh giữ lại,
Để lưu người hiền ấy đêm nay.
Cho người mình đã nói đây.
Làm trang khách quý chốn này cùng ta.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 薑 hoắc, rau hoắc, rau xoàng, như nói mạ non ở chương trên. 夕 tịch (đọc được cho hợp vận), đêm, như nói buổi sáng ở chương trên. 嘉客 *gia khách* (đọc khác cho hợp vận), khách tốt, như nói dạo chơi ở chương trên.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|-------------------------|
| 皎皎白駒 | 13. Kiểu kiểu bạch câu, |
| 賁然來思 | 14. Bí nhiên lai tư. |
| 爾公爾翬 | 15. Nhī công nhī hâu. |
| 逸豫無期 | 16. Dật dự vô kỳ. |
| 憤爾優游 | 17. Thận nhī ưu du? |
| 勉爾遁思 | 18. Miễn nhī độn tư. |

Dịch nghĩa

13. Ngựa tơ lông trắng tinh anh.
14. Nếu người rạng rỡ ấy trở lại.
15. Thì người sẽ làm tước công tước hầu,
16. Và nhàn nhã an vui không hạn định.
17. Chớ nhàn du đì đạo chơi.
18. Chớ quyết lần tránh bỏ đi.

Dịch thơ

Ngựa tơ lông sắc trắng tinh.

Nếu người rạng rỡ thuận tình về đây.

Tước công hầu thì ngài sẽ dang,

Để thanh nhàn yên lặng lâu dài.

Nhàn du chớ quá miệt mài.

Bỏ đi ở ẩn quyết nài chớ nén.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 責然 *bí nhiên* (*bôn nhiên*), dáng loè loẹt rực rỡ, hoặc nói là dáng đến gấp. 思 *tư* (đọc ti theo thích âm), ngữ từ, tiếng đậm không có nghĩa. 爾 *nī*, người chỉ người hiền cưỡi con ngựa bạch. 慎 *thận*, chớ quá. 勉 *miễn*, chớ quyết. 遁 *tư* (đọc ti theo chính âm, tiếng đậm không có nghĩa), như ý nói bỏ đi.

Nói người hiền cưỡi con ngựa bạch ấy, nếu chịu trở lại, thì sẽ được làm tước công tước hầu mà nhàn hạ yên vui không hạn định. Cũng như nói: nếu thử lại đây, lớn thì sẽ làm tước vương, nhỏ cũng tước hầu, lẽ nào lại quá ham ngao du, quyết lòng chốn tránh mà rốt cuộc chẳng đoái hoái đến ta vậy thay!

Bởi vì lòng yêu người hiền tha thiết mà không biết rằng
tước quý kia vốn không đủ để ràng buộc. Lưu lại rất khổ
công mà không đoái tưởng đến chí nguyện của người hiền
không được toại.

CHƯƠNG IV

皎皎白駒

19. Kiểu kiểu bạch câu.

在彼空谷

20. Tại bỉ không cốc.

生芻一束

21. Sinh sô nhất thúc.

其人如玉

22. Kỳ nhân như ngọc.

毋金玉爾音

23. Vô kim ngọc nhĩ âm.

而有遐心

24. Nhi hữu hà tâm.

Dịch nghĩa

19. Ngựa tơ lông trắng tinh anh,
20. Đi vào trong hang trống kia.
21. Một bó cỏ tươi cho ngựa ăn.
22. Đức hạnh của người ấy đẹp như ngọc.
23. Chữ quý trọng lời nói của ngài như vàng như ngọc
(mà không thông tin tức cho nhau).
24. Mà có lòng xa cách ta.

Dịch thơ

Ngựa tơ lông sắc trắng ngần.

Nay thì đã bước vào lán hang không.

*Mớ cỏ tươi bó xong cho ngựa,
Đức hạnh người đẹp tựa ngọc giổi
Chớ như vàng ngọc quý lời,
Đé lòng dành đoạn cách vời bỏ ta.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Người hiền quyết bỏ đi không thể nào lưu lại được. Cho nên mới than thở cho người hiền ấy cõi con ngựa bạch đi vào trong hang trống mà bỏ mớ cỏ tươi cho ngựa ăn. Đức hạnh của người ấy đẹp như ngọc, vì rằng người đã đi xa không thể nào thân cận được nữa. Nhưng đâu sao cũng còn hy vọng là tin tức hàng nghe được lắn nhau chớ chưa bị đứt hẳn. Cho nên mới nói với người hiền ấy rằng: Ngài chớ quý trọng (quá tiếc) lời nói tin tức của ngài có lòng mà lìa xa ta vậy.

Thiên bách câu có 4 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THÚ 193

CHƯƠNG I

黃鳥	Hoàng diều. (Kỳ phủ 3)
黃鳥黃鳥	1. Hoàng diều, hoàng diều,
無集于谷	2. Vô tập vu cốc,
無啄我栗	3. Vô trác ngã túc
此邦之人	4. Thủ bang chi nhân

不我肯穀

5. Bất ngã khảng cốc.

言旋言歸

6. Ngôn tuyễn ngôn quy,

復我邦族

7. Phục ngã bang tộc.

Dịch nghĩa

1. Chim hoàng ly chim hoàng ly
2. Chớ đậu lên cây cốc
3. Chớ mồ ăn lúa của ta
4. Nếu người trong nước này.
5. Không chịu lấy đạo lành ở với ta,
6. Thì ta sẽ trở về.
7. Ta quay lại nước nhà và thân tộc của ta.

Dịch thơ

Chim hoàng ly chim hoàng ly hỡi!

Nhành cốc kia, chớ tới đậu đầy,

Lúa ta chớ mồ nghe mà.

Nếu người ở chỗ nước này cùng nhau.

Với ta chẳng chút nào tốt cả.

Thì ta liền vội vã chớ về.

Quay cùng thân thích nơi quê

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ. 穀 cốc (ở câu 2), tên một thứ cây.
穀 cốc ở câu 5, lành, tốt. 旋 tuyễn, trở về. 復 phục, trở lại.

Dân chúng đi sang nước khác mà không được yên nơi, mới làm bài thơ này, mượn lời gọi chim hoàng ly mà nói với nó rằng: mày chớ đậu trên cây cối mà mồ ăn lúa của ta. Nếu người trong nước này không lấy đạo lành ở với ta, thì ta sẽ không lâu sẽ bỏ nơi này mà trở về.

CHƯƠNG II

黃鳥黃鳥	8. Hoàng diều hoàng diều,
無集于桑	9. Vô tập vu tang,
無啄我粱	10. Vô trác ngā lương.
此邦之人	11. Thử bang chi nhân.
不可與明	12. Bất khả dữ minh.
言旋言歸	13. Ngôn tuyền ngôn quy.
復我諸兄	14. Phục ngā chư khuynh.

Dịch nghĩa

- Chim hoàng ly chim hoàng ly
- Chớ đậu trên cây dâu,
- Chớ mồ ăn hột kê của ta.
- Nếu người trong nước này.
- Không thể chiếu cố đến ta.
- Thì ta sẽ trở về.
- Ta quay lại với các anh ta.

Dịch thơ

*Chim hoàng ly hoàng ly my nhớ
 Nhành dâu kia thì chờ đậu cùng.
 Kê ta my chờ mồ dùng.
 Nếu mà dân chúng ở trong nước này.
 Bỏ ta chẳng đoái hoài chi cả.
 Thì ta liền vội vã về ngay,
 Cùng anh ta lại xum vầy.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|-----------------------------------|
| 黃鳥黃鳥 | 15. Hoàng điểu hoàng điểu, |
| 無集于栩 | 16. Vô tập vu hử |
| 無啄我黍 | 17. Vô trác ngā thử. |
| 此邦之人 | 18. Thủ bang chi nhản |
| 不可與處 | 19. Bất khả dǔ xử |
| 言旋言歸 | 20. Ngôn tuyền ngôn quy, |
| 復我諸父 | 21. Phục ngā chư phu. |

Dịch nghĩa

15. Chim hoàng ly chim hoàng ly,
16. Chớ đậu lên cây hủ,
17. Chớ mổ ăn nếp cửa ta.
18. Nếu người trong nước này.
19. Không thể ở với ta.
20. Thì ta sẽ trở về.
21. Ta quay lại với cha ta.

Dịch thơ

Chim hoàng ly, hoàng ly này nhé!

Nhành hủ kia chớ ghé đậu đầy,

Nếp ta chớ mổ ăn ngay!

Nếu người ở chỗ nước này cùng nhau.

Với ta chẳng thể nào ở đây.

Thì ta về đây thẳng tức thời,

Quay về ở với cha thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý.

Thiên Hoàng điểu có 3 chương, mỗi chương 7 câu.

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: Cuối đời Tuyên vương dân chúng có người thất sủng không có chỗ nương thân, tưởng rằng đến nước khác có thể ở yên được. Nhưng đến khi tới rồi lại thấy không bằng nơi cố hương, cho nên nhớ nhà mà muốn trở về.

Vua tuyên vương đã khiến dân đến nỗi như thế, thật khác với lúc vua đã đem dân trở về cho an cư đoàn tụ (xem lại thiên *Hồng nhạn*, bài thứ 187).

Nay xét lời văn của bài thơ này chưa đến chỗ nào là thuộc về thời Chu Tuyên vương, thiên sau đây cũng thế.

BÀI THÚ 194

CHƯƠNG I

我行其野

Ngã hành kỳ dã. (Kỳ phủ 4)

我行其野

1. Ngã hành kỳ dã,

蔽芾其樗

2. Té phát kỳ xu.

昏姻之故

3. Hôn nhân chi cố,

言就爾居

4. Ngôn tựu nhī cơ.

爾不我畜

5. Nhī bắt ngã súc,

復我邦家

6. Phục ngã bang gia

Dịch nghĩa

- Em đi trong đồng nội ngoài xa
- Tự che thân bằng những cây xu.
- Vì nghĩa vợ chồng
- Mà em đến ở với chàng.
- Nhưng chàng chẳng nuôi em,
- Thì em trở về nước nhà của em.

Dịch thơ

Ngoài xa em bước ngang đồng.

Cây xu em đã lấy dùng che thân.

Vợ chồng vì môi nghĩa ân.

Cho nên em chẳng ngại ngần theo anh.

Chẳng nuôi em, anh nỡ đành.

Nước nhà, em phải khởi hành về ngay.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 檇 xu, một thứ cây xáu. 婚姻 hôn nhân, cha chồng, cha vợ, hai súi gia gọi nhau là hôn nhân. 畜 súc nuôi.

Người dân đi sang nước khác, tựa vào nghĩa vợ chồng, nhưng lại thấy không được thương xót đến, cho nên làm bài thơ này. Nói rằng: Em đi trong đồng nội, tựa vào những cây xu mà che thân, cho nên nhớ đến tình nghĩa vợ chồng, mới theo chàng mà ở. Nhưng chàng lại không nuôi em, thì em sẽ trở về nước nhà của em.

CHƯƠNG II

我行其野

7. Ngã hành kỳ dã,

言采其遂

8. Ngôn thái kỳ trục.

昏姻之故

9. Hôn nhân chi cõi,

言就爾宿

10. Ngôn tựu nhĩ túc.

爾不我畜

11. Nhī bắt ngā súc.

言歸斯復

12. Ngôn quy tư phục.

Dịch nghĩa

7. Em đi ngoài đồng nội ngoài xa.
8. Nói là hái rau trực.
9. Vì nghĩa nhân duyên với nhau
10. Mà em đến ở với chàng.
11. Nhưng chàng không nuôi em.
12. Thì em trở về (nơi cố hương).

Dịch thơ

Em lèn đi giữa cánh đồng.

Nói rằng rau trực, hái cùng đó đây.

Vợ chồng vì nghĩa duyên này.

Với chàng, em đến xum vây ở chung.

Nuôi em, chàng hẳn đã không,

Cố hương em trở lại cùng từ đây.

Chú giải của Chu Ey

Chương này thuộc phú. 遂 直, rau ngọt đài, loại rau xấu nay người ta gọi là rau dương đê.

CHƯƠNG III

我行共野

13. Ngā hành kỳ dā,

言采其舊	14. Ngôn thái kỳ phúc.
不思舊姻	15. Bất tư cựu nhân,
求爾新特	16. Cầu nhī tân đặc.
成不以富	17. Thành bất dī phú,
亦祗以異	18. Diệc chỉ dī dị.

Dịch nghĩa

13. Em đi ngoài đồng nội ngoài xa,
 14. Nói là hái rau phúc.
 15. Chàng không nhớ nghĩ đến nhân duyên xưa.
 16. Đi tìm lấy người vợ mới của chàng.
 17. Thành thật chẳng vì lẽ nàng ấy giàu.
 18. Thì cũng chỉ vì nàng ấy mới lạ (còn em thì cũ xưa

rồi).

Dịch thơ

*Cánh đồng em bước đi qua,
 Nói rằng rau phúc gần xa hái về.
 Duyên xưa tưởng nhớ chẳng hề,
 Chàng tìm vợ mới dựa kè yêu đương.
 Chẳng vì vợ mới giàu sang,
 Cũng vì chuộng lạ nên chàng bỏ em.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 舊 phúc (đọc búa cho hợp vận), rau phú, thứ rau xáu. 特 đặc, bạn lúa.

Nói chàng không nghĩ đến mối nhân duyên xưa mà tìm người vợ mới. Tuy thật ra không vì người vợ mới ấy giàu, mà chán ghét em nghèo, thì cũng chỉ vì người ấy mới lạ, còn em thì xưa cũ rồi.

Đây là bài thơ người về ý trung hậu.

Thiên ngã hành kỵ dã có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

Vương thị nói rằng: Đáng tiên vương tự mình làm điều nhân nghĩa để dân đất dân, thật đã đôn hậu. Nhưng vẫn chưa cho là đủ, nên lại dựng ra quan và đặt ra thầy, đem 6 đức hạnh: hiếu, hữu, mục, nhân, nhiệm, tuất để dạy dân. Vì dân có cha mẹ, nên dậy cho đức hiếu; vì dân có anh em nên dậy cho đức hữu (tốt lành với anh em); vì dân có người cùng một họ, nên dậy cho đức mục (cung kính hoà thuận); vì dân có bà con thân thích khác họ, nên dậy cho đức nhân (hoà thuận với bà con bên vợ hay bên chồng); vì dân sống trong làng xóm láng giềng phải bảo bọc thương mến nhau, nên dậy cho đức nhiệm (tín nhiệm tin cậy nhau). Vì dân phải giúp đỡ cứu trợ nhau, nên dậy cho đức tuất (thương xót lắn nhau); vì e chỉ dậy suông thôi, hoặc giả có kẻ không chịu theo đúng, nên đã sai quan và thầy thường ghi chép đức hạnh của dân thế nào để hằng khuyến khích.

Vì e khuyến khích suông thôi, hoặc giả còn không theo đúng, nên đổi với những kẻ bất hiếu, bất mục, bất nhân, bất đẻ, bất nhiệm, bất tuất, có đặt hình pháp để trừng trị. Thiết tưởng sao lại còn có hạng để cho bài thơ này châm biếm như thế?

BÀI THÚ 195

CHƯƠNG I

斯干

Tư can. (Kỳ phủ 5)

秩秩斯干	1. Trật trật tư can,
幽幽南山	2. U u nam san.
如竹苞矣	3. Như trúc bao hỉ.
如松茂矣	4. Như tùng mậu hĩ.
兄及弟矣	5. Huynh cập đệ hĩ.
式相好矣	6. Thức Tương hảo hĩ.
無相猶矣	7. Thức Tương dữu hĩ

Dịch nghĩa

1. Cung thất này thông ra bờ sông rất có thứ tự,
2. Và xoay mặt vào núi Chung nam thâm u
3. Phần dưới thì chắc chắn như bụi trúc
4. Phần trên kín mít như đám tùng tươi rậm.
5. Ở cung thất ấy thì anh và em
6. Sẽ tốt bụng với nhau,
7. Không có mưu tính gì xấu với nhau.

Dịch thơ

*Thông ra sông lớp lang cung thất,
Núi Chung nam u mít trông lên,
Dưới như bụi trúc chắc bền.
Đám tùng tươi rậm, phần trên kín dày.
Anh em cung thất này chung sống,*

Cả thăy đều tốt bụng với nhau,

Không hề mưu tính xấu nào.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 秩秩 *trật trật*, dáng có trật tu. 斯 *tư*, này. 午 *can* (đọc *kiên*), bờ nước. 南山 *nam sơn*, núi Chung nam. 苍 *bao* (đọc *bǎu* cho hợp vận), mọc thành bụi kiên cő. 猶 *do*, (đọc *dǎu* cho hợp vận), mưu tính.

Đây xây cất cung thất đã xong mà yến ẩm với nhau để làm hoàn thành, nhân đáy mới hát lên việc ấy. Nói rằng: Cung thất này thông ra bờ sông và quay mặt vào núi, phần dưới chắc chắn như bụi trúc, phần trên kín mít như đám tùng tươi rậm. Lại nói những ai ở cung thất này thì anh em tốt đẹp với nhau không có mưu tính xấu xa gì với nhau.

Áy là lời chúc tụng cầu đảo, cũng như nói tụ tập dân tộc lại trong nước lại nơi đây.

Trương tử nói rằng: 猶 *do*, là giống như. Nhân tình ở đời đại khái là thi ân mà không được báo đền thì không thi ân nữa, cho nên ân huệ không trót được. Giữa anh em, mỗi người đều hết sức làm những gì phải làm, và chớ học theo cái thói hễ thi ân mà không được báo đáp thì bỏ không thi ân nữa.

Giữa vua và tôi, cha và con cùng bạn bè với nhau, cũng không ai là không dùng cái đạo ấy: Làm hết sức mình mà thôi vậy.

Kẻ ngu này (Chu Hy tư xưng) xét thấy theo đây thì vẫn nghĩa bài thơ này hoặc chưa hẳn đã đúng như thế, nhưng ý nghĩa thì cũng hay.

Hoặc nói rằng: 猶 *do* đáng là chữ 尤 *vưu* là oán hờn.

CHƯƠNG II

似續妣祖

8. **Tự tục tỷ tổ**

築室百堵

9. **Trúc thất bách đồ.**

西南其戶

10. **Tây nam kỳ hộ.**

愛居愛處

11. **Viên cư viên xứ,**

愛笑愛語

12. **Viên tiêu viên ngữ.**

Dịch nghĩa

8. Tiếp tục công nghiệp của tỷ tổ,

9. Xây cất cung thất và hàng trăm bức tường.

10. Nhiều tòa nhà, cái thì mở về hướng tây, cái thì mở cửa về hướng nam.

11. Trú ở nơi ấy

12. Nói cười nơi ấy.

Dịch thơ

Lo thửa kế nghiệp tổ tiên,

Cung thường xây cất dựng lên trăm tường.

Phía tây phía nam thường quay mặt.

Ở chốn này những bậc ấy thì.

Nói cười hòa thuận xiết chí!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 似 tự đồng với 祖 tự là nôi kế.妣 tỷ, ông bà trước bực tổ. Hoặc cho đó là nói bà Khương

Nguyên và ông Hậu Tắc (bà Khương Nguyên là bức tỳ đẻ ra ông Hậu Tắc là bức tổ). 西南其戶 tây nam kỳ hộ cung thất của thiên tử, không chỉ có một tòa, toà ở phía đông thì mở cửa hướng về tây, toà ở phía bắc thì mở cửa hướng về phía nam, như nói *đông nam kỳ mẫu*. 爰 viễn, nơi.

CHƯƠNG III

約之閣閣

13. **Ước chi các các,**

橡之棗棗

14. **Trác chi thác thác.**

風雨攸除

15. **Phong vū du trừ**

鳥鼠攸去

16. **Điều thử du khử,**

君子攸芋

17. **Quân tử du hu**

Dịch nghĩa

13. Kết những tấm ván cho trên dưới liên tiếp nhau.

14. Lo xây cất, tiếng chày nên đất nghe âm âm.

15. Việc tai hại của gió mưa được khai trừ.

16. việc tai hại của chim và chuột cũng trừ khử.

17. Chỗ của người quân tử rất tôn nghiêm to tát.

Dịch thơ

Ván trên dưới kết tiếp nhau

Âm âm vang dội nện vang tiếng chày,

Nạn gió mưa trừ ngay tức khắc.

Họa chuột chim trừ dứt đã xong.

Tôn nghiêm to tát vô cùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 約 ước, cột rịt những tấm ván lại. 閣閣 các các, trên dưới tiếp nhau, gác lên nhau. 檻 trác, xây dựng. 壽橐 thác thác tiếng chày nện xuống. 除 trừ, trừ khử. Không bị gió mưa và chim chuột phá hại. Nói trên dưới bốn bên đều chắc chắn kín mít. 苜 hu (đọc vụ cho hợp vận), to tát tôn quý. Nói chỗ ở của người quân tử được cho là tôn quý và to tát.

CHƯƠNG IV

如歧斯翼

18. Như xí tư dực,

如矢斯棘

19. Như thi tư cức

如鳥斯革

20. Như diểu tư cách.

如翬斯飛

21. Như huy tư phi.

君子攸躋

22. Quân tử du tê.

Dịch nghĩa

18. Cung thất áy cao vút lên như người đứng nhón chân nghiêm chỉnh,

19. Với những đường thẳng như mũi tên bay nhanh.

20. Nóc và mái nhà cao vút như con chim cất cổ trông chờ bay

21. Những góc mái đao (những kiến trúc ở phía trên góc mái điện) đẹp đẽ rực rỡ ngưỡng lên như chim trĩ bay xoè thẳng cánh.

22. Đó là nơi người quân tử bước lên để lo việc chính trị.

Dịch thơ

Nghiêm cao như thế nhón chân,
Những đường thẳng tựa như lằn tên bay
Chim cất cổ giống thay mái nóc!
Cánh trī xoè hình góc mái đao.
Là nơi quân tử bước vào.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 跡 xi, đứng nhón chân. 翼 dực, kính. 棘 cức, gấp. Mũi tên hẽ bay chậm thì lằn đi cong, hẽ bay nhanh thì lằn đi thẳng. 革 cức, biến. 蟬 huy, chim trī. 跳 tê, thẳng lên.

Nói đại thể của cung thất áy nghiêm chính như người đứng nhón chân cao lên, với vẻ cung kính sang trọng, vẻ đoan chính kiên cố chỉnh đốn như mũi tên bay nhanh ngay thẳng. Nóc và mái nhà cao vút lên như con chim cất cổ trông chừng mà chít bay lên, những mái đao đẹp đẽ rực rỡ cát vọt lên như chim trī bay thẳng cánh ra. Đó là sự đẹp đẽ của cung thất như thế áy, để cho bực quân tử bước lên khi thính chính (nghe việc chính trị).

CHƯƠNG V

殖殖其庭

23. Thực thực kỳ định,

有覺其楹

24. Hữu giác kỳ doanh.

噲噲其正

25. Khoái khoái kỳ chinh.

噦 噦 其冥

26. Hué huế kỳ minh.

君子攸寧

27. Quân tử du ninh

Dịch nghĩa

23. Sân trước cung thất thì bằng phẳng ngay ngắn.
24. Những cây cột thì cao lớn và thẳng
25. Phản lộ ra ánh sáng thì vui thích.
26. Phản che kín thì sâu rộng
27. Đó là nơi bực quân tử ở yên.

Dịch thơ

*Trước cung vua bằng thẳn mặt sân,
Cột cao đứng thẳng vô ngàn khắp nơi.
Phản lộ ra vui tươi sáng rực.
Chỗ âm thầm thì thực rộng sâu.
Là nơi quân tử ở vào.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 殖殖 *thực thực*, bằng và ngay. 庭 *dinh*, sân ở trước cung thất. 覺 *giác*, cao lớn mà thẳng. 檻 *doanh*, cây trụ, cây cột. 噞嚞 *khoái khoái*, như 快快 *khoái khoái*, vui thích. 正 *chính* (đọc *chinh* cho hợp vận), chỗ lộ ra ngoài sáng. 噦噦 *hué huế*, dáng sâu rộng. 冥 *minh*, chỗ sâu kín ở góc tây nam và góc đông nam.

Nói sự đẹp đẽ của cung thất ấy là thế, đó là chỗ bực quân tử nghỉ ngơi để yên thân.

CHƯƠNG VI

下莞上簟	28. Hạ quan thượng đệm,
乃安斯寢	29. Nāi an tư tẩm.
乃寢乃興	30. Nāi tẩm nāi hưng.
乃佔我夢	31. Nāi chiêm ngā mộng
吉夢維何	32. Cát mộng duy hè?
維熊維罷	33. Duy hùng duy bì.
維虺維蛇	34. Duy huỷ duy xà.

Dịch nghĩa

28. Dưới lót chiếu, trên trải đệm.
29. Để yên ở nơi phòng ngủ ấy.
30. Lại ngủ lại dậy.
31. Lại đoán xem chiêm bao của ta.
32. Mộng lành như thế nào?
33. Thì thấy con gấu.
34. Thì thấy con rắn.

Dịch thơ

*Dưới lót chiếu trên thì đệm phủ
Để đặt vào phòng ngủ yên nơi.
Để khi ngủ hoặc dậy rồi,
Đem đệm ta thấy, đoán lời chiêm bao.*

Điềm trong mộng thế nào tốt vậy?

Điềm lành thì ngài thấy gấu to,

Hoặc là ngài thấy rắn bò.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 莞 *quan*, chiêu bằng lác. 篾 *diệm*, cái đệm đương bằng tre. 麟 *bì* (đọc *bà* cho hợp vần), loại gấu đầu dài, chân cao, hung dữ ngu si, nhiều sức mạnh, nhổ nỗi cây. 麒 *huỷ*, loài rắn cổ nhỏ, đầu to, rắn rí như dây tua đeo ngọc, con to thì dài 7 hay 8 thước.

Chúc vua ở yên nơi cung thất, nằm chiêm bao thì được điềm lành. Chương này cũng là lời cầu chúc. Chương sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG VII

大人佔之

35. Thái nhân chiêm chi.

維熊維罷

36. Duy hùng duy bi.

男子之祥

37. Nam tử chi tường.

維虺維蛇

38. Duy huỷ duy xà.

女子之祥

39. Nữ tử chi tường.

Dịch nghĩa

35. Quan đoán mộng lô đoán những mộng ấy.

36. Mộng thấy con gấu.

37. Là điềm sinh con trai.

38. Mộng thấy con rắn.

39. Là điềm sinh con gái.

Những quan bói mộng đoán rằng:

Chiêm bao thấy gấu rõ ràng những khi

Là điềm sinh nam nhi chắc chắn.

Trong chiêm bao thấy rắn lại là.

Hắn điềm con gái sinh ra.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 太人 thái nhân, quan thái bốc, quan đoán mộng. 熊羆 hùng bi, con gấu thuộc dương, ở trên núi mạnh mẽ cương nghị là điềm sinh con trai. 虺蛇 huý xà, con rắn, thuộc âm ở trong hang; yếu đuối núp lén, là điềm sinh con gái.

Hoặc nói rằng: Nằm chiêm bao mà được mộng lành là thế nào? Đáp rằng: Tinh thần con người lưu thông liên lạc với trời đất âm dương, cho nên ban ngày làm việc gì, thì ban đêm chiêm bao thấy việc ấy. Việc lành dữ xấu tốt cứ theo từng thứ loại mà đến (hễ làm điều lành thì thấy việc lành, làm điều dữ thì thấy việc dữ). Cho nên tiên vương mới đặt ra quan thuộc coi về mộng my, khiến những quan thuộc ấy xem xét vận hội của trời đất, phân biệt khí âm dương, lấy mặt trời mặt trăng và tinh tú để đoán sáu điều mộng my lành hay dữ, cuối năm tính chung lại những mộng lành mà dâng lên vua và đuổi mộng dữ đi. Vì trời và người tương quan nhau, cho nên xem xét mộng my cho tinh tường để đem lòng rất mực cung kính. Cho nên nói rằng: Thiên tử đặt các đồng bóng phía trước, phía sau thì đặt sứ quan. Quan đọc lời chúc tụng ở tông miếu và quan khuyến nhạc đều ở bên tả bên hữu, thiên tử thì ở giữa tự nhiên không làm gì cả, để giữ mức rất trung chính.

CHƯƠNG VIII

乃生男子	40 Nāi sinh nam tử,
載寢之牀	41. Tái tẩm chi sàng,
載衣之裳	42. Tái ý chi thường,
載弄之璋	43. Tái lộng chi chương.
其泣喤喤	44. Kỳ kháp hoàng hoàng.
朱芾斯皇	45. Chu phát tư hoàng.
室家君王	46. Thất gia quân vương.

Dịch nghĩa

40. Lại sinh con trai.
41. Thị cho nằm ngủ trên giường.
42. Thị cho nó mặc áo quần (con trẻ của dân khi mới sinh ra thì chỉ được quần tã).
43. Thị cho nó chơi viên ngọc chương.
44. Đứa trẻ ấy khóc to tiếng.
45. Rồi sau này nó được mặc phát đồ rực rỡ.
46. Và lập gia đình, đứa trẻ ấy sẽ làm vua chư hầu hay vua thiên tử.

Dịch thơ

*Lại sinh ra câu con trai ấy,
Thị cho nằm ngủ tại trên giường,*

*Áo quần được mặc thông thường,
Cho chơi cho giỡn ngọc chương hằng ngày.
Khóc vang lên câu trai mạnh mẽ.
Phát đỗ thì sau sẽ mặc vào,
Làm thiên tử hoặc chư hầu.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 璧 *chương*, phán nửa viên ngọc khuê gọi là ngọc chương. 嘩嘻 *hoành* (đọc *hoàng* cho hợp vận), tiếng to. 帜 *phát*, tấm che đầu gối trong y phục của thiên tử thì toàn màu đỏ, của chư hầu thì màu vàng và đỏ. 皇 *hoàng* như 煌煌 *hoàng hoàng*, rực rỡ. 王 *quân*, vua chư hầu.

Cho nằm ngủ trên giường là tôn trọng nó. Lấy quần bận vào là cho nó mặc quần áo rườm rà. Lấy ngọc chương cho chơi là chuộng cái đức của nó. Nói con trai sinh vào cung thất áy đều cho mặc tấm phát đỗ rực rỡ, có gia thất (lập gia đình), hoặc làm vua chư hầu, hoặc làm vua thiên tử.

CHƯƠNG IX

- | | |
|------|----------------------|
| 乃生女子 | 37. Năi sinh nữ tử, |
| 載寢之地 | 38. Tái tẩm chi địa, |
| 載衣之裼 | 39. Tái ý chi thế, |
| 載弄之瓦 | 50. Tái lộng chi ngā |
| 無非無儀 | 51. Vô phi vô nghi |

唯酒食是議

52. Duy tửu thực thị nghi.

無父母詒 罷

53. Vô phụ mẫu di nghi.

Dịch nghĩa

47. Lại sinh ra con gái,
48. Thì cho nằm ở dưới đất.
49. Thì lấy tā mà cho mặc.
50. Thì lấy tấm ngói để cuốn tơ mà cho chơi.
51. Việc trái việc phải gì cũng không cần biết tới,
52. Chỉ lo rượu và món ăn.
53. Và đừng để mỗi lo buồn gì về sau cho cha mẹ.

Dịch thơ

Bỗng sinh ra nhầm ngay con gái,
Dưới đất thì cho trái nằm thôi,
Tā thì lấy quần xong xuôi,
Cuốn tơ tấm ngói cho chơi hằng ngày,
Phải trái chǎng cần hay cần biết.
Rượu, món ăn mãi miết lo xong.
Đừng làm cha mẹ buồn lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 禺 thέ, tấm tā. 瓦 ngoā (đọc nghỉ cho hợp vận), tấm ngói để cuốn tơ. 儀 nghi (đọc nghỉ cho hợp vận) tốt, lành. 罷 ly (đọc ly cho hợp vận), buồn.

Cho nằm ngủ dưới đất là coi khinh. Lấy tā mà bận cho nó, tức là mặc cho thứ cần dùng không có thêm gì nữa. Lấy

viên ngói cho chơi là tập cho nó có công việc làm (lô việc kéo tơ). Có điều sai cũng không phải việc của người đàn bà con gái ở trong nhà lo đến. Có điều lành cũng không phải việc của người đàn bà con gái ở trong nhà đến nữa. Vì rằng đàn bà con gái lấy nét thuận tùng làm chính, không làm gì bậy là đủ rồi. Có điều lành cũng không phải việc tốt lành mà người đàn bà con gái có thể mong muốn được. Người đàn bà con gái chỉ lo rượu để uống, đồ ăn để xơi mà thôi và đừng để môi lo buồn gì về sau cho cha mẹ cả (như về nhà chồng không khéo lại bị chồng đuổi, thì cha mẹ phải buồn phiền) thì được rồi.

Kinh Dịch quẻ *Gia nhán* nói rằng: *Vô du toại tại trung quý, trinh cát* (đạo đàn bà là phải thuận chiều theo, chớ lo cho mình được toại ý, chỉ lo cho các món được ăn uống và cúng tế mà thôi, được như thế thì bền và tốt đây).

Mẹ của Mạnh tử cũng nói rằng: Lê nghi của phụ nữ là phải tinh thông việc lo năm món cơm, lo dậy điểm những chung rượu khi cúng tế, nuôi cha mẹ chồng, may vá áo quần mà thôi.

Cho nên người phụ nữ chỉ có đức hạnh lo công việc ở trong nhà mà không có chí nguyện gì ở ngoài cả. Đây là nói về chương này.

Thiên Tư can có 9 chương, 4 chương 7 câu và 5 chương 5 câu.

Thuyết xưa nói rằng: Chu Lệ vương bị đày ra đất Trệ, cung thất đều hư hại, cho nên khi Tuyên vương lên ngôi phải làm cung thất lại. Khi xây cất đã xong thì làm lê hoàn thành.

Nay cũng chưa có những gì để thấy rõ đó là bài thơ đúng vào thời ấy.

Hoặc nói rằng theo thiên *Yén lê* trong cách *Nghi lê* nói *Hạ quản Tân cung* (Xuống thì thổi sáo bài *Tân cung*), và truyện *Xuân thu* nói *Tống Nguyên công phú Tân cung* (*Tống Nguyên* công hát bài *Tân cung*) e tức là bài thơ này. Nhưng cũng chưa có gì để chứng thực rõ ràng cả.

BÀI THÚ 196

CHƯƠNG I

無羊	Vô dương. (Kỳ phủ 6)
誰謂爾無羊	1. Thuỷ vị nhī vô dương?
三百維群	2. Tam bách duy quân.
誰謂爾無牛	3. Thùy vị nhī vô ngưu?
九十其櫛	4. Cửu thập kỳ thuần.
爾羊來思	5. Nhī dương lai tư,
其角濺濺	6. Kỳ giác trấp trấp.
爾牛來思	7. Nhī ngưu lai tư,
其耳濕濕	8. Kỳ nhī thấp thấp.

Dịch nghĩa

1. Ai nói ngài không có dê?
2. Hàng ba trăm con làm thành bầy.
3. Ai nói ngài không có bò?
4. Loài bò lông vàng môi đen thì chín mươi con.
5. Dê của ngài trở về đây.
6. Giụm sừng lại nghe lách cách để nghỉ ngơi.
7. Bò của ngài trở về đây.
8. Vừa nhơi vừa quạt vành tai nghe sầm sập.

Dịch thơ

Ngài không dê thì ai dám nói?
Ba trăm con tụ hội thành bầy,
Không bò ai dám bảo ngài?
Lông vàng đen mõm thì đầy chín mươi.
Dê của ngài về rồi nơi ấy.
Lách cách nghe sừng mãi giüm chung.
Bò thì cũng đã về xong,
Quạt tai sầm sập lại cùng đứng nhơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 禧 順 *thuần*, bò vàng môi đen. Dê thì 300 con làm một bầy. Bầy dê như thế thì nhiều lắm không đếm xiết. Còn bò loại lông vàng môi đen thì 90 con, không phải thứ lông vàng môi đen này nhiều hơn hết đâu (có loại khác còn nhiều nữa). Dê thì tụ sừng lại để nghỉ ngơi nghe lách cách, bò thì nhơi và quạt vành tai nghe sầm sập.

Vương thị nói 濺 濟 *tráp tráp* là êm hoà, về con dê thì cứ sợ nó cung nhau, cho nên nói nó êm hoà là ý dê tụ chung lại mà không cung nhau. Và 濟 濟 *thấp thấp* là trơn nhuần. Con bò hễ bị bệnh thì lỗ tai khô, hễ nó được bình yên không bệnh tật thì lỗ tai trơn nhuần ướt.

Bài thơ này nói việc chăn nuôi được thành công, bò dê đồng đảo.

CHƯƠNG II

或降于阿	9. Hoặc giáng vu a,
或飲于池	10. Hoặc ẩm vu trì,
或寢或訛	11. Hoặc tẩm hoặc ngoa.
爾牧來思	12. Nhī mục lai tư,
何箋何笠	13. Há toa há lập,
或負其餚	14. Hoặc phụ kỳ hâu,
三十維物	15. Tam thập duy vật.
爾牲則具	16. Nhī sinh tắc cụ.

Dịch nghĩa

9. Con thì xuống dưới gò,
10. Con thì uống nước dưới ao.
11. Con thì ngủ, con thì cứ động rợ rợy.
12. Người chăn của ngài đi đến,
13. Người thì vác áo tơi vác nón lá,
14. Người thì vác đồ ăn khô.
15. Mỗi loại theo sắc lông thì có ba mươi con,
16. Ngài muốn cúng tế về việc gì cũng đầy đủ.

Dịch thơ

*Dưới cái gò con thì đi xuống,
Nước ao kia, con uống thảm thoái.
Con thì cưa, con ngủ rồi.*

Người chăn cung thấy đến nơi rõ ràng.
Ké áo tơi và mang nón lá,
Váy thức khô, người đã tới cùng.
Ba mươi con mỗi sắc lông,
Để khi cúng tế ngoài dùng phủ phê.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 詩 *ngoa*, động đầy. 河 *há*, váy. 簪 *toa*, 笠 *lập*, áo tơi và nón lá để phòng khi mưa. 三十維物 *tam thập duy vật*, phân biệt sắc lông để chia ra từng loại, mỗi loại 30 con.

Nói bò dê rất dạn dĩ không khiếp sợ gì hết, người chăn đem áo tơi nón lá, cho bò dê ăn uống theo tính của nó ưa thích, cho nên bò dê sinh đẻ ra nhiều. Còn về sắc lông thì không có loại nào là không đầy đủ, và còn cần dùng về việc gì thì chẳng thứ nào là không có.

Chú giải của Dịch giả

𦥑 *a*, cái gò to. 思 *tu*, tiếng đệm. 餅 *hầu*, đồ ăn khô.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|-----------------------|
| 爾牧來思 | 17. Nhī mục lai tư, |
| 以薪以蒸 | 18. Dī tân dī chưng, |
| 以雌以雄 | 19. Dī thư dī hùng, |
| 爾羊來思 | 20. Nhī dương lai tư, |

矜矜兢兢

21. Căng cǎng cǎng cǎng.

不驁不崩

22. Bất khiên bất băng.

靡之以肱

23. Huy chi dī hoảng,

畢來旣升

24. Tất lai ký thăng.

Dịch nghĩa

17. Người chăn của ngài đi đến,
18. Bắt lấy con lông thô, con lông mịn,
19. Bắt lấy con đực, con cái để đem chúng trở về.
20. Dê của ngài về đến,
21. Đều vững vàng mạnh mẽ.
22. Không suy kém (về thể xác), không bị bệnh dịch toàn bầy.
23. Người chăn lấy tay mà vỗ.
24. Thì bầy dê đều lên hết vào chuồng.

Dịch thơ

Người chăn của ngài đã đi tới,

Bắt thô lông lại với mịn lông,

Bắt con đực, cái về cùng.

Dê ngài đã thấy đuổi chúng về rồi.

Đều vững vàng đồng thời mãnh dũng.

Toàn bầy không bệnh cũng chẳng suy.

Người chăn tay vỗ chỉ huy.

Bầy dê lần lượt đều đi vào chuồng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Con vật lông thô gọi 薦 tān, lông mịn gọi 熏 chung. 雌雄 thư hùng, con đực con cái nói về cầm thú 卍矜 矜競競 cǎng cǎng cǎng cǎng, kiên chắc mạnh mẽ. 既 ký, hết. 升 thăng, vào chuồng.

Nói người chăn có sức thừa, chạy ra bắt con lông thô, con lông mịn, ra bắt con đực con cái để đem về. Dê rất an thuận xuôi theo người, không cần phải bị đánh bị quất, người chăn chỉ lấy tay vỗ khiến chúng đi tới, khiến chúng vào chuồng thì chúng vào chuồng hết cả.

CHƯƠNG IV

牧人乃夢	25. Mục nhân nãi mộng,
衆維魚矣	26. Chúng duy ngư hĩ.
旂維旗矣	27. Triệu duy dư hĩ.
大人佔之	28. Thái nhân chiêm chi.
衆維魚矣	29. Chúng duy ngư hĩ.
實維豐年	30. Thực duy phong niên.
旂維旗矣	31. Triệu duy dư hĩ.
室家湊湊	32. Thất gia tần tần.

Dịch nghĩa

25. Người chăn nằm ngủ và chiêm bao,
26. Thấy dân chúng lại là cá,
27. Thấy cờ triệu lại là cờ dư.

28. Quan đoán mộng hãy đoán giùm mộng ấy.
29. Thấy dân chúng lại là cá,
30. Thì thật là năm được mùa.
31. Thấy cờ triệu lại là cờ dư,
32. Thi là con cháu trong nhà được đông nhiều.

Dịch thơ

Người chăn giữ chiêm bao sự lạ:

Thấy nhân dân thành cả bầy ngư,

Thấy cờ triệu biến cờ dư.

Quan chiêm mộng hãy đoán như thế nào.

Toàn nhân dân chiêm bao là cá.

Được mùa thì ắt quả năm nay,

Thấy cờ triệu hóa dư này,

Trong nhà con cháu xum vầy càng đông.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Lời giải của quan đoán mộng chưa rõ. 淀淀 *tần tần*, đông nhiều. Hoặc nói đông nhiều là nói về người. 旗 *triệu*, cờ dựng lên trong đồng nội để tụ hợp số ít người. 旗 *du*, cờ dựng lên trong làng trong châu để tụ hợp số nhiều người. Vì rằng người nhiều không bằng như cá nhiều, và số người do cờ triệu tụ tập lại không bằng như số người do cờ dư tụ tập lại. Cho nên năm mộng thấy người lại là cá, thì là năm được mùa, và cờ triệu lại là cờ dư, thì là người đông đảo.

Thiên Vô dương có 4 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 178.

CHƯƠNG I

節南山

Tiệt nam sơn. (Kỳ phủ 7)

節彼南山

1. Tiệt bì nam sơn,

維石巖巖

2. Duy thạch nham nham.

赫赫師尹

3. Hách hách Sư Doãn,

民具爾瞻

4. Dân cụ nhī chiêm.

憂心如惔

5. Ưu tâm như đàm,

不敢戲談

6. Bất cản hý đàm.

國既卒斬

7. Quốc ký tốt trảm

何用不監

8. Hà dụng bất giám?

Dịch nghĩa

1. Núi nam cao vòi voi kia.
2. Chỉ có đá chập chùng.
3. Quan Thái sư họ Doãn hiển hách,
4. Dân chúng đều trông ngóng vào ngài.
5. (Nhưng ngài làm lầm điều bất thiện) cho nên dân chúng ưu sầu như lửa đốt.
6. (Vì sợ uy lực của ngài) dân chúng không dám đùa bỡn nói ra.
7. Như thế thì quốc gia đến lúc tàn dứt rồi,
8. Mà ngài sao không xét đến?

Núi nam kia thi trông cao ngắt,
Đá chênh vênh chồng chất trập trùng
Hiển vinh Sư Doãn y hùng,
Được toàn dân chúng đã trông ngưỡng vào.
Nhưng dân chúng vẫn sâu lửa đốt,
Cột dùa nào dám thốt nói ra.
Đến ngày tàn lun nước nhà
Tại sao ngài chẳng xét qua thẻ này?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng 飭 tiệt, dáng cao vút lên. 巍巍 nham nham, dáng đá chồng chất lên. 赫赫 hách hách, dáng hiển đạt thịnh vượng. 师尹 Sư Doãn, quan Thái sư họ Doãn. Thái sư họ Doãn là chức quan cao nhất trong tam công (thái sư, thái phó, thái bảo) là con cháu của Doãn Cát Phủ. Sách Xuân thu chép quan Thái Sư họ Doãn mất.

Công Dương tử cho là lời khiển trách quan khanh sĩ đương thời, tức là bài thơ này đấy. 具 cụ, đều. 賦 chiêm (đọc trạm cho hợp vận), xem. 倓 đàm, thiêu đốt. 卒 tốt, cuối cùng, dứt. 斬 trảm (đọc trạm cho hợp vận), dứt hết. 蘥 giám (đọc giam), xem xét.

Bài thơ này là của quan Đại phu Gia Phủ làm ra để châm biếm thiên tử nhà Chu dùng quan Thái sư họ Doãn mà sinh ra biến loạn.

Nói núi nam cao vút kia, thì chỉ có đá từng từng lớp chồng chất. Quan Thái Sư họ Doãn hiển hách thì được dân chúng đều chiêm ngưỡng. Nhưng ngài làm những điều bất

thiện khiến lòng dân ưu sâu như lửa đốt, lại vì uy lực của ngài, dân chúng không dám nói ra, thế thì quốc gia đã đến lúc tàn lụn rồi, mà sao ngài không xét đến như vậy thay?

Chú giải của Dịch giả

Núi nam cao vút chỉ có đá trập trùng để khởi hứng quan Thái sư họ Doãn làm chức cao nhất trong tam công được dân chúng trông ngóng như núi nam cao vời vợi kia được mọi người trông vào.

CHƯƠNG II

節彼南山

9. Tiệt bỉ nam sơn,

有實其猗

10. Hữu thực kỳ y.

赫赫師尹

11. Hách hách Sư Doãn,

不平謂何

12. Bất bình vị hè?

天方蕪瘞

13. Thiên phương tiến ta,

喪亂弘多

14. Táng loạn hoằng da.

民言無嘉

15. Dân ngôn vô gia.

僭莫憲嗟

16. Thảm mạc trùng ta.

Dịch nghĩa

7. Núi nam cao vót vợi kia.

10. Cây cỏ đơm đầy và dài tốt trên áy.

11. Quan Thái sư họ Doãn hiển hách,

12. Ngài không công bình thì nói làm sao?

13. Trời vừa gieo bịnh tật lám lần.
14. Dân chúng bị loạn lạc tử vong quá nhiều.
15. Lời của dân thốt ra không có điều gì đẹp tốt vui mừng nữa.
16. Mà sao ngài vẫn không tự trách hối cải thì đáng ngâm ngùi than thở.

Dịch thơ

Núi nam kia thì cao von vót.

Cỏ cây đều tươi tốt lên dài.

Thái sư Doãn hiền hách thay!

Chẳng công bình, thế nào ngài làm sao?

Trời đã gieo xiết bao bịnh hoạn,

Dân tử vong ly loạn nhiều rồi.

Lời dân hết vẻ vui tươi,

Vì ngài chẳng hôi, ngâm ngùi thở than.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 有實其猗 *hữu thực kỳ y* (đọc a cho hợp vận), chưa rõ nghĩa là gì. *Mao thi truyện* nói rằng: 猗, là dựa vào. Nói cây cỏ mọc dày ở mé bờ dựa theo hang suối, hoặc nói trái của cây cỏ mới ra non tươi đẹp đẽ. Giải thích như thế cũng không mấy thông. 薦 tiến đồng với 荐 tiến, nhiều lần. 痘 ta, bịnh. 弘 hoằng, to lớn. 暇 thảm, thương nhiều lần. 憲 trừng, trách phạt trừng trị.

Núi nam cao vời vợi kia, cây cỏ trên núi ấy đã đầy tràn và tươi tốt. Quan Thái sư họ Doãn hiền hách, tấm lòng của ngài không được công bình thì nói làm sao vậy thay?

Tô thị nói: làm chính trị mà không giữ được tấm lòng công bình, thì dân ở dưới kẻ tơi người héo, kẻ nhọc người nhàn, có sự cách biệt rất lớn. Cho nên quý thần giận mà gieo cho loạn lạc tang tóc liên tiếp, và nhân dân oán mà phiền trách căm hờn quan trên. Nhưng Thái sư họ Doãn không hề tự trách mà than thở ngậm ngùi để hối cải.

CHƯƠNG II

尹氏大師	17. Doãn thị Thái sư,
維周之氏	18. Duy Chu chi dê.
秉國之均	19. Binh quốc chí quân
四方是維	20. Tứ phương thị duy
天子是毗	21. Thiên tử thị tỳ
俾民不迷	22. Tỷ dân bất mê
不吊吳天	23. Bất diếu hạo thiên
不宜空我師	24. Bất nghi không ngã sư.

Dịch nghĩa

17. Quan Thái sư họ Doãn
18. Ngài là căn bản của nhà Chu.
19. Nắm giữ lẽ công bình của quốc gia.
20. Giữ gìn bốn phương
21. Và giúp đỡ Thiên tử,
22. Dạy dỗ dân mà khiến dân không mê.
23. Nay ngài không được Thượng đế thương xót đến

24. Thị ngài không nên ở mãi chức vụ ấy để dân chúng tôi phải đến cảnh khốn cùng.

Dịch thơ

*Quan Thái sư vốn dòng họ Doãn
Thật Chu triều cǎn bản, ngài là,
Cầm cân công lý quốc gia,
Giữ gìn toàn cõi nước nhà bốn phương,
Giúp Thiên tử đảm đương quyền chức.
Đây dỗ dân tránh dứt mê si.
Nếu không Thương đế yêu vì.
Chớ làm dân phải khốn nguy nỗi này,*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 氏 đế, (đọc đê cho hợp vận) cái gốc cǎn bản 均 quân, đồng đều công bình 維 duy, nắm giữ 畏 tì, phụ giúp 弔 dieu, thương xót 空 không, cùng khốn 師 Su, dân chúng.

Nói quan thái sư họ Doãn là cǎn bản của nhà Chu. Cầm cân công bình cho đất nước nhà thì ngài phải làm thế nào để giữ gìn bốn phương, giúp đỡ Thiên tử và dậy dân khiến dân không mê hoặc. Đó là chức vụ của ngài. Nay ngài đã không giữ dạ công bình và không được Thương đế thương xót đến thì ngài không nên ngồi lâu ở chức vụ đó nữa để khiến Trời cứ gieo rắc hoạ xuống mãi mà dân chúng tôi phải đến cảnh khốn cùng.

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|--------------------------|
| 弗躬弗親 | 25. Phát cung phát thân. |
| 庶民弗信 | 26. Thủ dân phát tấn |
| 弗問弗仕 | 27. Phát vấn phát sĩ |
| 勿罔君子 | 28. Vật vōng quân tử |
| 式夷式已 | 29. Thức di thức dī |
| 無小人殆 | 30. Vô tiểu nhân dāi |
| 瑣瑣姻亞 | 31. Tỏa tỏa nhân á |
| 則無撫仕 | 32. Tắc vô phủ sĩ |

Dịch nghĩa

25. Ngài không đích thân coi giữ việc chính trị,
26. Thủ dân chúng không theo lời ngài nữa.
27. Ngài không hỏi đến không coi sóc đến,
28. Xin ngài chờ dõi gạt vua.
29. Ngài hãy giữ công bình, kẻ nào làm việc không xứng đáng thì ngài cho thôi.
30. Chớ dùng đứa tiểu nhân mà quốc gia phải lâm nguy.
31. Những ông sui, những anh em bạn bè nhỏ nhen của ngài.
32. Thủ chớ trọng dụng.

Dịch thơ

Ngài chẳng đích thân coi chính trị

Lòng dân tin nay bị mất rồi.

*Ngài không hỏi đến xét soi,
Đối lửa Thiên tử hãy thôi đi ngài.
Giữ công bình, bất tài thì đuổi.
Dùng tiếu nhân thật mồi nguy thay!
Sui gia bạn rể của ngài
Chớ nên trọng dụng điều này nhơ cho.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 仕 sī, phụng sự coi sóc. 因 vōng, khi, đối gạt. 君子 quán tử, chỉ thiên tử nhà Chu. 夷 di bằng công bình. 已 dī, thôi, dứt. 致 dāi (dọc dī cho hợp vận), nguy. 瑣瑣 toǎ toǎ, nhỏ nhen. 姻 nhān, cha của người rể. 亞 á, tiếng của hai người rể gọi nhau. 賦 phù, đôn hậu, đầy.

Nói Thiên tử uỷ thác việc chính trị cho quan Thái sư họ Doãn, Thái sư họ Doãn lại uỷ thác việc chính trị cho các sui gia, các anh em bạn rể là hạng tiếu nhân, mà chưa hỏi đến coi sóc đến. Đó là đối vua. Cho nên răn ngài mà nói rằng: Ngài không đích thân giữ việc chính trị thì dân chúng không tin cậy ngài nữa. Việc ngài không hỏi đến, không coi đến như thế há lại có thể đối gạt thiên tử hay sao? Ngài phải giữ lòng công bình, coi chừng những người của ngài đã uỷ nhiệm công việc, kẻ nào không xứng đáng thì cho thôi cho nghỉ, chớ dùng đưa tiếu nhân cho quốc gia phải đến cảnh nguy hiểm. Nếu những ông sui, những anh em bạn bè nhỏ nhen của ngài đều được trọng dụng với quyền to lộc cả, thì bọn tiếu nhân sẽ tiến tới, còn người quân tử phải lui xa.

CHƯƠNG V

昊天不傭	33. Hạo thiên bất dung
降此鞶凶	34. Giáng thử cúc hung.
昊天不惠	35. Hạo thiên bất huệ
降此大戾	36. Giáng tử đại lè.
君子如屆	37. Quân tử như giới.
俾民心闋	38. Tý dân tâm khuyết
君子如夷	39. Quân tử như di
惡怒是違	40. Ố nộ thị vi.

Dịch nghĩa

33. Thượng đế không công bình,
34. Mới gieo xuống lầm loạn lạc cùng cực áy
35. Thượng đế không xuôi thuận
36. Mới gieo xuống làm điều trái nghịch to tát áy
37. Vua nếu như dốc hết tâm chí vào việc chính trị một cách rất chí thành,
38. Thị khiến lòng dân được yên vui.
39. Vua nếu như công bình
40. Thị nỗi oán hận của dân sê xa lánh ngay.

Dịch thơ

Chẳng công bình Trời cao kia hỡi!

Loạn ly còn gieo tới thế sao?

*Trời không xuôi thuận chút nào.
Gieo điêu trái nghịch lớn lao khôn cùng.
Vua quyết dốc lòng trị nước,
Thì lẽ dân đều được thỏa bình,
Thì lòng oán của dân lành xa ngay.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 儢 trung (đọc song cho hợp vận), đồng đều, công bằng. 鞠 cúc, cùng cực 阴 hung, loạn lạc. 戾 lệ, điêu trái nghịch. giới 犯 (đọc kệ cho hợp vận,) rất, cực, chí thành. 閣 khuyết (đọc khê cho hợp vận), yên. 遙 vi, xa.

Nói thượng đế không công bình mới gieo xuống những loạn lạc cùng cực. Thượng đế không xuôi thuận mới gieo xuống những tai biến trái nghịch.

Nhưng mà sở dĩ được bình yên trở lại thì cũng tại người mà thôi. Nếu vua không cầu thả, rất chí thành, dùng hết tâm chí vào, việc gì cũng đích thân làm lấy, thì lòng muôn khởi loạn của dân cũng sẽ yên hết. Nếu vua không thiên lệch, giữ lòng công bình, lẽ công bình được thi hành, kẻ không xứng đáng bị cho nghỉ, thì nỗi oán hận của dân sẽ được lánh xa. Nhưng thương hại cho Vua và Thái sư họ Doãn lại không làm được như thế.

Ôi! Hễ làm chính trị mà không công bình để gieo lấy tai họa loạn lạc, đó là do người làm ra. mà nhà thơ cho rằng cho Trời thật đã làm ra, bởi không biết đổ lỗi cho ai, nên mới đổ lỗi Trời. Hoặc giả là để thấy rõ cái nghĩa vua tôi che đây cho nhau hoặc giả để thấy cái lẽ trời và người là một.

Những chương về sau này đều phỏng theo sau đây

CHƯƠNG VI

不吊昊天	41. Bất diếu đạo thiên.
亂靡有定	42. Loạn mĩ hữu định
式月斯生	43. Thức nguyệt tư sinh
俾民不寧	44. Tý dân bất ninh
憂心如醒	45. Ưu tâm bất trình
誰秉國成	46. Thuỷ bỉnh quốc thành
不自爲政	47. Bất tự vi chính
卒勞百姓	48. Tốt lao bách tính?

Dịch nghĩa

41. Thương đế không thương xót đến.
42. Loạn lạc lại chẳng định yên
43. Lại cứ theo năm tháng sinh ra mài.
44. Khiến dân không được an ninh
45. Vua lo buồn như đang cơn say rượu
46. Mời hỏi: Ai cầm giữ lẽ công bằng của quốc gia
47. Lại không tự nắm giữ việc chính trị (cứ giao phó cho bà con thân thuộc)
48. Cuối cùng đã kiến bà con lao khổ thế này

Dịch thơ

*Thương đế chẳng nhủ lòng thương hại,
Loạn lạc còn gieo mài chẳng yên.*

*Tháng ngày sinh mãi liền liền.
Khiến dân chẳng được phi nguyên an ninh
Vua như say tâm tình sâu thẳm,
Mới hỏi rằng: Ai nǎm lē công,
Chính mình tự đâm lại không
Cuối cùng trăm họ long dong khổ sâu?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 醒 trình, cơn say rượu.
成 thành, công bình. 卒 tốt, rốt, cuối cùng.

Tô thị nói rằng: Trời đã không thương xót, cho nên
loạn chưa được dứt, mà tai họa lại cứ theo tháng ngày tăng
thêm. Cho nên vua, người quân tử lo buồn mà rằng: Ai nǎm
giữ nền tảng của quốc gia, lại không tự nǎm giữ lấy chính trị
mà cứ giao phó cho những đứa tiểu nhân là bọn súc gia và
anh em bạn rẻ, rồi cuối cùng đã khiến dân phải chịu lầm lỗi
lao khổ tệ hại của bọn chúng đến như thế này vậy?

CHƯƠNG VII

駕彼四牡

49. Giá bỉ tứ mâu,

四牡項領

50. Tứ mâu hạng lãnh.

我瞻四方

51. Ngā chiêm tứ phương,

蹙蹙靡所騁

52. Xúc xúc mĩ sở sinh.

Dịch nghĩa

49. Thắng bốn con ngựa đực vào xe.
 50. Bốn con ngựa đực ấy cổ rất to, sức rất mạnh.
 51. Để đưa ta đi xem xét ở bốn phương.
 52. Thiên hạ như thu nhỏ lại, không còn chỗ nào để dong ruồi nữa, vì đây dãy những loạn lạc.

Dịch thơ

Thắng vào xe bốn con ngựa đực,

Ngựa cổ to thì sức hùng cường.

Ta đi xem xét bốn phương.

Khắp nơi thu hẹp, cùng đường ruồi dong

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 項 hang, to lớn. 麽 麽 xúc xúc, dáng co lại, tóp nhỏ lại.

Nói thắng bốn con ngựa đực vào xe, bốn con ngựa đực ấy cổ rất to để có thể chạy rất nhanh. Ra xem ở bốn phương đều u ám loạn lạc, thiên hạ như thu nhỏ lại, không còn chỗ nào để đi đến nữa, thì còn dong ngựa vào chốn nào nữa vậy thay?

Lữ thị ở Đông Lai nói rằng: Cái gốc mà bệnh, thì cành lá đều úa tàn, (chính sự ở triều đình đã hư hỏng) cho nên không còn chỗ nào để đi đến nữa.

CHƯƠNG VIII

方茂爾惡

53. Phương mậu nhĩ ác

相爾矛矣

54. Tướng nhĩ mâu hī.

既夷既懌

55. Ký di ký dịch

如相 酬 矣

56. Như tương thù hī.

Dịch nghĩa

53. Lòng ác của các ngài vừa bừng lên dồn dập

54. Xem cây mâu của các ngài cầm, thì tướng các ngài
như muốn đánh nhau.

55. Thì các ngài đã lặng yên vui vẻ với nhau ngay,

56. Như chủ khách mừng rỡ rót rượu mời nhau.

Dịch thơ

Lòng ác cầm các ngài dồn dập

Xem mâu cầm như sắp đánh nhau.

Bỗng rồi vui vẻ tâm đầu,

Mừng như chủ khách tạc thù hân hoan.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 茂 mâu, rướm rà lên mạnh.
相tướng, xem. 懌 dịch, vui.

Nói mồi ác cầm của các ngài vừa bừng lên dồn dập, xem
cây mâu của các ngài cầm, thì tướng các ngài như muốn
đánh nhau. Kịp khi đã lặng yên vui vẻ lại với nhau, các ngài
mừng rỡ như chủ khách rót rượu thù tạc. Không cho việc mới
gây nhau chực đâm chém và lại có thể mừng rỡ chén tạc
chén thù là quái lạ. Vì đó là tính vô thường của bọn tiểu
nhân đã quen việc gây rối đánh nhau rồi. Lúc vui lúc giận

của chúng không thể nào rõ chắc chắn được như thế ấy. Cho nên vua không thể đi đâu mà yên được.

CHƯƠNG XI

昊天不平

57. Hoạ thiên bất bình

我王不寧

58. Ngã vương bất ninh.

不憲其心

59. Bất trường kỳ tâm

覆怨其正

60. Phúc oán kỳ chinh

Dịch nghĩa

57. Thương đế không công bình

58. Cho nên vua ta không được yên.

59. Thái sư họ Doãn không hồi cải tâm tình.

60. Lại oán ghét kẻ muốn sửa mình

Dịch thơ

Không công bình hỡi ôi thương đế!

Thì vua ta chẳng đế an ninh

Thái sư chẳng sửa tâm tình

Lại thù kẻ sửa giúp mình thế kia.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Nỗi bất công của Thái sư họ Doãn dường như trời khiến phải thế, cho nên nói rằng Thương đế không công bình.

Như thế thì vua ta cũng không được yên. Nhưng Thái sư họ Doãn vẫn không hồi cải tâm tính, mà trái lại oán ghét người muốn sửa chữa cho mình. Thì việc làm của Thái sư bao giờ mới dứt vậy thay?

CHƯƠNG X

家父作誦

61. Gia phủ tác tụng

以究王訛

62. Dī cứu vương hung,

式訛爾心

63. Thức ngoa nhī tâm,

以畜萬邦

64. Dī súc vạn bang.

Dịch nghĩa

61. Quan đại phu Gia Phủ làm những lời này
62. Để suy cứu cho cùng tột việc rối loạn chính trị của
vua.
63. Hầu mong Thái sư cải hoá tâm tình,
64. Mà nuôi dưỡng muôn nước.

Dịch thơ

Làm lời này chính là Gia Phủ

Loạn của vua suy cứu tột cùng,

Để quan Sư Doãn cải lòng

Vạn bang hầu được đều đồng dưỡng nuôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 父 Gia, họ Gia. 父 Phủ, tên tự, làm quan đại phu nhà Chu. 穆 cựu, xét cho tật, 訏 ngoa, hoá. 養 súc, nuôi.

Quan đại phu Gia Phủ tự nói làm những lời này để suy cứu cho cùng tật lý do việc hỗn loạn của nền chính trị của vua, để mong thái sư họ Doãn hồi tâm đổi ý hầu nuôi dưỡng muôn nước.

Trần thị nói rằng: Thái sư họ Doãn ra oai dữ tợn khiến người ta không được cợt đùa. Thế mà quan Đại phu Gia Phủ làm thơ lại tự nói rõ là do mình làm ra, dám đem thân mình để đón lấy cơn thịnh nộ của Thái sư họ Doãn mà không từ. Vì Gia Phủ là bê tôi lâu đời của nhà Chu, theo nghĩa lớn mà phải sống còn với nước.

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: đây là đoạn cuối của bài thơ cho nên suy cứu đến cùng cực của cái căn nguyên của mối loạn ấy để đổ tội cho tâm ý của vua. Bởi vì gây ra loạn lạc tuy thật là Thái sư họ Doãn, nhưng dùng họ Doãn lại do lòng bưng bít của vua.

Lý thi nói rằng: Sách Mạnh Tử, phần *Ly lâu chương cũ thương* có câu: *Nhân bất túc dù trích dã, chính bất túc gián dã, duy đại nhân vi năng cách quân tâm chi phi*=Đối với việc vua dùng sai người, mình không chỉ trích quá đáng. Đối với việc sai lầm, mình không nên chè trách. Chỉ những bậc đại nhân có đức hạnh cao siêu mới có thể sửa đổi những sai lầm của lòng vua được. Vì rằng việc lẩn lộn trong việc dùng người và những tội lỗi trong việc chính trị tuy đều là việc sai lầm của vua, nhưng bất tất phải luận trước làm gì. Hễ sửa được những điều sai lầm của vua, thì việc chính trị không thể nào không tốt lành được, và việc dùng người đều được thích đáng cả vậy.

Thiên Tiết nam sơn có 10 chương, 6 chương 8 câu và 4 chương 4 câu.

Bài tự ở sách *Mao thi truyện* cho đây là bài thơ về U vương. Nhưng theo sách Xuân thu vào thời Hoàn Vương năm thứ 15 có việc Gia Phủ sang nước Lỗ xin những cỗ xe. Từ đời vua Hoàn vương nhà Chu tính ngược lên thì cách cuối đời vua U vương đã 75 năm, thì không biết quan đại phu Gia Phủ ấy đồng một người hay khác (thời U vương và thời Hoàn vương đều có quan Đại phu Gia Phủ). Nhưng đại để ngày giờ ở bài tự trong *Mao thi truyện* đều không đáng tin lắm. Nay chỉ để trống, không nói rõ là phải hơn.

BÀI THÚ 198

CHƯƠNG I

- | | |
|------|------------------------------------|
| 正月 | Chính nguyệt. (Kỳ phủ 8) |
| 正月繁霜 | 1. Chính nguyệt phiền sương |
| 我心憂傷 | 2. Ngā âm ưu thương. |
| 民之訛言 | 3. Dân chi ngoa ngôn, |
| 亦孔之將 | 4. Diệc khồng chi tương, |
| 念我獨兮 | 5. Niệm ngā độc hế. |
| 憂心京京 | 6. Ưu tâm kinh kinh |
| 哀我小心 | 7. Ai ngā tiếu tâm |
| 癡憂以廢 | 8. Thủ ưu dī dương. |

Dịch nghĩa

1. Tháng tư đầu mùa hạ mà sương xuống nhiều (trái nghịch hẳn时节, khiến mùa màng bị tổn hại).
2. Lòng ta vì thế mà thương cảm.
3. Những lời gian ngoa để mê hoặc dân chúng nghe theo.
4. Cũng tất to tát (đã khiến vua phát cơn thịnh nộ thi hành những hình pháp thảm khốc cho trăm họ ly tán, chính trị rā rời).
5. Chỉ có một mình ta nhớ rõ việc ấy
6. Mà lòng sâu to rộng man mác
7. Thương thay cho lòng cẩn thận của ta!
8. Vì lo buồn mà sinh ra bệnh tật

Dịch thơ

Tháng tư mà lại nhiều sương

Lòng ta vì thế buồn vương nao nè.

Lời gian ngoa đã mê dân chúng,

Rõ lại thì thật cũng lớn thay!

Một mình ta nhớ nghĩ hoài

Càng thêm to tát dạ này xót xa.

Đáng thương thay lòng ta cẩn thận!

Sinh bệnh vì vương vấn hận sâu

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 正月 chính nguyệt, tháng tư đầu mùa hạ, vì tháng tư thuộc quẻ ䷲ kiền, đều là 6 hào dương, là tháng 8 dương. ䷲ phiền, nhiều. ䷳ ngoa, dối nguy.

將 *tương*, to lớn. 京京 *kinh kinh* (đọc *cương cương* cho hợp vần) cũng là to lớn. 瘋 *thủ*, ưu lo, buồn lo lặng lẽ.

Bài thơ này cũng do quan đại phu làm ra. Nói sương xuống trái thời tiết không đúng với mùa của nó, cho nên đã khiến lòng ta ưu buồn thương cảm. Nhưng tạo ra những lời gian dối nguy trá để mê hoặc dân chúng nghe theo lại vừa rất lớn lao. Nhưng dân chúng không lấy đó làm điều lo buồn, cho nên chỉ một mình ta lo buồn việc ấy để đến phải sinh bệnh tật.

CHƯƠNG II

父母生我

9. Phụ mâu sinh ngā

胡俾我癪

10. Hồ tý ngā dụ ?

不自我先

11. Bất tự ngā tiên

不自我後

12. Bất tự ngā hậu.

好言自口

13. Hảo ngôn tự khẩu

莠言自口

14. Dậu ngôn tự khẩu

憂心愈愈

15. Ưu tâm dū dū

是以有侮

16. Thị dì hữu vụ.

Dịch nghĩa

9. Cha mẹ sinh ra ta

10. Sao khiến ta (sinh ra gấp thời bạo ngược này để phải) đau đớn mà phát bệnh?

11. Thời bạo ngược này chẳng ở vào lúc trước ta,

12. Lại chẳng ở vào lúc sau ta (ở đúng vào lúc ta ra đời)

13. Lời tốt cũng do cửa miệng áy thốt ra.
14. Lời xấu cũng do cửa miệng áy thốt ra nữa.
15. Cho nên lòng ta sầu đau càng nặng nề hơn nữa.
16. Như chính ta bị xâm phạm vụ nhục vậy.

Dịch thơ

Song thân sao đã tạo sinh

Đúng thời loạn lạc khiến mình bệnh đau?

Buổi trước ta có đâu tàn bạo,

Thừa gian nan chẳng tạo sau ta,

Lời lành miệng áy thốt ra,

Cũng do miệng áy xấu xa lầm lời.

Nên lòng ta bồi hồi nao ruột

Như chính mình bị nhuốc nhơ rồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 瘋 du, bình. 白 tự, do nơi. 而
dâu, xấu xa. 愈愈 du du, càng thêm lên, càng hơn nữa.

Đau đớn quá mới gọi đến cha mẹ, rồi lại xót thương cho
mình đã gặp phải đương lúc bấy giờ. Những người dưa ngoa
đã đổi trả phản phúc. Những lời tốt hay xấu đều không thốt
ra từ đáy lòng mà chỉ thốt ra từ cửa miệng. Cho nên lòng đau
buồn của ta càng nặng nề hơn nữa và trái lại như thấy tự
mình bị xâm phạm vụ nhục.

CHƯƠNG III

憂心惄 惄	17. Ưu tâm quỳnh quỳnh
念我無祿	18. Niệm ngã vô lộc
民之無辜	19. Dân chi vô cô
并其臣僕	20. Tinh kỳ thần bộc
哀我人斯	21. Ai ngã nhân tư
于何從祿	22. Vu hè tùng lộc?
瞻烏愛止	23. Chiêm ô viễn chỉ
于誰之屋	24. Vu thuỷ chí ốc.

Dịch nghĩa

17. Lòng buồn ào náo.
18. Nhớ đến nỗi chẳng may không bỗng lộc của ta.
19. Ta cùng với dân vô tội
20. Sẽ cùng làm tội tá.
21. Thương xót cho bạn chúng ta
22. Phải theo ai mà phục vụ để cho hưởng bỗng lộc?
23. Thấy con quạ bay sẽ đậu lại
24. Ở nhà của ai.

Dịch thơ

Nỗi lòng ta mai ưu sầu

Nhớ ta vô lộc xót đau bội phần.

Ta sẽ cùng lớp dân vô tội

Làm tội tù đành nỗi xót xa.

Đoái thương cho bạn chúng ta.

Để tìm bỗng lộc biết là theo ai?

Thấy con quạ đang bay đâu

Ở nhà ai nào thấu được cùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 慄 慄 quỳnh quỳnh, ý, lo buồn. 無祿 vô lộc, như nói bất hạnh, chẳng may. 壽 cô, tội. 幷 tinh, đều cùng. 臣僕 thân bộc, tôi tớ. Đời xưa gọi tội nhân là thân bộc (vì ban ngày người tội nhân phải đi làm việc, ban đêm bị giam vào ngục). Người mất nước bị bắt cùng làm tôi tớ. Cơ tử nói: Thương kỳ luân tang ngā vōng vi thân bộc (= nhà Thương mất nước, ta không làm tôi tớ cho nhà Chu đâu) tức là đây.

Nói rằng chẳng may gặp lúc nước sắp mất, ta cùng với đám dân vô tội đều sắp bị bắt làm tù binh và đều bị làm tôi tớ cả, mà không biết sẽ lại phải theo ai để tôn thờ mà hưởng bỗng lộc. Như thấy con quạ bay, không biết nó sẽ đáp xuống nhà ai.

CHƯƠNG IV

瞻彼中林

25. Chiêm bỉ chung lâm 26.

侯薪侯蒸

Hầu tần hầu chưng.

- | | |
|--------|--------------------------------------|
| 召彼故老 | 37. Triệu bỉ cõ lão |
| 訊之佔夢 | 38. Tấn chi chiêm mộng |
| 具曰予聖 | 39. Cụ viết dư thánh |
| 誰知烏之雌雄 | 40. Thuỷ truy ô chi thư hùng? |

Dịch nghĩa

33. Nói núi là tháp
34. Mà sông núi và gò nồng mới là cao
35. Lời dối trả áy của dân
36. Sao không ai ngăn dứt?
37. Gọi bể tôi cũ đã già kia mà hỏi.
38. Và hỏi các quan đoán mộng
39. Họ đều nói mình là thánh sáng suốt cả.
40. Thì ai biết được con quạ nào trong náo mái?

Dịch thơ

*Núi non tháp thỏi cho là
 Nồng gò sông núi thé mà gọi cao.
 Lời của dân xiết bao gian dối,
 Sao không ai chống đồi dứt ngăn?
 Vời ra mà hỏi cựu thần
 Cùng quan đoán mộng xét phân thé nào.
 Họ nói ta tài cao thánh sống,
 Thị quạ kia mái trong ai thường*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 固 *cương*, sông núi. 陵 *lăng*, gò rộng và bằng. 罷 *trùng*, ngăn dứt. 故老 *cố lão*, bề tôi xưa đã già. 訊 *tán*, hỏi. 占夢 *chiêm mộng* (đọc *mǎng* cho hợp vận), quan giữ chức đoán mộng. 具 *cụ*, đều cùng. 鳥之雌雄 *ô chi thư hùng*, quạ trống quạ mái giống nhau, rất khó phân biệt được.

Nói núi có lê là thấp, mà sự thật thì gò và sông núi mới cao, đó là lời dối trá của dân chúng bấy giờ là thế, mà vua vẫn điềm nhiên không thèm ngăn dứt. Đến khi đem áy hỏi các bề tôi cũ đã già, và đem việc áy hỏi các quan đoán mộng, là các vị áy tự cho mình là bực thánh nhân sáng suốt cả. Thị còn ai có thể phân biệt được lời của họ là phải hay trái.

Tử Tư nói với vua nước Vệ rằng: Việc nước của vua sẽ càng ngày càng hỏng. Vua hỏi rằng: Vì lẽ nào? Tử Tư đáp: Vì lẽ như thế này: Hễ vua nói ra tự cho mình là phải, thì quan khanh đại phu không ai dám bẻ li sai. Hễ quan khanh đại phu nói cũng tự cho mình là phải, thì quan sĩ và hàng dân thường không ai dám bẻ là sai. Vua tôi đều cho mình là giỏi cả, rồi dân chúng cũng đồng thanh cho mình là giỏi theo. Cho là giỏi là xuôi thuận thì là được phúc. Bẻ lại là ngõ nghịch thì bị hoạ. Như thế điều hay điều lành làm sao nảy sinh ra được? Kinh thi nói rằng: *Cụ viết dư thành. Thuỳ tri ô chí thư hùng*(= Đều cho ta là bực thánh cả, thì ai biết được quạ, con nào là trống, con nào là mái?) Hoặc giả cũng giống như vua tôi của ngài.

CHƯƠNG VI

謂天蓋高

不敢不局

41. Vị thiên cái cao

42. Bất cảm bất cục

謂地蓋厚	43. Vị địa cái hậu
不敢不躋	44. Bất cảm bất tích.
維號斯言	45. Duy hào tư ngôn
有倫有脊	46. Hữu luân hữu tích
哀今之人	47. Ai kim chỉ nhân
胡爲虺蜴	48. Hồ vi hủy dịch?

Dịch nghĩa

41. Nói trời là cao
 42. Mà mình không dám chẳng khum co thân mình
 xuóng
 43. Nói đất là dày
 44. Mà mình không dám chẳng đi rất chậm.
 45. Cho nên mình chỉ biết kêu gào lên những lời ấy.
 46. Những lời ấy rất có luân lý.
 47. Thương xót thay cho người bây giờ!
 48. Sao lại như loài rắn độc cứ phun độc hại người?

Dịch thơ

Nói trời cao vút từng không.

Ta nào dám chẳng khom cong thân mình

Nói là dày xét hình mặt đất.

Không dám đi chẳng dám chậm nào.

Nên mình chỉ biết kêu gào

Thật là hợp lý xiết bao mấy lời!

Xót thay kẻ đương thời kia ấy

Sao như loài rắn mài hại người

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 局 cu (đọc kịch cho hợp vận).
cong co. 蹤 tích, đi bước đi rất ngắn, rất chậm. 號 hào, kêu,
nói lên. 脊 tích, lý lẽ. 蝎 dịch, con rắn mồi. Loài rắn và loài
rắn mồi đều là loài côn trùng có lọc độc.

Nói thời gập loạn, tuy trời cao mà mình không dám chẳng
khum co thân mình xuống, tuy đất dây nhưng mình không
giám chẳng dám đi rất chậm. Những điều mình kêu gào và
thốt nên đều có luân lý đáng khảo xét đến. Nhưng thường
thay cho người bây giờ sao lại cứ phun độc (như những loài
rắn độc rắn mồi) để hại người mà khiến đến như thế!

CHƯƠNG VII

瞻彼阪田

49. Chiêm bỉ phản diền,

有菀其特

50. Hữu uất kỳ đặc.

天之杌我

51. Thiên chi ngọt ngā

如不我克

52. Như bất ngā khắc.

彼求我則

53. Bỉ cầu ngā tắc

則如不我得

54. Như bất ngā đắc

執我仇仇

55. Cháp ngā cừu cừu,

Dịch nghĩa

49. Xem miếng ruộng sạn sỏi kia,
 50. Còn có cây mạ đặc biệt tươi tốt (như người hiền tài ở
 ẩn nơi sơn lâm)
 51. Trời lại dao động lắc lay ta (bằng gió mưa).
 52. Như làm cho ta không kham chịu nổi.
 53. Vị vua kia tìm kiếm ta để làm phép tắc
 54. Rất khó khăn như sợ không được ta.
 55. Rồi lại nắm giữ ta chặt chẽ như kẻ cùu thù,
 56. Và rốt cuộc cũng không gọi ta nữa.

Dịch thơ

*Hãy xem đây sỏi khoảng đồng,
 Có cây mạ nọ riêng trông tốt thay!
 Sao Trời cứ lắc lay ta thế?
 Như khiến ta chẳng thể nào kham.
 Kiếm ta phép tắc mong làm.
 Khó như chẳng thể mong tâm được ta.
 Rồi nắm giữ như là thù nghịch
 Rốt cuộc rồi chẳng thích tin dùng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 阪田 *phản điền*, chỗ lỗm chỗm
 sạn sỏi. 究 uất (cũng đọc uyển), dáng tươi tốt rướm rà. 特

đặc, mạ mọc lên đặc biệt tươi tốt, 阳 ngót, lay động. 力 lực, dùng sức.

Xem miếng ruộng sạn sỏi kia còn có cây mạ đặc biệt tươi tốt (như người hiền tài ở ẩn nơi sơn lâm). Nhưng trời lại dao động lắc lay ta, như sợ ta không kham xiết nổi, là sao vậy thay? Đó cũng là lời không thể đổ tội cho ai được. Ôi! Khi mới bắt đầu tìm kiếm ta để làm khuôn phép, thì chỉ sợ không được ta. Đến khi được rồi, thì lại nấm giữ ta chặt chẽ như kẻ thù vậy, rồi cuối cùng không dùng đến ta. Tìm kiếm cho được ta thì rất khó khăn, rồi bỏ cũng rất dễ dàng. Sao mà tâm địa vô thường như thế?

CHƯƠNG VIII

心之憂矣

57. Tâm chi ưu hī

如或結之

58. Như hoặc kết chi

今茲之正

59. Kim tư chi chính

胡然厲矣

60. Hồ nhiên lê hī?

燎之方揚

61. Liệu chi phương dung

寧或滅之

62. Ninh hoặc diệt chi,

赫赫宗周

63. Hách hách Tông Chu

褒姒威之

64. Bao Tự huyết chi.

Dịch nghĩa

57. Lòng ta lo buồn

58. Như kết chặt vào mai

59. Việc chính trị ngày nay.
60. Sao mà tàn bạo độc ác vậy
61. Ngọn lửa vừa bùng cháy lên
62. Lại có kẻ dập tắt được chăng?
63. Kinh đô nhà Chu huy hoàng lừng lẫy
64. Sẽ bị nàng Bao Tự làm cho tiêu tan.

Dịch thơ.

Lòng ta cứ mãi ưu sầu.

Nỗi buồn như kết chặt vào chằng thõi.

Việc chính trị đương thời trong nước.

Sao trở thành bạo ngược vô cùng?

Lửa vừa phục cháy bập bùng

Còn ai đủ sức mà hòng tắt đi?

Kinh đô nhà Chu thì rạng rỡ

Sẽ vì nàng Bao Tự diêu tàn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 正chính, chính trị. 屬 lỵ, (đọc liệt cho vận), bạo ác. 燎 liêu, đốt cỏ ngoài đồng. 揚 dương, hừng lên. 宗周 Tông Chu, kinh đô đất Hạo nhà Chu. 褒姒 Bao Tự, Người thiếp yêu quý của U vương. Bao là người con gái của nước Bao, Tự là họ Tự. 威 huyết, cũng là diệt mệt.

Nỗi lòng u sầu của ta như cố kết mãi chỉ vì việc chính trị bạo ác trong nước. Lúc ngọn lửa đồng bùng cháy lên lại có người nào dập tắt được? Nhưng mà kinh đô nhà Chu đang huy hoàng lừng lẫy, thì chỉ có một nàng Bao Tự cũng đủ để làm cho tiêu tan rồi, cho nên ta mới đau xót cho vậy.

Lúc ấy kinh đô của nhà Chu ở đất Hạo chưa bị tiêu diệt. Nhưng với nàng Bao Tự dâm loạn, ghen tuông và gièm siêm lại được vua mê theo thì ta biết ngay là nàng ấy sẽ tiêu diệt nhà Chu.

Hoặc nói rằng đó là bài thơ sau khi kinh đô của nhà Chu bị dời về phía đông ở Lạc ấp (thành Đông Chu), thì lúc ấy kinh đô nhà Chu ở đất Hạo lại bị mất, mà nói là nàng Bao Tự làm cho nó tiêu tan là có ý răn dạy mà không có tình ý đau buồn sợ hãi giống như đó cũng là lời nói một việc dĩ nhiên, chứ không phải một việc đương nhiên (sẽ là như thế).

Nhưng này cũng chưa có thể nói hẳn là đúng hay không.

CHƯƠNG IX

終其永懷

65. Chung kỳ vĩnh hoài

又窘陰雨

66. Hựu quẫn âm vũ.

其車旣載

67. Kỳ xa ký tại.

乃棄爾輔

68. Nāi khí nhī phụ

載輸爾裁

69. Tái thâu nhī tại

將伯助予

70. Tương bá trợ dư.

Dịch nghĩa

65. Cứ mãi lo nghĩ đến lúc cuối cùng (sẽ xảy ra đại nạn),

66. Lại khốn đốn vì mưa gió (tối tăm xe sẽ bị lún hầm xuống sâu)

67. Chiếc xe đã chất hàng lên chở

68. Mà lại tháo bỏ cái be bên thùng của mây ra,

69. Thị hàng chở trên xe của mày sẽ rớt đổ xuống.
70. Đến lúc đó mới gọi anh hãy giúp ta (thì đã trễ rồi).

Dịch thơ

*Mãi lo đến lúc cuối cùng
Tôi tăm mưa gió bão bùng nguy thay!
Cố xe hàng chất dày để chở,
Sao lại dành tháo gỡ be đi?
Bao nhiêu hàng đổ tức thì,
Còn kêu anh giúp làm chi, trễ rồi.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỳ. Trời mưa âm thầm tối tăm thì nhiều bùn lầy, xe cộ dễ bị lún. 載tại, đồ chở trên xe. 輔 phụ, miếng be dừng lên cao ở hai bên thùng xe để chứa hàng hoá trong ấy mà chở, như người bây giờ cột cây ở hai bên cầm bánh xe để giữ miếng be xe. 輸 thâu, rơi rớt xuống. 將 thương, xin. 伯 bà, anh, hoặc là chữ 者 giả là người.

Tô thị nói rằng: Vua làm việc dâm loạn bạo nhược, tỳ như người đi đến nơi nguy hiểm mà không biết dừng lại. Vì thế người quân tử vẫn lo nghĩ đến lúc cuối cùng ấy, biết át là sẽ có tai nạn lớn lao cho nên nói rằng: Vẫn lo nghĩ đến lúc cuối cùng (nguy hiểm ấy). Vua lại không lo đại nạn sắp đến mà bỏ cả hiền thần, cho nên người quân tử nói: Bèn bỏ cái be thì hàng hoá sẽ rớt). Người quân tử mong được ra sức giúp đỡ từ lúc chưa nguy, cho nên đại nạn không đến được. Nếu đồ chở trên xe đã rơi xuống khi cái be bị bỏ đi, rồi sau mới gọi anh hãy giúp đỡ ta thì đã không kịp.

CHƯƠNG X

無棄爾輔	71. Vô khí nhī phụ
員于爾輜	72. Vân vu nhī bức.
屢顧爾僕	73. Lū cō nhī bộc
不輸爾載	74. Bất thâu nhī tài
終踰絕險	75. Chung du tuyệt hiểm
曾是不意	76. Tầng thị bất ý.

Dịch nghĩa

71. Chỗ bô miếng be ở hai bên thùng xe của mày,
72. Thì sẽ có lợi cho mây cây cắm trong bánh xe của mày.
73. Và cứ mãi coi chừng người đánh xe của mày.
74. Thì sẽ không rớt đồ của mày chở.
75. Và cuối cùng vượt qua những nỗi nguy hiểm nhất.
76. Nếu từ lúc đầu mày vẫn không để ý tới.

Dịch thơ

Be anh chờ gỡ bỏ đi,

Cắm xe được lợi, chẳng gi vướng ngăn.

Người đánh xe anh hăng trông mãi.

Các món hàng đâu phải rớt rơi.

Cuối cùng nguy hiểm vượt rồi.

Nếu không để ý từ hồi khởi sơ.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 員 vân, có ích lợi. 輔 phu, miếng be dừng ở hai bên thùng xe, có lợi cho máy cày căm xe không bị hàng hoá vướng vào. 屢 lũ, nhiều lần. 顧 cõi, xem. 僕 bộc, người đánh xe.

Chương này tiếp ý tú của chương trên mà nói: Nếu có thể không bỏ cái bánh xe để tiện lợi cho cây căm (không bị hàng hoá vướng vào) và nếu cứ trông chờ mãi đến người đánh xe thì hàng hoá chờ trên xe của anh sẽ không bị đổ và vượt qua được những nỗi nguy nan nhất, nếu lúc bắt đầu anh đã không để ý tới. Vì rằng nếu cẩn thận vào lúc bắt đầu thì lúc chung cuộc sẽ không xảy ra tai nạn

Một thuyết nữa nói rằng: Vua vẫn không cho những việc ấy là đáng lưu ý hay sao?

CHƯƠNG XI

魚在于沼

77. Ngư tại vu chiếu

亦匪克樂

78. Diệc phi khắc lạc

潛雖伏矣

79. Tiềm tuy phục hĩ.

亦孔之炤

80. Diệc không chi chước.

憂心慘慘

81. Ưu tâm thảm thảm

念國之爲虐

82. Niệm quốc chi vì ngược.

Dịch nghĩa

77. Con cá ở trong ao

78. Cũng không thể vui được.

79. Tuy lặn trốn được ở đáy nước

80. Mà cõng rất dễ thấy rõ ràng
 81. Lòng ta sâu thẳm
 82. Nhớ nghĩ đến những bạo ngược của nước nhà (do vua gây ra)

Dịch thơ

Kìa con cá ở trong ao

Cũng không vui sống được nào nữa thay!

Tuy lặn trốn ở ngay đáy nước,

Thế mà còn thấy được rõ ràng.

Lòng ta sâu thẳm xốn xang.

Nhớ điều hung bạo nước đang luy chìm.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 沼 chiểu (đọc chước cho hợp vận), ao nước. 煙 chước, rõ ràng dễ thấy.

Con cá ở trong ao, cuộc sống đã chật hẹp rồi, lại lặn xuống đáy nước tuy là sâu, nhưng cũng rất dễ thấy rõ ràng. Nói hoạ loạn đến nơi ắt không chỗ nào chốn tránh được (con cá trong ao làm sao chạy đi đâu mà thoát được).

CHƯƠNG XII

彼有旨酒

83. Bỉ hữu chỉ tửu,

又有嘉穀

84. Hựu hữu gia hào,

洽此其鄰

85. Hợp ty kỳ lân.

昏姻孔雲

86. Hôn nhân khỗng vân.

念我獨兮

87. Niệm ngā độc hế,

憂心殷殷

88. Ưu tâm ân ân.

Dịch nghĩa

83. Bọn tiểu nhân kia có rượu tốt,

84. Lại có đồ ăn ngon.

85. Để tụ hợp xóm giềng mà dãi đãng,

86. Bà con sui gia cũng quay về phụ theo (nói bọn tiểu nhân vui chơi ăn uống với nhau mà không biết tai họa sắp tới nơi).

87. Nhớ đến ta cô độc một mình

88. Mà lòng buồn rầu đau đớn.

Dịch thơ

Tiểu nhân có rượu tốt thay!

Lại đều ngon ngọt đủ đầy thức ăn.

Hội chòm xóm dãi đãng vui thích.

Cùng sui gia quần quật linh đình.

Nhớ ta cô độc một mình,

Tắc lòng sâu thẳm nặng tình đớn đau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 治 舂, đều là hợp lại. 云
vân, quay về. quy phụ vào. 殷殷 ân ân, rất đau đớn.

Nói tiểu nhân đắc chí có rượu tốt đồ ăn ngon để hội họp
đãi đẳng lảng giêng làng xóm, cho các súi gia vui thích. Còn
ta thì lòng ưu buồn một mình đến phải đau đớn.

Người xưa có câu: *Yên lược sử đường, mẫu tử tương an, tự dĩ vi lạc dã. Đột quyết đồng phán, nhi di nhiên bất tri hoạ chi tương cắp.* (Chim én chim sẻ làm tổ trên nhà, chim mẹ chim con đút mồi cho nhau yên ổn, tự cho là vui thích lắm. Lửa ống khói bếp bỗng bốc lên, đòn cột bốc cháy, mà chim én chim sẻ vẫn vui vẻ, không biết tai hoạ sắp đến ngay) là nói thế chăng?

CHƯƠNG XIII

仳仳彼有屋

89. Thủ thủ bỉ hữu ốc

蔽蔽方有谷

90. Tốc tốc phương hữu cốc

民今之無祿

91. Dân kim chi vô lộc

夭夭是椽

92. Thiên yêu thị trác

哿矣富人

93. Khả hỉ phú nhân

哀此擯獨

94. Ai thử quỳnh độc.

Dịch nghĩa

89. Bọn tiểu nhân nhỏ mọn kia đã có nhà cửa rồi,

90. Bọn bỉ lậu kia vừa được bỗng lộc nữa.

91. Còn dân thì không có bỗng lộc gì cả,

92. Tai hoạ của trời lại hâm hại thêm.

93. Người giàu thì còn kham chịu nổi.

94. Thương xót thay cho kẻ lè loi cô độc.

Dịch thơ

Tiểu nhân đã có cửa nhà.

Bon chen bồng lộc vinh hoa đủ đây.

Dân chẳng có mảy may nào cả,

Càng hại thêm tai họa của trời.

Người giàu kham xiết dành rồi.

Thương người cô độc lè loi bần hàn!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 比比 thủ thủ, dáng nhỏ nhen. 莅lì 莅lì tóc tóc, dáng nghèo hèn bỉ lậu, nói bọn tiểu nhân được vua trọng dụng. 穀cốc, lộc. 天yêu, hoa. 極trác (độc đốc cho hợp vận), hại. 哮khǎ, có thể được. 獨độc, đơn độc...

Bọn tiểu nhân nhỏ mọn kia đã có nhà cửa rồi. Bọn bỉ lậu nghèo hèn kia lại vừa được bồng lộc nữa, mà dân chỉ một mình ta là không có bồng lộc, đó là tai họa của trời hâm hại, mà lại không có lời oán trách để vào ai cả. Loạn lạc đã đến như thế, người giàu hoặc có kẻ còn kham chịu nổi, chứ kẻ cô độc lè loi còn thì rất khổn khổ. Vì thế nên Mạnh tử đã nói: Vua Văn vương làm chính trị thi nhân bố đức, trước hết phải lo cho những kẻ quan quả cô độc (già mà không vợ gọi quan, già mà không chồng gọi quả, trẻ mà không cha gọi cô, già mà không con gọi độc)

Thiên Chính nguyệt có 13 chương, tám chương tám câu, năm chương 6 câu.

BÀI THỨ 199

CHƯƠNG I

十月之交

Thập nguyệt chi giao (Kỳ phủ 9)

十月之交

1. Thập nguyệt chi giao

朔月辛卯

2. Sóc nhật tân māo.

日有食之

3. Nhật hữu thực chi

亦孔之醜

4. Diệc khổng chi xú.

彼月而微

5. Bỉ nguyệt nhi vi.

此日而微

6. Thủ nhật nhi vi.

今此下民

7. Kim thủ hạ dân

亦孔之哀

8. Diệc khổng chi ai.

Dịch nghĩa

1. Tháng 10 mặt trời mặt trăng gặp nhau
2. Vào ngày tân māo, ngày đầu tháng.
3. Có nhật thực, mặt trời bị ăn,
4. Cũng là điềm xấu,
5. Mặt trăng kia có khi còn khuyết.
6. Nay mặt trời cũng bị khuyết nữa (rõ là điềm loạn lạc
- mặt nước)
7. Nay dân thấp hèn này
8. (Gặp thời loạn lạc) cũng rất tội nghiệp xót thương.

Tháng mười nhặt nguyệt gặp nhau,
Đúng ngày tân mao, chính đầu tháng âm
Bỗng nhặt thực lại nhầm phát hiện,
Áy là điềm lăm chuyện chẳng lành.
Mặt trăng thường bị khuyết vành.
Mặt trời cũng khuyết danh rành nữa sao?
Nay lê dân xiết bao dày đọa.
Gặp loạn ly thật khá xót thương!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 十月 thập nguyệt, tháng 10, nói theo lịch nhà Hạ, là tháng thuộc kiến hơi (thuộc 霽 quẻ khôn). 爻 giao, giao hội gặp nhau, mặt trời mặt trăng gặp nhau, nói về trong khoảng cuối tháng và đầu tháng. Theo phép tính lịch, một vòng trời có 365 độ và một phần tư độ ($365^0,25$). Trái đất di về bên tả, một ngày một đêm thì xoay một vòng và qua một độ. Ở trên trời mặt trời và mặt trăng di về bên hữu, trong một ngày một đêm, mặt trời di 1 độ và mặt trăng thì di 13 độ và 7 phần 19 độ ($13^0,7/19$ độ). Cho nên mặt trời một năm thì di một vòng trời, còn mặt trăng thì di 29 ngày và có lẽ di hết một vòng mặt trời. Mặt trăng lại đuổi kịp mặt trời để gặp nhau. Trong một năm có 12 lần gặp nhau. Lúc mới gặp nhau, ánh sáng của mặt trăng đều tiêu mất hết, làm thành buổi cuối tháng âm lịch. Lúc đã gặp nhau, mặt trăng lần lần sinh ra, làm thành buổi đầu tháng. Sau buổi đầu tháng và trước buổi cuối tháng đều 15 ngày, mặt trời và mặt trăng đối diện nhau, mặt trăng tròn đầy

sáng tối, làm buổi giữa tháng trăng rằm. Trong buổi gặp nhau ở buổi cuối tháng hay đầu tháng, đông tây đồng độ nhau, nam bắc cũng chung đường nhau, thì mặt trăng che mặt trời, thế là mặt trời bị mặt trăng ăn. Trong lúc đối diện nhau buổi ngày rằm, mặt trăng thẳng hàng với mặt trời (có trái đất chen ở giữa, bóng của trái đất che án mặt trăng), bị mặt trời ăn. Những nhật thực nguyệt thực ấy đều có pháp độ thông thường. Nhưng nếu vua tu nhân tích đức thi hành việc chính trị, dùng người hiền, bỏ kẻ gian thì có thể khiến dương thịnh để thắng âm, âm sẽ suy và không thể lấn dương được. Cho nên mặt trời mặt trăng vẫn vận hành xoay chuyển, tuy có khi gặp nhau để ăn lấn nhau, thì mặt trăng thường tránh mặt trời, mặt trăng có khi đi chậm đi lệ, hoặc cao hoặc thấp, át có sự sai lệch để không gặp đúng mặt trời, hoặc không đối diện đúng nhau, cho nên đáng lẽ phải có nhật thực hay nguyệt thực thì lại tránh khỏi. Nếu quốc gia mất hết chính trị, không dùng người hiền tài, khiến kẻ tôi con bội phản lại vua cha, thê thiếp lấn lướt hơn chồng, đứa tiểu nhân lấn hiệp người quân tử, quân mọi rợ xâm phạm Trung Quốc, thế là âm thịnh dương suy, hễ đáng có nhật thực hay nguyệt thực thì có ngay không tránh khỏi. Tuy nói rằng nhật thực hay nguyệt thực đều có pháp độ thông thường, mà thật ra đó là sự biến phi thường vậy.

Tô thị nói rằng: Nhật thực là sự biến lớn lao của trời đất, mà nhật thực trong tháng chính nguyệt (tháng 4) và tháng dương nguyệt (tháng 10), thì ngày xưa lại kỵ hơ hết. Tháng 4 của mùa hạ là tháng thuần dương (thuộc quẻ *kiến* ䷛ 6 hào đều dương), cho nên gọi là tháng chính nguyệt. Tháng 10 là tháng thuần âm (thuộc quẻ *khôn* ䷁ 6 hào đều âm), hiềm vì tháng ấy không có dương, cho nên gọi là tháng dương, dương nguyệt. Tháng thuần dương (tháng 4) mà có nhật thực, thì dương quá yếu bị ăn mất (mặt trời bị che khuất). Tháng thuần âm (tháng 10) mà có nhật thực, thì âm quá mạnh ăn mất dương (mặt trời bị che khuất) 微 vi, khuyết, kém.

Tháng mười nhất nguyệt gặp nhau,
Đúng ngày tân mao, chính đầu tháng âm
Bỗng nhật thực lại nhầm phát hiện,
Ấy là điểm lầm chuyện chẳng lành.
Mặt trăng thường bị khuyết vành.
Mặt trời cũng khuyết danh rành nứa sao?
Nay lê dân xiết bao dày đọa.
Gặp loạn ly thật khá xót thương!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 十月 *thập nguyệt*, tháng 10, nói theo lịch nhà Hạ, là tháng thuộc kiến hợi (thuộc ䷛ quẻ khôn). 爻 giao, giao hội gặp nhau, mặt trời mặt trăng gặp nhau, nói về trong khoảng cuối tháng và đầu tháng. Theo phép tính lịch, một vòng trời có 365 độ và một phần tư độ ($365^{\circ},25$). Trái đất đi về bên tả, một ngày một đêm thì xoay một vòng và qua một độ. Ở trên trời mặt trời và mặt trăng đi về bên hữu, trong một ngày một đêm, mặt trời đi 1 độ và mặt trăng thì đi 13 độ và 7 phần 19 độ ($13^{\circ},7/19$ độ). Cho nên mặt trời một năm thì đi một vòng trời, còn mặt trăng thì đi 29 ngày và có lẽ đi hết một vòng mặt trời. Mặt trăng lại đuổi kịp mặt trời để gặp nhau. Trong một năm có 12 lần gặp nhau. Lúc mới gặp nhau, ánh sáng của mặt trăng đều tiêu mất hết, làm thành buổi cuối tháng âm lịch. Lúc đã gặp nhau, mặt trăng lần lần sinh ra, làm thành buổi đầu tháng. Sau buổi đầu tháng và trước buổi cuối tháng đều 15 ngày, mặt trời và mặt trăng đối diện nhau, mặt trăng tròn đầy

Nói mặt trăng kia phải có lúc khuyết. Còn mặt trời này không được khuyết, mà nay cũng bị khuyết nữa, thì đó là điểm loạn lạc mất nước.

CHƯƠNG II

擗謗告凶

不用其行

四國無政

不用其良

彼月而食

則維其常

此日而食

于何不臧

9. Nhật nguyệt cáo hung

10. Bất dụng kỳ hành,

11. Tứ quốc vô chính,

12. Bất dụng kỳ lương.

13. Bỉ nguyệt nhi thực

14. Tắc duy kỳ thường.

15. Thủ nhật nhi thực

16. Vu hè bất tang.

Dịch nghĩa

9. Mặt trời mặt trăng báo điềm giữ cho chúng ta.

10. Mặt trời mặt trăng không theo đạo lý thông thường (mặt trăng thường tránh mặt trời)

11. Át những nước trong bốn phương không có chính trị,

12. Vì không dùng bức hiền lương.

13. Mặt trăng kia mà bị ăn (nguyên thực)

14. Thì đó là việc thường.

15. Còn mặt trời này mà bị ăn (nhật thực)

16. Thì ở đâu cũng không tốt hết (thật là việc rất xấu).

Dịch thơ

*Điềm hung nhát nguyệt báo cho
Cả hai xoay chuyển không do đạo thường.
Ất trong nước bốn phương vô chính,
Bực hiền lương xa lánh ấy vì
Trăng kia bị nuốt che đi
Thông thường nguyệt thực là gì thé gian,
Mặt trời mà bị ăn bị khuất
Thì ở đâu cũng rất chẳng lành.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 行 廉 (đọc hàng cho hợp vận), đạo, đường. Phàm nhát thực hay nguyệt thực đều có pháp độ thông thường. Mà cho mặt trời mặt trăng không dùng cái đạo thông thường nữa, tức là mặt trăng không tránh mặt trời, đã mất đạo thường rồi. Mà sở dĩ diễn ra như thế, vì có các nước trong 4 phương không có chính trị, không dùng người lành người tốt. Như thế thì nhát thực và nguyệt thực đều là sự biến phi thường. Nhưng lại cho nguyệt thực (mặt trăng bị ăn) là việc thường (dương lấn âm vua hại tôi, cha giết con) còn nhát thực (mặt trời bị ăn) là việc chẳng lành (âm lấn dương tôi hại vua, con giết cha). Âm chống với dương mà không thắng nổi dương (nguyệt thực) thì có thể nói được. Còn âm mà thắng dương lại che khuất dương đi (nhát thực) thì không thể nói được nữa. Cho nên sách Xuân thu hẽ có nhát thực thì ghi chép, còn có nguyệt thực thì không ghi chép, cũng là vì thế.

CHƯƠNG III

- | | |
|---------|-----------------------------|
| 燐 燐 震 電 | 17. Diệp diệp chán điện |
| 不 寧 不 令 | 18. Bất ninh bất linh |
| 百 川 沸 謐 | 19. Bách xuyên phi dâng 20. |
| 山 崩 崩 | Sơn trùng tốt bǎng |
| 高 岸 爲 谷 | 21. Cao ngạn vi cốc |
| 深 谷 爲 陵 | 22. Thâm cốc vi lăng |
| 哀 今 之 人 | 23. Ai kìm chi nhân |
| 胡 憎 莫 懲 | 24. Hồ thảm mạc trường? |

Dịch nghĩa

17. Sấm chớp sáng là
18. Là thời buổi không yên không lành
19. Hàng trăm con sông nước dâng tràn vọt lên
20. Đỉnh núi cao vót lại lở đổ
21. Bờ cao lại sụp thành hang,
22. Vực sâu lại lắp đùn thành gò.
23. Thương xót thay cho nhân dân hôm nay!
24. Mà sao vua vẫn không hồi cải chấn ngăn những mối tê hại?

Dịch thơ

Sáng là sấm chớp bủa quanh

Áy là thời buổi chẳng lành chẳng an.

Trăm con sông nước tràn khắp chõ,

Đỉnh núi cao lở đổ tan hoang,

Bờ cao lại sụp thành hang.

Vực sâu đất đá lấp ngang thành gò,

Buổi hôm nay xót cho dân chúng

Sao tệ kia chẳng chóng dứt ngắn?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 煙 煙 diệp diệp, điện sáng lòa. 霽 chấn, sấm. 寧 ninh, yên ổn từ từ. 令 linh, tốt lành. 沸 phi, tung ra. 驚 dâng, nhảy vọt lên. 爰 trùng, cái chóp núi. 卒 tốt, cao lồm chồm. Cái bờ ao bị sụp lở cho nên thành ra cái hang. Cái hang sâu bị lấp đùn lên thành cái gó cao. 憶 thảm, từng, nhiều lần.

Nói rằng chẳng phải chỉ có nhật thực mà thôi tháng 10 lại có sấm chớp, núi lở, nước dâng, cũng là những tai biến rất lạ lùng. Cho nên phải kinh sợ mà tu tĩnh, sửa đổi việc chính trị. Nhưng U vương lại vẫn không hề chịu ngăn dừng những mối tệ hại kia lại.

Đồng Tử nói rằng: Quốc gia sắp có việc bị suy bại vì thát đạo, thì trời lại gieo tai biến lật lùng xuống trước để cảnh cáo. Nếu không biết để tu tĩnh lại, thì trời lại đưa ra những việc quái dị khác cảnh báo cho khủng khiếp. Và nếu còn chưa biết để cải biến thì những việc suy bại tổn thương mới đến. Do đó mới thấy được lòng trời đã nhân ái thương vua, muốn ngăn những biến loạn ấy.

CHƯƠNG IV

皇父卿士	25. Hoàng Phủ khanh sī,
番維司徒	26. Phiên duy tư đồ.
家伯維宰	27. Gia Bá trúng tê,
仲允膳夫	28. Trọng Doān thiện phu.
聚子內史	29. Trâu tử nội sử,
蹶維趣馬	30. Quỷ duy thú mā.
柄維師氏	31. Cử duy sư thị,
艷妻煽方處	32. Diêm thê phiến phương xứ.

Dịch nghĩa

25. Ông Hoàng Phủ thì làm quan khanh sī,
26. Họ Phiên thì làm quan tư đồ,
27. Ông Gia Bá thì làm quan trúng tê.
28. Ông Trọng Doān thì làm quan thiện phu,
29. Họ Trâu thì làm quan nội sử
30. Họ Quỷ thì làm quan thú mā.
31. Họ Cử thì làm quan sư thị.
32. Bấy tay gian thần kẻ trên cùng với nàng Bao Tự, người vợ đẹp, với thế lực đang bùng lên mãnh liệt vừa cùng nhau chiếm giữ được ngôi vị quan trọng.

Dịch thơ

Lão Hoàng Phủ làm sī khanh

*Chức tư đồ nọ thì giành họ Phiên,
Lão Gia Bá chiếm liền trúng tể.
Trọng Doãn thì chiếm ghé̄ thiện phu,
Làm quan nội sử họ Trâu
Chức quan thú mã Quỷ thu về minh,
Họ Cử đã chiếm giành sư thi,
Với nàng Bao quyền vị lấy lừng*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 皇父 *Hoàng Phủ*. 家伯 *Gia Bá*.
仲允 *Trọng Doãn* đều là tên tự. 番 *Phiên*, 聚 *Trâu*, 践 *Quỷ*,
樞 *Cử*, đều là họ. 卿士 *khanh sĩ*, chức quan ngoài lục khanh
(trúng tể, tư đồ, tông bá, tư mã, tư khấu, tư không), lại làm
chức đô quan gồm công việc của lục quan. Hoặc nói khanh sĩ
là những kẻ sĩ của chức khanh, theo sách *Chu lỗ*, là thuộc
của quan chức thái tử, có thượng sĩ, trung sĩ, hạ sĩ là chức
quan mà Công Dương gọi là tể sĩ, mà Tả thị nói là Chu công
dùng Thái Trọng làm chức quan khanh sĩ cho mình, là đây.
Vì rằng đó là thuộc quan của chức tể tướng, kiêm gồm cả lục
quan, ngôi vị thì thấp kém mà quyền hành thì quan trọng.
司徒 *tư đồ* chức tư đồ giữ việc giáo hóa trong nước. 爰宰
trúng tể, chức trúng tể giữ việc chính trị trong nước. Hai
chức ấy đều là bậc khanh cả. 謄夫 *thiện phu*, thuộc bực
thượng sĩ, giữ việc ăn uống mâm cỗ của vua. 内史 *nội sử*,
thuộc bực trung đại phu, giữ tước lộc và phép đặt để hay phế
bỏ, cho sống hay giết đi. Ban cho hay lấy lại. 趣馬 *phú mã*
(đọc *mỗ*), thuộc bực trung sĩ, giữ việc ngựa xe cho vua.
師氏 *sư thi*, cũng thuộc bực trung đại phu, coi việc nén hу
của triều đình. 鮑 diêm, sắc đẹp. 鮑妻 *diêm thê* (vợ đẹp), chỉ

nàng Bao Tự. 煽 Phiến, cháy lên. 方處 phuơng sǔ, vừa ở đó, chưa biến rời đi nơi khác.

Nói sở dĩ xảy đến những biến loạn là lùng như vậy là do bọn tiểu nhân được dùng ở ngoài, còn hầu thiếp sủng ái thì mê hoặc lòng vua ở trong, đó là những việc chủ yếu, chỉ là duyên cớ ấy.

CHƯƠNG V

抑此皇父

33. Úc thử Hoàng Phủ

豈曰不時

34. Khi viết bất thì?

胡爲我作

35. Hồ vi ngã tác

不印我謀

36. Bất tức ngã mưu.

徹我牆屋

37. Triệt ngã tường ốc.

田卒汗萊

38. Điền tốt ô lai.

曰予不戕

39. Viết dư bất tường

禮則然矣

40. Lê tắc nhiên hī

Dịch nghĩa

33. Ông Hoàng Phủ ôi!

34. Ngài há lại nói là đám dân chúng tôi chẳng rảnh rang công việc ruộng nương (Ngài cho chúng tôi là rảnh rang lắm)?

35. Tại sao ngài bắt bọn tôi làm việc cho ngài?

36. Mà lại không bàn tính với chúng tôi trước.

37. Ngài cứ phá vỡ nhà cửa tường vách của chúng tôi (để ngài xây cất dinh thự của ngài).

38. Cho nên cuối cùng ruộng của chúng tôi. Chỗ thấp thì nước ú đọng, chỗ cao thì cỏ mọc rườm rà.

39. Ngài lại nói: Ta chẳng hại các người

40. (Ké dưới phải cung phụng người trên) lẽ nghi đương nhiên là phải thế.

Dịch thơ

Này ông Hoàng Phủ ngài ôi!

Há rằng ngài bảo chúng tôi chẳng nhàn?

Sao bắt chúng tôi sang làm lụng

Mà chẳng bàn với chúng tôi nào

Phá tan nhà vách trước sau,

Ruộng nương đọng nước, cỏ lau rậm dày.

Ta chẳng hại chúng bay, ngài bảo:

Lẽ đương nhiên ấy đạo làm dân."

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 抑 ức, Tiếng phát ngữ từ, tiếng ở đầu câu. 時 thi, lúc rảnh rang công việc nhà nông. 乍 tác, động tác. 卽 tức, đến. 爲 tốt, cuối cùng. 汗 ô, nước ú lại không chảy đi. 萍 lai, cỏ rậm. 戮 tường, hại.

Nói ông Hoàng Phủ không tự cho là không có rảnh rang công việc nhà nông, muốn rời ta đi nơi khác để làm việc, mà lại không toan tính trước với ta. Ông ta cứ triệt hạ phá huỷ nhà cửa tường vách của ta, khiến ruộng của ta không được

chăm sóc đến, chõ thấp thì nước ú đọng, chõ cao thì cỏ mọc um tùm.

Ông ta lại nói: "Chẳng phải ta muốn hại người, đó là theo lẽ nghi thông thường kẻ dưới phải cung phụng làm việc cho kẻ trên ấy thôi.

Chú giải của Dịch giả

Mao thi Hoàng Phủ được vua sùng ái, được vua phong cho đất ở kinh kỳ, liền lo xây cát, đuổi nhà cửa dân, phá nhà cửa tường vách của dân để giành chõ xây cát dinh thự do áp cho mình, và kiến dân phục dịch xây cát nhọc nhằn, bỏ hết công việc ruộng nương.

CHƯƠNG VI

皇父孔聖

41. Hoàng Phủ khổng thánh,

作都于向

42. Tác đô vu Hướng.

擇三有事

43. Trạch tam hữu sự

直侯多藏

44. Đản hâu đa tạng

不愁遺一老

45. Bất ngần di nhất lão

俾守我王

46. Tý thư ngā vương.

擇有車馬

47. Trạch hữu xa mã

以居徂向

48. Dī cư tồ Hướng.

Dịch nghĩa

41. Ông Hoàng Phủ rất thông minh sáng suốt

42. Dụng đô áp cho mình ở đất Hướng.

43. Chọn ba vị quan khanh
44. Thật đều là người tham lam hay giấu cát.
45. Lại không gượng lòng để lại một vị lão thần nào.
46. Hộ vệ vua ta cả (tất cả quan chức đều bị Hoàng Phủ
đem đi sang đô áp Hương)
47. Lại chọn những người dân giàu có xe ngựa
48. Để đem đi ở áp Hương.

Dịch thơ

Ông Hoàng Phủ rất thông minh

Giành nơi đất Hương cho mình dựng đô.

Bực tam khanh quan lo ngại lựa,

Đều là người dấu của tham tàn.

Chẳng hề lưu một lão quan

Giữ gìn bảo vệ long nhan thế này.

Bực xe ngựa đủ đầy ngại chọn

Áp Hương kia đều dọn đem sang.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 都 không, rất. 聖 thánh, thông minh sáng suốt. 都 đô, áp to. Theo sách *Chu lễ* trong kinh kỳ, đại đô,(áp to), vuông vức 10 dặm, tiểu đô (áp nhỏ) vuông vức 50 dặm, đều là đất của thiên tử phong cho các công khanh. 向 Hương, tên đất, trong kinh kỳ ở Đông đô, nay là huyện Hà Dương thuộc Mạnh châu là đấy. 三有事 tam hữu sự, là chức tam khanh. 真 đản, tín thật. 俟 hầu duy, chỉ. 藏 tang, chát chúa. 慨 ngán, là lời không muốn nhưng vẫn gắng

gương lên. 有車馬 *hữu xa mă* (có xe ngựa), cũng là người dân giàu có. 很tồ, đi.

Nói Ông Hoàng Phủ tự cho mình là người thông minh sáng suốt, làm đô áp mà không cầu người hiền, chỉ dùng người nhà giàu làm quan khanh, lại không gương lòng để lại một vị quan nào hộ vệ thiên tử (tất cả quan chức trong triều đều bị Hoàng phủ rời sang đô áp Hướng). Còn những người giàu có xe ngựa cũng đều được đem đi hết. Thật là kẻ không chung với vua, mà chỉ lo tham lợi để lo cho riêng mình.

CHƯƠNG V

黽勉從事

49. Mẫn miêm tùng sự,

不敢告勞

50. Bất cảm cáo lao.

無罪無辜

51. Vô tội vô cõ,

讒口囂囂

52. Sàm khẩu ngao ngao.

下民之孽

53. Hạ dân chi nghiệt

匪降自天

54. Phỉ giáng tự thiêng.

噂沓背憎

55. Tồn đạp bội tăng

職競由人

56. Chức cạnh do nhân.

Dịch nghĩa

49. Gǎng gương rán sức theo làm việc cho Hoàng Phủ

50. Không dám nói là lao nhọc

51. Người không tội không lỗi gì

52. Thị cũng bị lầm miệng gièm siểm hăm hại.
 53. Những tai họa của dân
 54. Đâu phải do trời giáng xuống cho,
 55. Người dân hễ gặp là nói cười vui vẻ, khi quay lưng
 thì ghét kỵ nhau
 56. Người dân cố sức làm như vậy chủ yếu là do lầm kẻ
 hay gièm siểm mà ra.

Dịch thơ

Cho Hoàng Phủ, gắng lập công

Dám than khổ nhọc thì không một lời.

Chẳng tội lỗi những người dân ấy

Bị siểm gièm hăm hại đáng thương.

Khổ nhân dân những tai ương.

Trời đâu gieo xuống phũ phàng làm chi.

Gặp cười nói quay đi hiềm kỵ,

Cốt thế kia sợ bị gièm pha.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 囂 ngao, dáng dông người. 好
nghiệt, tai hại. 噛 tốn, tụ lại. 跳 đập, trùng điệp, nhiều lần.
職 chúc, chủ yếu. 競 cạnh, chuyên súc.

Nói gắng gượng rán sức theo làm việc cho Hoàng Phủ, chưa từng dám nói là lao khổ, đã vô tội mà còn gặp tiếng gièm siểm hăm hại. Nhưng mà những tai họa của dân chẳng phải do trời làm ra. Tụ hội nhau mà trò chuyện, người dân nói lầm điệu cho nhau vui thích đến khi quay lưng ra đi thì

ghét kỵ nhau (thói của dân lúc ấy là trước mặt niềm nở với nhau, sau lưng thì nghi kỵ ghét nhau) Người dân đã dốc sức làm như thế đều do những kẻ hay gièm pha hâm hại gây ra.

CHƯƠNG VIII

悠悠我里

57. Du du ngā lý

亦孔之痁

58. Diệc khổng chi muội

四方有羨

59. Tứ phương hữu tiễn.

我獨居憂

60. Ngā độc cư ưu.

民莫不逸

61. Dân mạc bất dật.

我獨不敢休

62. Ngā độc bất cảm hưu.

天命不徹

63. Thiên mệnh bất triệt.

我不敢傲我友

64. Ngā bất cảm hiệu ngā

自逸

hữu tự dật.

Dịch nghĩa

57. Buồn lo cho quê quán của ta ở

58. Cũng rất là bình hoạn

59. Bốn phương thiên hạ đều dư dả phong phú.

60. Riêng ta ở trong cảnh ưu sầu vì túng thiếu

61. Dân chúng không ai là không an nhàn dật lạc.

62. Riêng một mình ta là không dám nghỉ ngơi

63. Bởi vì số mệnh trời định không đều nhau.

64. Cho nên ta không dám bắt chước bạn hữu của ta để
tự dật lạc riêng mình.

Dịch thơ

Lo buồn quê quán của ta
Lắm điệu binh hoạn rất là thảm thương.
Khắp dân chúng bốn phương thừa thãi.
Riêng ta nghèo túng mãi ngậm ngùi
Nhân dân dật lạc vui tươi.
Riêng ta chẳng dám nghỉ ngơi tí nào,
Bởi số mệnh khác nhau định sẵn,
Để nhàn vui theo bạn dám đâu!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 悠悠 *du du*, ưu buồn. 里 *lý*, ở. 海 *muội* (đọc *hi* cho hợp vận), bình. 羡 *tiễn*, dư thừa. 逸 *dật*, vui. 撤 *triệt*, đều, đồng nhau.

Đương thời buổi ấy cả thiên hạ đều bình hoạn, nhưng chỉ lo cho quê hương của ta ở là bình hoạn hơn cả. Vả lại người trong bốn phương đều dư dả phong phú, riêng ta một mình lo buồn (vì túng thiếu). Người đều an nhàn dật lạc, mà chỉ riêng ta là bị lao khổ, vì Hoàng Phủ làm cho đau bệnh và bị tai họa lại quá lăm. Nhưng đó là vì số mệnh trời định không đồng nhau, ta há lại dám không an phận theo hoàn cảnh mình đã gặp, mà lại đi bắt chước theo bạn hữu của ta tự do nhàn dật hay sao?

Thiên thập nguyệt chi giao có 8 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 200

CHƯƠNG I

雨無正

Vũ vô chính. (Kỳ phủ 10)

浩浩昊天

1. Hạo hạo hạo thiêng

不駿其德

2. Bất tuấn kỳ đức,

降喪饑饉

3. Giáng táng cơ càn,

斬伐四國

4. Trảm phạt tứ quốc.

旻天疾威

5. Mân thiên tật uy

弗慮弗圖

6. Phất lự phất đồ,

舍彼有罪

7. Xá bỉ hữu tội

既伏其辜

8. Ký phục kỳ cô.

若此無罪

9. Nhược thử vô tội

淪胥以鋪

10. Luân tư dī phô?

Dịch nghĩa

1. Trời to rộng

2. Mà ơn đức lại không to rộng.

3. Đã gieo xuống nạn tang tóc đói kém.

4. Để giết hại người trong các nước ở bốn phương.

5. Trời cũng bạo ngược.

6. Chẳng nghĩ chẳng suy,

7. Hãy buông tha cho kẻ kia phạm tội.
8. Đã chịu tội rồi.
9. Còn người này không tội.
10. Sao cũng bị hăm hại mà chết mất khắp cả vậy?

Dịch thơ

*Trời bao la vô ngần lồng lộng
 Ôn đức sao chẳng rộng thế này?
 Tóc tang đói kém gieo hoài,
 Giết người các nước trong ngoài bốn phương.
 Ông Trời cũng phi thường bạo ngược
 Chẳng mảy may trước nghĩ suy.
 Hãy tha kẻ phạm tội đi,
 Bởi người gây tội kia thì đèn xong.
 Còn những kẻ này không tội ác
 Cũng hăm chìm đều thác chẳng còn?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 浩浩 *hao hao*, to rộng. 昊 *hao*, cũng là ý to rộng (trời thì to rộng). 駿 *tuấn*, lớn. 德 *đức*, ân huệ. 譏 *cơ*, thật mùa lúa và ngũ cốc. 饊 *cân*, thất mùa rau. 疾威 *tật uy*, bạo ngược. 廬 *lư*, 圖 *đồ*, mưu tính. 舍 *xá*, buông tha. 濁 *luân*, chìm hăm. 胄 *tu*, lắn nhau. 鋪 *phô*, khắp cả.

Lúc ấy là sau nạn mất mùa lúa và mùa rau, bề tôi đều ly tán, người không bỏ ra đi thì làm thơ trách kẻ đã bỏ ra đi. Cho nên suy xét nguồn gốc mà nói thì Trời không thi ân rộng rãi, đã gieo xuống nạn đói kém để giết hại mọi người trong

các nước ở bốn phương. Thì tại sao Trời vẫn không suy nghĩ tính toán lại gấp làm ra như thế vậy? Kẻ kia có tội đã bị chết đói, thì nó đã chịu tội rồi, thì nên tha cho là phải. Người này vô tội lại cũng bị hâm hại cho chết mất, thì thế nào vậy thay?

CHƯƠNG II

周宗既滅

11. Chu tông ký diệt

靡所止戾

12. Mĩ sở chỉ lệ

正大夫離居

13. Chính đại phu ly cư

莫知我勛

14. Mạc tri ngā dì

三事大夫

15. Tam sự đại phu

莫肯夙夜

16. Mạc khắng túc dạ

邦君諸侯

17. Bang quân chư hầu

莫肯朝夕

18. Mạc khắng triêu tịch

庶曰式臧

19. Thủ viết thứ tướng

覆出爲惡

20. Phúc xuất vi ác.

Dịch nghĩa

11. Thân tộc nhà Chu đã bị tiêu tàn
12. Không có chỗ nào để dừng lại mà ở yên được
13. Quan trưởng đại phu đã dời đi nơi khác mà ở.
14. Không ai biết ta lao pñ học (vì ta không bỏ đi).
15. Quan tam sự (tam công) và quan đại phu
16. Không ai chịu sớm hôm hầu hạ vua nữa.

17. Chư hầu làm vua một nước.
18. Không ai chịu sớm tối chầu chực vua nữa.
19. Mong mỗi vua làm lành.
20. Mà trái lại vua cứ làm ra việc ác mãi.

Dịch thơ

*Đã tàn mất Chu triều tộc họ
Không chốn dừng đê có yên nơi.
Đại phu đã tản đi rồi
Ai hay ta cũng lầm hồi lao đao?
Đại phu, tam sự bao quan chức
Chẳng sớm hôm chầu chực thế này?
Các vua hầu quốc lâu nay
Sớm hôm chẳng thấy một ai đến chầu.
Mong mỗi thay vua mau làm thiện,
Vua cứ gây lầm chuyên bao tàn.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 宗 tông, thân tộc đồng họ và khác họ. 戻 lè, định. 正 chính, trưởng trưởng quan. Quan nhà Chu có 8 chức, hạng nhất gọi chính. Nói là bức trưởng của lục quan, đều được vào hàng thượng đại phu. 離居 ly cư, rời đi ở nơi khác, vì rằng bị đói kém mất mùa phải rời đi nơi khác, và nhân đây để tránh cái hoạ gièm siém. 我 ngã, ta người chẳng bỏ đi tự xưng. 勘 dì, lao nhọc. 三事 tam sự, chức tam công. 大夫 đại phu, quan lục khanh và trung đại phu, hạ đại phu. 殊 tương, lành, tốt. 覆 phúc, trái lại.

Nói sáp có cái hoạ đồi họ vua khác, mà điểm báo trước
đã hiện rõ, trời biến động, người thì ly tán như thế ấy rồi,
mới mong mỏi vua sửa đổi làm lành, thì vua trái lại làm ác
nữa, không chịu thôi.

Hoặc nói rằng: Ngõ bài này cũng là thơ sau lúc dời đô
sang phía đông thành Đông Chu.

CHƯƠNG III

如何昊天

21. Như hà hạo thiên?

闢言不信

22. Bách ngôn bất tín.

如彼行邁

23. Như bỉ hành mại.

則靡所臻

24. Tắc mỵ sở trấn

凡百君子

25. Phàm bách quân tử 26.

各敬爾身

Các kính nhĩ thân

胡不相畏

27. Hồ bất tương uý?

不畏于天

28. Bất uý vu thiên.

Dịch nghĩa

21. Sao vậy hãi Trời?

22. Lời đúng phép tắc thì không được tin dùng.

23. Cứ hành sự như thế kia

24. Thì không đi đến đâu cả.

25. Bá quan quân tử

26. Mỗi người phải cung kính lấy thân (mà giữ lấy lẽ
giữa vua tôi).

27. Sao lại trên dưới không kiêng nhau (vua và tôi trong cơn loạn lạc không còn kiêng sợ nhau nữa).

28. Tức là không kiêng sợ Trời vậy.

Dịch thơ

Tại sao thế hỡi Trời cao rộng?

Chẳng được tin lời đúng pháp quy.

Cứ hành sự như đương thi.

Đến đâu cho được, mong gì ô hay!

Trăm quân tử các ngài quan lại.

Mỗi người cung kính lấy thân mình.

Vua tôi sao chẳng kiêng tình?

Tức là trên dưới chẳng kính sợ Trời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 如何昊天 như hà bao thiêng (đọc *thân*, cho hợp vận), sao vây hỡi Trời? Kêu Trời mà tố cáo. 辟 bích, phép tắc. 璞 trấn, đến. 凡百君子 phàm bách quan tử, cả trăm người quân tử, chỉ các bê tôi.

Nói sao đây hỡi Trời? Lời đúng phép tắc thì không được tín nhiệm mà nghe theo. Còn hành sự như thế kia thì không đến đâu cả. Bách quan quân thần, há vì Vua làm ác mà có thể chẳng cung kính lấy thân hay sao? Không cung kính lấy thân, không giữ lẽ giữa vua tôi, tức là trên dưới không kiêng nhau. Trên dưới không kiêng nhau tức là không sợ Trời đây.

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|----------------------------|
| 戎成不退 | 29. Nhung thành bất thoái. |
| 饑成不遂 | 30. Cơ thành bất toại. |
| 曾我瞽御 | 31. Tăng ngā tiết ngự |
| 惛惛日瘁 | 32. Thảm thảm nhật tuy. |
| 凡百君子 | 33. Phàm bách quân tử |
| 莫肯用訊 | 34. Mạc khẳng dụng tân. |
| 聽言則答 | 35. Thính ngôn tắc đáp |
| 諧言則退 | 36. Tráim ngôn tắc thoái. |

Dịch nghĩa

29. Bình giặc đã thành lập mà việc ác của vua vẫn không thôi.
30. Nạn đói kém đã gây ra, mà vua vẫn không tiến theo đường thiện.
31. Từng khiến cho ta làm quan hầu cận
32. Ngày ngày lo rầu mà sinh bệnh.
33. Bá quan quân tử.
34. Không ai chịu đem những việc ấy báo cáo cho vua biết.
35. Vua muốn nghe, thì các quan chỉ đáp sơ qua chớ không dám nói hết lời.
36. Một khi có lời gièm siểm hại đến mình, thì các quan bỏ về, rồi đi nơi khác.

Giặc nổi, bạo tàn vua chăng bỏ,
Thiện chăng theo, đói khổ lan tràn.

Từng theo hầu cận long nhan
Lo sầu sah bình bǎn khoǎn ngày ngày.

Trăm quân tử các ngài quyền tước,
Báo vua hay, chăng được một ai.

Vua nghe thì nói một vài,
Bị người gièm siểm thì quay trở về.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 戰 nhung, binh sĩ. 遂 toại, tiến tới. *Kinh Dịch* chép rằng: Bất nǎng thoái, bất nǎng loại (không thể lui, không thể iới) là đáy 御 tiết ngự, hầu cận, sách Quốc ngữ chép: Cư tẩm hữu tiết ngự chi châm (nằm trong phòng ngủ có sự răn của quan hầu cận), cũng như quan thị trung đời Hán. 惺惺 thảm thảm, dáng ưu sầu. 痞 tuy, binh hoạn. 罷 tấn, cáo báo.

Nói binh giặc đã thành lập mà việc làm ác của vua không thôi. Nạn đói kém đã gây ra, mà vua thì không theo đường thiện, khiến cho ta là quan hầu cận phải lo lắng ngày ngày cứ ảo não mà sinh bệnh. Phàm bá quan quân tử, không ai chịu đem những việc áy báo cáo cho vua biết. Dẫu vua có hỏi muốn nghe những việc áy, các quan cũng chỉ đáp qua mà thôi, không dám nói hết lời. Một khi có lời gièm siểm đến mình, họ đều lui về mà rời đi nơi khác, không ai chịu sờm tội hầu hạ ở bên vua. Ý như nói rằng: Vua tuy là không lành,

nhưng nghĩa vua tôi, há lại có thể lơ là dửng dưng như thế
hay sao?

CHƯƠNG V

哀哉不能言
匪舌是出
維躬是瘁
哿矣能言
巧言如流
俾躬處休

37. Ai tai bất nǎng ngôn,
38. Phì thiệt thị xuất.
39. Duy cung thị tuy.
40. Khả hī nǎng ngôn,
41. Xảo ngôn như lưu,
42. Tý cung xứ hưu.

Dịch nghĩa

37. Thương thay cho người tôi trung không thể nói gì
được!

38. Chẳng phải miệng lưỡi trung chinh ấy là nên nói
nǎng vào thời ấy.

39. Chỉ vì bản thân sẽ bị tai nạn bệnh khốn.

40. Kẻ dưa nịnh thì nên nói nǎng vào thời ấy.

41. Lời khéo đẹp cứ tuổi ra như nước chảy,

42. Mà bản thân lại còn được ở vào nơi yên vui nữa.

Dịch thơ

Thương thay không nói nǎng gì đặng,

Lưỡi trung gặp bao chặng thót lời.

E thân bị hại lôi thôi.

Ninh nên bàn nói thuận xuôi thời này.

Lời khéo cứ tuôn bày như nước,

Mà bản thân còn được yên vui.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 出 xuất (đọc xoài), nói ra. 痞 tuy, bình. 言 khả, có thể.

Nói bức tôi trung đời ấy gọi là người không thể nói gì được, cho nên chẳng những không thể nói gì được, mà hễ miệng có nói ra lời nào, thì tai nạn sẽ đến vào thân.

Còn đưa nịnh đời ấy gọi là kẻ có thể nói được, cho nên chúng uốn sửa lời nói cho khéo đẹp, cứ tuôn ra như nước chảy không hề bị ngưng trệ và khiến thân chúng được nói yên vui. Vì rằng đó là thời loạn, vua tôi tăm ghét người trung trực, ưa kẻ a dua nịnh hót như thế. Cho nên nhà thơ mới than thở đậm đà.

CHƯƠNG VI

維日子仕

43. Duy viết vu sĩ

孔棘且殆

44. Khổng cức thả dãi

雲不可使

45. Vân bất khả sử

得罪于天子

46. Đắc tội vua thiên tử

亦雲可使

47. Diệc vân khả sử

怨及朋友

48. Oán cập bằng hữu.

Dịch nghĩa

43. Chỉ nói hãy đi làm quan.
44. Làm quan rất khổn khổ và nguy hiểm.
45. (Hết thẳng ngay trung cang, thì bị vua) nói là không thể dùng được.
46. Và còn bị tội với vua nữa.
47. (Hết đưa nịnh gian tà, thì được vua) nói là có thể dùng được.
48. Và bị bằng hữu oán ghét ghen tỵ.

Dịch thơ

"Ra làm quan" lời người hay bảo
Làm quan thì khổ nǎo chẳng cùng.
Thẳng ngay vua nói chẳng dùng.
Lại còn đặc tội cửu trùng khỏi đâu.
Rằng: "Dùng được, kẻ nào gian guy".
Thì bạn bè ghen tỵ oán hòn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 于 vu, đi. 棘 cúc, khổn. 猥 dai (đọc dī cho hợp vận), guy.

Tô thị nói rằng: Người ta đều nói hãy đi làm quan, nhưng người ta vẫn không biết sự khổn khổ và nguy hiểm của người làm quan. Dương thời ấy, làm quan theo chính đạo (ngay thẳng trung cang) thì vua nói là không thể dùng được. Còn làm quan theo tà đạo (cong vạy gian nịnh) thì vua nói là có thể dùng được. Theo chính đạo (không tuân theo lời phán dạy dâm tà của vua) thì bị tội với vua. Theo tà đạo (dua nịnh

theo lời phán dạy dâm tà của vua) thì bị bàng hưu oán ghét.
Đây sở dĩ làm quan là khó.

CHƯƠNG VII

謂爾遷于王都
日子未有室家
鼠思泣血
無言不疾
昔爾出居
誰從作爾室

49. Vị nhī thiēn vu vương đō
50. Viết dư vị hữu thất gia
51. Thủ tư khấp huyết
52. Vô ngôn bất tật
53. Tich nhī xuất cư
54. Thuỳ tùng tác nhī thất?

Dịch nghĩa

49. Ta nói với anh hãy dời về kinh đô của vua mà ở (cho có vua tôi, có bạn bè).

50. Anh đáp rằng: Tôi chưa có nhà cửa ở đây (cho nên tôi không thể dời về đây được).

51. Hơn nữa tôi cứ lo sợ mà khóc thầm tuôn ra lệ máu.

52. Không có lời nào là không rên siết đớn đau.

53. (Ta lại hỏi vặn): Vậy xưa kia anh bỏ ra đi.

54. Có ai theo anh làm nhà cho anh chăng?

Dịch thơ

Nói với anh: Về kinh đô mà ở.

Anh đáp rằng: Chăng có cửa nhà.

Lo buồn lệ máu tuôn ra,

Không lời nào chẳng xót xa ngâm ngùi.

Thuở xưa kia anh dời đi ấy.

Ai theo anh dựng lấy cửa nhà?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 爾 nhĩ, mây, anh, gọi kẻ rời đi nơi khác mà ở. 鼠思 thủ tư, như nói 癖憂 手手 ưu, sợ và lo.

Đương thời ấy nói ra rất khó khăn, làm quan lăm hoạn nạn như thế. Cho nên bế tôi có kẻ bỏ đi, có người ở lại với vua. Người ở lại không nỡ thấy vua trơ trọi không có quần thần, và mình cũng không có bạn bè, mới bảo kẻ bỏ đi hãy trở về kinh đô của vua. Những người bỏ đi không chịu nghe theo, lấy cớ không có nhà cửa ở kinh đô để cự tuyệt, và đến nỗi phải lo sầu mà khóc ra lệ máu, không có lời nào là không rên siết đón đau. Vì rằng sợ tai họa nặng nề mà đến phải như thế. Nhưng nói là vì không có nhà cửa ở kinh đô, thì không phải là tình thật cho nên ta mới cật vấn rằng: Xưa anh bỏ đi, ai đã làm nhà cho anh to? Mà nay anh lại lấy việc ấy từ chối với ta như vậy thay? (Xưa anh bỏ đi chẳng ai làm nhà cho anh cả, anh đã tự làm lấy. Thì nay anh hãy trở về kinh đô, lẽ tự nhiên là cũng làm lấy nhà cửa mà ở. Việc có nhà hay không có nhà không thành vấn đề để anh từ chối).

Thiên Vũ vô chính có 7 chương, 2 chương 10 câu, 2 chương 8 câu và 3 chương 6 câu.

Ấu dương công nói rằng: Về thơ người đời xưa phần nhiều không để tên để bài thơ; mà tên của bài thơ thường thường thuộc vào lê không có nghĩa. Hoặc có khi có tên để bài thơ, thì át là thuật lại đại ý của bài thơ ấy. Như loại thiên *Hạng bá* (thuộc Tiểu nhã Tiểu man chi thập) và thiên *Thường vũ* (thuộc Đại nhã, Đang chi thập).

Nay theo những điều đã nói ở bài thứ trong *Mao thi*, tên thơ *Vũ vô chính* này rất lạ đối với cả bài thơ (để bài và nội

dung dường như không có liên hệ gì với nhau). Việc nghi ngờ ấy phải để khuyết.

Lưu thị ở Nguyên thành nói rằng: Thường đọc *Hàn thi* có bài *Vũ vô cực*. Bài tự của thơ ấy nói rằng: *Vũ vô cực* là thơ của quan chính đại phu châm biếm U vương. Xét đến lời văn của bài thơ ấy mà so với chương đầu bài thơ của Mao công thì có hơn 8 chữ: *Vũ vô kỳ cực thương ngã giá sắc*.

Kẻ ngu này (Chu Hy) xét thuyết của Lưu thị dường như có lý. Nhưng chương I và II của thiên này vốn có 10 câu, nếu nay lại vội thêm vào đề chương dài chương ngắn không đều nhau thì không phải lệ làm thơ.

Lại bài thơ này thật do quan hầu cận làm ra sau khi các quan chính đại phu rời đi ở nơi khác.

Còn nói là quan chính đại phu châm biếm U vương thì cũng là không đúng. Vả lại cho là thơ về U vương thì cũng chưa có gì khảo cứu rõ ràng.

Kỳ phủ chi thập có 10 thiên, 64 chương, 426 câu.

5. TIỂU MÂN CHI THẤP

(Mười thiên thuộc phần thơ Tiểu mân).

BÀI THÚ 201

CHƯƠNG I.

小旻

Tiểu mân. (Tiểu mân I)

旻天疾威

1. Mân thiên tật uy

敷于下士

2. Phu vu hạ thố.

謀猶回遹

3. Mưu do hồi duật

何 日 斯 沮

4. Hà nhật tư tử?

謀 犢 不 從

5. Mưu tang bất tùng.

不 犢 覆 用

6. Bất tương phúc dụng.

我 視 謀 猶

7. Ngā thị mưu do

亦 孔 之 邅

8. Diệc không chỉ cùng.

Dịch nghĩa

1. Cái uy bạo ngược của Trời.
2. Đã phân bổ xuống khắp cõi đất.
3. Cơ mưu tà vạy không chính đáng của vua.
4. Ngày nào mới dứt được?
5. Những cơ mưu tốt lành thì không được Vua nghe theo.
6. Còn những cơ mưu xấu xa chẳng lành thì ngược lại được dùng.
7. Ta xem những cơ mưu của Vua
8. Cũng rất là đau đớn.

Dịch thơ

Cái uy bạo ngược của Trời

Đã phân bổ xuống khắp nơi lan tràn.

Những cơ mưu tà gian bất chính

Đến ngày nào mới tính dứt xong?

Theo mưu lành, hẵn lại không.

Còn mưu xấu độc, Vua dùng, ngược thay!

Ta xem mưu sǎp bày thê' áy
Cũng đón đau lầm đầy hối ôi!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 妄 mân, ý xa vời. 敷 phu, trán bày ra. 猶 do, mưu. [u] hối, tà vạy. 遷 duật, tà vạy. 沮 tǔ, dùng. 滯 tương, tốt lành. 覆 phúc. trái lại. 巽 cùng, bình.

Vì Vua bị mê hoặc theo mưu gian tà, không thể nào ngăn lại để theo đường lành, quan đại phu mới làm bài thơ này.

Nói cái uy bạo ngược của Trời đã phân bố xuống khắp cõi đất khiến những cơ mưu tà vạy của Vua không có ngày nào là dứt được. Những mưu lành thì không được nghe theo, còn những mưu độc hại thì ngược lại được Vua dùng. Cho nên ta xem những cơ mưu của Vua cũng rất là đau đớn.

CHƯƠNG II

滄 滄 訏 訏

9. Hấp hấp tử tử

亦 孔 之 哀

10. Diệc khổng chi ai.

謀 之 其 殘

11. Mưu chi kỳ tương

則 具 是 違

12. Tắc cụ thị vi.

謀 之 不 殘

13. Mưu chi bất tương

則 具 是 依

14. Tắc cụ thị y.

我 視 謀 猶

15. Ngã thị mưu du.

伊 于 胡 底

16. Y vu hồ đě.

Dịch nghĩa

9. Bọn tiểu nhân tụ họp với nhau, nhưng chúng không hoà thuận với nhau.
10. Cũng là đáng xót xa cho vậy.
11. Những mưu cơ tốt lành
12. Thì bị chúng phản đối.
13. Những mưu cơ chẳng lành.
14. Thì đều được chúng nghe theo.
15. Ta thấy những mưu cơ nguy hại ấy
16. Rồi sẽ đưa đến đâu vậy?

Dịch thơ

*Hợp chung nhưng chẳng hòa nhau,
Tiểu nhân cũng đáng xót đau nỗi tình.
Những cơ mưu rất tốt lành thế ấy
Bọn tiểu nhân chống lại cho dành.
Những cơ mưu nọ chẳng lành
Tiểu nhân xu phụ tán thành theo ngay.
Ta thấy cơ mưu tai hại ấy
Đưa đến nơi đâu vậy hời ôi?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 滑滑 háp háp, hoà thuận với nhau. 訏訏 tử tử, nói xấu làm nhục lẫn nhau. 具 cu, đều cùng. 底 đẻ (đọc đê cho hợp vận), đến.

Nói bọn tiểu nhân tụ chung với nhau mà không hòa thuận nhau, vì chúng suy tính sâu xa lắm. Những cơ mưu

tốt lành thì bị chúng phản đối, còn những cơ mưu xấu xa tai hại thì được chúng noi theo, thì làm sao yên định được?

CHƯƠNG III

我龜既厭	17. Ngā quy ký yếm
不我告猶	18. Bất ngā cáo du.
謀夫孔多	19. Mưu phu khổng da.
是用不集	20. Thị dụng bất tập.
發言盈庭	21. Phát ngôn doanh đình
誰敢執其咎	22. Thuỷ cảm chấp kỳ cữu?
如匪行邁	23. Như phi hành mại mưu
謀是用不得于道	24. Thị dụng bất đắc vu đạo.

Dịch nghĩa

17. Mai rùa đê bói của ta đã chán (vì cứ bói mãi)
18. Không báo cho ta biết mưu cơ lành dữ ra sao.
19. Kẻ mưu sĩ thì rất đông (nhưng không phải người hiền tài).
20. Cho nên mưu cơ đem ra dùng cũng không thành.
21. Người phát biểu ý kiến thì đầy cả triều đình,
22. Nhưng ai dám nhận lỗi khi mưu cơ thất bại?
23. Như kẻ chẳng bước, chẳng đi cứ ngồi mà mưu tính địa điểm mình sẽ đến.
24. Cho nên chẳng được một bước đường nào cả.

Dịch thơ

*Mai rùa ta đã chán rồi
 Không còn báo trước cơ thời ra sao.
 Kẻ mưu sĩ đầy trào đồng đặc
 Mưu đem dùng chẳng đạt mấy may.
 Chật trào bày biểu đồng thay!
 Đến khi thất bại lỗi ra dám nhìn.
 Như chẳng đi, lo mình sẽ đến.
 Một bước đường nào tiến đăng cho?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 集 tap, thành nên.

Bói quá nhiều lần thành ra nhảm mà mai rùa cũng chán, cho nên không báo cho biết mưu đồ lành hay dữ. Kẻ mưu sĩ thì nhiều, mà phải hay trái thì lẩn lộn không rõ thế nào là thích hợp để noi theo. Cho nên cơ mưu rốt cuộc cũng không thành tựu. Vì rằng kẻ phát biểu ý kiến thì đồng đặc cả triều đình mỗi người đều cho mình là phải, nhưng không ai chịu đảm nhiệm trọng trách để thi hành. Cũng như kẻ không bước, không đi, cứ ngồi mà mưu tính địa điểm mình sẽ đến. Mưu tính tuy đã nghiêm xét nhưng rồi làm sao được một bước đường nào?

CHƯƠNG IV

哀哉爲猶

25. Ai tai vi du!

匪先民是程	26. Phỉ tiên dân thị trình.
匪大猶是經	27. Phỉ đại du thị kinh.
維邇言是聽	23. Duy nhī ngôn thị thính
維邇言是爭	29. Duy nhī ngôn thị tranh
如彼築室于道	30. Như bỉ trúc thất vu đạo mưu
謀是用不潰于成	31. Thị dụng bất hội vu thành.

Dịch nghĩa

25. Thương xót thay cho cơ mưu ngày nay!
26. Không lấy những thánh hiền ngày xưa làm phép tắc.
27. Không lấy đường chính đại để thường noi theo.
28. Chỉ những lời nông cạn thì được noi theo.
29. Chỉ những lời nông cạn thì được tranh luận.
30. Như kẻ kia cát nhà mà đi bàn tính với người khách qua đường.
31. Thị không đến việc thành tựu được.

Dịch thơ

Xót thay mưu kế đương thời!

Không noi phép tắc những lời thánh nhân.

Đường chính đại chẳng cần theo nữa.

Lời cạn nông thi tựa theo ngay.

Lời cạn nông luận tranh hoài.

Cắt nhà lại hỏi những ai qua đường.

Cho nên thành tựu vô phương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 先民 *tiên dân*, thánh hiền đời xưa. 程 *trình*, phép, 猶 *du*, đạo. 經 *kinh*, thường. 潟 *hội*, toại, đến.

Nói thương xót thay cho mưu cơ này nay, không lấy những thánh hiền ngày xưa làm phép tắc, không lấy đường chính đại để thường noi theo! Những lời được nghe theo và tranh luận, điều là những lời cạn hẹp, để có việc mà cãi lẫy nhau. Như mình sáp cắt nhà mà lại đi bàn tính với kẻ xa lạ đi đường, mỗi người đều biện luận khác nhau, kẻ nói thế này, người nói thế khác, thì làm sao mà xây cát cho xong được vậy thay? Có câu tục ngữ xưa rằng: *Tác xa đáo biên, Tam niên bất thành* (Làm nhà bên đường, cứ nghe lời người ta qua kẻ lại bàn thế này, nói thế khác, đến ba năm cũng chưa xong), có lẽ là do ở đây vậy.

CHƯƠNG V

國雖靡止

32. Quốc tuy mĩ chí

或聖或否

33. Hoặc thánh hoặc phủ.

民雖靡腕

34. Dân tuy mĩ hô,

或哲或謀

35. Hoặc triết hoặc mưu,

或肅或艾

36. Hoặc túc hoặc ngại.

如彼泉流

37. Như bỉ tuyễn lưu.

Dịch nghĩa

32. Cuộc tranh luận việc nước tuy chưa yên định.
33. Nhưng hoặc có người sáng suốt, hoặc có kẻ không sáng suốt.
34. Dân tuy không nhiều.
35. Nhưng cũng có người hiền triết hoặc kẻ trí mưu.
36. Hoặc có người nghiêm chỉnh, hoặc có người đúng đắn hợp lý.
37. Nhưng những người hiền ấy sẽ như dòng suối chảy đi mãi (không trở lại nữa vì không được vua trọng dụng).
38. Chớ để họ phải chìm đắm và cùng bại vong cả với nhau.

Dịch thơ

Luận bàn việc nước chưa xong

Có người sáng suốt, người không đầy mà,

Dân chúng tuy chẳng là đông đặc

Có người hiền triết hoặc mưu thâm,

Người đàng hoàng, người chỉnh nghiêm.

Người hiền như suối bắt tăm chảy dài.

Chớ cho chìm đắm đoạ dày.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 止 chỉ, định. 聖 thành, thông minh. 慶 hô, to, nhiều. 芬 ngài đồng với 芬 ngải, chính trị. 無 luân, chìm hâm. 舛 tư, lẩn nhau.

Nói cuộc tranh luận về việc nước tuy không quyết định, nhưng vẫn có người thông minh và dứa ngu si. Dân tuy không nhiều, nhưng vẫn có người cẩn thận hiểu biết sâu xa, vẫn có người mưu trí vẫn có người nghiêm chỉnh doan trang vẫn có người đứng đắn hợp lý.

Nhưng vua không dùng người lành, thì người lành không thể tồn tại được, sẽ như dòng suối cứ chảy đi mất không trở lại nữa và sẽ chìm đắm rồi đến cảnh bại vong cả với nhau.

Thánh (thông minh), triết (hiểu biết sâu xa), mưu (mưu trí), túc (nghiêm kín), ngại (đứng đắn hợp lý) tức là đức của năm điều trong *Hồng pham* (phép tắc chính đạo). Há lại người làm thơ này cũng muốn truyền cái học của Cơ Tử đây chăng?

Chú giải của Chu Hy

Thiên *Hồng pham* (phép tắc chính đạo) trong kinh *Thư* chép lời đáp của Cơ tử tâu bày cùng Vũ vương: ... năm điều, thứ nhất là dáng mạo ở ngoài, thứ hai là lời nói, thứ ba là nhìn xem, thứ tư là lắng nghe, thứ năm là suy nghĩ. Dáng mạo ở ngoài phải cung kính, lời nói phải hợp lý, nhìn xem phải sáng suốt, lắng nghe phải thông hiểu, suy nghĩ phải thấu đáo. Dáng mạo hễ cung kính thì ra người nghiêm trang, lời nói hễ hợp lý thì người chinh trị đứng đắn, nhìn xem hễ sáng suốt thì ra người hiểu biết sâu xa, lắng nghe hễ thông hiểu thì ra người có mưu trí, suy nghĩ hễ thấu đáo thì ra người sáng suốt thông minh.

CHƯƠNG VI

不政暴虎

39. Bất cảm bạo hổ.

不敢馮河

40. Bất cảm băng hà.

人知其一	41. Nhân tri kỳ nhất,
莫知其他	42. Mạc tri kỳ tha.
戰戰兢兢	43. Chiến chiến căng căng.
如臨深淵	44. Như lâm thâm uyên.
如履薄冰	45. Như lý bạc băng.

Dịch nghĩa

39. Không dám tay không mà bắt hổ.
 40. Không dám đi không mà qua sông.
 41. Người ta chỉ biết một việc mà thôi.
 42. Chớ không biết đến những việc khác.
 43. Phải e dè răn chừng phòng bị
 44. Như mình đến bên vực sâu (sẽ bị té rất xuống).
 45. Như mình đi trên giá (nước đá) mỏng (dễ bị tan sụp
 mà chìm xuống nước).

Dịch thơ

Bắt hùm chẳng dám tay không.

Không thuyền chẳng dám vượt sông một mình.

Người ta chỉ hiểu tinh một việc,

Lẽ khác thì chẳng biết đến đâu.

E dè phòng bị trước sau

Như đi trên miệng vực sâu nguy nan.

Và trên giá mỏng sắp tan.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 暴 bạo. bắt bằng tay không. 遍 bìng, đi ngang qua sông không cần thuyền, như nói bằng phàm nhiên. 戰戰 chiến chiến, lo sợ. 蹤躇 cǎng cǎng, rắn chừng giữ gìn. 如臨深淵 như lâm thâm uyên (đọc uân cho hợp vận), như đến bên vực sâu, sợ té rớt xuống. 如履薄冰 như lý bạc băng, như giẫm lên giá mỏng sợ bị sụp mà chìm luôn.

Những điều lo nghĩ của bọn tiểu nhân không thể hiểu biết đến tầm xa. Đối với hoạn nạn như tay không cầm khí giới mà bắt hổ, không dùng thuyền mà qua sông, vì quá thiển cận dễ thấy nên chúng biết mà tránh được. Còn như cái họa nước mất nhà tan vì rất kín đáo trong cõi vô hình, thì chúng không biết để lo xa.

Cho nên nói: Phải e dè phòng bị như mình đến bên vực sâu hay đi trên giá mỏng vậy. Đó là lời sơ hãi tai họa sẽ kíp đến nơi.

Thiên Tiêu man có 6 chương, 3 chương 8 câu và 3 chương 7 câu.

Tô thị nói rằng: *Tiểu man, Tiểu uyển, Tiểu bàn, Tiểu minh* bốn bài thơ này đều lấy chữ *tiểu* để phân biệt là thuộc phần thơ Tiểu nhã. Những bài thơ ấy thuộc phần Tiểu nhã thì gọi chung là *Tiểu man, Tiểu uyển, Tiểu bàn, Tiểu minh*.

Còn những bài thơ thuộc phần Đại nhã thì gọi là *Thiệu man, Đại minh*, mà chỉ thiếu về... *uyển* và... *bàn*. Ý định rằng do Khổng tử đã san định như thế.

Tuy bỏ tiếng *đại*, nhưng thuộc về *tiểu* vẫn cũng gọi *tiểu* vì là dùng theo cũ.

BÀI THÚ 202

CHƯƠNG I

小宛	Tiểu uyển. (Tiểu mân 2)
宛彼鳴鳩	1. Uyển bỉ minh cưu
翰飛戾天	2. Hàn phi lè thiên,
我心憂傷	3. Ngă tâm ưu thương
念昔先人	4. Niệm tích tiên nhân.
明發不寐	5. Minh phát bất my.
有懷二人	6. Hữu hoài nhị nhân.

Dịch nghĩa

1. Con chim minh cưu nhỏ nhen kia
2. Võ cánh bay đến tận trời.
3. Lòng ta ưu sâu đau đớn
4. Nhớ đến những tiên vương ngày xưa.
5. Thứt đến sáng không ngủ,
6. Vì nhớ đến cha và mẹ.

Dịch thơ

*Chim minh cưu nọ nhỏ nhói,
Tung bay đến tận lưng trời vút cao.
Lòng ta luóng những ưu sâu*

Tiên vương ngày trước rất rào nhở mong.

Thức nằm cho đến rạng đông

Mẹ cha hai đãng nhớ nhung ngâm ngùi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 宛 uyển, dáng nhỏ nhen. 明 晝 minh cưu, chín bam cưu. 瞄 hàn, lông, cánh. 瞄 lè, đến. 明 發 minh phát, nói gần rạng đông ánh sáng bật chiếu lên. 二人 nhị nhân, hai người, cha và mẹ.

Đây là bài thơ lúc quan đại phu gặp thời loạn lạc, anh em khuyên răn nhau để tránh tai họa. Cho nên nói on chim nhỏ nhen kia cũng vỗ cánh bay đến tận trời, mà lòng ta sâu buồn đau đớn, há lại có thể không nhớ đến tiên vương ngày xưa hay sao? Cho nên đến sáng mà không ngủ cứ nhớ đến cha mẹ. Nói đó là mối dầu của việc khuyên răn nhau.

CHƯƠNG II

人之齊聖

7. Nhân chi tề thánh

飲酒溫克

8. Âm tửu ôn khắc.

彼昏不知

9. Bỉ hôn bất tri

壹醉日富

10. Nhát tuý nhật bức (phú).

各敬爾儀

11. Các kính nhĩ nghi.

天命不又

12. Thiên mệnh bất hựu.

Dịch nghĩa

7. Người kính cẩn thông minh.
8. Khi uống rượu thì ôn hoà, thắng được mình (không để mình khốn đốn vì rượu).
9. Còn kẻ u ám không biết gì kia (chỉ Vua)
10. Cứ chuyên chú vào việc say sưa, ngày càng thêm đậm.
11. (Nên nhớ rằng, ngài làm vua) được mọi người kính trọng uy nghi của ngài.
12. Và hễ mạng trời đã đi thì không trở lại (mong Vua hiểu biết như thế để cải hoá)

Dịch thơ

Những người kính cẩn thông minh.

Rượu vào hoà nhã thắng mình uy nghi.

Người kia u ám mê si

Say ngày càng nặng lì bì chẳng thôi.

Uy nghi được kính mọi người.

Chẳng hẽ trở lại mệnh trời đã đi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 齊 澄, kính. 聖 神, thông minh. 克 khắc, thắng, hơn. 富 福, như. 甚 深, rất. 又 dịch, lại trở lại.

Nói người kính cẩn thông minh tuy say cũng ôn hoà cung kính giữ gìn để thắng mình, gọi là không bị rượu làm khốn đốn. Còn người kia u ám không hiểu gì, cứ khuyên chú vào việc say sưa ngày càng đậm. Cho nên nói mọi người đều kính cẩn uy nghi của ngài (Vua). Mạng trời đã đi thì không

trở lại, không thể nào không lo sợ được. Lúc ấy Vua đã mất hết đức hạnh vì rượu, kẻ bê tông lôi cải hoá Vua, người em lấy cớ ấy mà khuyên răn anh theo lời giải thuyết ở chương đầu.

CHƯƠNG III

中原有菽

13. Trung nguyên hữu thúc,

庶民采之

14. Thủ dân thái chi.

螟蛉有子

15. Minh minh hữu tử,

蜾蠃負之

16. Quả loã phụ chi.

敬誨爾子

17. Giáo hối nhī tử,

式谷似之

18. Thức cốc tự chi.

Dịch nghĩa

13. Trong đồng bằng có cây đậu,

14. Thị dân chúng hái lấy.

15. Sâu minh linh có con,

16. Tò vò bắt sâu minh linh con ấy,

17. Hãy dạy dỗ con của ngài,

18. Dùng việc lành mà dạy dỗ thì đứa con ấy sẽ giống theo.

Dịch thơ

Có cây đậu giữa đồng bằng

Nhân dân đến hái mà ăn thích tình.

Có con nhỏ sâu minh linh,

*Tò vò đến bắt mà giành đem nuôi.
Con ngài, lo dạy đi thôi,
Việc lành đem dạy, trẻ thời giống theo.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 中原 trung nguyên tức nguyên trung, ở trong đồng bằng. 植物 thực, cây đậu, đại đậu. 蝶蛉 minh linh, con sâu nhỏ màu xanh ở trên cây dâu giống như con sâu do. 螟蠃 quả lõa, con ong đất, giống như con ong mà lưng nhỏ, con tò vò. Con tò vò bắt con sâu xanh ở cây dâu, đem về để vào lỗ cây, bảy ngày thì biến ra con của nó. 種子 thức, dùng. 穀 cốc, tốt lành.

Trong đồng bằng có cây đậu thì người dân hái lấy, để khởi hứng rằng người có đạo lý tốt lành thì đậu đâu đâu đều có thể dùng được cả. Sâu minh linh (sâu xanh trên cây dâu) có con, thì tò vò bắt minh linh con ấy để biến thành con tò vò, để khởi hứng rằng kẻ không giống mình có thể giáo hoá để trở thành giống mình. Hãy dạy dỗ con của ngài, dùng việc lành mà cải hoá giống theo, thi phải lăm, thi hay lăm, thi giống lăm. Đó là diễn tả cho hết ý khởi hứng của hai câu 11 và 12 ở chương II mà nói để khuyên răn chẳng những chỉ riêng lo cho bản thân mình cho trọn lành mà thôi, lại còn phải dạy dỗ con của mình, khiến nó làm lành nữa.

CHƯƠNG IV

題彼脊令

19. Đệ bỉ tích linh

載飛載鳴

20. Tái phi tái minh

我日斯邁

21. Ngã nhật tư mại,

而月斯征	22. Nhi nguyệt tư chinh.
夙興夜寐	23. Túc hưng dạ my,
毋忝爾所生	24. Võ thiếm nhĩ sở sinh.

Dịch nghĩa

19. Xem con chim tích linh kia
 20. Vừa bay vừa kêu,
 21. Ta thì ngày phải đi xa.
 22. Em thì tháng cũng phải đi xa nữa,
 23. Sớm thì dậy, đêm thì ngủ.
 24. Em chớ làm điều gì nhục nhã đến cha mẹ đã sinh ra em.

Dịch thơ

*Tích linh họ hãy nhìn theo,
 Nó vừa bay liêng vừa kêu vui hoà.
 Ta thì ngày phải đi xa,
 Em thì tháng cũng đi ra dặm dài.
 Tôi thì ngủ, sáng dậy ngay,
 Chớ làm cha mẹ nhục lây vì mình.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 题 美, xem. 脊 令 *tích linh* tích linh bay thì kêu, đi thì lắt. 戴 *tái*, thì. 而 *nhi*, mày. 毋 *thiếm*, nhục.

Xem chim tích linh kia vừa bay vừa kêu. Ta thì ngày phải đi xa, em thì tháng phải đi nữa. Nói mỗi người đều phải gắng sức vào trách vụ của mình, không thể nhàn dật ở không mà mang hoạ. sợ e không kịp tiếp cứu lẫn nhau. Sớm thì dậy, tối thì ngủ mỗi người đều mong không có điều gì nhục nhã đến cha mẹ mà thôi.

CHƯƠNG V

交交桑扈

25. Giao giao tang hộ

率場啄粟

26. Suất trường trác túc.

哀我填寡

27. Ai ngã diên quá,

宜岸宜獄

28. Nghi nạn, nghi ngục.

握粟出卜

29. Ác túc xuất bốc,

自何能谷

30. Tự hà năng cốc

Dịch nghĩa

25. Chim tang hộ bay qua bay lại.

26. (Không có thịt để ăn nữa) phải ra khoảng đất trống mổ lúa mà ăn.

27. Thương xót ta đã bệnh tật lại lè loè,

28. Mà đã phải bị giam hãm vào tù ngục.

29. Ta nấm lấy mổ lúa ra bói xem (đời sống có tốt lành hơn không).

30. Thì thấy rằng: Làm sao mà tự tốt lành được (vì chính trị quá bạo ngược)?

Dịch thơ

*Lướt bay tang hở lại qua
 Lúa nơi khoảng trống đến mà mồ ăn.
 Thương ta bình tật cô đơn
 Mà còn mắc phải nguy nan ngục hình.
 Ta cầm mớ lúa bói mình:
 Làm sao mà tự tốt lành được cho?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 父父 *giao giao*, dâng qua lại. 桑扈 *tang hở*, chim tang hở, cũng gọi là chim thiết chi, tục gọi là chim thanh chuỷ, ăn thịt chó không ăn lúa. 岸 diên đồng với 獄 diên, bình. 岸 *ngạn* cũng là 獄 *ngục*, nhà ngục, nhà tù. *Hàn thi* viết 狹 *ngạn*. Nhà giam ở làng áp gọi *ngạn*, ở triều đình gọi *ngục*.

Chim tang hở không ăn lúa mà nay phải ra khoảng đất trống mồ lúa ăn. Những kẻ bình tật, cô đơn không nên bị giam bị giữ, mà nay đã bị giam giữ. Nói vua không thương xót kẻ cô đơn lẻ loi không vợ không chồng, lại thích hâm hại những kẻ lẻ loi ấy vào hình án. Nhưng không thể không tự tìm con đường tốt lành hơn để sống, mới nắm mớ lúa ra bói xem. Nói rằng: Làm sao có thể tốt lành được (để sống)? Nói nắm mớ lúa là để thấy rất nghèo khổ.

CHƯƠNG VI

溫溫恭人
如集于木

31. Ôn ôn cung nhân
32. Như tập vu mộc.

惴惴小心	33. Chué chué tiếu tâm
如臨于谷	34. Như lâm vu cốc.
戰戰兢兢	35. Chiến chiến căng căng.
如履薄冰	36. Như lý bạc băng.

Dịch nghĩa

31. Người cung kính dịu hòa,
 32. Cũng như đứng chơi với trên cây cao.
 33. Phải lo sợ cẩn thận
 34. Cũng như đến bên hang sâu.
 35. Phải lo sợ cẩn thận,
 36. Cũng như đi trên giá mỏng (sợ bị tan sụp mà chìm
 hâm).

Dịch thơ

Dịu hòa cung kính hời người!

Trên cây như đứng giữa vời trong không.

Phải lo cẩn thận lấy lòng

Như bên vực thẳm, đê phòng kèo sa,

Phải lo sợ giữ lấy ta,

Như trên giá mỏng bước qua e dè.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 溫溫 ôn ôn, dáng dịu hoà.
 如集于木 như tập vu mộc, như đậu trên cây, sợ bị té xuống.

如臨于谷 *nư̄ lām vu cốc*, như đến bên hang, sợ bị rớt xuống.

Chú giải của Dịch giả

Mao thi: Đời suy loạn, hiền nhân quân tử tuy vô tội cũng phải kinh sợ tai hoạ đến thình lình.

Thiên Tiểu uyển có 6 chương, mỗi chương 6 câu.

Lời văn của thơ này rõ ràng vô cùng, mà tình ý rất thâm thiết. Người làm thơ kể sự việc ra đây át muốn làm lời châm biếm vua, cho nên lời nói xuyên tạc vụn vặt rất vô lý. Nay đều sửa đổi chính định lại, độc giả hãy rõ.

BÀI THÚ 203

CHƯƠNG I

- | | |
|------|-------------------------|
| 小弁 | Tiểu biền. (Tiểu mân 3) |
| 弁彼鶯斯 | 1. Biền bỉ oanh tư |
| 歸飛提提 | 2. Quy phi thi thi. |
| 民莫不谷 | 3. Dân mạc bất cốc, |
| 我獨于罹 | 4. Ngā độc vu ly. |
| 何辜于天 | 5. Hà cô vu thiên? |
| 我罪伊何 | 6. Ngā tội y hà? |
| 心之憂矣 | 7. Tâm chi ưu hī |
| 雲如之何 | 8. Vân như chi hà? |

Dịch nghĩa

1. Con quạ kia vỗ cánh,
2. Bay thành bầy trở về an nhàn.
- 3 Người dân không ai là không yên lành,
4. Riêng một mình ta ưu sầu.
5. Ta có tội gì với Trời?
6. Tội của ta là tội gì?
7. Lòng ta ưu sầu
8. Biết than thở nói làm sao?

Dịch thơ

Quạ kia tung cánh lướt bay

Trở về kết tập thành bầy thành thơi,

Dân không ai chẳng yên nơi,

Riêng mình ta phải bồi hồi sầu bi.

Với Trời ta có tội gì?

Rằng ta phạm đến tội chỉ đây mà?

Ưu sầu đau đớn lòng ta,

Biết than thở với nói ra thế nào?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 飾 bàn, dáng chim bay vỗ cánh. 飽 dự một loại quạ, nhỏ mà kết thành nhiều bầy, dưới bụng màu trắng, miền Giang Đông gọi là chim áp ô. 斯 tư (đọc ty cho hợp vận), tiếng đậm. 提提 thi thi, dáng bay thành bầy an nhàn. 穀 cốc, lành tốt. 罹 ly, ưu sầu.

Theo thuyết xưa ở sách Mao thi, thái tử Nghi Cửu, con của U vương bị phế mà làm bài thơ này. Nói con quạ kia vỗ

cánh lướt bay trở về thành bầy rất an nhàn. Người dân không ai là không yên ổn tốt lành, mà chỉ một mình ta ưu sầu, thì cũng không bằng con quạ ấy. Ta đã phạm tội gì với trời, tội của ta là tội gì? Tuy oán hận mà vẫn nhớ thương.

Vua Thuấn gào khóc với Trời rằng: Cha mẹ chẳng thương ta. Ta có tội tình gì phải đến như thế vậy thay? Thị những lời than thở ở trên cũng giống như thế.

心之憂矣 *tâm chí ưu hī*, lòng ta lo buồn. 云如之何 *vân như chí hà?* Còn biết than thở nói làm sao nữa? Đó là lời than khi biết chẳng thể làm sao được, dành phải an phận.

CHƯƠNG II

跋跋周道

9. **Địch địch chu đạo**

鞠爲茂草

10. **Cúc vi mậu thảo**

我心憂傷

11. **Ngã tâm ưu thương**

怒焉如撻

12. **Nịnh yên nhus dào**

假寐永歎

13. **Giả my vĩnh thán**

維憂用老

14. **Duy ưu dụng lão**

心之憂矣

15. **Tâm chí ưu hī**

疢如疾首

16. **Sán nhu tật thủ.**

Dịch nghĩa

9. Con đường to bằng phẳng dễ dàng,

10. Bị cùng lấp vì cỏ mọc rườm rà.

11. Lòng ta ưu sầu đau đớn

12. Khi tưởng nhớ đến như bị đâm bị giā.
13. Ta không thay áo không cởi māo nǎm ngủ cứ thở than māi
14. Chỉ sâu buồn mà hóa ra già.
15. Lòng ta ưu sầu
16. Đau đớn như bị chứng nhức đầu vậy.

Dịch thơ

Đường to bằng phẳng dẽ dàng
Cố lên rậm rạp lấp ngang khắp rồi,
Lòng ta đau đớn bồi hồi
Như đâm như giā, nhớ thời xót thay!
Nǎm nguyên áo māo than dài,
Sâu buồn đến nỗi biến ngay ra già.
Tắc lòng sâu khổ xót xa
Đớn đau như thể sinh ra nhức đầu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 蹤蹤 *dịch* *dịch*, bằng phẳng dẽ đi. 周道 *chu* *đạo*, đường to. 鞠 *cúc*, cùng tận. 憎 *ninh*, tưởng nhớ. 撃 *đào* (đọc *đầu* cho hợp vận), giā gạo. 假寐 *giả* *mý*, nằm ngủ mà không cởi áo cởi māo. 戾 *sán*, bình tật.

Con đường to bằng phẳng dẽ dàng sắp bị lấp cùng vì cỏ mọc rườm rà. Lòng ta ưu sầu đau đớn, khi tưởng nhớ đến như bị đâm giā. Tinh thần mờ ám cho đến cứ không thay áo cởi māo nằm ngủ mà cũng không quên than thở māi vì lòng buồn quá sâu sắc. Cho nên chưa già mà đã ra già, đau đớn

như bị chứng nhức đầu thì nỗi sầu buồn càng nặng nề hơn nữa.

CHƯƠNG II

維桑與梓	17. Duy tang dữ tử
必恭敬止	18. Tất cung kính chi.
靡瞻匪父	19. Mỵ chiêm phi phu.
靡依匪母	20. Mỵ y phi маш.
不屬於毛	21. Bất chúc vu mao?
不罹于裏	22. Bất lê vu lý?
天之生我	23. Thiên chi sinh ngā,
我辰安在	24. Ngā thời an tại?

Dịch nghĩa

17. Chỉ có cây dâu và cây thị do cha mẹ trồng
18. Là ta ấy phải cung kính
19. Chẳng nương trông trông vào người chẳng phải cha mình.
20. Chẳng nương tựa vào người chẳng phải mẹ mình.
21. (Nhưng cha mẹ đã chẳng thương ta) thì ta lại chẳng phải liên thuộc vào mẩy lông dư khí của cha mẹ hay sao?
22. Và ta lại chẳng phải nằm vào lòng dạ của cha mẹ mà sinh ra hay sao?
23. Trời sinh ta ra
24. Mà cái thời tốt lành của ta đâu?

Dịch thơ

Thị, dâu cha mẹ trồng lên,
Tất nhiên yêu kính ta nên dốc lòng.
Không là cha, chẳng ngưỡng trông.
Không là mẹ ruột chẳng mong tựa vào.
Mày lông chẳng thuộc hay sao?
Há lòng mẹ chẳng nằm vào sinh ra?
Ông Trời đã trót sinh ta,
Thời ta tốt đẹp nay là ở đâu?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 桑梓 tang tử (đọc tỳ cho hợp vận), cây dâu và cây thị. Ngày xưa ở khu đất năm mẫu để làm nhà cây dâu cây thị được trồng ở dưới tường dành truyền cho con cháu để có lá dâu mà nuôi tằm, có gỗ thị mà làm vật dụng. 瞻 chiêm, tôn kính mà chiêm ngưỡng. 依 y, thân mến mà dựa vào. 屬 chúc, liên thuộc vào. 毛 mao, lông tóc là cái khí thừa liên thuộc vào thân thể. 離 lệc, mắc vào. 裹 lý, bụng dạ. 辰 thời như 時 thi, thời buổi, lúc.

Nói cây dâu cây thị của cha mẹ trồng, ta ắt vẫn phải thêm lòng cung kính. Huống chi cha mẹ là bức cao cả nhất, thân thiết nhất, chẳng ai lại chẳng ngưỡng trông tựa vào. Nhưng cha mẹ lại không thương ta, ta há lại chẳng phải liên thuộc vào mảy lông dư khí của cha mẹ hay sao? Há lại ta chẳng nằm vào trong bụng dạ của cha mẹ mà sinh ra hay sao?

Không có ai đẻ đổ tội thì đổ tội cho Trời mà nói rằng: Há
lại ta sinh vào thời chẳng lành chẳng? Sao lại chẳng lành
như thế?

CHƯƠNG IV

菀彼柳斯	25. Uất bỉ liêu tư
鳴蜩嚙嚙	26. Minh diều huệ huệ.
有漼者淵	27. Hữu thôi giả uyên
萑葦淠淠	28. Hoàn vi tợ tợ.
譬彼舟流	29. Tỷ bỉ chu lưu
不知所届	30. Bất tri sở giới.
心之憂矣	31. Tâm chi ưu hĩ
不遑假寐	32. Bất hoàng giả my.

Dịch nghĩa

25. Cây liêu kia, um tùm tươi tốt,
26. Thì có con ve đậu vào kêu ra rả.
27. Cái vực sâu thẳm
28. Thì có cây vi lau mọc lên rườm rà.
29. (Ta bị cha mẹ đuổi bỏ, không được tựa nương) tỷ
như chiếc thuyền trôi linh đình.
30. Không biết phiêu bạc đến nơi nào.
31. Cho nên lòng ta ưu sầu
32. Không còn rảnh rang nằm ngủ để luôn cả áo mao
nữa.

Dịch thơ

*Liễu kia rập rập tươi xanh,
Ve kêu ra rả trên cành thanh tao.*

*Có kia một cái vực sâu.
Rudem rà mọc khắp vi lau xanh rì.*

*Ta như thuyền nọ trôi đi.
Biết là phiêu bạt lưu ly chốn nào?*

*Lòng ta bức rứt sâu đau,
Ngủ nguyên áo mao rảnh đâu nữa mà?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 苑 uất, dáng rudem rà xum xuê. 蝴蝶 diều con ve. 噘嗟 huệ huệ, tiếng kêu. 淚 thôi, dáng sâu. 涕泗 tý tý, đông nhiều. 函 giới, đến. 遑 hoảng, rảnh rang.

Cây liễu kia xum xuê thì có con ve kêu ra rả, có cái vực sâu thì cây vi lau mọc lên um tùm (nói con ve phải nương vào cây liễu mà sống, cây vi lau phải tựa vào vực sâu mà mọc). Nay chỉ riêng ta bị đuổi bỏ (không được nương tựa vào cha mẹ) như chiếc thuyền trôi trên dòng nước, không biết sẽ phiêu bạt đến nơi nào. Cho nên ta ưu sầu thảm thiết. Khi xưa ta còn để nguyên áo mao mà ngủ chớ nay thì ta không còn rảnh rang để ngủ như thế nữa.

CHƯƠNG V

鹿斯之奔

33. Lộc tư chí bôn,

維足伎伎	34. Duy túc kỳ kỳ.
雉之朝 雉	35. Trī chì triêu cầu
尚求其雌	36. Thượng cầu kỳ thư.
譬彼壞木	37. Tí bì hối mộc
疾用無枝	38. Tất dụng vô chi.
心之憂矣	39. Tâm chi ưu hĩ
寧莫之知	40. Ninh mạc chí tri.

Dịch nghĩa

33. Con hươu rong chạy.
 34. Chân đều đều thư thả để đợi bầy.
 35. Con trĩ buổi sáng kêu lên
 36. Còn biết tìm chim trĩ mái.
 37. (Riêng ta bị đuỗi bỏ) tỳ như thân cây bị thương bị
 bình kia.
 38. Đau đớn tiêu tuy không nhành.
 39. Cho nên lòng ta ưu sầu.
 40. Mà sao chẳng ai hiểu biết?

Dịch thơ

Con hươu nó đã chạy rong.

Chân đều đều tiến thung dung đợi bầy.

Trĩ kêu trong buổi sáng ngày

Để tìm trĩ mái sum vầy cùng nhau.

*Ta như cây bị thương đau,
Không cành, bệnh tật héo xác xót thay!
Lòng ta sâu nỗi ưu hoài
Sao mà chẳng có một ai hiểu lòng?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng, 伎伎kỳ, dáng thư thả, dáng phải mau gấp mà lại thư thả để chờ đợi bầy. 雉cǎu, chim trĩ kêu. 壞hōi, bị thương bị binh. 寧ninh như 何hà, sao?

Con hươu rong chạy, chân thư thả không gấp rút, con chim trĩ buỗi sáng kêu lên cũng biết tìm bạn lứa của nó. Nay ta riêng một mình bị đuổi bỏ, như thân cây bị bệnh bị thương, tiêu tuy không cành, cho nên ta buồn đau mà không ai hiểu biết.

CHƯƠNG VI

相彼投冤

41. Tương bỉ đầu thổ,

尚或先之

42. Thượng hoặc tiên chi.

行有死人

43. Hành hữu tửu nhân,

尚或墐之

44. Thượng hoặc cận chi.

君子秉心

45. Quân tử bình tâm

維其忍之

46. Duy kỳ nhẫn chi.

心之憂矣

47. Dân chi ưu hĩ,

涕既隕之

48. Thế ký vẫn chi.

Dịch nghĩa

41. Xem con thỏ bị đuổi chạy kia,
42. Còn có người liền giải thoát cứu nó.
43. Trên đường có người chết,
44. Còn có kẻ chôn cất cho.
45. Vua cha (quân tử) giữ lòng
46. Nỡ dành nhẫn tâm.
47. Cho nên lòng ta đau buồn,
48. Nước mắt nước mũi rơi lá tả.

Dịch thơ

*Thỏ kia đuổi chạy hây trông,
Có người cứu thoát khỏi vòng nguy nan.
Có thây chết ở bên đàng.
Được người chôn cất đàng hoàng lo xong.
Vua cha người đã cầm lòng,
Nhẫn tâm người nỡ chẳng cùng đoái thương.
Lòng ta sâu nǎo thê lương,
Lệ và nước dãi đã tuôn dầm dề.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 相 *tương*, xem. 投 *đầu*, chạy. 行 *hành*, đường đi. 犁 *cán*, chôn. 秉 *bình*, cầm nắm. 隕 *vắn*, rơi.

Xem con thỏ bị người ta đuổi chạy kia, còn có người thương xót cảnh cùng bách liền giải thoát cứu cho. Trên đường có người chết, còn có kẻ thương xót cảnh thi hài bộc lộ chôn cất cho. Đó đều là lòng chẳng nỡ. Nay vua tin lời sám

táu đuổi bỏ con đi. Đứa con ấy thường xem chǎng bằng con thỏ bị đuổi và người chết ngoài đường kia đây. Thì vua cha đã giữ lòng quá bát nhẫn, cho nên lòng ta đau buồn mà lệ rơi tầm tã.

CHƯƠNG VII

君子信讒	49. Quân tử tín sàm
如或酬之	50. Như hoặc thù chi.
君子不惠	51. Quân tử bất huệ,
不舒究之	52. Bất thư cứu chi.
伐木掎矣	53. Phạt mộc kỷ hī.
析薪柂矣	54. Tích tân xỉ hī.
舍彼有罪	55. Xả bỉ hữu tội,
予之佗矣	56. Dư chi thoá hī.

Dịch nghĩa

49. Vua tin lời sàm nịnh
50. Như có kẻ rót rượu mời thì Vua uống ngay (không cần xem xét ngon dở).
51. Vua đã chǎng thương đến ta,
52. Chǎng chịu thư thả xem xét những lời sàm nịnh hại ta.
53. Người đốn cây còn biết kê cái ngọn (cho thân cây hạ xuống từ từ).
54. Người chẻ củi còn biết theo sớ gỗ mà bửa.

55. Vua tha cho kẻ có tội kia.

56. Rồi lại giao tội vào ta.

Dịch thơ

Lời sàm Vua đã tin rồi

Như vừa trao rượu, Vua thời uống ngay,

Vua không tưởng đến thân này

Chẳng thèm xem xét dõi ngay thế nào.

Đốn cây kê ngọn lên cao

Củi thì theo sớ bửa vào tách ra

Kẻ kia có tội Vua tha,

Lại thêm trọng tội vào ta thế này.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú mà hưng 酣 thư (đọc *thu* cho hợp vận), báo đáp. 惠 huệ, thương. 爾 thư, hoan chậm. 究 cứu, xét掎 kỷ (đọc *ca* cho hợp vận) kê lên, lấy đồ kê cái ngọn 析 xi (đọc *tha* cho hợp vận), xuôi theo sớ gỗ. 伐 thoá (đọc *tha* cho hợp vận) thêm vào.

Nói Vua chỉ nghe lời sàm nịnh, như hễ được chén rượu người rót mời, liền nhận mà uống ngay, vẫn không thêm lòng thương yêu ta để thư thả xem xét những lời sàm nịnh hại ta ấy. Ôi! Nếu thư thả xem xét đến thì sẽ nhận được ngay tình ý của kẻ sàm nịnh.

Người đốn cây còn lấy đồ kê cái ngọn cho thân cây lắn lắn ngả xuống. Người chẻ củi còn biết theo sớ gỗ mà bửa, đều không chẻ đốn càn.

Nay vua tha cho kẻ có tội sàm nịnh kia rồi gia tội vào ta
chẳng tội tình gì, thật là không bằng người đốn cây chẻ củi
vậy. Vì đó mà khởi hứng.

CHƯƠNG VIII

莫高匪山

57. Mạc cao phi san

莫浚匪泉

58. Mạc tuân phi tuyễn.

君子無易由言

59. Quân tử vô dí do ngôn,

耳屬於垣

50. Nhĩ chức vu viên.

無逝我梁

61. Vô thệ ngã lương.

無發我笱

62. Vô phát ngã câu

我躬不閱

63. Ngã cung bất duyệt

遑恤我後

64. Hoàng tuát ngã hậu.

Dịch nghĩa

57. Không có gì cao nếu chẳng phải là núi.

58. Không có gì sâu nếu chẳng phải là suối.

59. Vua chớ dẽ nghe lời sàm nịnh.

60. Vì có kẻ kề tai bên vách mà nghe.

61. Chớ đi trên đập đá của ta

62. Chớ mở cái đó của ta mà lấy cá.

63. Thân của ta còn không được dung

64. Thì còn rảnh rang chi để thương xót cho những nỗi
sau này của ta nữa.

Dịch thơ

*Không là núi, chẳng gì cao,
Nếu không phải suối gì sâu cho bằng,
Vua đừng nghe tiếng nịnh xằng.
Người nghe bên vách vốn hăng kè tai.
Chớ đi trên đập ta này,
Đó ta bắt cá chớ rày mở tung.
Thân ta còn chẳng được dung.
Nỗi sau đâu rảnh mà hòng xót thương.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú mà tỳ

Núi thì tột cao, mà cũng có kẻ trèo lên trên đỉnh.

Suối thì tột sâu, mà cũng có kẻ lặn vào tận đáy. Cho nên Vua không thể dễ nghe lời kẻ sàm nịnh, vì sợ rằng có người kẽ tai bến vách mà nghe, có người dòm ngó kẻ tả hữu mà sinh ra lời sàm nịnh gièm pha.

Nhưng rốt cuộc vua U vương đem nàng Bao Tự làm hoàng hậu, đem Bá Phục làm thái tử. Cho nên mới báo cho biết rằng. Chớ đi trên cái đập bắt cá của ta. Chớ mở cái đó của ta. Nhưng chính thân ta còn không được dung thay, thì còn rảnh rang chi mà thương xót cho những nỗi sau này của ta nữa! Đó là lời thuộc tỳ.

Lữ thị ở Đông Lai nói rằng: Đường Đức tông sắp phế Thái tử để lập Thư vương. Lý Bí can ngăn lại nói rằng: Mong Bệ hạ trả về cung, chớ để lộ cái ý ấy ra. Kẻ tả hữu nghe được sẽ lập công với Thư vương, thì Thái tử sẽ nguy mất.

Chính đó là nói vua chờ để nghe lời, có kẻ kề tai bên vách để nghe.

Thơ *Tiểu bàn* được làm ra khi Thái tử Nghi Cửu đã bị phế mà nói ra như thế. Vì là suy tim cái nguyên do đã sinh ra biến loạn mà lời nói có thứ bực.

Thiên Tiểu bàn có 8 chương, mỗi chương 8 câu.

U vương cưới vợ ở nước Thân, sinh ra Thái tử Nghi Cửu, về sau vua được nàng Bao Tự và bị mê hoặc, sinh ra Bá Phục. U vương nghe lời sàm nịnh của Bao Tự truất phế Hoàng hậu họ Thân và và đuổi Thái tử Nghi Cửu. Cho nên Nghi Cửu làm bài thơ này để tự oán hận.

Bài tự ở sách *Mao thi* cho là thầy dạy học của Thái tử Nghi Cửu thuật lại tâm tình của Thái tử mà làm bài thơ này, thì không biết căn cứ vào đâu.

Lời giải thích ở sách *Mao thi* chép rằng; Cao tử nói: Thiên *Tiểu bàn* là thơ của đứa tiểu nhân. Mạnh tử nói: Tại sao lại nói như thế? Đáp: Vì oán hận cha mẹ. Mạnh tử nói: Cố chấp thay lão Cao tử về kinh *Thi*! Tỷ như có một người ở tại đây bị người nước Việt giương cung bắn, thì ta chỉ nói cười mà khuyên ngăn. Chẳng có gì lạ, chỉ vì tình xa lạ giữa ta và người nước Việt ấy. Còn như anh mình giương cung sắp bắn người ấy, thì ta phải rơi lệ khóc ngăn. Chẳng có gì lạ, chỉ vì tình thân thích giữa ta và anh ta.

Lời oán hận cha mẹ trong thiên *Tiểu bàn* là tình thân yêu cha mẹ.

Thân yêu cha mẹ tức là lòng nhân. Cố chấp thay sự giải nghĩa kinh *Thi* của Cao tử!

Lại hỏi: Còn thiên *Khai phong* (bài thứ 32, Bội phong 7) sao chẳng có lời oán hận cha mẹ! Mạnh tử đáp: Thiên *Khai phong* nói về cái lỗi nhỏ của cha mẹ. Còn thiên *Tiểu bàn* nói về cái lỗi to của cha mẹ. Đối với cái lỗi to của cha mẹ, mình không oán hận, tức là mình coi cha mẹ lợt lạt như người dung. Đối với cái lỗi nhỏ của cha mẹ, mình lại oán hận, tức là mình không dồn cơn nóng giận nhỏ nhen. Coi cha mẹ lợt lạt

hơn người dưng là bất hiếu. Không dần cơn nóng giận nhỏ nhen cũng là bất hiếu.

Khổng tử nói rằng: Ông Thuần là người rất có hiếu, đến tuổi năm mươi mà còn quyến luyến cha mẹ. (*Manh tử*, Cao tử chương cú hạ).

BÀI THÚ 204

CHƯƠNG I

巧言

Xảo ngôn (Tiểu mãn 4)

悠悠昊天

1. Du du hạo thiên

曰父母且

2. Viết phụ mẫu thư.

無罪無辜

3. Vô tội vô cô

亂如此撫

4. Loạn như thử vũ.

昊天已威

5. Hạo thiên dī uy,

予慎無罪

6. Dư thận vô tội.

昊天泰撫

7. Hạo thiên thái vũ

予慎無辜

8. Dư thận vô cô.

Dịch nghĩa

1. Trời xa vời to rộng
2. Gọi là cha mẹ của loài người.
3. Loài người vô tội
4. Lại gấp phải loạn lạc to tát như thế.

5. Trời rất uy nghiêm.
6. Mà ta xét lấy ta thì vô tội.
7. Trời rất to lớn,
8. Mà ta xét lấy ta thì vô tội (mong Trời đừng gieo hoạ cho kẻ vô tội).

Dịch thơ

Trời kia to rộng xa vời

Gọi là cha mẹ loài người trân gian.

Loài người vô tội vô can

Gặp con đại biền nguy nàn khổ đau.

Uy nghiêm Trời đáng tối cao,

Xét thì ta chẳng tội nào mảy may.

Ông Trời to lớn lắm thay!

Xét thì vô tội ta đây rõ ràng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 悠悠 *du du*, dáng xa vời to lớn. 且 *thư*, tiếng đệm. 憚 *hô* to 已 *dī*, 泰 *thái*, đều có nghĩa là rất. 慎 *thận*, thâm xét.

Quan đại phu bị hại vì những lời sàm nịnh, mà không có chỗ nào kêu gào được, mới bày tỏ cùng Trời rằng: Trời to rộng xa vời kia là cha mẹ của loài người, sao lại khiến người vô tội phải gặp biền cố lớn lao như thế? Cái oan của Trời rất lớn lao, mà ta xét lấy ta thì ta vô tội. Cái oai của Trời rất to tát, mà ta xét lấy ta thì vô tội (mong Trời đừng gieo tai hoạ xuống cho kẻ vô tội). Đó là lời bày tỏ cùng Trời để mong được miễn những tai hoạ.

CHƯƠNG II

亂之初生

9. Loạn chi sơ sinh

僭始既涵

10. Tiếm thuỷ ký hàm.

亂之又生

11. Loạn chi hựu sinh

君子信讒

12. Quân tử tín sàm.

君子如怒

13. Quân tử như nộ

亂庶遄沮

14. Loạn thứ thuyên tử.

君子如祉

15. Quân tử như sī

亂庶遄已

16. Loạn thứ thuyên dī.

Dịch nghĩa

9. Biến loạn lúc mới sinh ra

10. Chỉ vì những mối không đáng tin đã được vua chúa chấp.

11. Biến loạn lại phát sinh ra.

12. Chỉ vì vua tin dùng đứa sàm nịnh.

13. Nếu như vua nổi giận (trách phạt đứa sàm nịnh)

14. Thì biến loạn hy vọng sẽ được dứt ngay.

15. Nếu vua vui vẻ (thâu dụng người tài)

16. Thì biến loạn hy vọng sẽ được dứt hẳn.

Dịch thơ

Cơn nguy loạn mới phát sinh

Vì vua chúa mối khó tin đầy đầy.

Cơn nguy loạn lại phát ngay

Vì rằng sàm nịnh vua hay tin đúng.

Đứa gian vua giận đúng đúng

Thì cơn biến loạn mới hòng dứt ngay.

Nếu Vua vui nhận hiền tài

Thì cơn biến loạn mong ngày được yên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 僚始 tiếm thuỷ, đầu mối của sự không tin. 涵 hàm, dung chứa. 君子 quân tử, chỉ vua 遙 thuyền, mau gấp. 況 tử, dừng. 社 si như 喜 hỉ, vui.

Nói loạn lạc sở dĩ sinh ra do người sàm nịnh đem lời không thể tin được chen vào, lại được vua nghe theo mà không xem xét là chân chính hay ngụy trá. Loạn lạc sở dĩ lại sinh ra vì vua đã nghe lời sàm nịnh rồi lại còn trọng dụng đứa sàm nịnh ấy nữa.

Nếu vua nhận thấy được lời của kẻ sàm nịnh mà nổi giận trách phạt, thì loạn biến sẽ hy vọng được dứt ngay.

Nếu vua nhận thấy được lời của người hiền tài mà vui vẻ thâu nạp, thì loạn biến sẽ hy vọng được dứt ngay.

Nay vua cứ chứa chấp mà không quyết đoán, cứ tin theo lời sàm nịnh mà không phân biệt, thì đứa sàm nịnh được thắng thế, mà người quân tử càng yếu suy.

Tô thị nói rằng: Đứa tiểu nhân làm điều sàm nịnh ở bên vua, ắt theo đường lối lần lần xâm nhập vào. Mới bắt đầu tâu lời sàm nịnh để thủ xem. Nếu vua chứa chấp không cự tuyệt, thì biết lời sàm nịnh ấy không bị ghét bỏ, chúng lại tâu những lời sàm nịnh khác, hễ vua cứ tin theo mãi thì biến loạn sẽ tạo thành ngay.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|---------------------------|
| 君子屢盟 | 17. Quân tử lũ minh, |
| 亂是用長 | 18. Loạn thị dụng trưởng. |
| 君子信盜 | 19. Quân tử tín đạo, |
| 亂是用暴 | 20. Loạn thị dụng bạo. |
| 盜言孔甘 | 21. Đạo ngôn khổng cam, |
| 亂是用餒 | 22. Loạn thị dụng đàm. |
| 匪其止共 | 23. Phỉ kỳ chỉ cung, |
| 維王之邛 | 24. Duy vương chỉ cùng. |

Dịch nghĩa

17. Vua đã lầm lần uống máu thề nguyên với các nước,
18. Thị biến loạn cứ nẩy nở thêm.
19. Vua tin theo đứa tiểu nhân,
20. Thị biến loạn càng hung bạo.
21. Lời của đứa tiểu nhân rất ngọt ngào.
22. Thị biến loạn càng tiến tới,
23. Chúng chẳng làm tròn chức vụ của chúng,
24. Chúng chỉ gây tai hại cho vua.

Dịch thơ

Vua thề đã lầm lần rồi.

Thị con biến loạn đã bồi thêm ra,

Vua tin theo đứa gian ngoa,

*Thì cơn biến loạn càng là bạo hung,
Lời gian ngon ngọt vô cùng,
Thì cơn biến loạn lại đồng tiến cao.
Chẳng tròn chức vụ đã trao,
Chỉ gây tai hại dồi dào cho vua.*

Chú giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 屢 lū, nhiều lần. 盟 minh (đọc mang cho hợp vận), thề. Các nước có điều nghi kỵ nhau, thì giết sinh vật, uống máu mà thề, cáo với thần linh để bó buộc lẫn nhau tuân theo lời giao ước. 盜 đao (trộm), chỉ đưa sàm nịnh. 飲 dam, tiến tới. 爾 cùng, bình.

Nói vua không ngăn dứt biến loạn, cứ mãi thề thốt để bó buộc lẫn nhau tuân theo lời giao ước (đã thề rồi lại bội thề, phải thề lại rồi lại bội thề nữa, cứ thề đi thề lại lăm lần) cho nên biến loạn cứ nẩy nở thêm.

Vua không thể ngăn dứt lời sàm nịnh mà lại tin theo đứa tiểu nhân để làm việc tàn ngược, thì biến loạn lại càng hung bạo hơn.

Lời sàm nịnh đẹp đẽ như món ngon lạ để ăn khiến người ta ham thích mà không chán, thì biến loạn càng tiến tới nữa.

Nhưng những kẻ sàm nịnh ấy không thể làm tròn chức vụ của mình, chúng chỉ gây ra những tai hại cho vua mà thôi.

Này, thuốc hay thì đáng miệng mà có lợi cho việc trị bệnh. Lời trung trực thì trái tai nhưng có lợi cho việc làm.

Nếu chỉ nghe lời êm đẽ mà vui thích, thì nước nhà hả lại chẳng nguy hại hay sao?

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|---------------------------|
| 奕奕寢廟 | 25. Dịch dịch tẩm miếu |
| 君子作之 | 26. Quân tử tác chi. |
| 秩秩大猷 | 27. Trật trật đại du |
| 聖人莫之 | 28. Thánh nhân mạc chi. |
| 他人有心 | 29. Tha nhân hữu tâm, |
| 予忖度之 | 30. Dư thốn dộ chi. |
| 躍躍龜兔 | 31. Địch địch tàn thô |
| 遇犬獲之 | 32. Ngộ khuyên hoạch chi. |

Dịch nghĩa

25. Miếu đường toát để thờ cúng
26. Do vua làm ra
27. Đạo lý có trật tự toát
28. Do thánh nhân định ra.
29. Người khác có lòng dạ gì.
30. Ta đắn đo suy nghĩ cũng hiểu biết được.
31. Con thỏ lanh xảo tung tăng kia
32. Hê gấp chó săn thì bị bắt ngay.

Dịch thơ.

Lan lao thay những miếu từ

Vốn do vua lập để thờ bấy lâu.

Đạo thường trật tự lớn lao

Thanh hiền ché định để trau nhân nghi.

Người ta có dạ lòng già.

Đắn đo suy lượng ta thì hiểu ngay.

Thỏ tung tăng lanh xảo thay!

Gặp loài chó dữ chẳng tài thoát thân.

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc hứng mà tỳ. 奕奕 *dịch dịch*, to lớn. 秩秩 *trật trật*, thứ tự. 獄 *do* (đọc du), đạo lý. 莫 mạc, định. 躍躍 *dịch dịch*, dáng nhảy mau. 鬱 *tàn*, giảo quyết.

Miêu đường to tát thì do vua làm ra, đạo lý có trật tự thì do thánh nhân định ra, để khởi hứng rằng người ta có bụng dạ nào thì ta đắn đo nghĩ ngợi hiểu biết được.

Còn con thỏ lanh xảo tung tăng ki hẽ gặp phải chó săn thì bị bắt ngay. Đó là thuộc tỳ.

Lật qua trở lại khi thuộc hứng, khi thuộc tỳ để thấy rõ lòng của đứa sàm nịnh ta đều biết được cả, không thể giấu che tình ý gì được với ta.

CHƯƠNG V

荏染柔木

33. Nhẩm nhiễm nhu mộc

君子樹之

34. Quân tử thụ chi.

往來行言

35. Vãng lai hành ngôn

心焉數之

36. Tâm yên số chi.

蛇蛇碩言 A

37. Di di thạc ngôn

出自口矣	38. Xuất tự khẩu hī.
巧言如簧	39. Xảo ngôn như hoàng
顏之厚矣	40. Nhan chi hậu hī.

Dịch nghĩa

- 33. Những thứ cây dịu mềm
- 34. Được vua trồng để dùng.
- 35. Những lời nói của kẻ qua lại trên đường
- 36. Thị lòng ta xét rõ phân biệt phải trái được.
- 37. Những lời tốt lành nhàn nhã thư thái
- 38. Mới thốt ra từ cửa miệng mình.
- 39. Còn những lời xảo trá êm đẹp như tiếng sáo
- 40. Chỉ có kẻ mặt dày mới thốt ra mà thôi.

Dịch thơ

Dịu mềm kia những thứ cây

Được vua trồng đến vì hay dùng thường.

Lời người qua lại trên đường

Thị lòng phân biệt liệu lường gian ngay.

Những lời nhàn nhãnh lành hay

Miệng ta mới đang tò bày mà thôi.

Lời gian như sáo êm xuôi

Mặt dày những kẻ áy thời nói luôn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 在染 nhǎm nhiêm, dáng mềm dịu. 柔木 nhu mộc, cây mềm yếu, loại cây vông, cây thị có thể dùng được. 行言 hành ngôn, lời nói của người đi trên đường. 數 số, xét rõ phân biệt. 蛇蛇 di di, dáng an nhàn thư thái. 碩 thạc, to lớn, nói lời tốt lành. 颜厚 nhan hậu, người mặt dày, tham lam không biết xấu hổ. Những cây mềm dịu thì được vua trồng để dùng (xem lại thiên Đinh chi phuong trung, bài thứ 50, Dung phong 6). Những lời nói của kẻ qua lại trên đường thì lòng mình có thể xét rõ phân biệt phải hay trái. Như những lời nói tốt lành được thốt ra từ cửa miệng ta thì mới đáng. Những lời xảo trá khéo léo, êm dịu như tiếng sáo thì há lại thốt ra từ cửa miệng ta được hay sao? Nói những lời xảo trá ấy chỉ đáng cho ta hổ thẹn. Nhưng mà những kẻ mặt dày kia không biết cho là hổ thẹn.

Mạnh tử nói rằng: Những người có cơ mưu quý quyết khéo léo không còn biết hổ thẹn nữa. Những kẻ như thế còn nói chi nữa ư?

CHƯƠNG VI

彼何人斯

41. Bì hà nhân tư

居河之麋

42. Cư hà chi my.

無拳無勇

43. Vô quyền vô dũng,

職爲亂階

44. Chức vi loạn giai

既微且彊

45. Ký vì thả thũng.

爾勇伊何

46. Nhī dũng y hà

爲猶將多

47. Ví dụ tương đà.

爾居徒幾何

48. Nhị cư đồ kỷ hà?

Dịch nghĩa

41. Kẻ nào thế kia?
42. Bây ở chỗ ẩm thấp có nước có cỏ.
43. Chúng bây chẳng có sức mạnh gì,
44. Chỉ chuyên tạo nên những bức những nác dân đến biển loạn mà thôi.
45. Bây đã bị chứng ghẻ lở và sưng thủng ở chân.
46. Bây lấy gì mà có sức mạnh được?
47. Nhưng mưu kế sàm nịnh của bây thì to tát và nhiều.
48. Vậy bọn ở chung với bây (để giúp mưu kế cho bây) được là bao?

Dịch thơ

Bọn kia là kẻ thế nào?

Những nơi ẩm thấp lại vào ở chung.

Sức thì bây hẳn đã không.

Chuyên làm những nác tốt cùng loạn ly.

Thũng sưng ghẻ lở chân đi.

Sức kia bây đã lấy gì tạo ra?

To nhiều mưu kế gièm pha,

Bọn bây cùng ở được là bao nhiêu.

Chú giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 何人 *hà nhân*, kẻ nào? Tố cáo kẻ sàm nịnh. Kẻ sàm nịnh ấy át có tên họ để chỉ ra, nhưng mình khinh và ghét kẻ ấy cho nên làm như không biết tên họ mà nói: Kẻ nào đấy? 斯 *tư*, tiếng đệm. 隅 *my*, chỗ thấp có nước có cỏ. 拳 *quyền*, sức. 階 *giai* (độc gié) thang cấp. 微 *vi*, bị ghê lở ở bắp chuối (từ bàn chân đến đầu gối). 痛 *thūng*, bình sưng, bệnh thũng ở chân. 猶 *du* mưu kế 將 *tương*, to lớn.

Nói kẻ sàm nịnh ấy ở chỗ ẩm thấp, tuy không có sức mạnh để có thể gây ra biến loạn, nhưng cái miệng sàm nịnh của chúng chống chọi nhau chuyên làm những bức thang đan đến biến loạn. Chúng lại bị ghê lở và sưng thũng ở chân, thì chúng làm sao có sức mạnh được vậy thay?

Nhưng mưu kế sàm nịnh của chúng to tát và nhiều như thế, thì át có người giúp đỡ chúng. Nhưng bọn ở chung với chúng thì đông, được là bao nhiêu vậy thay? Ý nói cũng chẳng thể nhiều lắm.

Thiên Xảo ngôn có 6 chương, mỗi chương 8 câu.

Lấy hai chữ *Xảo ngôn* ở chương V làm tên cho thiên này.

BÀI THÚ 205

CHƯƠNG I

何人斯

Hà nhân tư (Tiểu mân 5)

彼何人斯

1. Bỉ hà nhân tư?

其心孔艱

2. Kỳ tâm khổng gian.

胡逝我梁

3. Hồ thệ ngã lương?

不入我門	4. Bất nhập ngā môn
伊誰雲從	5. Y thuỳ vân tùng
維暴之雲	6. Duy Bạo chi vân.

Dịch nghĩa

1. Kẻ nào thế kia?
2. Mà lòng rất nham hiểm.
3. Sao đi trên đập bắt cá của ta?
4. Mà không vào cửa nhà ta (để thăm ta)?
5. Là ai mà người nói đi theo?
6. Thưa rằng: Chỉ đi theo Bạo công.

Dịch thơ

Gā kia là kẻ thế nào?

Tâm lòng nham hiểm xiết bao thật là!

Sao đi trên đập của ta?

Lại không bước đến cửa nhà vào đây?

Người theo kẻ ấy là ai?

Đi theo vì ấy là ngài Bạo công.

Chú giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 何人 *hà nhān*, kẻ nào? Cũng là nói như không biết tên họ của đứa sàm nịnh vì khinh ghét. 孤 *không*, rất. 艱 *gian* (đọc *câu* cho hợp vận), gian hiểm. 我 *ngā*, ta. Thuyết xưa ở sách Mao thi cho là Tô công 暴 *Bạo*,

là Bạo công. Tô công và Bạo công đều là chư hầu ở đất kinh kỳ.

Theo thuyết xưa ở sách *Mao thi*, Bạo công làm quan khanh sĩ đã gièm pha Tô công. Cho nên Tô công làm thơ này để tuyệt giao với Bạo công, nhưng không muốn chỉ trích thẳng vào Bạo công, nên chỉ trỏ vào kẻ tùng hành (người đi theo) của Bạo công mà nói:

Kẻ nào thế kia, mà lòng rất nham hiểm, sao lại đi trên đập bắt cá của ta mà không vào cửa nhà của ta vậy?

Rồi lại hỏi kẻ tuỳ tùng thì biết đó là Bạo công. Ôi! Đã đi theo Bạo công mà không vào cửa nhà của ta, thì cái lòng gièm pha của Bạo công đã lộ rõ.

Nhưng đối với kinh *Thi*, thuyết xưa ở sách *Mao thi* không có văn kiện rõ ràng để khảo xét cả, cho nên chưa dám tin là đã hẳn như vậy.

CHƯƠNG II

二人從行

7. Nhị nhân tùng hành

誰爲此禍

8. Thuỷ vi thủ họa

胡逝我梁

9. Hồ thệ ngã lương

不入唁我

10. Bát nhập ngạn ngã.

始者不如今

11. Thủy giả bát như kim.

今雲不我可

12. Vân bát ngã khả.

Dịch nghĩa

7. Hai người theo nhau mà đi (Bạo công và kẻ tuỳ tùng)

8. Ai (trong hai người) đã gây ra tai họa ấy?

9. Sao lại đi trên đập của ta.
10. Mà chẳng vào thăm ta khi ta mất chức?
11. Thuở trước không như lúc bấy giờ.
12. Người không coi ta đáng ra gì cả (Vì đi trên đập bắt cá của ta, người lảnh mặt không vào thăm ta, ta nghi chính người đã gièm siểm ta cho nên người sinh lòng e thẹn như thế).

Dịch thơ

Hai người theo mai cùng đi

Hỏi rằng: Hoạ áy ai thì gây nên?

Đập ta sao cứ bước lên?

Chức ta đã mất, người quên thăm rồi.

Xưa kia khác hẳn đương thời.

Lành ta, người lại chẳng coi đáng gì.

Chú giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 二人 *nhi nhân*, hai người, Bạo công và người tuỳ tùng. *晤 ngan*, thăm viếng người đã mất chức vị.

Nói hai người theo nhau mà đi, không biết ai gièm siểm ta để gây ra tai hoạ khiến ta bị tội. Nhưng đã đi trên đập bắt cá của ta người lại không vào thăm viếng ta khi ta bị mất chức. Trong lúc ta với người thân mật trọng hậu với nhau thuở ban đầu, há lại người thường chẳng coi ta đáng ra gì như hôm nay vậy chăng?

CHƯƠNG III

彼何人斯	13. Bì hà nhân tư?
胡逝我陳	14. Hồ thệ ngã tràn?
我聞其聲	15. Ngā văn kỳ thanh,
不見其身	16. Bất kiến kỳ thân.
不愧于人	17. Bất quý vu nhân
不畏于天	18. Bất uý vu thiên,

Dịch nghĩa

13. Kẻ nào thế kia?
14. Sao lại đi trên đường trong ngõ của ta?
15. Ta nghe tiếng của người,
16. Mà không thấy thân thể của người.
17. Người chẳng thiện với người (vì cho người để dối gạt)
18. Và chẳng sợ Trời nữa (cho nên người mới gièm siểm mà hại ta).

Dịch thơ

Gā kia là kě th e n o ?

C o ch i b u c t o i d u ng v a o ng o ta?

Ti eng ng u i li en b i nh an ra

N u ng n a o đ u c th ay r o l a th an ng u i.

N ay d a  ch a ng th en v o i ng u i.

L a c o n ch a ng s o i ch i Tr o i m a y may

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 陳 trần, con đường từ ngõ đến
nhà.

Nghe đi trên đường trong ngõ thì lại gần hơn nữa. Nghe
tiếng mà không thấy thân thể hắn là nói tung tích quỹ quyết
bí mật của hắn.

Không thiện với người ta cho người dễ dõi gạt. Nhưng
Trời, người không thể dõi gạt được đâu, thì riêng người
chẳng sợ Trời hay sao? Nên chỉ người mới siêng gièm ta vậy.

CHƯƠNG IV

彼何人斯

19. Bỉ hà nhân tú?

其爲飄風

20. Kỳ vi phiêu phong.

胡不自北

21. Hồ bắt tự bắc?

胡不自南

22. Hồ bắt tự nam?

胡逝我梁

23. Hồ thệ ngā lương?

祗攬我心

24. Chỉ giảo ngā tâm.

Dịch nghĩa

19. Kẻ nào thế kia?

20. Mà nhanh như gió bão.

21. Sao lại chẳng đi từ phía bắc?

22. Sao lại chẳng đi từ phía nam?

23. Sao lại đi trên đập bắt cá của ta?

24. Để khiến lòng ta rối loạn nghi ngờ.

Dịch thơ

Gā kia là kè thê nào?
Tựa như gió thổi đi mau lạ lùng,
Sao từ phía bắc lại không?
Sao từ nam đến chẳng dùng mà đi?
Đập ta người bước mãi chi?
Khiến ta rối loạn hồ nghi nhọc lòng.

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 飄風 *phiêu phong* (đọc phàm cho hợp vận) gió mạnh, bão. 攬 *giǎo*, làm rối loạn.

Nói hắn qua lại rất nhanh như gió bão vậy. Từ phía bắc từ phía nam hắn lánh mặt ta, chẳng chịu cùng nhau gặp gỡ. Nay hắn lại đi trên đập bắt cá của ta là để làm rối loạn lòng ta mà thôi (để cho lòng ta phải nghi cho hắn đã gièm siểm hại ta).

CHƯƠNG V

- | | |
|------|-------------------------------|
| 爾之安行 | 25. Nhī chí an hành, |
| 亦不遑舍 | 26. Diệc bất hoàng xa. |
| 爾之亟行 | 27. Nhī chí cúc hành, |
| 遑脂爾車 | 28. Hoàng chí nhī xa? |
| 壹者之來 | 29. Nhất giả chí lai |

Dịch nghĩa

25. Người đi từ từ an nhàn,
 26. Cũng không được rảnh rang để nghỉ ngơi.
 27. Người đi gấp rút,
 28. Thì sao lại rảnh rang để vô dâu mõ vào xe người
 được?
 29. Một lần vào thăm ta,
 30. (Thì ta mãn nguyện) sao còn ngóng trông nữa được?

Dịch thơ

An nhàn chậm chậm người đi.

Thế mà không rảnh rang gì nghỉ ngơi.

Nay đi gấp rút như người.

Thì xe sao được thảm thoái vô dâu?

Một lần thăm viêng người vào,

Thì ta mãn nguyện, còn đâu trông hoài.

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 安 an, từ từ. 遑 *hoàng*, rảnh rang. 舍 *xả* (đọc *thư*) nghỉ. 眱 *cức*, gấp. 盱 *hu*, ngóng trông. Sách *Tự lâm* nói 盱 *hu* là giương mắt ra. *Kinh Dịch* nói 盱預悔 *hu* *dự hối* (trông nhìn lên sự vui chơi rồi lại ăn năn Hào lục tam quẻ Dự trong kinh *Dịch*). Bài *Tam đô phú* nói 盱衡而語 *hu hành nhi ngữ* (giương mắt trừng mà nói) là đây.

Nói người bình thường đi chậm chạp còn không có rảnh rang nghỉ ngơi, huống chi đi gấp thì sao rảnh rang được để vô dẫu mõ xe của người. Nay được vô dẫu mõ vào xe, thì người chẳng có gì gấp rút. Đó là người mượn cơ có việc đi gấp để không vào gặp ta, rõ là không phải tình thật vậy. Sao không vào thăm ta một lần và sao lại để ta trông ngóng người tha thiết vậy chớ?

CHƯƠNG VI

爾還而入

31. Nhī hoàn nhi nhập

我心易也

32. Ngā tâm dī dā.

還而不入

33. Hoàn nhi bất nhập,

否難知也

34. Phủ nan tri dā.

壹者之來

35. Nhất giả chí lai

俾我祗也

36. Tý ngā chí dā.

Dịch nghĩa

31. Nếu lúc trở về người vào thăm ta.

32. Thì lòng ta sẽ vui vẻ lên.

33. Nếu lúc trở về, người chẳng vào thăm ta,

34. Thì rất khó hiểu biết được lòng của người vậy.

35. Một lần vào thăm ta

36. Có thể khiến ta yên lòng ngay.

Dịch thơ

Lúc về nếu ghé thăm ta,

Thì lòng này sẽ đậm đà vui tươi.

Nếu về mà chẳng ghé chơi.

Ất ta khó hiểu lòng người vô ngần.

Ghé thăm ta chỉ một lần

Khiến ta có thể bởi phần yên tâm.

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 還 hoàn, trả về. 易 dì, vui. 祇 chi, yên.

Nói ngươi đi đã không vào cửa nhà ta, phỏng như lúc trở về mà vào cùng ta, thì lòng ta mong sẽ được vui vẻ lên. Nếu trả về mà ngươi không vào cùng ta, thì lòng dạ của ngươi ta không thể hiểu mà biết được. Sao lại chẳng vào thăm ta một lần để khiến lòng ta được yên vậy?

Đồng thị nói rằng: Bài thơ này đến đây thì lời văn càng hoà hoãn như không biết là đã bị gièm siểm vậy.

CHƯƠNG VII

伯氏吹壎

37. Bǎ thị xuy huân.

仲氏吹篪

38. Trọng thị xuy trì,

及爾如貫

39. Cập nhī như quán.

諒不我知

40. Lượng bất ngā tri,

出此三物

41. Xuất thử tam vật

以詛爾斯

42. Dī trả nhī tư.

Dịch nghĩa

37. Anh họ Bá thổi cái bầu.
38. Em họ Trọng thổi ống sáo.
39. Ta với ngươi liên thuộc với nhau như những vật cùng xỏ vào một xâu.
40. Nếu thật ngươi không hiểu biết ta,
41. Thì đem ba loài chó heo gà ra
42. Lấy máu uống thề để tin lòng nhau vậy.

Dịch thơ

Bầu anh họ Bá thổi vang.

Sáo em họ Trọng dịu dàng hòa nhau.

Ta, ngươi như vật một xâu.

Thật ngươi nếu chẳng hiểu sâu lòng này,

Chó heo gà bắt ra ngay.

Chúng ta uống máu nối dây cùng thề.

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 伯仲Bá, Trọng, anh em. Đều là bê tôi của vua thì cũng có nghĩa anh em với nhau. 壤huân, một nhạc khí để thổi làm bằng đất, to bằng con ngỗng, trên nhọn đáy bằng, giống như cái cân, có 6 lỗ. 篓tri, ống sáo bằng tre, dài 1 thước 4 tấc tròn 3 phân, có 7 lỗ đều nhau, và có 1 lỗ tách lên cao, đường kính rộng 3 phân, tất cả có 8 lỗ, phải thổi ngang (chớ không thổi dọc). 如貫như quán, như sợi dây xỏ xâu nhiều vật lại, nói liên thuộc nối nhau. 諒lượng, thành thật. 三物tam vật, ba loại như chó heo gà, dùng lấy máu uống thề.

Anh họ Bá thổi cái bầu, em họ Trọng thổi ống sáo, nói lòng dạ thân ái nhau cho nên tiếng nhạc thổi ra cùng ứng họa với nhau. Ta cùng với các anh em như những vật xỏ chung một xâu, há lại thật là chẳng hiểu biết ta mà còn gièm siêm ta hay sao? Nếu nói thật là chẳng hiểu biết ta, thì hãy đem ba loại chó heo gà ra lấy máu uống thề với nhau, thì nên lăm.

Chú của giải Chu Hy

Trở, thề ước, đem điều hoạ phúc bó buộc lẫn nhau để làm tin.

CHƯƠNG VIII

爲鬼爲蜮

43. Vi quý vi vực

則不可得

44. Tác bất khả đắc.

有覬面目

45. Hữu thiễn diện mục,

視人罔極

46. Thị nhân vōng cực.

作此好歌

47. Tác thử hảo ca,

以極反側

48. Dī cực phản trắc

Dịch nghĩa

43. Người là con quý con vực

44. Thị không cho người ta được thấy.

45. Người có mặt có mắt cho người ta thấy được,

46. Thị người để cho người ta gặp chờ dành vào lúc cuối cùng.

47. Ta làm bài ca tốt lành này,

48. Để cứu xét cho cùng lòng dạ bất chính của người.

Dịch thơ

Người là quỷ vực hay sao?

Cho nên chẳng để người nào được trông.

Có mày có mặt hình dung.

Chớ cho đến lúc cuối cùng gặp người.

Làm bài ca đẹp đây rồi

Để ta cứu xét lòng người điêu ngoa.

Chú giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 魔 vực, con đoán hồ (có nghĩa là cây cung ngắn. 狐 hồ là cây cung bị viết lầm ra 狐 hồ là chồn) ở vùng sông Trường Giang sông Hoài đều có, con vực ấy có thể ngâm cát phun bắn vào bóng người chiếu xuống nước, thì người ấy đau bệnh liền, và người ta không thấy hình dáng con vực ấy được. 面 thiển diện, thấy dáng mạo của người. 好 hảo, tốt lành. 反側 phản trắc, phản phúc không chính trực.

Nói người là con quỷ, là con vực cho nên không thể thấy được hình dáng người. Còn người là con người, người có mặt mày cho người ta thấy, thì người để cho người ta gặp chớ nên dành vào lúc cuối cùng. Thì há lại tâm tình của người (có gièm siểm ta hay không) rốt cuộc không thể dò xét mà hiểu biết được hay sao? Cho nên ta làm bài ca tốt lành này để cứu xét cho cùng lòng dạ bất chính của người.

Thiên Hà nhân tư có 4 chương, mỗi chương 6 câu

Bài thơ này và bài thơ trước ý văn tương tự nhau, cho nên nghi là cùng do một tay làm ra. Nhưng ở bài thơ trước

(*Xảo ngôn*) thì trước hết là châm biếm người nghe lời gièm siêm. Còn ở bài thơ này thì chuyên trách đúa sàm nịnh.

Vương thị nói rằng: Bạo công bất trung với vua, bất nghĩa với bạn, gọi đó là cái cớ trọng đại. Cho nên Tô công tuyệt giao với Bạo công. Nhưng khi tỏ lời tuyệt giao thì không chỉ thảng vào Bạo công, lại nói với người đi theo Bạo công mà thôi, không nói rõ việc gièm siêm mà chỉ bày tỏ nỗi nghi ngờ ra mà thôi.

Đã tuyệt giao với kẻ áy rỗi, còn bảo kẻ áy hãy đến cùng gặp một lần để mình được yên lòng. Vì rằng người quân tử cư xử với mình thì trung chính, đối đãi với người thì dung thứ, để khiến người ta do đây hối ngộ ăn năn rồi lấy thiện ý mà theo mình. Hắn nhiên đó là lòng mong mỏi của người quân tử.

Tuy người ta không được như thế, mình hắn cũng không xử một cách quá đáng, mình há lại như kẻ tiểu trượng phu hay sao?

Thói đời một khi đã tuyệt giao với người ta, thì cứ nói xấu hạ nhục người ta để cố tình cự tuyệt, chỉ vì sợ sẽ hoà hợp trở lại vậy thôi.

BÀI THÚ 206

CHƯƠNG I

巷伯

Hạng bá. (Tiểu mân 6)

萋兮斐兮

1. Thê hê! Phi hê!

成是貝錦

2. Thành thị bối cầm.

彼譜人者

3. Bỉ trấm nhân giả

亦已大甚

4. Dịch dī thái thậ̄m.

Dịch nghĩa

1. Với những hình dáng có rắn có bông nhỏ nhặt
2. Người ta có thể điểm xuyết thành bức gấm rực rõ bông hoa.
3. Kẻ siểm nịnh kia.
4. Cũng đã quá lăm rồi (nhân những lỗi nhỏ của người ta, hắn đã giặm thêm cho thành tội nặng để hâm hại người).

Dịch thơ

Rắn bông nhỏ nhặt những hình

Khéo thay điểm xuyết biến thành gấm hoa.

Những người siểm nịnh gian ngoa

Chúng làm như thế thật là quá thay!

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc tý. 蕤斐 *thê phỉ*, dáng có rắn có bông nhỏ nhặt. 貝 *bōi*, loài sò sống trong nước, có rắn có bông như gấm.

Lúc ấy có kẻ bê tôi mắc lời gièm pha mà bị thiến làm hoạn, mới làm bài thơ này. Nói rằng nhân những hình có rắn có bông nhỏ vụn vặt mà điểm xuyết trở thành bức gấm rực rõ bông hoa để ví với kẻ sàm nịnh, nhân những lỗi lầm nhỏ nhặt của người ta mà giặm thêm cho thành tội nặng. Bọn chúng làm như thế, cũng đã quá lăm rồi.

CHƯƠNG II

哆兮侈兮

5. Xa hế! Xỉ hế!

成是南箕

6. Thành thị Nam Cơ

彼譖人者

7. Bì trámm nhân giả

誰適與謀

8. Thuỳ đích dữ mưu?

Dịch nghĩa

5. Cú lần mở rộng ra, lối của người ta trước thì nhỏ, sau bị giảm thêm thành toát.

6. Cũng như chòm sao Nam Cơ, chân thì nhỏ, lưỡi thì mở to ra.

7. Kẻ siểm nịnh kia.

8. Ai đã chủ trương bàn mưu thiết kế với người để khuếch đại lối làm nhỏ nhen của ta mà hâm hại ta?

Dịch thơ

Lần lần phóng đại lối người

Sao Cơ chân nhỏ lưỡi thời lớn ra.

Những người gièm siểm gian ngoa

Bàn mưu thiết kế ai đã chủ trương?

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc tý. 哟侈xa xi, dáng lần mở rộng ra. 南箕Nam Kỳ (thường đọc cơ) sao Cơ ở về phương nam có 4 ngôi sao, ngôi làm chân, 2 ngôi làm lưỡi. Chân sao Cơ thì hẹp, lưỡi sao Cơ thì rộng mở toát ra. 適dích, chủ trương.

誰適與謀 *thuỳ đích dũ mưu* (đọc my cho hợp vận) ai đã chủ trương bàn mưu với, nói mưu kế của chúng rất bí mật.

Chú giải của Dịch giả

Mao thi: Sao Nam Cơ chân thì nhỏ, lưỡi thì to. Lối lầm của ta trước kia thì nhỏ mọn, về sau bị đưa siểm nịnh khuếch đại thành lớn lao để khiến cho ta bị cực hình. Đấy là nghĩa của thuộc tý, cũng giống như ở chương I.

CHƯƠNG III

緝緝翩翩

9. Tập tập phiên phiên

謀欲證人

10. Mưu dục tráim nhán.

憒爾言也

11. Thận nhī ngôn dā.

謂爾不信

12. Vị nhī bất tín.

Dịch nghĩa

9. Cú ôn ào đi qua đi lại bàn tính với nhau

10. Âm mưu muốn siểm nịnh hại người.

11. Người nên cẩn thận lời nói của người,

12. (Kéo người nghe có khi tỉnh ngộ ra) nói người không đáng tin nữa.

Dịch thơ

Ôn ào bàn tính lại qua.

Âm mưu muốn dung gian ngoa hại người.

Hãy nên cẩn thận lấy lời.

Kéo khi tỉnh ngộ thì người hết tin.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 編緝 *tập tập*, tiếng miệng lưỡi ôn ào hoặc nói tập tập là cái tội của người ta, hoặc nói tập tập là đáng có điều gì, đều thông lý cả. 翩翩 *thiên thiên* (đọc *phân phân* cho hợp vận) đáng qua lại.

Đứa siểm nịnh cho là đắc ý mà không cẩn thận lời nói của hắn. Cho nên người nghe có lúc tinh ngò ra và không tin người nữa.

CHƯƠNG IV

捷 捷 幡 幡

13. Tiệp tiệp phiên phiên

謀 欲 譖 言

14. Mưu dục trâm ngôn.

豈 不 爾 受

15. Khỉ bất nhĩ thụ

既 其 女 遷

16. Ký kỵ nhữ thiêng.

Dịch nghĩa

13. Người lanh lẹ qua qua lại lại bàn tính

14. Âm mưu muốn siểm nịnh hại người.

15. Vua há lại chẳng nghe lời người hay sao?

16. Rồi tai họa về gièm siểm sẽ dời đổi và đến vào bản thân người.

Dịch thơ

Lẹ nhanh qua lại tính bàn

Âm mưu siểm nịnh để toan hại người.

Há rằng vua chẳng tin lời?

Hoạ tai biến đổi đến người có ngày.

Chú giải Chu Hý

Chương này thuộc phú. 捷捷 tiệp tiệp, dáng lạnh lợi. 帷幡 phiên phiên, dáng phản phúc, dáng qua lại.

Vương thị nói rằng: Vua ưa việc siểm nịnh, thì hắn sẽ tiếp nhận lời siểm nịnh của người. Nhưng cứ ưa thích việc siểm nịnh mãi không thôi, thì tai họa về siểm nịnh sẽ đến. Tai họa ấy sẽ dời đổi và sẽ đến bản thân người (đến phiền người bị kẻ khác siểm nịnh mà hại lại).

Tăng thị nói rằng: Chương trước và chương này đều là lời trung thành bảo cho biết.

CHƯƠNG V

驕人好好

17. Kiêu nhân hảo hảo.

勞人革草

18. Lao nhân thảo thảo

蒼天蒼天

19. thương thiên thương thiên

視彼驕人

20. Thị bỉ kiêng nhàn,

矜此勞人

21. Cang thử lao nhàn,

Dịch nghĩa

17. Kẻ kiêu ngạo siểm nịnh đắc chí thì vui tươi.

18. Người nhọc nhăn vì bị mắc lời gièm siểm thì buồn rầu.

19. Trời xanh ôi! Trời xanh ôi!

20. Hãy xem kẻ siểm nịnh kiêu ngạo kia,

21. Mà thương xót cho người tiêu tuy bị gièm siểm này.

Dịch thơ

*Người kiêu siêm nịnh hân hoan
Kẻ thì bị hại khổ than ngậm ngùi.
Trời xanh ôi! Trời xanh ôi!
Hãy xem những đứa vui cười ngoạn kêu,
Thương người bị hại tiêu điều.*

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 好好 *hǎo hǎo*, vui. 草草 *thǎo thǎo*, buồn.

Người kiêu ngạo siêm nịnh thì đặc ý vui tươi. Người tiêu tuy nhọc nhằn bị mắc lời siêm nịnh thì buồn rầu, hình dáng ra như thế.

CHƯƠNG VI

彼譖入者	22. Bỉ trá̄m nhān giả
誰適與謀	23. Thuỷ đích dữ mưu
取彼譖人	24. Thủ bỉ trá̄m nhān,
投畀豺虎	25. Đầu tý sài hổ
豺虎不食	26. Sài hổ bát thực
投畀有北	27. Đầu tý hữu bắc
有北不受	28. Hữu bắc bát thụ.

Dịch nghĩa

22. Đứa siêm nịnh kia
23. Ai chủ trương âm mưu với người?
24. Hãy bắt đứa siêm nịnh kia,
25. Ném bỏ hắn cho sói và cọp.
26. Sói và cọp cũng chẳng nhận lấy hắn mà ăn.
27. Ném bỏ hắn lên phương bắc lạnh lẽo.
28. Phương bắc cũng chẳng thèm nhận hắn.
29. Vậy thì ném bỏ hắn lên trời (cho trời trừng trị hắn).

Dịch thơ

Hởi quân siêm nịnh kia ôi!

Chủ trương thiết kế hại người là ai?

Bắt quân siêm nịnh kia ngay,

Ném cho cọp, sói chúng nhai tức thời.

Cọp và sói chẳng thèm xơi.

Ném lên phương bắc lạnh người tái té,

Bắc phương chẳng nhận lại chê,

Vậy thì hãy ném hắn về trời đi.

Chú giải Chu Hy

Chương này thuộc phú.

Lại nói một lần nữa đứa siêm nịnh kia, ai chủ trương bàn mưu với người? Quá ghét đứa siêm nịnh mới nói thêm một lần nữa. Hoặc nói đó là lời văn diễn rộng ra. 投đầu, ném

bỏ. 北 bắc, phương bắc lạnh léo không trống trọt gì được
不食 bát thực, không nhận lấy. Nói đứa sàm nịnh gièm siểm
thì ai ai cũng ghét. 昙 hạo (đọc hâu) là hạo thiên, trời. Ném
hán lên cho trời, để trời chế trị tội lỗi của nó.

Đấy là những lời bịa ra như thế để thấy rõ cái ý rất
muốn hán chết mất đi. Cho nên nói rằng: Thích người hiền
năng là thiên Tri y, ghét kẻ xấu là thiên Hạng bá.

CHƯƠNG VII

楊圓之道

30. Dương viễn chi đạo

猗于畝丘

31. Ý vu mâu khâu.

寺人孟子

32. Tự nhân Mạnh tử

作爲此詩

33. Tác vi thử thi.

凡百君子

34. Phàm bách quân tử

敬而聽之

35. Kính nhi thính chi.

Dịch nghĩa

30. Con đường chõ đất thấp

31. Lần đến chõ đất cao.

32. Hoạn quan tên tự là Mạnh tử (vì mắc lời sàm nịnh
mà bị thiên mới làm chức hoạn quan này).

33. Làm bài thơ này.

34. Tất cả hàng trăm bức quân tử

35. Hãy kính cẩn nghe theo hầu giữ mình vì đứa siểm
nịnh.

Dịch thơ

Từ nơi đất thấp đường đi
Tiến lần đến chỗ kia thì cao thay!
Hoạn quan Mạnh tử ta đây
Bị người siểm hại, thơ này làm ra.
Trăm người quân tử nghe qua
Hãy nên cẩn thận để mà giữ thân.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 揚園 dương viên, đất thấp. 猶 ỷ, thêm. 故丘 mâu khâu (đọc khi cho hợp vận), đất cao. 寺人 tự nhân, chức quan nhỏ ở trong cung vì mắc lời sàm nịnh mà bị thiến cho nên làm chức hoạn quan ấy. 孟子 Mạnh tử, tên tự của người ấy.

Con đường chỗ đất thấp lần đến chỗ đất cao để khởi hưng rằng lời của người hèn hạ hoặc có khi bỗ ích cho người quân tử. Vì rằng kẻ siểm nịnh bắt đầu hâm hại kẻ hèn hạ trước, rồi sau mới lần lần hâm hại đến bực đại thần, cho nên ta mới làm bài thơ này để các ngài nghe mà cẩn thận lấy thân. Lưu thị nói rằng: Về sau hoàng hậu, thái tử và quan đại phu quả nhiên phần nhiều đều mắc lời sàm nịnh mà bị phế.

Thiên Hạng bá có 7 chương, 4 chương 4 câu, 1 chương 5 câu, 1 chương 8 câu và 1 chương 6 câu.

巷 hạng là tên con đường ở trong cung, nhà Tần nhà Hán gọi là 晷巷 vĩnh hạng, là đây. 伯 bá là bực trưởng. Hạng bá là chức trưởng quan coi sóc con đường trong cung, tức là quan tự nhân, quan thái giám, cho nên lấy hạng bá làm tên bài thơ này.

Ban Cố và Tư Mã Thiên tán rằng: Dò lại mà tự thương xót cho mình, tức là loại thơ *Hạng bá* ở phần Tiêu nhã. Ý cũng nói rằng Hạng bá vốn mắc lời sàm nịnh mà bị nhục hình (bị thiến).

Nhưng Dương thị nói rằng: 守人 *tự nhán* là chức quan nhỏ hầu hạ bên vua, ra vào quanh quẩn ở bên vua, thân cận bên vua, hằng ngày đều thấy vua, thì không có một kẽ hở nào để đưa siêm nịnh rinh dò mà ly gián được. Nay vị quan hầu cận ấy cũng bị hại vì lời sàm nịnh, thì việc xa lìa giữa vua và tôi có thể thấy biết được. Cho nên lời thơ nói rằng: Phàm hằng trăm bức quân tử hãy kính cẩn mà nghe bài thơ ấy. Đây là khiến những bức đang ở chức vị phải biết mà ngăn ngừa.

Thuyết này tuy không giống như thuyết trước, nhưng cũng có lý, cho nên xin ghi lại đây.

BÀI THÚ 207

CHƯƠNG I

谷風

Cốc phong (Tiểu mân 7)

習習谷風

1. Tập tập cốc phong

維風及雨

2. Duy phong cập vũ.

將恐將懼

3. Tương khùng tương cu,

維予與女

4. Duy dư dữ nhữ.

將安將樂

5. Tương an tương lạc.

女轉棄予

6. Nhữ chuyển khí dư.

Dịch nghĩa

1. Gió đông điệu hoà
2. Thì có gió mưa nhuần thấm.
3. Lúc hoạn nạn nguy hiểm phải sợ hãi
4. Thì chỉ có tôi và anh.
5. Còn lúc an vui
6. Sao anh lại bỏ tôi?

Dịch thơ

Gió đông đã thổi điệu hoà

Cho nên gió thuận mưa sa thấm nhuần

Cơn hoạn nạn gian truân sợ hãi,

Chỉ tôi đây anh đây mà thôi.

Còn nay trong cảnh an vui

Sao anh lại nỡ bỏ tôi cho đành.

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 習習 tập tập, dáng điệu hoà. 谷風 cốc phong, gió đông. 將 tương, và lại. 恐懼 khùng cụ, sợ hãi, lúc nguy hiểm hoạn nạn. Đây là bài thơ bạn bè oán trách nhau. Cho nên nói gió đông điệu hoà thì gió và mưa thấm nhuần. Lúc hoạn nạn nguy hiểm phải sợ hãi, thì chỉ có tôi và anh. Sao lại lúc an vui anh lại bỏ tôi vậy thay?

CHƯƠNG II

習習谷風

7. Tập tập cốc phong,

維風及穀	8. Duy phong cập đồi.
將恐將懼	9. Tương khùng tương cù,
實予于懷	10. Chí dư vu hoài.
將安將樂	11. Tương an tương lạc,
棄予如遺	12. Khí dư như di.

Dịch nghĩa

7. Gió đông điều hòa
8. Thì có gió và có bão.
9. Lúc hoạn nạn nguy hiểm phải sợ hãi
10. Thì anh thân ái tôi, đặt tôi vào tâm khảm.
11. Còn lúc an vui
12. Thì anh bỏ tôi như làm rơi rớt một vật gì không còn nhớ đến nữa.

Dịch thơ

*Điều hòa đã thôi gió đông,
 Cho nên gió dữ bão bùng khắp nơi.
 Gặp lúc nguy cùng hồi kinh sợ,
 Từ cõi lòng anh nhớ chuộng tôi.
 Còn nay trong cảnh an vui,
 Bỏ tôi như thể đánh rơi món đồ.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 頤~~đồi~~, gió bão. 真 chí, đồng với 置 trí, đặt đê. Đặt ở trong lòng là nói thân ái người ấy. 如遺 như di (dọc dời cho hợp vận) quên mặt không còn thăm viếng nhắc nhớ nữa.

CHƯƠNG III

習習谷風

13. Tập tập cốc phong,

維山崔嵬

14. Duy sơn tồi ngô.

無草不死

15. Vô thảo bất tử,

無木不萎

16. Vô mục bất uy.

忘我大德

17. Vong ngā đại đức,

思我小怨

18. Tư ngā tiêu oán.

Dịch nghĩa

13. Gió đông điều hoà

14. Thẩm nhuần ở ngọn núi cao.

15. Nhưng không có cây cỏ nào là không chết

16. Và không có thân cây nào là không khô.

17. Anh lại quên những ân đức lớn lao của ta,

18. Mà chỉ nhớ những hiềm oán nhỏ nhen của ta.

Dịch thơ

Gió đông dùi đặt thổi lên

Thẩm nhuần ngọn đỉnh ở miền núi cao.

Nhưng không có cỏ nào chẳng chết,

Không cây nào lại thiệt chẳng khô.

Anh quên ơn đức lớn to

Oán hờn nhỏ nhất cứ lo nhớ hoài.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 崔嵬 tối ngôi, đỉnh núi.

Gió đông diều hoà, chỉ nơi đỉnh núi là được gió đông nhuần đượm đầy đủ rộng rãi hơn hết (trên đỉnh núi, cây cỏ đều rướm rà xanh tốt). Nhưng trên đỉnh núi ấy cũng có cọng cỏ khô, thân cây chết. Huống hồ gì giữa bạn bè với nhau (đầy ân nghĩa đậm đà, có khi cũng có điều xích mích nhỏ nhen) há lại có thể quên được những ân đức to tát, mà chỉ nhớ những hiềm oán nhỏ nhen hay sao?

Hoặc nói thuộc hứng.

Thiên Cốc phong có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THÚ 208

CHƯƠNG I

蓼莪

Lục nga (Tiểu mân 8)

蓼蓼者莪

1. Lục lục giả nga

匪莪伊蒿

2. Phỉ nga y hào.

哀哀父母

3. Ai ai phụ mâu

生我劬勞

4. Sinh ngā cù lao!

Dịch nghĩa

1. Rau nga đã lên dài
2. Chẳng phải rau nga xưa kia nưa, mà chỉ là thứ cỏ hèn.
3. Xót thương thay cho cha mẹ.
4. Đã cực nhọc sinh ra ta!

Dịch thơ

*Rau nga dài cộng râm chen,
Chẳng là rau nưa, cỏ hèn mà thôi.
Xót thương cha mẹ ngậm ngùi
Thật là cực khổ dưỡng bồi sinh ta!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 蓼蓼 lục lục, đáng dài lớn. 義 nga, thứ rau rất ngon. 萱 hào, cỏ hèn.

Nhân dân lao khổ, người con có hiếu không được phụng dưỡng cha mẹ hoàn tất mới làm bài thơ này (vì phải đi quân dịch vắng nhà lúc cha mẹ bình hoạn và qua đời).

Nói rằng xưa kia thì gọi rau nga, mà nay thì không phải rau nga nữa, chỉ là thứ cỏ hèn mà thôi, để ví với việc cha mẹ sinh ta ra với tầm vóc đẹp đẽ để có thể đưa vào ta hầu trọn cuộc đời. Đến nay cha mẹ lại chẳng được sự phụng dưỡng của ta mà qua đời, cho nên mới nói công cực khổ của cha mẹ sinh ra ta để tự nặng lòng đau xót.

CHƯƠNG II

蓼蓼者義

5. Lục lục già nga.

匪 蔡 伊 蔚

6. Phỉ nga y uý.

哀 哀 父 母

7. Ai ai phu māu.

生 我 勞 瘴

8. Sinh ngā lao tuy.

Dịch nghĩa

5. Rau nga đã lên dài,

6. Chẳng phải rau nga xưa kia nữa, mà chỉ là cây uý.

7. Xót thương thay cho cha mẹ

8. Đã đau đớn nhọc nhằn sinh ra ta!

(Ý nghĩa của chương này giống như của chương 1)

Dịch thơ

Lên dài những ngọn rau nga

Chẳng thành rau nữa, chỉ là uý thôi.

Xót thương cha mẹ ngâm ngùi

Sinh ta đã thật lấm hôi khổ đau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 蔚 uý, cây māu khán, tháng 3 bắt đầu mọc lên, tháng 7 bắt đầu trổ hoa, hoa như hoa cây hồ ma nhưng màu tía đỏ, tháng 8 ra trái, giống như trái tiểu đậu, trái nhọn mà dài. 痘 tuy, bình đau.

CHƯƠNG III

餅 之 馨 矣

9. Bình chi khánh hī

維 鑿 之恥	10. Duy lôi chí sĩ.
鮮民之生	11. Tiễn dân chí sinh
不如死之久矣	12. Bất như tử chí cửu hī.
無父何怙	13. Vô phụ hà hộ?
無嬰驅諱	14. Vô mẫu hà thị?
出則銜恤	15. Xuất tắc hàm tuất.
入則靡至	16. Nhập tắc mĩ chí.

Dịch nghĩa

9. Cái bình mà cạn
10. Là cái nhục của cái vò.
11. Cuộc sống của người dân lê loí cùng khổ
12. Chẳng bằng như chết đã lâu rồi.
13. Không có cha thì nhờ tựa vào đâu?
14. Không có mẹ thì trông cây vào đâu?
15. Đi ra thì ngậm môi ưu sầu
16. Bước vào thì như chẳng biết về đến nơi đâu.

Dịch thơ

Cái bình mà đã cạn khô

Áy là cái nhục của vò lớn thôi.

Nhân dân cùng khổ lê loí

Chẳng bằng như đã chết rồi từ lâu.

Không cha thì tựa vào đâu?

Mẹ mà không có dựa vào nơi ai?

Đi ra ngậm môi ưu hoài

Vào thì như chẳng biết rày đến đâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 鑄 bình, 署 lôi, cái bình nhỏ, cái vò to đều là đồ đựng rượu. 鑄 khánh, hết. 鮮 tiễn, ít. 忧 tuất, ưu buồn. 美 mĩ, không.

Nói cái bình cái vò nhờ cậy lẫn nhau, châm qua chước lại cho đầy, cũng như cha mẹ và con cái, số mệnh là nhờ dựa vào nhau. Cho nên hễ cái bình mà cạn, tức là nỗi tủi nhục của cái vò (tại cái vò không châm qua). Cũng như cha mẹ không được yên nơi yên chốn tức là việc đáng trách của người con. Cho nên người dân lè loi cùng khốn sống mà chẳng bằng chết đi còn hơn. Vì rằng không có cha thì nhờ tựa vào đâu? không có mẹ thì trông cậy vào đâu? Cho nên đi ra thì trong lòng lo buồn, bước vào thì như chẳng biết về đâu.

CHƯƠNG IV

父兮生我

17. Phụ hề sinh ngā,

母兮鞠我

18. Mẫu hề cúc ngā,

拊我畜我

19. Phù ngā súc ngā,

長我育我

20. Trưởng ngā dục ngā,

顧我復我

21. Cố ngā phục ngā.

出入腹我

22. Xuất nhập phúc ngā.

欲報之德

23. Dục báo chí đức.

昊天罔極

24. Hạo thiên vōng cực.

Dịch nghĩa

17. Cha truyền hơi khí sinh ta,
18. Mẹ mang nặng đẻ ta,
19. Võ về nuôi nấng ta,
20. Dưỡng ta đến lớn và ấp ú ta,
21. Đã đi thường quay trở lại để trông chừng ta,
22. Đi ra đi vào bồng ấm ta vào lòng.
23. Muốn lấy đức báo đền lại
24. Thì ân nghĩa của cha mẹ to tát như trời rộng vô cùng.

Dịch thơ

Cha truyền hơi khí sinh ta,

Mẹ thì mang nặng đẻ ra nén người,

Võ về nương nịu dưỡng bồi,

Nuôi ta ấp ú đến thời lớn khôn.

Đi qua quay lại trông luôn,

Ra vào bồng ấm chiều nuông trong lòng.

Báo đền ân đức ta mong.

Như trời to rộng vô cùng nghĩa ân.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 生 *sinh*, sinh để ra, nói là khí lực của cha truyền thụ để sinh ta ra. 鞠 *cúc*, 畜 *húc*, đều là nuôi dưỡng. 扶 *phủ*, vỗ về êm ái. 育 *duc*, ấp ú cho sinh nở ra. 顧 *cố* quay lại mà nhìn. 復 *phục*, trở lại. 腹 *phúc*, bồng ăm vào lòng. 囧 *võng*, không. 極 *cực*, cùng.

Nói ơn của cha mẹ như thế, muốn lấy đức mà báo đáp lại, thì ơn ấy to tát như trời rộng vô cùng, không biết báo đáp làm sao.

CHƯƠNG V

南山烈烈

25. Nam sơn liệt liệt

飄風發發

26. Phiêu phong phát phát.

戔鬪不式

27. Dân mạc bất cốc.

我獨何害

28. Ngā độc hà hạt?

Dịch nghĩa

25. Núi nam cao lớn

26. Thì gió mạnh gấp.

27. Người dân không ai là bất nghĩa chẳng lành.

28. Mà sao riêng ta lại gặp tai hại ấy để chẳng được phụng dưỡng cha mẹ?

Dịch thơ

Núi nam trông thật lớn cao

Gió thì mạnh mẽ ào ào thổi nhanh.

Dân không bất nghĩa chẳng lành.

Riêng ta gấp hai, quên dành mẹ cha.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 烈烈 liệt liệt, dáng to lớn. 發發 phát phát, dáng mau gấp. 穀 cốc, lành.

Núi nam cao lớn thì gió thổi mạnh gấp. Người dân không ai là không có nghĩa, mà riêng ta sao lại gấp tai hại ấy vậy thay để không được phụng dưỡng cha mẹ?

CHƯƠNG VI

南山律律

29. Nam sơn luật luật.

飄風弗弗

30. Phiêu phong phát phát.

民莫不谷

31. Dân mạc bất cốc,

我獨不卒

32. Ngā độc bất tốt.

Dịch nghĩa

29. Núi nam cao lớn

30. Thị gió mạnh gấp.

31. Người dân không ai là bất nghĩa, chẳng lành.

32. Riêng ta không được phụng dưỡng cha mẹ cho đến lúc cuối cùng.

Dịch thơ

Núi Nam cao lớn chập chùng

Gió thì mạnh mẽ vô cùng thổi nhanh.

Dân không bất nghĩa chẳng lành.

Song thân, ta chẳng trọn tình dưỡng nuôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng律律 *luật luật* như 烈烈 liệt liệt, dáng to lớn. 弗弗 *phất phát* như phát phát, dáng mau gấp, 卒 tốt, chung, nói phụng dưỡng cha mẹ được hoàn tất, đến lúc cuối cùng.

Thiên Lục nga có 6 chương, 4 chương 4 câu và 2 chương 8 câu.

Tấn Vương Bao vì cha chết không đáng tội, mỗi lần đọc kinh *Thi* đến câu *Ai ai phu mẫu*, *Sinh ngã cù lao* thì chưa từng không rơi lệ đến ba lần. Những người theo học thấy vậy phải bỏ thiên này. Kinh *Thi* đã cảm động lòng người như thế ấy.

BÀI THÚ 209

CHƯƠNG I

大東	Đại đông (Tiểu mân 9)
有饁簋飧	1. Hữu mông quỷ tôn,
有抹棘匕	2. Hữu câu cức tỷ.
周道如砥	3. Chu đạo như chỉ,
其直如矢	4. Kỳ trực như thi.
君子所履	5. Quân tử sở lý,
小人所視	6. Tiểu nhân sở thị.

瞻言顧之

7. Quyền ngôn cố chí,

潛焉出涕

8. San yên xuất thế.

Dịch nghĩa

1. Có cái thố đựng đầy cơm.
2. Có cái vá uốn cong bằng gỗ táo đỏ để múc thịt (ngụ ý ân huệ của thiên tử đã hậu đãi nhân dân).
3. Đường nhà Chu bằng phẳng như đá mài dao (ý nói việc thuế má của nhà Chu đồng đều).
4. Và ngay thẳng như đường tên bay (ý nói pháp chế của nhà Chu ngay thẳng).
5. Cho nên vua đi trên đường bằng phẳng ngay chính áy (vua noi theo phép công bằng mà cai trị).
6. Thì nhân dân đều trông theo (ý nói nhân dân ngưỡng mộ việc chính trị công bằng ấy).
7. Nay ngoảnh lại trông con đường áy.
8. Thì tâm tā lệ rơi (vì con đường áy hôm nay dành để chở tài vật đã vơ vét của nhân dân các nước phương đông về nhà Chu ở phương Tây).

Dịch thơ

Thố cơm đã đựng vun cao

Và cong gỗ táo đặt vào một cây.

Đường nhà Chu phẳng đá mài,

Thẳng suông một mạch tên bay như là.

Vua từ đường phẳng đi ra

Nhân dân mén phục thấy đã nương mông.

Hôm nay đường áy ngoảnh trông,
Lệ rơi tầm tā nǎo lòng xiết bao!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 餅 mōng, dáng đầy thổ. 猪 tōn, ăn đồ chín. 捏 cǎu, dáng uốn cong. 棘叱 cùc tỷ, lấy gő táo (gő màu đỏ) làm cái vá để múc thịt nấu trong vạc đem lên mâm. 砥 chí, đá mài dao ý nói bằng phẳng 矢 thi, ngay thẳng. 君子 quān tử, vua ở ngôi. 履 lý đi. 小人 tiēu nhān, thường dân. 瞳 quyén, ngoảnh lại trông. 灣 san, dáng nước mặt nước mũi tuôn xuồng.

Bài tự ở sách Mao thi cho là các nước ở phía đông bị khốn khổ vì quân địch và bị thương tổn về tài sản. Quan đại phu nước Đàm mới làm bài thơ này để cáo bình.

Nói có cái thổ đựng đầy cơm, thì có cái vá uốn cong bằng gő táo đỏ để múc thịt. Đường lộ nhà Chu bằng phẳng như đá mài dao thì lại ngay thẳng như mũi tên bay. Cho nên bậc vua đì trên đường lộ bằng phẳng ngay thẳng ấy, thì dân chúng trông theo.

Nay ngoảnh lại trông con đường áy mà giọt lệ tuôn rơi, vì sưu dịch thuế vụ ở nước phương đông không có cái gì mà chẳng do con đường áy chở sang phía tây cho nhà Chu cả.

CHƯƠNG II

小東大東

9. Tiêu đông đại đông

杼柚其空

10. Trữ trúc kỳ không.

糾糾葛屨

11. Củ củ cát cú,

可以履霜

12. Khả dī lý sương,

佻佻公子	13. Thiêu thiêu công tử,
行彼周行	14. Hành bỉ chu hành.
既往既來	15. Ký vāng ký lai.
使我心疚	16. Sứ ngā tâm cửu.

Dịch nghĩa

9. Các nước lớn ở phương đông
10. Nằm ngang nằm dọc đều nghèo sạch,
11. Phải mang dép bằng vải gai cong co lạnh lẽo
12. Để giâm lên sương.
13. Những công tử (bực tôn quý của chư hầu) yếu đuối không kham xiết những nỗi nhọc nhằn.
14. Đi trên con đường lớn kia
15. Đã qua rồi trở lại, cứ tới tối lui mãi,
16. Khiến lòng ta ưu mà sinh bệnh.

Dịch thơ

Quốc gia lớn nhỏ phương đông.

Nằm ngang nằm dọc nghèo không còn gì.

Dép gai cong vẹo mang đi

Giâm lên sương lộ thể thì lạnh thay!

Chẳng kham công tử yếu gầy

Con đường lớn nọ đi hoài chẳng thôi

Qua qua lại lại tối lui,

Lòng ta sâu não để rồi bình mang.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 小東大東 *tiêu đông đại đông*, (đọc *đang* cho hợp vận) các nước lớn nhỏ ở phương đông. Từ nhà Chu mà xem, thì các nước chư hầu đều ở về phía đông. 拙拙, cái thoi đưa sợi chỉ ngang mà dệt. 抽直, cái trực để cung sợi chỉ dọc mà dệt. 空空, hết. 佻 *thiêu* (thường đọc *khiêu*), dáng khinh bạc không chịu nổi lao nhọc. 公子 *công tử*, bê tôi tôn quý của chư hầu. 周行 *chu hành* (đọc *hang* cho hợp vận) đường to. 疾 *cửu* (đọc *cúc* cho hợp vận), bệnh.

Nói các nước lớn nhỏ ở phương đông nằm ngang nằm dọc đều hết sạch, quá nghèo khổ cho đến nỗi phải lấy dép bằng vải gai mà mang giẫm lên sương. (Đáng lẽ phải mang dép bằng da, xem lại thiên *Cát cú*, Ngụy phong 1). Và các bê tôi tôn quý của chư hầu phải chạy vạy lại qua, không kham xiết nổi những nhọc nhăn, cho khiến lòng ta phải ưu sầu mà sinh bệnh.

CHƯƠNG III

有冽氿泉

17. Hữu liệt quỹ tuyển

無浸穫薪

18. Vô tẩm hoạch tân.

契契寤歡

19. Khí khí ngũ thán,

哀我憚人

20. Ai ngã đá nhân.

薪是穫薪

21. Tân thị hoạch tân

尚可載也

22. Thượng khả tài dā.

哀我憚人

23. Ai ngã đá nhân

亦可息也

24. Diệc khả tức dā.

Dịch nghĩa

17. Có dòng suối lạnh lêo chảy tách ra ở một bên
18. Chớ đem củi đã chặt được mà ngâm vào đáy.
19. Ta trằn trọc cứ thức mà sâu khổ thở than,
20. Thương xót cho dân ta lao nhọc.
21. Củi đã được chặt rồi
22. Thì mong được chở về.
23. Thương xót cho dân ta lao nhọc
24. Thị mong cho dân ta được nghỉ ngơi.

Dịch thơ

*Có dòng suối lạnh tách ra,
Chớ đem cùi chặt được mà bỏ ngâm.
Thở than đau đớn thức nằm,
Dân ta lao khổ thương tâm ngâm ngùi.
Cái nào đã được chặt rồi
Thì mong hãy chở mà dời về ngay.
Dân ta khổ nhọc thương thay!
Thì mong cho được những ngày nghỉ ngơi.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 汊 liệt, lạnh. 汊 泉 quỹ tuyển, suối chảy tách ra ở một bên. 穢 hoạch, chặt được. 契契 khí khí, sâu khổ. 憚 da, nhọc mệt. 茅 thương, hy vọng. 載 tài (đọc tức cho hợp vận), chở đem về.

Tô thị nói rằng: Củi đã chặt được mà đem ngâm thì mục nát. Dân đã lao nhọc mà lại bị sai khiến nữa thì hịnh hoạn.

Cho nên hễ cùi đã chặt được thì mong hãy chở về mà vựa lại.
Dân đã lao nhọc thì mong được nghỉ ngơi để bình yên.

CHƯƠNG IV

東人之子	25. Đóng nhân chi tử
職勞不來	26. Chức lao bất lai
西人之子	27. Tây nhân chi tử
粲粲衣服	28. Xán xán y phục.
舟人之子	29. Chu nhân chi tử,
熊羆是裘	30. Hùng bì thị cầu.
私人之子	31. Tư nhân chi tử,
百僚是試	32. Bách liêu thị thí.

Dịch nghĩa

25. Con cái của người nước chư hầu phương đông
26. Lo làm công việc nhọc nhằn không được vỗ về an ủi.
27. Còn con cái của người ở kinh kỳ nhà Chu về phương tây
28. Thì quần áo tươi sáng rực rỡ.
29. Cho nên con cái của kẻ chèo thuyền ở kinh kỳ
30. Cũng mặc áo bằng da gấu.
31. Và con cái của tôi tớ ở tư gia trong kinh kỳ
32. Cũng được dùng làm trâm thủ quan.

Dịch thơ

Con người ở nước phương đông

Chỗng ai an ủi, lấm công đoạ dày.
 Con người ở nước phương tây
 Áo quần thấy mặc đẹp thay sáng ngời!
 Còn con của kẻ chèo bơi
 Mặc bằng da gấu xinh tươi vô ngàn.
 Còn người tôi tớ tư nhân
 Làm quan trăm thú muôn phần hiển vinh.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 東人 *đông nhân*, nhân dân của chư hầu ở phía đông. 職 *chức*, chuyên giữ một việc gì. 來 *lai* (đọc *lực* cho hợp vận), vỗ về an ủi. 西人 *tây nhân*, nhân dân ở kinh kỳ nhà Chu về phía tây. 粳 *xán* *xán*, dáng tươi sáng rực rỡ. 舟人 *chu nhân*, người chèo thuyền. 熊 *hùng* *bi* *thị* *cầu*, áo bằng da gấu, nói giàu có. 私人 *tư nhân*, tôi tớ của tư gia. 僚 *liêu*, quan. 試 *thí* (đọc *thi* cho hợp vận) dùng. Người chèo thuyền và tôi tớ của tư gia đều là người ở kinh kỳ nhà Chu về phía tây.

Đây nói việc thuế má và làm xâu không đồng đều, bọn tiểu nhân đắc chí.

CHƯƠNG V

- | | |
|--------|---------------------------|
| 或以其酒 | 33. Hoặc dĩ kỳ tửu, |
| 不以其漿 | 34. Bất dĩ kỳ tương. |
| 韜 韜 佩璲 | 35. Huyễn huyễn bội toại, |
| 不以其長 | 36. Bất dĩ kỳ trường. |

維天有漠
監亦有光
歧彼織女
終日七襄

37. Duy thiên hữu Hán,
38. Giám diệc hữu quang.
39. Kỳ bỉ Chức nữ,
40. Chung nhật thất tương.

Dịch nghĩa

33. Người nước chư hầu phương đông hoặc lấy rượu mà cho,

34. Thì người kinh kỳ phương tây chê, không cho đó là vật để uống.

35. Người phương đông hoặc tây xâu ngọc loại dài tha thướt mà cho.

36. Thị người phương tây chê, không cho đó là dài.

37. Chỉ trời có sông Ngân

38. Cũng có ánh sáng hãy soi xét cho ta.

39. Chòm sao Chức nữ ba góc

40. Suốt ngày trải qua bảy giờ (để hiện ra trong ban đêm mong sê dệt thành bức gấm báo đáp cho ta).

Dịch thơ

Phương đông lấy rượu tặng đưa,

Chẳng là vật uống, chẳng ưa nhấp vào.

Thướt tha ngọc loại tặng trao,

Rõ ràng thật có dài đâu, chê là.

Trên trời có dây Ngân hà,

Hãy đem ánh sáng để mà xét soi.

Chòm sao Chức nữ ba ngôi

Suốt ngày bảy khoảng chuyền dời hiện ra.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 鞠鞠 *huyễn huyễn*, dáng dài tha thuở. 鎏 toại, thuy ngọc quan đeo làm tin. 漢 *Hán*, sông Ngân trên trời. 跛 kỵ, dáng có góc. 織女 *Chức nữ*, sao Chức nữ một bên sông Ngân, có ba ngôi sao thành ba góc. 七襄 thất tương, chưa rõ là gì. *Mao thi truyện* giải nghĩa tương là trở lại, qua một vòng rồi trở lại, Trịnh thị giảng rõ ràng tương là đi qua, nói đi qua vị trí của nó. Vì rằng trên trời có 12 vị trí, ranh giới của mặt trời mặt trăng trải qua, gọi đó là vị trí hay giờ. Hàng tinh (kinh tinh) một ngày một đêm xoay về bên tả một vòng và có hơn, thì trong khoảng thời gian suốt một ngày từ mão đến dậu (mão, thìn, tỵ, ngọ, vị, thân, dậu) phải trải qua 7 vị trí, tức là 7 giờ.

Nói người nước chư hầu phương đông có khi lấy rượu đưa tặng cho người ở kinh kỳ nhà Chu phương tây, thì người phương tây đã từng, chê không thèm uống (không cho đó là vật để uống). Và khi người phương đông lấy xâu ngọc dài tha thuở cho người phương tây, thì người phương tây đã từng chê, không cho xâu ngọc đó là dài. Chỉ trời có sông Ngân, thì cũng mong hãy soi xét cho ta, và sao Chức nữ trải qua 7 giờ của ban ngày, cũng mong dẹt thành bức gấm để báo đáp cho ta (hãy xem tiếp chương sau).

Không có nơi nào để phân tỏ nỗi lòng, thì nói chỉ có trời, và mong trời thương xót cho ta vậy.

CHƯƠNG VI

雖則七襄

41. Tuy tắc thất tương

不成報章

42. Bất thành báo chương.

睂彼牽牛

43. Quan bỉ Khiêm ngưu

不以服箱	44. Bất dī phục sương.
東有啓明	45. Đông hữu Khải minh,
西有長庚	46. Tây hữu Trường canh,
有棣 天畢	47. Hữu cầu Thiên tất
載施之行	48. Tái thi chi hàng.

Dịch nghĩa

41. Sao Chức nữ tuy trải qua 7 giờ của ban ngày
 42. Cũng không dệt thành bức gấm nào.
 43. Còn sao Khiên ngưu (Ngưu lang dẫn trâu) lấp lánh kia
 44. Cũng không dắt đến cho ta con trâu nào để thang vào xe.
 45. Phía đông thì có sao Khải minh,
 46. Phía tây thì có sao Trường canh,
 47. Và có sao Thiên tất uốn cong
 48. Chỉ bày thành hàng liệt ở trên trời mà thôi, chớ thật không dùng được việc gì cả.

Dịch thơ

Bảy giờ Chức nữ trải qua

Gấm thì chẳng thấy dệt ra tấm nào.

Khiên ngưu lấp lánh ngôi sao

Thang xe chẳng dẫn được trâu về cùng.

Khải minh lấp lánh phương đông.

Trường canh đã mọc ở vùng trời tây,

Dáng cong Thiên tất sao này,

Bùa thành hàng liệt giăng bày mà thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 光 quan, dáng ngôi sao long lanh sáng chiếu. 翩牛 Khiên ngưu, sao Khiên ngưu. 服 Phục, thảng ngựa vào xe. 箱 sương, thùng xe. 啓明 Khải minh, 長庚 Trường canh đều là sao Kim tinh. Vì sao áy mọc lên trước ban ngày, cho nên gọi là sao Khải minh (*Khải* là mờ, *minh* là sáng) và lặn sau khi ngày hết cho nên gọi là sao Trường canh (*Trường* là dài, *canh* là tiếp tục thêm nữa), vì rằng sao Kim tinh và sao Thuỷ tinh thường phụ vào mặt trời mà đi, có khi đi trước mặt trời, có khi đi sau mặt trời. Vả lại Kim tinh thì to, Thuỷ tinh thì nhỏ, cho nên chỉ lấy một mình sao Kim tinh để nói mà thôi. 天畢 Thiên tất là sao Tất tinh, hình trạng như cái lưỡi chụp thôi. 行 hàng, hàng liệt.

Nói rằng sao Chức nữ kia không dệt được bức gấm nào để báo đáp cho ta, còn sao Khiên ngưu cũng không dắt được con trâu nào để thảng vào xe của ta cả. Sao Khải minh, sao Trường canh và sao Thiên tất cũng thật không dùng được việc gì (chỉ có cái tên) chỉ bày thành hàng liệt trên trời mà thôi. Đến đây thì biết trời cũng chẳng làm gì cho ta được.

CHƯƠNG VII

維南有箕

49. Duy nam hữu Cơ

不可以簸揚

50. Bất khả dī bǎ dương.

維北有斗

51. Duy bắc hữu Đẩu

不可以挹酒漿

52. Bất khả dī ấp tửu tương.

維南有箕

53. Duy nam hữu Cơ

載翕其舌
維北有斗
西柄之揭

54. Tái háp kỳ thiệt.
55. Duy bắc hữu Đầu
56. Tây bình chi kiết.

Dịch nghĩa

49. Chỉ phương nam có sao Cơ (cái nòng)
50. Không thể sảy cho hết trâu và lúa lép.
51. Chỉ phương bắc có sao Đầu (cái gáo)
52. Không thể múc rượu được
53. Sao Cơ ở phương nam
54. Lại le cái lưỡi ra (như muốn đớp nuốt vật gì ở phương đông).
55. Sao Đầu ở phương bắc
56. Giơ cái cán ra phía tây (để cầm múc lấy tài nguyên ở phương đông).

Dịch thơ

Sao Cơ thấy ở phương nam

Sảy sàng trâu, lép chǎng làm được chi.

Bắc phương sao Đầu áy thì

Rượu vò chǎng mức được gì mảy may.

Phương nam chòm sao Cơ này

Trông như một cái lưỡi dài le ra.

Bắc phương sao Đầu cũng là

Phía tây giơ cán đưa qua mức đồ.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Sao Cơ 氐 và sao Đầu 斗 trong khoảng mùa hạ mùa thu thì thấy hiện ra phương nam. Còn nói là sao 北斗 Bắc Đầu vì sao đầu ở về phương bắc sao Cơ. Hoặc nói là vì sao Bắc Đầu thường hiện ra chớ không ẩn mất. 翳 háp, dán. 扣 thiết, cái lưỡi, nói hai ngôi sao ở dưới của chòm sao Cơ. Cái cán của sao Nam Đầu vẫn chỉ về phía tây, cũng như cái cán sao Bắc Đầu chỉ về phía tây cũng vào mùa thu.

Nói sao Nam Cơ (hình giống cái nòng cái nia) đã không sảy cho bay tráu, bay lúa lép ra, còn sao Bắc Đầu đã chẳng múc được rượu. Mà sao Cơ lại le cái lưỡi ra, trái lại như muốn đốp nuốt vật gì ở phía đông, và sao Đầu lại giơ cái cán ra phía tây (còn phần cái gáo thì xoay về đông) như muốn múc lấy tài nguyên ở phía đông vậy.

Cho nên trời chẳng những đã không làm gì cho ta (nhân dân ở nước chư hầu phía đông) mà lại như muốn giúp thêm cho người ở kinh kỳ nhà Chu phương tây để ta thêm khổn khổ nữa. Đó là lời rất oán hận.

Thiên Đại đông có 7 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 210

CHƯƠNG I

四月

Tứ nguyệt (Tiểu mân 10)

四月維夏

1. Tứ nguyệt duy hạ.

六月徂暑

2. Lục nguyệt tồ thử.

先祖匪人

3. Tiên tổ phỉ nhân

胡寧忍予

4. Hồ ninh nhân dư

Dịch nghĩa

1. Tháng tư mới bắt đầu vào mùa hạ
2. Tháng 6 thì đến hồi rất nóng.
3. Tổ tiên ta chẳng là người hay sao?
4. Sao lại nhẫn tâm khiến ta phải gặp thời loạn lạc làm tai nạn vậy?

Dịch thơ

Tháng tư hè bắt đầu ngay.

Bước qua tháng sáu nóng gay khắp trời.

Tổ tiên há chẳng phải người?

Nhẫn xui ta phải gặp thời họa tai?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 律詩, đi đến. 四月 tú nguyệt, tháng tư. 六月 lục nguyệt, tháng 6, là nói tính theo lịch nhà Hạ, tháng 4 thuộc kiến ty, tháng 6 thuộc kiến vị.

Đây cũng là bài thơ tự thương xót cho mình khi gặp thời loạn lạc. Nói tháng 4 vào mùa hạ tháng 6 thì đến mùa nóng dữ. Tổ tiên ta há lại chẳng phải là người hay sao? Sao lại nhẫn tâm khiến ta gặp tai nạn ấy. Đó là lời không thể đổ tội vào ai được.

CHƯƠNG II

秋日淒淒
百卉具腓
亂離瘼矣
爰其適歸

5. Thu nhật thê thê,
6. Bách huỷ cụ phì.
7. Loạn ly mạc hĩ,
8. Hê kỳ thích quy?

Dịch nghĩa

5. Ngày mùa thu có gió lạnh lêo,
6. Trăm thứ cây cỏ đều tiêu điêu.
7. Thời lom thì lấm bình hoạn ưu phiền,
8. Ta sē đi về nơi đâu?

Dịch thơ

Ngày thu gió lạnh hắt hiu.

Cỏ cây trăm thứ tiêu điêu khắp nơi.

Loạn ly bình hoạn đầy trời,

Thân ta đây sē về nơi đâu nào?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 凄淒 thê thê, gió lạnh. 斋 hủy, cỏ. 肥 phì, bình. 離 ly, ưu sầu. 瘦 mac, bình. 奚 hè, sao? 適 thích, đi đến.

Ngày mùa thu có gió lạnh lêo, trăm thứ cỏ cây đều tiêu điêu.

Thời loạn lấm ưu phiền bình hoạn thì ta sē đi về nơi đâu vậy thay?

CHƯƠNG III

冬日烈烈
飄風發發
民莫不谷
我獨何害

9. Đông nhật liệt liệt,
10. Phiêu phong phát phát.
11. Dân mạc bất cốc
12. Ngã độc hà hại?

Dịch nghĩa

9. Ngày mùa đông thì lạnh run,
10. Gió thổi mạnh gấp.
11. Người dân không ai là bất nghĩa chẳng lành.
12. Mà sao riêng ta lại gặp tai hại áy?

Dịch thơ

Ngày đông thì lạnh tái tệ

Ào ào gió dữ thổi về gấp nhanh.

Dân không bất nghĩa chẳng lành,

Họa tai sao cứ riêng mình gặp luôn?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 烈烈 liệt liệt nhu 嚢烈 lật liệt, lạnh run. 發發 phát phát, dáng mau gấp. 穀穀 cốc cốc, lành.

Mùa hạ thì nóng, mùa thu thì bình, mùa đông thì lạnh. Nói hoạ loạn ngày một hơn, không có lúc nào dứt được.

CHƯƠNG IV

山有嘉卉

13. Sơn hữu già huỷ

侯栗侯梅

14. Hầu lật hầu mai.

廢爲殘賊

15. Phế vi tàn tặc.

莫知其尤

16. Mạc tri kỳ vưu.

Dịch nghĩa

13. Trên núi có thứ cây tết

14. Chỉ có cây lật và cây mai
15. Bực ở ngoài đã biến thành đứa giặc tàn bạo.
16. Chẳng ai biết lỗi ấy là của ai.

Dịch thơ

Núi cao, cây tốt nao là .
Những thân cây lật kia và mai thôi.
Vua thành giặc bạo trên ngôι.
Chẳng ai biết lỗi ấy thời bởi đâu.

Chú giải của hu Hy

Chương này thuộc hứng. 嘉 *gia*, lành tốt. 侯 *hâu*, duy, chỉ. 廢 *phé*, biến. 尤 *vưu*, lỗi.
Trên núi có cây tốt, chỉ có cây lật và cây mai. Bực ở ngoài đã biến thành đứa giặc tàn bạo, thì lỗi của ai thế?

CHƯƠNG V

相彼泉水
載清載濁
我日構禍
曷雲能谷

17. Tướng bỉ tuyên thuỷ
18. Tái thanh tái trọc.
19. Ngā nhật cấu hoạ.
20. Hạt vân năng cốc?

Dịch nghĩa

17. Xem nước suối kia
18. Còn có khi trong khi đục.
19. Ta ngày ngày cứ bị tai họa cấu kết vào măi.

20. Thì ai nói có thể tốt lành lại được ? (Ai nói thời thế
sẽ hết hoạ loạn mà sáng trong trở lại?)

Dịch thơ

Kia nguồn nước suối hãy trông
Còn khi thì đục, khi trong nữa mà.
Đập đồn tai hoạ vào ta.
Trở thành tốt đẹp nói ra ai nào?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 相tương, xem. 载 tái, thì.
構 cấu, hợp. Xem nước suối kia, còn có lúc trong lúc đục.

Ta ngày ngày gặp tai hoạ, thì ai nói có thể tốt lành lại
được chăng?

CHƯƠNG VI

滔滔江漠
南國之紀
盡瘁以仕
寧莫我有

21. Thao thao Giang, Hán
22. Nam quốc chí kỷ.
23. Tân ngā tuy dī sī.
24. Ninh mạc ngā hữu.

Dịch nghĩa

21. Sông Trường Giang, sông Hán mênh mông to rộng.
22. Như những sợi dây chằng chít ở nước phương nam.
23. Ta tận tuy làm quan
24. Mà sao vua chẳng biết là có như vậy?

Dịch thơ

Mênh mông sông Hán, Trường giang

Phương nam chằng chịt bùa giăng khắp vùng.

Làm quan tận tuy đến cùng.

Mà sao vua chằng hiểu lòng ấy cho?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 滔滔 *thao thao*, dáng nước mênh mông to rộng. 江漢 *Giang Hán*, tên hai con sông, sông Trường Giang và sông Hán. 紀kỷ, cương kỷ, nói là sợi dây. 毙tuy, bình. 有 hữu (đọc vī cho hợp vận) biết là có.

Sông Trường Giang và sông Hán mênh mông to rộng như những sợi dây chằng chịt ở nước phương nam. Nay ta làm quan hết lòng làm việc đến đau bệnh, mà tại sao vua chằng biết là có như vậy?

CHƯƠNG VII

匪鶴匪鳶

25. Phỉ đoàn phỉ diên

翰飛戾天

26. Hàn phi lệ thiên

匪鱠匪鮪

27. Phỉ chiên phỉ vi

潛逃于淵

28. Tiềm đào vu uyên.

Dịch nghĩa

25. Ta chằng phải chim diều và chim ó

26. Để có thể bay cao sát trời mà trốn tránh

27. Ta chằng phải cá chiên cá vī.

28. Để có thể lặn dưới vực sâu mà trốn tránh.

Dịch thơ

Ta không là ó, diều hâu

Sát trời bay vút để hâu tránh xa.

Cá chiên cá vĩ không là

Lặn chìm đáy vực để mà lánh thân.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 鶲đoàn, con diều hâu. 鳥diên (đọc *dū*), con ó, loài chim dữ. Chim diều và chim ó bay cao sát sông Ngán. 鱈chiên, 鮪vĩ là hai loài cá to.

Chim diều và chim ó có thể bay cao sát trời, cá chiên cá vĩ có thể lặn trốn ở dưới vực sâu. Còn ta không phải là bốn loài chim cá ấy, cho nên không thể trốn tránh đi đâu được.

CHƯƠNG VIII

山有蕨薇

29. Sơn hữu quyết vi.

隰有杞桋

30. Tháp hữu khỉ di.

君子作歌

31. Quân tử tác ca

維以告哀

32. Duy dī cáo ai.

Dịch nghĩa

29. Trên núi có rau quyết vi.

30. Dưới tháp có cây khỉ di.

31. Người quân tử làm bài ca này

32. Chỉ là để bày tỏ nỗi đau đớn trong lòng mà thôi.

Dịch thơ

*Trên non có rau quyết vi,
Còn nơi đất thấp khi di mọc đầy.
Người quân tử làm thơ này
Nỗi lòng đau đớn tỏ bày thê thỏi*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 上khỉ, cây cầu kê. 楊di, cây xích tốc, lá nhỏ mà nhọn, sớ vỏ lộn xộn, ưa mọc thành bụi trên núi, có thể dùng làm gọng xe.

Trên núi thì có rau quyết vi, dưới thấp thì có cây khỉ di. Người quân tử làm bài ca, chỉ là để bày tỏ nỗi đau đớn trong lòng mà thôi.

Chú giải của Dịch giả

Mao thi: Trên núi có rau quyết vi, dưới thấp có cây khỉ di, loài rau loài cây đều được yên nơi thích hợp mà sống. Còn dân chúng trong thời loạn lạc chẳng được yên nơi yên chốn như loài thảo mộc ấy. Đó là ý nghĩa của thuộc hưng.

*Thiên Từ nguyệt có 8 chương, mỗi chương 4 câu.
Tiểu man chi thập có 10 thiên, 65 chương, 414 câu.*

6. BẮC SƠN CHI THÁP

(Mười thiền thuộc phần thơ Bắc Sơn)

BÀI THỨ 211

CHƯƠNG I

北山	Bắc Sơn (Bắc Sơn 1)
陟彼北山	1. Trắc bì bắc sơn
言采其杞	2. Ngôn thái kỵ khỉ.
偕偕士子	3. Giai giai sĩ tử
朝夕從事	4. Triệu tịch tùng sự.
王事靡鹽	5. Vương sự mĩ cổ
憂我父母	6. Ưu ngā phụ māu.

Dịch nghĩa

1. Lên trên núi bắc
2. Nói là để hái cây khỉ.
3. Kẻ sĩ này cường tráng.
4. Sớm tối đi phục dịch cho vua.
5. Việc của vua không thể nào không cẩn thận chắc chắn được (phải chịu lao nhọc chu tất).
6. Vì thế phải để mối ưu lo cho cha mẹ ta.

Dịch thơ

Bắc sơn lần bước leo lên

*Rằng tìm cây khỉ ở trên hái dùng
Sí này là kẻ dũng hùng,
Việc vua sớm tối ra công nhọc nhằn.
Việc vua phải ráng siêng cần,
Mẹ cha ta phải nặng phẫn lo âu.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 偕偕 *gai gai*, dáng cường tráng. 士子 *sĩ tử* (đọc tỳ cho hợp vận), nhà thơ tự gọi mình là *sĩ tử*.

Quan đại phu đi phục dịch làm bài thơ này tự nói rằng: Lên trên núi bắc mà hái cây khỉ, thì đều là người cường tráng, sớm tối phải đi phục dịch cho vua. Vì rằng công việc của vua không thể nào không siêng cần, cho nên phải để lại mối ưu lo cho cha mẹ.

CHƯƠNG II

- | | |
|-------|---------------------------|
| 溥天之下 | 7. Phổ thiên chi hạ |
| 莫非王土 | 8. Mạc phi vương thổ. |
| 率土之濱 | 9. Suất thổ chi tân, |
| 莫非王臣 | 10. Mạc phi vương thân. |
| 大夫不均 | 11. Đại phu bất quân |
| 我從事獨賢 | 12. Ngā tùng sự độc hiền. |

Dịch nghĩa

7. Khắp cõi dưới trời

8. Chẳng có chỗ nào là không phải lanh thổ của vua
9. Nói theo những vùng đất ven bờ
10. Dân chúng khắp nơi, chẳng ai là không phải bê tôi
của vua.
11. Nhưng quan đại phu lại không công bình (ám chỉ
vua chia công việc không đồng đều).
12. Khiến một mình ta phải phục dịch nhọc nhằn hơn
hết.

Dịch thơ

*Khắp nơi ở dưới trời cao
Đất vua chẳng có chỗ nào là không.
Nói theo bờ nước những vùng
Tôi vua, chẳng có ai không phải là.
Công bình quan chẳng tỏ ra,
Nhọc nhằn hơn hết, riêng ta một mình.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 博 phô, to rộng. 率 suất, nói theo, lần theo. 濱 tān, bờ nước.

Nói đất đai rộng rãi, bê tôi đông đảo mà vua lại không công bình, khiến ta phục dịch, chỉ riêng một mình chịu lao khổ.

Không chỉ thằng vua mà chỉ nói vào quan đại phu, không nói riêng một mình ta chịu lao khổ mà nói riêng một mình ta chịu nhiều hơn, đó là lòng trung hậu của nhà thơ như thế.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|----------------------------|
| 四牡彭彭 | 13. Tứ mău bành bành. |
| 王事傍傍 | 14. Vương sự bàng bàng. |
| 嘉我未老 | 15. Gia ngă vị lão, |
| 鮮我方將 | 16. Tiễn ngă phuong tương, |
| 旅力方剛 | 17. Lữ lực phuong cương |
| 經營四方 | 18. Kinh doanh tứ phuong. |

Dịch nghĩa

13. Đi xe bốn ngựa đực, ta dong ruồi mài không dặng nghỉ ngơi.
14. Việc của vua sai thì không bao giờ dứt.
15. Vua khen ta chưa già,
16. Cho ta là mạnh mẽ hiếm có.
17. Sức lực ta đang dũng mãnh
18. Có thể kinh doanh công việc ở bốn phương.

Dịch thơ

Đi xe bốn ngựa ruồi dong

Không hề dứt việc vua dùng sai ta.

Vua khen ta vẫn chưa già,

Cho rằng còn mạnh thật là hiếm hoi.

Sức ta dũng mãnh đang thời

Kinh doanh công việc ở ngoài bốn phương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 彭彭 *bành bành* (đọc *phang phang* cho hợp vận) không được nghỉ ngơi. 傍傍 *bǎng bǎng* (đọc *bang bang* cho hợp vận) không dứt. 嘉 *gia*, tốt lành. 鮮 *tiễn*, ít, ít thì khó kiềm. 將 *tương*, mạnh mẽ. 旅 *lǚ*, đồng với 舛 *lu*, là xương sống. *Lữ lực* là khí lực trong thân thể.

Nói vua sở dĩ đã sai khiến ta vì khen ta chưa già lại đương hi cường tráng, sức lực dồi dào có thể lo liệu mọi việc trong bốn phương. Cũng như ý tú ở chương trên nói *độc hiền*, nói riêng một mình ta nhọc nhằn nhiều hơn hết.

CHƯƠNG IV

或燕燕居息
或盡瘁事國
或息偃在
或不已于行

19. Hoặc yên yến cư túc.
20. Hoặc tận tuy sự quốc.
21. Hoặc túc yển tại sàng.
22. Hoặc bất dĩ vu hành.

Dịch nghĩa

19. Hoặc có kẻ thì được yên ổn nghỉ ngơi.
20. Hoặc có người thì phải tận tuy phụng sự quốc gia.
21. Hoặc có kẻ được nằm nghỉ trên giường
22. Hoặc có người phải đi phục dịch mãi không thôi.

Dịch thơ

Có người yên nghỉ thung dung.

Có người việc nước nhọc lòng đâm đương.

Có người nằm nghỉ trên giường.

Có người phục dịch vẫn thường chẳng thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 燕燕 yān yān, đáng yên ổn nghỉ ngơi. 痞tuy, bệnh. 已dī, dừng, thôi.

Nói việc sai khiến không đồng đều (kẻ lao nhọc, người an nhàn). Chương này cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG V

或不知叫號

23. Hoặc bất tri khiếu hào.

或慘慘劬勞

24. Hoặc thảm thảm cù lao.

或棲遲偃仰

25. Hoặc thê trì yển ngưỡng.

或王事鞅掌

26. Hoặc vương sự ưởng chưởng.

Dịch nghĩa

23. Hoặc có kẻ an nhàn không hề nghe đến tiếng bê trên kêu gọi sai khiến.

24. Hoặc có người phải sầu khổ mệt nhọc.

25. Hoặc có kẻ an nhàn dạo chơi khỉ cúi xuống lúc ngẩng lên nhìn xem phong cảnh.

26. Hoặc có người vì công việc của vua mà phải hốc hác tiêu tuy.

Dịch thơ

Có người chẳng bị gọi kêu.

Có người khổ nhọc xem chiều xác xơ.

Có người dạo cảnh nhởn nhơ,

Có người vua khiến bơ phờ mỏi mè.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 不知叫號 *bát tri khiếu hào*, ở yên nhàn đặt, không nghe tiếng người kêu gọi. 袷掌 *uồng chưởng*, hốc hác, tiêu tuy, nói công việc phiền phức mệt, không đặng rành rang vui tươi.

CHƯƠNG VI

或湛樂飲酒

27. Hoặc đam lạc ẩm túu.

或慘慘畏咎

28. Hoặc thảm thảm uý cữu.

或出入風部

29. Hoặc xuất nhập phúng nghị.

或靡事不爲

30. Hoặc mĩ sự bất vi.

Dịch nghĩa

27. Hoặc có kẻ an nhàn vui thích uống rượu.

28. Hoặc có người phải sâu khổ sợ cho mình vương điệu tội lỗi.

29. Hoặc có kẻ an nhàn được tin cậy thung dung ra vào nghị luận bàn bạc.

30. Hoặc có người quá bận rộn không việc gì là không làm.

Dịch thơ

Có người uống rượu thích tình.

Có người sâu khổ, sợ mình tội mang.

Có người xuất nhập luận bàn.

Có người mọi việc rộn ràng xiết bao!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 詞 cùu, tội lỗi. 出入風議 xuát nhập phùng nghi (đọc nghi cho hợp vận) nói được thân tín thung dung.

Thiên Bắc sơn có 6 chương, 3 chương 6 câu và 3 chương 4 câu.

BÀI THÚ 212

CHƯƠNG I

無將大車

Vô tương đại xa (Bắc sơn 2)

無將大車

1. Vô tương đại xa,

祗自塵兮

2. Chi tự trần hế.

無思百憂

3. Vô tư bách ưu,

祗自疵兮

4. Chi tự đê hế.

Dịch nghĩa

1. Chớ phụ đầy chiếc xe to,
2. Bụi bùn sẽ nhơ nhuốc vào mình.
3. Chớ lo nghĩ trăm mối ưu phiền.
4. Bình hoạn sẽ đến vào mình.

Dịch thơ

Chớ nên phụ đầy xe to,

Bụi bùn át sẽ nhuốc nhơ vào mình.

Trăm ưu phiền chớ nghĩ quanh,

Bình đau sẽ đến hoành hành vào thân.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 將 *tương*, phụ đầy xe tiến tới.
 大車 *dai xa*, xe to để chở đồ trên đường phẳng do bò kéo.
 祗 *chi*, đến. 瘋 *đé*, bệnh.

Đây cũng là bài thơ của người đi phục dịch lao khổ phải
 ưu sầu lo nghĩ mà làm ra.

Nói ra phụ đầy xe to thì bị bụi lâm dơ, hé lo nghĩ trăm mối
 ưu phiền thì bệnh hoạn sẽ đến vào mình.

CHƯƠNG II

無將大車

5. Vô *tương* *dai xa*

維塵冥冥

6. Duy *trần* *minh minh*

無思百憂

7. Vô *tư* *bách ưu*

不出于穎

8. Bất *xuất vu cảnh*.

Dịch nghĩa

5. Chở phụ đầy chiếc xe to,

6. Bụi bùn sẽ làm cho mình tối tăm.

7. Chở lo nghĩ trăm mối ưu phiền.

8. Mình phải lu mờ mà không thoát ra được.

Dịch thơ

Xe to chở phụ đầy qua,

Bụi bùn át sẽ khiến ta u mờ.

Trăm ưu phiền chở nghĩ lo,

Tối tăm không thể thoát cho khỏi nào.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 真冥 minh minh (đọc minh minh cho hợp vận) tối tăm. 離 cảnh đồng với 耿 cảnh là lờ mờ. Đang trong cảnh ưu phiền mình như lu mờ không thoát ra được.

CHƯƠNG III

無將大車

9. Vô tương đại xa,

維塵離兮

10. Duy trần ung hề.

無思百憂

11. Vô tư bách ưu,

祗自重兮

12. Chỉ tự trọng hề.

Dịch nghĩa

9. Chớ phụ đầy chiếc xe to,
10. Bụi bùn sẽ phủ vào mình.
11. Chớ lo nghĩ trăm mối ưu phiền.
12. Chỉ mang phiền lụy mà thôi.

Dịch thơ

Xe to phụ đầy chớ nén,

Bụi bùn ắt sẽ phủ lên mình liền.

Chớ lo trăm mối ưu phiền.

Chỉ mang thêm lụy chẳng yên vào mình.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 离 ㄤ (cũng đọc ung) che đầy. 重 trùng (cũng đọc trọng) như 累 luy, là phiền lụy.

Thiên Vô tương đại xa có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THÚ 213

CHƯƠNG I

小明	Tiểu minh (Bắc sơn 3)
明明上天	1. Minh minh thượng thiên
照臨下土	2. Chiếu lâm hạ thổ.
我征徂西	3. Ngā chính tǔ tây,
至于艽野	4. Chi vu Cầu dā
二月初吉	5. Nhị nguyệt sơ cát.
載離寒暑	6. Tái ly hàn thử.
心之憂矣	7. Tâm chi ưu hĩ,
其毒大苦	8. Kỳ độc thái khổ.
念彼共人	9. Niệm bỉ cung nhân,
涕零如雨	10. Thê linh như vũ.
豈不懷歸	11. Khi bất hoài quy?
畏此罪罟	12. Uý thử tội cỗ.

Dịch nghĩa

1. Trời sáng chói ở trên
2. Chiếu xuống dưới đất.
3. Ta đi phục dịch ở phương tây,
4. Đến vùng Cầu dā

5. Vào ngày tốt tháng hai.
6. Thời gian trôi qua đã cách xa mùa hè nóng và mùa đông lạnh rồi (nghĩa là năm đã hết).
7. (Mà ta không dặng trả về cho nên) lòng ta ưu sầu.
8. Rất khổ đau như bị thuốc độc.
9. Ta nhớ đến bạn đồng liêu của ta kia hiện đang ở trong triều (không bị di phục dịch ở xa).
10. Mà lệ đỗ xuống như mưa.
11. Ta há lại không nhớ nhà mà không muốn trở về hay sao?
12. (Ta không dám tự tiện trở về) vì sợ mắc vào lưới pháp luật mà bị tội.

Dịch thơ

Tưng bừng rực rỡ trên trời,

Dưới trần ánh sáng chiếu soi phủ đầy.

Ta đi phục dịch phương tây.

Thì vùng Cầu đã là đây đến rồi.

Tháng hai ngày tốt đến nơi.

Hè, đông, nóng lạnh các thời đều xa.

Chẳng về sâu nào lòng ta,

Khổ như thuốc độc xót xa thâm vào.

Nhớ đồng liêu hiện ở trào.

Như mưa tầm tã rạt rào lệ sa.

Há không nhớ trở lại nhà?

Sợ mang tội lỗi nên ta nhẫn lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 征 chinh, đi. 徵 tồ, đến. 花野 Câu dā (đọc thư cho hợp vận) tên đất, đó là vùng xa xôi hoang vu. 二月 nhì nguyệt, tháng 2, cũng là lát lịch nhà Hạ mà tính, thuộc tháng kiến mão. 初吉 sơ cát, ngày đầu tháng tốt lành. 毒 độc, nói trong lòng như bị thuốc độc làm đau đớn. 其人 cung nhân, những bạn hữu làm quan còn ở trong triều không bị sai phải ra ngoài. 懊 hoài, nhớ. 罷 cổ, cái lưỡi. Quan đại phu, tháng 2 thì bị sai đi phục dịch ở phía này, đến cuối năm mà chưa được trở về, cho nên mới kêu trời mà bày tỏ nỗi lòng. Lại nhớ bằng hữu còn ở tại triều, tự nói là mình sợ mắc tội mà không dám trở về.

CHƯƠNG II

昔我往矣
日月方除
曷雲其還
歲聿雲莫
念我獨兮
我事孔庶
心之憂矣
憚我不暇
念彼共人
睠 瞴 懷顧
豈不懷歸

13. Tích ngā vāng hī,
14. Nhật nguyệt phương trú.
15. Hạt van kỳ hoãn?
16. Tuế duật vân mộ,
17. Niệm ngā độc hē,
18. Ngā sự khổng thú,
19. Tâm chi ưu hī,
20. Đá ngā bất hạ.
21. Niệm bỉ cung nhân
22. Quyến quyến hoài cổ.
23. Khi bất hoài quy?

Dịch nghĩa

13. Xưa ta ra đi.
14. Ngày tháng vừa bước qua năm mới (ngày đầu tháng 2).
15. Nay làm sao nói được ngày về là bao giờ?
16. Mà năm thì đã hết,
17. Nhớ lại thân ta lẻ loi cô độc.
18. Mà việc của ta phải làm lại rất nhiều.
19. Cho nên lòng ta ưu sầu.
20. Vì ta quá nhọc nhằn không đặng rảnh rang
21. Ta nhớ đến bạn đồng liêu của ta kia hiện ở tại triều
22. Đang ân cần đoái trông đến ta.
23. Ta há lại không nhớ nhà không muốn trở về hay sao?
24. (Ta không dám tự tiện trở về) vì sợ vua giận dữ khiển trách.

Dịch thơ

Ta xưa cất bước ra đi,

Tháng ngày năm mới đúng kỳ vừa qua.

Ngày về nào biết nói ra.

Năm tàn thời khắc tiêu ma hết rồi.

Nhớ ta cô độc lẻ loi,

Nhiều thay công việc, hiện thời đầm đang!

Lòng ta sầu não bàng hoàng.

Nhoc nhằn lại chẳng rảnh rang chút nào.

Nhớ đồng liêu ở tại trào
Ân cần tha thiết đoái vào chờ trông.
Nhớ về ta há lại không?
Sợ vua giận trách nên lòng chẳng dì.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 除 trứ, dứt cũ qua mới. Nói ngày đầu tháng hai. 庶 thứ nhiều. 簡 đơn, nhọc nhăn. 曖昧 quyến quyển, ý ân cần trọng hậu. 謔怒 khiển nộ, khiển trách người có tội.

Nói xưa ta ra đi vào lúc nầy, nay chưa biết bao giờ mới được trở về, mà năm thì đã hết. Vì chỉ có một mình thân ta mà công việc lại nhiều cho nên phải cần lao nhọc nhăn không được rảnh rang.

CHƯƠNG III

昔我往矣
日月方奥
曷雲其還
政事愈蹙
歲聿雲莫
采蕭獲菽
心之憂矣
自詒伊戚
念彼共人

25. Tích ngã vâng hī
26. Nhật nguyệt phương úc.
27. Hạt vân kỳ hoàn?
28. Chính sự dù xúc,
29. Tuế duật vân mộ.
30. Thái tiều hoạch thúc!
31. Tâm chi ưu hī,
32. Tự di y thích.
33. Niệm bỉ cung nhân,

興言出宿
豈不懷歸
畏此反覆

34. Hưng ngôn xuất túc.
35. Khi bất hoài quy?
36. Uý thử phản phúc.

Dịch nghĩa

25. Xưa ta ra đi
26. Ngày tháng vừa vào mùa ám áp (ngày đầu tháng 2
mùa xuân).
27. Làm sao nói được ngày trở về?
28. Việc chính trị càng gấp rút.
29. Mà năm thì đã hết.
30. Mọi người lo hái tiêu (để làm cùi) hái đậu rồi (mà ta
thì chẳng được về).
31. Cho nên lòng ta ưu sầu.
32. Tự giành lấy cái buồn phiền này (vì không biết tìm
cơ hội để lánh xa).
33. Ta nhớ đến bạn đồng liêu của ta kia hiện ở tại triều
(được an nhàn).
34. Cứ trằn trọc không ngủ được) ta đứng dậy ra nầm ở
ngoài.
35. Ta há lại không nhớ nhà, không muốn trở về hay
sao?
36. (Ta không dám tự tiện trở về) vì sợ vua tính hay
tráo trở bất thường (sẽ trừng phạt ta không đáng tội).

Dịch thơ

*Ta xưa dong ruồi ra đi
Tháng ngày ám áp đang khi xuân hoà.
Ngày về nào biết nói ra,*

Bao nhiêu chính sự thật là gấp thay!

Mà năm thì sấp hết ngay.

Hái tiêu, hái đậu liền tay mọi người.

Lòng ta sâu khổ bùi ngùi,

Tự mình giành lấy lầm hồi phiền đau.

Nhớ đồng liêu ở tai trào,

Đứng lên thui thui ra mau mà nằm.

Nhớ nhà há chẳng về thăm?

Vua hay tráo trở ta thảm ngại lo.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 奧 ức, ám. 霽 xúc, gấp rút. 詭 di, để lại. 戀 thích (đọc túc cho hợp vận) ưu sâu. 興 hưng, dậy. 反覆 phản phúc, ý tráo trở bất thường.

Nói việc chính trị càng gấp, cho nên đến lúc hết năm mà cũng không được trở về. Lại tự trách mình không biết tìm cơ hội để lánh xa, cho nên mới chịu lấy cái ưu sâu này. Vì thế mà năm không yên giấc mới trở ra nằm ở ngoài (không nằm ở trong nữa).

CHƯƠNG IV

嗟爾君子

37. Ta nhī quân tử!

無恆安處

38. Vô hằng an xứ.

靖共爾位

39. Tịnh cung nhī vị.

正直是與

40. Chính trực thị dữ.

神之聽之
式谷以女

41. Thần chi thính chi,

42. Thức cốc dī nhữ.

Dịch nghĩa

37. Than ôi những bực quân tử như các bạn!
38. Chớ nên ở yên ổn mãi.
39. Hãy lặng lẽ giữ chức vị mình.
40. Các bạn chỉ giúp đỡ người chính trực mà thôi.
41. Thi thần thánh sẽ nghe cho.
42. Và sẽ đem phúc lộc cho các bạn.

Dịch thơ

Bực làm quân tử bạn ôi

Chớ nên sống mãi yên vui tốt lành.

Lặng mà giữ chức vị mình,

Giúp người chính trực trung thành mà thôi.

Thánh thần nghe thấu được lời.

Sẽ đem phúc lộc vun bồi thương cho.

Chú giải của Chu Hy

Chương này được phú. 父子 quân tử, cũng chỉ những bạn đồng liêu ở tại triều. 恒 hằng, thường. 靜 tĩnh đồng với 靜 tịnh, yên tĩnh. 與 dù, giúp, 穀 cốc, phúc lộc. 以 dī như 與 dù, cho.

Ở chương trên đã tự thương xót cho mình, chương này lại răn bạn đồng liêu rằng. Than ôi các bạn chớ lấy việc yên ổn làm mực độ thường để sống! Ý nói phải có lúc lao khổ. Chớ

lô nghĩ được yên ổn mãi, phải lắng lặng giữ đúng chức vị của mình, và chỉ giúp đỡ người chính trực mà thôi, thì thánh thần sẽ nghe cho, và sẽ lấy phúc lộc cho các bạn.

CHƯƠNG V

嗟爾君子

43. Ta nhī quân tử!

無恆安息

44. Vô hằng an túc,

靖共爾位

45. Tịnh cung nhī vị.

好是正直

46. Háo thị chính trực.

神之聽之

47. Thần chi thính chi,

介爾景福

48. Giới nhī cảnh phúc.

Dịch nghĩa

43. Than ôi những bực quân tử các bạn!

44. Chớ nên ở yên ổn mãi.

45. Hãy lắng lặng giữ đúng chức vị mình,

46. Hãy thương người ngay thẳng.

47. Thì thần thánh sẽ nghe cho.

48. Sẽ ban cho các bạn những phúc lớn.

Dịch thơ

Bạn ta quân tử những người!

Chớ nên sống mãi an vui thanh bình.

Lặng yên giữ chức phận mình.

Hãy thương những kẻ hiền lành thẳng ngay.

Thánh thần ắt sẽ lắng tai.

Sẽ đem phúc lớn lâu dài thường cho.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 息 tức như 處 xứ, là ở. 好是正直 *hảo thí chính trực*, thương người ngay thẳng ấy. 介 giới và 景 cảnh đều là to.

Thiên Tiếu minh có 5 chương, 3 chương 12 câu và 2 chương 6 câu.

BÀI THÚ 214

CHƯƠNG I

鼓鍾	Cỗ chung (Bắc sơn 4)
鼓鍾將將	1. Cỗ chung thương thương
淮水湯湯	2. Hoài thuỷ thương thương,
憂心且傷	3. Ưu tam thả thương,
淑人君子	4. Thực nhân quân tử
懷允不恁	5. Hoài doān bất vong.

Dịch nghĩa

1. Đánh chuông nghe keng keng
2. Trên sông Hoài nước cuộn tung lên.
3. Người nghe được phải ưu sầu đau xót.
4. Những bức vua hiền lành quân tử ngày xưa,
5. (Ta) nhớ và tin tưởng mãi không quên.

Dịch thơ

Keng keng nghe đánh tiếng chuông

Sông Hoài tung nước cuộn cuồn lao xao.

Người nghe được phải ưu sầu.

Vua xưa những bức tài cao hiền lành.

Không quên tin tưởng lòng thành.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 將將 *thương thương*, tiếng chuông. 淮 *Hoài*, sông Hoài chảy ra ở núi Đồng Bách thuộc quân (khu vực hành chính). Tín dương đến quân Liên thuỷ ở Sở châu ra biển. 湯湯 *thương thương*, dáng tung vọt lên. 淑 *thục*, lành tốt. 懷 *hoài*, nhớ. 忖 *doãn*, tin.

Ý nghĩa của bài này chưa rõ.

Vương thị nói rằng: U vương đánh chuông ở trên sông Hoài để mê man vui chơi mãi mà quên trở về. Người nghe được phải sầu thương nhớ lại những bức quân tử ngày xưa mà không thể quên được.

CHƯƠNG II

鼓鍾喈喈

6. Cổ chung giai giai

淮水湝湝

7. Hoài thuỷ hài hài.

憂心且悲

8. Ưu tâm thả bi.

淑人君子

9. Thục nhân quân tử

其德不回

10. Kỳ đức bất hồi.

Dịch nghĩa

6. Đánh chuông nghe keng keng
7. Trên sông Hoài nước cuộn tung lèn.
8. Nghe được lòng phái ưu sâu lại bì thương.
9. Những bực vua hiền lành quân tử ngày xưa
10. Đức hạnh không hề tà vạy.

Dịch thơ

Keng keng chuông đánh khua rên

Cuộn cuộn nước chảy tung trên sông Hoài.

Nghe qua lòng những bi ai.

Vua xưa quân tử hiền tài vinh hoa

Đức thì quyết chẳng vay tà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 哕喈 *gai gai* (đọc *giê giê*) như 將將 *thương thương*, tiếng chuông. 潛潛 *hở hở* (đọc *hở hở*) như 湯湯 *thương thương*, dáng tung vọt lên. 卦 *hồi* (đọc *hì* cho hợp vận), tà vạy.

CHƯƠNG III

鼓鍾伐磬

11. Cỗ chung phạt cao.

淮有三洲

12. Hoài hữu tam châu.

憂心且妯

13. Ưu tâm thả trừu.

淑人君子

14. Thục nhân quân tử,

其德不猶

15. Kỳ đức bất do.

Dịch nghĩa

11. Đánh chuông, đánh trống to.
12. Sông Hoài đã hiện lên ba cồn.
13. Nghe được lòng phái ưu sâu xao động.
14. Những bực vua hiền lành quân tử ngày xưa.
15. Đức hạnh không hoảng loạn như vua ngày nay.

Dịch thơ

Đánh chuông và đánh trống to.

Sông Hoài đã hiện ba gò cồn cao.

Lòng ta xúc động ưu sâu,

Vua xưa quân tử xiết bao hiền tài!

Đức không hoảng loạn như vầy.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 璞 cao (đọc *cửu* cho hợp vận) cái trống to. Sách *Chu lê* viết 皋 cao. Nói rằng trống ấy cao cổ dài 1 tấc và 4 thước. 三洲 *tam châu*, ba cồn, những đất trên sông Hoài.

Tô thị nói rằng: Khởi đầu thì nói thương thương (nước tung lên) kế nói hài hài (nước tung lên) sau cùng nói tam châu (nước rút, còn hiện lên). Ý nói U vương vui chơi lâu mãi trên sông Hoài.

帥 *trùu*, động猶 *du* (*do*) như. Ý nói không như vua ngày nay quá hoảng loạn.

CHƯƠNG IV

鼓鍾欽欽

16. Cổ chung khâm khâm,

- | | |
|------|------------------------------|
| 鼓瑟鼓琴 | 17. Cỗ sắt cỗ cầm. |
| 笙磬同昔 | 18. Sênh khánh đồng âm, |
| 以雅以南 | 19. Dī Nhā dī Nam |
| 以籥不僭 | 20. Dī được bắt thâm (tiếm). |

Dịch nghĩa

16. Đánh chuông nghe keng keng
17. Khảy đàn cầm đàn sắt.
18. Tiếng sáo tiếng khánh hòa hợp,
19. Hát thơ Nhị Nhā, thơ Nhị Nam.
20. Và thổi sáo nhảy múa đều không rối loạn.

Dịch thơ

*Keng keng chuông đánh khua vang,
 Sắt cầm cùng khảy nhịp nhàng đưa xa,
 Sáo cùng khánh lại hợp hoà,
 Nhị Nam, Nhị Nhā lại ca chen vào.
 Múa theo sáo chẳng loạn nào.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 欽欽 *khâm khâm*, cũng là tiếng chuông. 磬 *khánh*, một loại nhạc khí làm bằng đá 琴瑟 *cầm sắt*, đàn cầm đàn sắt thì đánh ở trên nhà. 笙 *sênh khanh*, ông sáo và cái khánh thì tấu ở dưới nhà. 同音 *đồng âm*, đồng một thanh âm, nói tiếng nhạc hòa hợp. 雅 *Nhā* là Nhị Nhā, Đại Nhā và Tiểu Nhā 南 *Nam* (đọc *Nâm* cho hợp vận) là Nhị Nam, Chu Nam và Thiện Nam. 篪 *được*, thổi sáo mà nhảy

múa. *替 tiém* (đọc *thâm* cho hợp vận), loạn. Ý nói ba việc áy (hát thơ Nhị Nhã, hát thơ Nhị Nam và thổi sáo nhảy múa) đều không rối loạn.

Tô thị nói rằng: U vương thất đức há vì nhạc vui chơi không phải thuộc loại cổ của các tiên vương ru? Nhạc thì đúng mà người thì sai.

Thiên Cổ chung có 4 chương, mỗi chương 5 câu.

Ý nghĩa của bài thơ này có điều không thể biết rõ được. Cho nên nay chỉ giải thích người và vật trong thơ theo huấn cổ, và lấy những thuyết của Vương thị, Tô thị giải nghĩa, chưa dám tin ắt là thế.

BÀI THỨ 215

CHƯƠNG I

楚茨

Sở từ (Bắc Sơn 5)

楚楚者茨

1. Sở sở giả từ,

言抽其棘

2. Ngôn trừu kỳ cức.

自昔何爲

3. Tự tích hà vi?

我蕡黍稷

4. Ngā nghệ thử tắc.

我黍與與

5. Ngā thử dư dư,

我稷翼翼

6. Ngā tắc dục dục.

我倉既盈

7. Ngā thương ký doanh,

我庾維億

8. Ngā du duy ức,

以爲酒食

9. Dī vi tửu thực,

以享以祀	10. Dĩ hưởng dĩ tự,
以妥以侑	11. Dĩ thoả dĩ hựu
以介景福	12. Dĩ giới cảnh phúc.

Dịch nghĩa

1. Cây từ chen rậm rạp
2. Phải trừ dẹp cho hết gai góc.
3. Từ xưa sao lại làm như thế?
4. Là để ta trồng lúa và nếp.
5. Khi nếp của ta đã tươi tốt.
6. Khi lúa của ta đã rướm rà,
7. Khi vựa của ta đã đầy.
8. Khi bồ của ta đã chứa đủ mười vạn hộc.
9. Thì làm rượu làm món ăn.
10. Để dâng lên để cúng tế,
11. Để rước xác thần ngồi yên và để khuyên mời ăn uống.
12. Để được phước lớn.

Dịch thơ

Đã rướm rà cây từ chen mọc,

Phải dẹp cho hết góc hết gai

Từ xưa sao đã thế này?

Để cho lúa nếp ta nay trồng vào.

Khi nếp ta lên cao tươi tắn,

Khi lúa ta mọc đãng rậm đầy,

Vựa ta để chứa vun đầy,

*Chứa mười vạn hộc bồ này của ta,
Thi làm rượu cùng là các thứ,
Để có mà tế tự cùng dâng.
Mời ngồi ăn uống xác thân
Để mong phúc lớn vô ngàn ban cho.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 楚楚sở sở, dáng chen rậm rà. 淡tù, cây tật lê. 抽trừu, trừ bỏ. 找ngā, ta, người được hưởng hoa lợi về ruộng nương để cúng tế tự xưng. 與與dư dư, 翼翼dựcdực, đều là dáng phồn thịnh. 廣cū, cái bồ để chứa không có nóc. 億ức, 10 vạn (100.000). 臨hưởng, dâng lên để cúng. 妥thoả, ngồi yên. Kinh Lê chép rằng: *chiều thoả thi*, dạy xác thân ngồi yên. Vì rằng khi cúng tế, phải bối bằng cỏ thì để chọn con của thần tộc ra làm xác thần; khi đã bày lẽ vật ra, thì rước xác thần ngồi trên thần vị, rồi vái cho xác thần ngồi yên. 侑hựu (đọc dịch cho hợp vận), khuyên mời ăn uống. Lại sợ rằng xác thần hoặc chưa no mới khuyên chúc rằng: Xác thần chưa no đầy. 介giới, to lớn. 景cảnh, cũng to lớn.

Bài thơ này thuật lại việc bức công khanh có hoa mầu về ruộng nương rán lò cày cấy để có mà cúng tế ở tông miếu. Cho nên nói những đất bị cây tật lê che phủ, phải dẹp trừ cho hết gai. Người xưa sao lại làm công việc ấy? Là để khiến ta sê trống lúa, nếp ở đây. Cho nên khi lúa và nếp của ta đã tươi tốt, bồ vựa đã đầy tràn thì làm rượu và món ăn dâng lên rước xác thần ngồi yên và khuyên mời ăn uống, thì sẽ được phúc to.

CHƯƠNG II

濟濟蹠蹠
絮爾牛羊
以往烝嘗
或剝或亨
或肆或將
祝祭于祊
祀事孔明
先祖是皇
神保是饗
孝孫有慶
報以介福
萬壽無疆

13. Tế tế thương thương
14. Khiết nhĩ ngưu dương,
15. Dī vāng chung thường.
16. Hoặc bác hoặc phanh,
17. Hoặc tứ hoặc tương,
18. Chúc tế vu hành.
19. Tự sự khồng minh.
20. Tiên tổ thị hoàng.
21. Thần bảo thị hưởng.
22. Hiêu tôn hữu khánh
23. Báo dī giới phúc,
24. Vạn thọ vô cương.

Dịch nghĩa

13. Hãy uy nghi cung kính cẩn thận
14. Rửa sạch con bò con dê của người,
15. Để làm lễ tế mùa đông và mùa thu.
16. Người thì lột da, người thì nấu nướng,
17. Người thì bày ra, người thì bưng lên,
18. Người đọc lời cầu chúc để cúng tế ở trong cửa tông miếu.
19. Việc cúng tế rất đầy đủ rõ ràng.
20. Tổ tiên rất vĩ đại tôn nghiêm.
21. Xác thần được ăn uống.
22. Người chủ tế có phúc

23. Được tổ tiên đem phúc lớn mà báo đáp,
24. Được sống muôn năm không giới hạn.

Dịch thơ

Hãy uy nghi trang nghiêm kính cẩn

Bò dê người cẩn thận rửa xong

Để làm lễ tế thu đông.

Lột da hoặc lại ra công nấu liền.

Người bày, người bưng lên các thức,

Cửa miếu thờ lời chúc đọc vang.

Càng lo đầy đủ rõ ràng.

Tổ tiên vĩ đại nghiêm trang vô cùng.

Xác thân được hưởng chung lễ vật

Chủ tế thì rõ thật phúc thay!

Tổ tiên phúc lớn báo ngay

Vô cương sống được lâu dài muôn năm.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 濟濟蹻蹻 tể tế thương thương, nói có nghi dung. 燕 chung, lễ tế mùa đông. 當 thường, lễ tế mùa thu. 犀 bác, lột da 享 phanh (đọc phang cho hợp vận) nấu chín. 餅 tử, trần bày ra. 將 tương, bưng lên mà tiến dâng. 犀 bác (đọc bang cho hợp vận), ở trong cửa tông miếu. Hiếu tử (con cái đang lúc cung tế cha mẹ) không biết linh hồn của cha mẹ ở đâu, cho nên khiến người đọc lời chúc tế tìm khắp ở trong nhà, chỗ tiếp đãi tân khách. 乃 khống, rất. 明 minh (đọc

mang cho hợp vân) dày đủ rõ ràng. 皇 *hoàng*, toát, tôn kính. 保 *bảo*, an. 神保 *thần bảo*, tên gọi đẹp của xác thần mà sách Sứ từ gọi là linh bảo, cũng gọi người mà đồng bóng cầu thần giáng xuống. 孝孫 *hiền tôn*, người chủ tế. 廣 *khánh* (đọc *khuong* cho hợp vận) như phúc.

CHƯƠNG III

執爨踏 踏
爲俎孔碩
或燔或炙
君婦莫莫
爲豆孔庶
爲賓爲客
獻酬交錯
禮儀卒度
笑語卒獲
神保是格
報以介福
萬壽攸酢

25. Chấp thoán tích tích.
26. Vi trở khổng thạc.
27. Hoặc phiền hoặc chích.
28. Quân phụ mạch mạch.
29. Vi đậu khổng thứ.
30. Vì tân vi khách
31. Hiền thù giao thác.
32. Lê nghi tốt đặc (độ).
33. Tiếu ngữ tốt hoạch
34. Thần bảo thị cách
35. Báo dī giới phúc,
36. Vạn thọ du tạc.

Dịch nghĩa

25. Giữ việc nấu bếp rất kính cẩn.
26. Con thịt đựng trên mâm rất to.
27. Hoặc là món thịt nướng hoặc là món gan nướng.
28. Bà chủ phụ lặng lẽ cung kính.

29. Tô đĩa đựng đồ ăn rất nhiều
30. Rồi cùng với tân khách
31. Rót rượu mời mọc trao đổi nhau mà uống.
32. Lẽ nghi rất đúng pháp độ.
33. Cùng nhau nói cười rất đúng nghi thức.
34. Xác thân lại đến
35. Lấy phúc to mà báo đáp,
36. Lấy tuổi thọ muôn năm mà báo đáp.

Dịch thơ

Giữ việc bếp rất là cẩn thận.

Chiếc mâm to đựng sẵn thịt rồi.

Món gan, thịt nướng xong xuôi,

Còn bà chủ phụ kia thời lặng nghiêm.

Tô và đĩa bày thêm nhiều nữa.

Lại hợp cùng khách khứa dự vào.

Rượu thì rót chén mời nhau.

Lẽ nghi đúng phép xiết bao rườm rà!

Cùng cười nói rất là nghi thức.

Người xác thân lại bước đến nơi,

Phúc lo báo đáp xong rồi,

Muôn năm tuổi thọ phúc trời đèn cho.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 攢 thoán, bếp. 踏踏 tích tích (đọc thước thước cho hợp vận), kính cẩn. 緝 trữ, cái mâm đựng con

thịt để cúng tế. 碩 thạc (đọc *thuật* cho hợp vận) to.. 魏 phiền, thịt nướng 炙 chích (đọc *trước* cho hợp vận), gan nướng. Thịt nướng và gan nướng là những món tùng hiến, món ăn dâng lên sau tuần rượu (*Mao thi: Tùng hiến giả, ký hiến tửu túc dī thủ phiền nhục tùng chỉ nhi trí chỉ tại trả dā*). Con thịt thì hễ chủ nhân dâng lên cho xác thần, thì vị khách lớn hơn hết đem món gan nướng tiếp theo; hễ người chủ phụ dâng con thịt lên, thì anh em đem món thịt nướng tiếp theo, là đáy. 君婦 quān phu, người chủ phụ, người vợ chính trong nhà. 莫莫 mạc mạc (đọc *mạc* cho hợp vận), thanh tịnh lặng lẽ rất cung kính. 豆 đậu, cái đĩa, cái tô đựng đồ nội tu (những món ăn trong phòng như: cháo lỏng, cháo thịt, đồ ăn khô và bánh bột nếp) và đồ thứ tu (các món ăn ngon) do người chủ phụ dâng lên. 廉 thứ, nhiều. 賓客 tàn khách, khách khứa đến bồi cỗ thi mà khuyên răn và giúp vào việc cúng tế. Đã dâng cúng lên xác thần bèn cùng tân khách uống rượu. Chủ nhân rót rượu mời khách gọi 獻 hiến, khách mời lại chủ gọi 酣 tac. Chủ nhân lại tự rót uống và mời khách uống nữa gọi 酣 thù. Khách nhận được rượu đặt trên chiếu, không bưng lên, đến khi rót rượu xong xuôi, kẻ nhỏ người lớn cùng mừng nhau, trao qua nhường lại khắp mọi người rồi cùng uống. 卒 tốt, hết. 欤 độ (đọc *đặc* cho hợp vận) pháp độ, ý nói được đúng nghi thức. 格 cách, đến. 酣 tac, báo đáp.

CHƯƠNG IV

我孔嘆矣
 式禮莫愆
 工祝致告
 徒賚孝孫
 芷芬孝祀

37. Ngā khổng thiện hī,
38. Thức lễ mạc khiên.
39. Công chúc trí cáo:
40. Tổ lại hiếu tôn.
41. Tất phân hiếu tự

神嗜飲食
卜爾百輻
如幾如式
既齊既稷
既匡既敕
永錫爾極
時萬時億

42. Thần thị ẩm thực.
43. Bốc nhī bách phúc
44. Như cơ như thức.
45. Ký tể ký tắc,
46. Ký khuông ký sắc,
47. Vĩnh tích nhī cực
48. Thị vạn thì ức.

Dịch nghĩa

37. Ta hành lẽ cúng tế đã quá kiệt sức rồi,
38. Mà nghi lễ không hề có lầm lỗi gì.
39. Người bóng giỏi đọc lời dạy của xác thân:
40. Mong thần hãy đến ban phúc lộc cho đứa cháu đứng
ra cúng tế này.
41. Những vật dâng lên cúng tế rất thơm ngát.
42. Thị được thần ham thích ăn uống rồi.
43. Cho nên thần ban cho người trăm điều phúc lộc.
44. Những phúc lộc ấy sẽ đến như đúng hạn kỳ và sẽ
nhiều như có pháp độ.
45. Người đã tế chính, người đã mau lẹ.
46. Người đã ngay thẳng, người đã thận trọng trong lẽ
cúng tế,
47. Thị thần sẽ ban cho người mãi mãi những phúc lộc
rất tốt bức.
48. Những phúc lộc ấy sẽ đến hàng muôn hàng ức vô số.

Dịch thơ

Ta hành lẽ sức đã mòn mỏi,

Mà lẽ nghi chǎng lõi lầm nào.

Bóng thì lên đọc lời cầu!

Mong thần ban phúc lộc vào hiếu tôn.

Những lẽ vật thi thơm sức nức,

Đã được thần thường thức dùng rồi.

Trăm điều phúc lộc tăng người,

Nhiều như pháp độ, kịp thời đúng thay!

Người mau mắn lại hay tề chỉnh,

Đã giải răn, cung kính doan trang,

Phúc tho tốt bức thân ban,

Số muôn số ức thân mang tăng rồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 模thiện, hết. 慮công, khéo, hay, giỏi, về một việc gì. 范tát phân, thơm. 卜bốc, cho. 級cơ, hẹn ước. Truyện Xuân thu nói: *Dịch cơ nhi khóc* (đổi hẹn kỳ mà khóc để không gặp nhau) là đáy. 式thức, pháp độ. 齊tề, tề chỉnh. 極tắc, mau. 空khuông, ngay chính. 敕sắc, giới răn. 檄cực, rất.

Lẽ tê diễn hành đã lâu, sức lực đã kiệt quệ mà nghi thức hành lẽ vẫn không có điều gì lầm lỗi. Ấy là lòng cung kính rất mực. Cho nên người đọc lời chúc lấy ý của thần ban phúc cho chủ nhân rằng: Những vật ăn món uống của người được thơm tho tinh khiết, cho nên lấy phúc lộc báo đáp cho người, khiến những phúc lộc ấy đến như đúng hạn kỳ, và rất nhiều như có pháp độ. Nghi dung của người có lẽ phép và trang kính, cho nên báo đáp cho người bằng lầm điều rất

lành, khiến cho người không có việc nào là không được tốt lành, mỗi việc đều tuỳ theo loại mà báo đáp. Lời phúc đức của thần dạy sau khi thụ hưởng dê và heo đã dâng lên cúng rằng: Xác thần sai người bóng giỏi hãy vâng lệnh đem lầm phúc lộc không giới hạn cho người là đứa cháu (*hiếu tôn*, đứa cháu đứng ra cúng tế ông bà). Cháu, người hãy đến đây, khiến cháu nhận được phúc lộc của trời, hãy trồng lúa ở ruộng, hãy sống được muôn năm, lông mày được dài, chớ bỏ phế, cứ tiếp tục mãi.

Đó là lời chúc phúc cho quan đại phu đúng theo nghi lễ.

CHƯƠNG V

禮儀既備
鍾鼓既戒
孝孫徂位
工祝致告
神具醉止
皇尸載起
鼓鍾送尸
神保聿歸
諸宰君婦
廢撤不遲
諸父兄弟
備言燕私

49. Lê nghi kỵ bị,
50. Chung cổ kỵ giới.
51. Hiếu tôn tồ vị.
52. Công chúc trí cáo.
53. Thần cụ tuý chỉ.
54. Hoàng thi tái khỉ (khởi).
55. Cổ chung tống thi,
56. Thần bảo duật quy.
57. Chư tể quân phụ
58. Phế triệt bất trì.
59. Chư phụ huynh đệ
60. Bị ngôn yên tư.

Dịch nghĩa

49. Lễ nghi cúng tế đã thi hành đầy đủ,
50. Chuông trống khua lên để báo cho biết lễ cúng chấm dứt.
51. Chủ nhân (đứa cháu đứng ra cúng tế ông bà) đi xuống bực thềm phía tây mà đứng.
52. Người bóng giỏi (đứng ra đọc lời chúc tụng tổ tiên cho gia chủ) truyền dạy ý của xác thần cho biết lễ cúng chấm dứt.
53. Thần đã no say,
54. Xác thần thì đứng dậy.
55. Lại đánh chuông đưa tiên xác thần,
56. Để thần trở về trời.
57. Những người trong nhà và người chủ phụ
58. Dọn mâm cỗ xuống cho mau.
59. Còn cha và anh em
60. Lại đầy đủ yến ẩm tận tình riêng với nhau.

Dịch thơ

*Thi hành đủ lễ nghi cúng tế,
Chuông trống khua báo lễ xong xuôi.
Thềm tây tế chủ xuống rồi.
Lễ xong bóng đã truyền lời dạy ra.
Đều no say thần đã đẹp dạ.
Người xác thần cũng đã đứng lên.
Đánh chuông đưa xác thần liền,
Còn thần thì trở về trên cõi trời.
Ké trong nhà cùng người chủ phụ*

*Lo dọn đem mâm cỗ xuống mau.
Cha, anh, em lại cùng nhau
Trọn tình yến ấm xiết bao vui hoà!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 戒 giới, cáo cho biết 徒位tồ vi (đọc lật), việc cúng tế đã xong, chủ nhân đến chỗ đứng ở mặt phia tây dưới bức thềm (xuống dưới nhà đứng ở phia tây). 致告tri cáo, truyền dặn ý của xác thân, cáo cho chủ nhân biết việc cúng tế phụng dưỡng thần đã xong, nói việc phụng dưỡng cúng tế đã hoàn tất, cho nên thân đã no say, người xác thân đã đứng dậy, rồi đưa tống người xác thân, còn thân thì trở về trời. Nói 皇尸hoàng thi là ý nói một cách tôn trọng xác thân. 鼓鐘cổ chung, đánh chuông, khi người xác thân ra vào thì tấu chương nhạc Tứ hạ. Quỷ thân vô hình, cho nên nói quỷ thân đã no say mà trở về trời để tỏ ý rất thành kính như thấy được vậy. 諸宰chư tể, những người có chức việc trong nhà, rất nhiều người, không phải chỉ có một người, cho nên nói là chư tể. 廢phế, dọn xuống. 不遲bất tri, làm cho mau để tỏ ý cung kính (vì sau lễ tế, người người đều mệt mỏi lười biếng), và cũng là ý không nên để lại lâu những mâm cỗ của thần đã hưởng.

Khi cúng tế xong, đã bưng mâm đem tặng cho tân khách, thì những họ hàng cùng một họ được lưu lại để yến ấm với nhau, để được ân tình riêng với nhau. Như thế là để tôn trọng tân khách vì thân mến bà con cốt nhục.

CHƯƠNG IV

樂具入奏
以綏後祿

- 61. Nhạc cụ nhập tấu
- 62. Dị tuy hậu lộc.

爾殼既將
莫怨具慶
既醉既飽
小大稽首
神嗜飲食
使君壽考
孔惠孔時
維其盡之
子子孫孫
勿替引之

63. Nhĩ hào ký tương.
64. Mạc oán cụ khương (khánh).
65. Ký tuý ký bảo
66. Tiếu đại khê thủ:
67. Thần thị ẩm thực,
68. Sứ quân thọ khảo.
69. Khổng huệ khổng thi.
70. Duy kỳ tận chi,
71. Tử tử tôn tôn
72. Vật thế dân chi.

Dịch nghĩa

61. Nhạc đều vào tấu ở hậu tâm
62. Để được yên vui lúc ăn uống nhận thêm hậu lộc.
63. Mâm cỗ của ngài đã dọn lên.
64. Không có oán trách, mà đều vui mừng.
65. Đã say đã no
66. Người lớn kẻ nhỏ đều cúi đầu sát đất, nói rằng:
67. Thần đã vui thích hưởng những món ăn uống rồi,
68. Sẽ khiến ngài được sống lâu.
69. Cuộc cúng tế rất thuận theo nghi lễ và rất hợp thời.
70. Việc gì cũng được tận tình lo liệu,
71. Thì con cháu.
72. Chớ phế bỏ mà phải giữ mãi lễ cúng tế cho lâu dài.

Dịch thơ

*Ở hậu tâm nhạc đều vào tấu
Yên vui nhận lộc hậu đậm đà
Cõ mâm ngài đã dọn ra,
Không ai oán trách, đều là mừng vui.
Đã no lại say rồi tất cả,
Lớn nhỏ đều vội vã rập đầu:
Thần đã ăn uống cùng nhau,
Khiến ngài được phúc sống lâu đến già.
Việc cúng hợp thời và thuận lễ.
Mọi sự điều triệt để tận tình.
Cho nên con cháu hậu sinh
Chớ nên phế bỏ, giữ gìn dài lâu.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Phàm chế độ ở tông miếu, tiền miếu ở phía trước để thờ thần, hậu tâm ở phía sau để cất giữ áo mao của tổ tiên. Cúng tế thì ở tiền miếu, còn yến ẩm thì ở hậu tâm. Cho nên ở đây sắp ăn uống với nhau, nhạc tấu lên lúc cúng tế ở tiền miếu đều được đem xuống tâu ở hậu tâm. Vả lại lúc cúng tế đã nhận được lộc của thần rồi, cho nên lấy việc ăn uống để sê nhận thêm hậu lộc nữa để được yên vui. Mâm cỗ của ngài đã dâng lên ăn uống, những người dự yến không có ai oán trách (vì đã chung hưởng ăn uống với nhau) đều vui vẻ no say và cùng cúi đầu sát đất nói rằng: Lê tế

buổi trước thần đã vui thích hưởng những lễ vật để ăn uống của ngài, cho nên khiến ngài được sống lâu. Lại nói việc cúng tế của ngài rất thuận với lễ nghi và rất hợp thời, không có việc gì là không tận tâm lo liệu. Vậy con cháu chờ phế bỏ mà phải giữ mãi lễ cúng tế được lâu dài.

Thiên Sở từ có 6 chương, mỗi chương 12 câu.

Lữ thị nói rằng: *Thơ Sở từ* đều nói về cúng tế để thờ cúng thần thánh mà nhận phúc lộc.

Cúng tế phải rành rẽ, phải đầy đủ để làm tỏ rõ công đức của tiên vương lo cho dân đã tận tâm, thì việc thờ cúng thần thánh tổ tiên mới được rành rẽ. Xem uy nghi cuộc tế được dồi dào, phẩm vật dâng cúng được đầy đủ, giao cảm với thần minh ở trên và đạt đến thần dân ở dưới, cho nên việc nhận phúc lộc vô bờ bến, thì hẳn là nếu chẳng phải bực có đức hạnh lớn lao, có chính trị giỏi trau thì làm sao đến như thế được.

BÀI THÚ 216

CHƯƠNG I

- | | |
|------|---------------------------|
| 信南山 | Tín Nam sơn (Bắc sơn 6) |
| 信彼南山 | 1. Tín bỉ Nam sơn |
| 維禹甸之 | 2. Duy Vũ điện chi, |
| 畇畇原隰 | 3. Quân quân nguyên thấp, |
| 曾孫田之 | 4. Tăng tôn điện chi. |
| 我疆我理 | 5. Ngã cương ngã lý, |
| 南東其畝 | 6. Nam đông kỳ mâu. |

Dịch nghĩa

1. Hãy tin vùng đất ở núi Nam kia
2. Vốn là nơi vua Hạ Vũ sửa sang khai khẩn,
3. Trở thành vùng đồng thấp rộng rãi,
4. Để cháu chắt ngày nay làm ruộng.
5. Ta lo phân chia ranh giới, làm đường đào rãnh để giao thông,
6. Bờ mâu hoặc hướng về nam, hoặc hướng về đông tùy theo địa thế và thuỷ thế.

Dịch thơ

Núi Nam kia hãy tin vùng ấy

Hạ Vũ đã đến đây sửa sang,

Biên thành đồng thấp mênh mang.

Để cho cháu chắt đảm đang cấy cày.

Làm rãnh đường, chia ngay ranh giới,

Đông hoặc nam tùy lối đắp bờ.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 南山 *Nam sơn*, núi Chung nam. 包甸 (đọc *đần* cho hợp vận) trị. 眇眇 *quân quân*, dáng mở mang đất đai để trồng trot. 曾孫 *tăng tôn*, cháu chắt, tiếng tự xưng của người chủ tế (*tăng* là trùng điệp nhiều lần, từ *tăng* tổ là ông cố cho đến con cháu vô cùng về sau đều được gọi là *tăng tôn*). 疆 *cương*, làm ranh giới cho miếng ruộng. 理 *lý*, làm đường đào rãnh trong miếng ruộng để giao thông. 畝 *mâu*, cái bờ ruộng.

Lưu thị ở Trường Lạc nói rằng: Nếu cái mương chảy về đông nhập vào rãnh, thì bờ mâu chạy về nam. Nếu cái mương chảy về nam nhập vào rãnh thì bờ mâu chạy về đông.

Đại ý của bài thơ này cũng gần giống như của bài *Sở từ* (bài thứ 215) tức là ý của 4 câu đầu.

Nói là hay tin vùng núi Nam, vốn là nơi được ông Vũ (Hạ Vũ) sửa sang, nên thành đồng bằng mở mang ra để chúng ta trồng trọt. Cho nên lại được phân chia ranh giới và làm đường đào rãnh, thuận theo sự thích nghi của địa thế và thủy thế, bờ mâu được đắp lên hoặc hướng về nam, hoặc hướng về đông.

CHƯƠNG II

上天同雲

7. **Thượng thiên đồng vân,**

雨雪霧霧

8. **Vụ tuyết phân phân.**

益之以靄霽

9. **Ích chi dī mạch mộc,**

既優既渥

10. **Ký ưu ký ốc,**

既沾既足

11. **Ký triêm ký túc,**

生我百谷

12. **Sinh ngã bách cốc.**

Dịch nghĩa

7. Trên trời có mây phủ một màu

8. Tuyết rơi phát phói trong mùa đông.

9. Sang mùa xuân lại thêm có mưa lâm râm,

10. Đã tốt lành, đã tươm tươi,

11. Đã thấm nhuần, đã đầy đủ,

12. Thị trãm thứ lúa của ta lên đặng tốt tươi.

Dịch thơ

Trên trời có phủ mây đồng sắc
 Trong mùa đông, tuyết phát phơi bay.
 Sang xuân mưa nhỏ lai rai,
 Thảy đã tươi tưới tốt thay khắp vùng!
 Đã nhuần thấm lại cùng đây đủ,
 Lúa của ta trăm thứ tốt tươi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 同雲 đồng vân, mây đồng một màu, sắp đến mùa rơi tuyết thì như thế ấy. 雾霧 phân phân, dáng tuyết rơi. 露霖 mạch mộc, mưa nhỏ, mưa lâm râm. 優 ưu, 澚 ác (đọc óc cho hợp vận). 霽 triêm, 足 túc, đều là ý thấm nhuần dồi dào. Mùa đông thì tuyết chồng chất, mùa xuân lại thêm mưa lâm râm nhuần đượm thì lúa được tươi tốt dồi dào.

CHƯƠNG III

疆場翼翼
 季稷或或
 曾孫之櫨
 以爲酒食
 界我尸賓
 壽考萬年

13. Cương địch dực dực,
14. Thủ tắc úc úc,
15. Tầng tôn chi sắc,
16. Dī vi tửu thực
17. Tý ngã thi tàn,
18. Thọ khảo vạn niên.

Dịch nghĩa

13. Bờ ruộng được phân chia tề chỉnh,
14. Lúa nếp mọc lên tươi tốt rườm rà.
15. Để cháu chất gặt hái,
16. Mà làm rượu làm món ăn.
17. Dâng lên xác thân và tân khách,
18. Để được phúc sống lâu muôn tuổi.

Dịch thơ

*Bờ ruộng được phân ranh ngay ngắn,
Lúa nếp lên tươi tắn rườm rà,
Để cho cháu chất gặt qua,
Hầu làm lấy rượu cùng là món ăn
Để tân khách, xác thân, dâng tặng,
Được phúc mà sống đặng muôn năm.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 場 *dịch*, ranh bờ ruộng. 翼翼 *dực* *dực*, dâng nghiêm chỉnh. 或或 *úc úc* (đọc *vức vức* cho hợp vận), dâng tươi tốt rườm rà. 畏 *lý*, cho.

Nói miếng ruộng được phân ranh chỉnh tề, lúa mọc tươi tốt rườm rà, đều để cháu chất gặt hái mà làm rượu, làm vật thực dâng lên xác thân và tân khách. Hỗn âm dương hoà hợp, vạn vật toại thành, lòng người vui mừng phungthora tông miếu, để thánh thần tổ tiên ban phúc lộc cho. Cho nên mới được sống lâu muôn tuổi.

CHƯƠNG IV

中田有廬
疆場有瓜
是剝是菹
獻之皇祖
曾孫壽考
受天之祐

19. Trung điền hữu lư.
20. Cương dịch hữu qua.
21. Thị bác thị trư
22. Hiến chi hoàng tổ.
23. Tăng tôn thọ khảo
24. Thủ thiên chi hộ.

Dịch nghĩa

19. Trong ruộng có nhà.
20. Trên bờ ruộng có trồng dưa.
21. Dưa chín thì gọt vỏ ngâm nước muối làm dưa chua,
22. Để dâng cúng tổ tiên.
23. Cho nên cháu chắt (đứng ra cúng tế ông bà) được sống lâu
24. Mà nhậm phúc lộc của trời.

Dịch thơ

Trong ruộng nương có nhà ở đây,

Bờ ruộng cao tròng mây đám dưa.

Chín thì gọt vỏ ngâm chua

Để dành dâng cúng phụng thừa tổ tiên.

Cháu chắt được sống yên trường thọ,

Hưởng phúc trời ban phó dồi dào.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 中田 *trung điền* là *điền trung* ở trong ruộng. 茲 *tru*, làm dưa. 祐 *hộ*, phúc.

Ở một tỉnh điền (nhà Chu lấy 900 mẫu ruộng làm một tỉnh điền, phông 4 con lô chia ra 9 khu, mỗi khu 100 mẫu, lấy 8 khu chung quanh giao cho 8 nhà để cày cấy riêng, còn khu chính giữa làm công điền (để nhà hợp lại làm ruộng mà thay việc nộp thuế) khu chính giữa làm công điền. Trên bờ ruộng thì trồng dưa để dùng cho hết nguồn lợi của đất. Dưa chín xẻ ra ngâm làm dưa chua để dâng cúng tổ tiên. Đó là để quý trọng vật lạ trong 4 mùa và để thuận lòng hiếu thảo của con cháu khi cúng tế ông bà.

CHƯƠNG V

祭以清酒

25. Tế dī thanh tửu

從以驥 牡

26. Tùng dī tinh mẫu

享于祖考

27. Hướng vu tổ kháo.

執其鑿刀

28. Chấp kỳ loan dao

以啓其毛

29. Dī khái kỳ mao,

取其血脅

30. Thủ kỳ huyết liêu.

Dịch nghĩa

25. Cúng tế phải lấy rượu trong thơm nức

26. Và tiếp theo phải dùng con thú đực lông đỏ

27. Để dâng lên cúng tổ tiên.

28. Người chủ tế cầm cây dao có gắn chuông

29. Cắt lấy lông con thịt (để cáo với tổ tiên rằng con thịt toàn một màu lông).

30. Rồi lấy máu và lấy mỡ (để cáo với tổ tiên rằng đã làm thịt con vật để cúng tế).

Dịch thơ

Tết thì lấy rượu trong thơm nức
Tiếp theo dùng thú đực đỏ lông.
Để đem dâng cúng tổ tông.
Rồi người chủ tế lại dùng loan dao
Nắm lấy lông cắt mau một mớ,
Lấy máu tươi và mỡ dâng lên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 清酒 thanh tửu, rượu sạch sẽ trong veo, thuộc loại rượu uất sương để cúng tế. 驛 tinh, màu đỏ, là màu của nhà Chu mến chuông. Trong lễ cúng tế, trước tiên lấy rượu uất sương rưới xuống đất để tìm thần thánh tổ tiên ở cõi âm, rồi sau mới được dẫn con thịt vào cúng tế.執 cháp, chủ nhân nắm lấy. 爪刀 loan dao, cây dao có gắp chuông. 爪 liêu (đọc lao cho hợp vận) mỡ. 啓其毛 khai kỳ mao, lấy dao cắt lông để dâng cáo lên tổ tiên rằng con thú dâng cúng là toàn một sắc lông. 取其血 thủ kỳ huyết, lấy máu dâng lên để cáo lên tổ tiên rằng đã giết con vật làm thịt. 取其爪 thủ kỳ liêu, lấy mỡ sa nướng xào cho xông mùi thơm lên để tổ tiên ngửi biết mà về hưởng. Lại hợp với nếp và gạo bột vào lá tiêu thơm mà nướng để tìm thần ở cõi dương.

Sách Lễ ký chép rằng: Người nhà Chu mến chuông mùi thơm cho nên lấy chén mọc rót rượu thơm dâng lên xác thần, xác thần bụng lấy đồ xuống đất, mùi cỏ thơm hợp với rượu

thơm thông suốt đến suối vực ở cõi âm. Lấy chén ngọc rót rượu thơm đổ xuống đất là để lấy mùi thơm của ngọc.

Đã rót rượu thơm vào chén ngọc và đổ xuống đất rồi sau mới rước dǎn con thịt vào là để thông đạt khí âm. Lấy lá tiêu thơm hợp với gạo nếp đem nướng cho mùi thơm toả ra khắp trong nhà là để thông đạt khí dương. Cho nên sau khi đã bày rượu thịt ra cúng tế rồi sau mới nướng đốt lá tiêu thơm hợp với mỡ dê mỡ bò để xông mùi thơm.

Phàm cúng tế phải cẩn thận như thế thì hồn khí mới trở lên trời, hình phách mới trở xuống đất. Cho nên cúng tế là cầu ở lê âm dương.

CHƯƠNG IV

是烝 是享

31. Thị chưng thị hưởng

苾苾芬芬

32. Tất tất phân phân.

祀事孔明

33. Tự sự khổng minh.

先祖是皇

34. Tiên tổ thị hoàng

報以介福

35. Báo dĩ giới phúc

萬壽無疆

36. Vạn thọ vô cương.

Dịch nghĩa

31. Là để dâng lên cúng tế cho tổ tiên về hưởng

32. Rượu thịt bày lên cúng tế rất thơm tho ngào ngạt.

33. Việc cúng tế rất rõ ràng minh bạch

34. Tổ tiên rất vĩ đại tôn nghiêm

35. Sẽ báo đáp bằng những phúc lộc lớn lao

36. Con cháu sẽ được sống lâu muôn tuổi không giới hạn.

Dịch thơ

Để dâng cúng tổ tiên hương thụ
 Rượu thịt bày đầy đủ ngọt ngào.
 Té thì minh bạch xiết bao!
 Tổ tiên nghiêm chỉnh lớn lao vô cùng.
 Lấy phúc lớn để dùng hậu báo
 Thọ vô cương, con cháu muôn năm.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 燕chương, tiến dâng lên, hoặc nói là tên lẽ tế mùa đông.

Thiên Tín Nam sơn có 6 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THÚ 217

CHƯƠNG I

甫田	Phủ điền (Bắc sơn 7)
倬彼甫田	1. Trác bỉ phủ điền
歲取十千	2. Tuế thủ thập thiên.
我取其陳	3. Ngā thủ kỳ trân
食我農人	4. Tự ngā nông nhân.
自古有年	5. Tự cổ hữu niên.
今適南畝	6. Kim thích nam mâu,

或耘或耔	7. Hoặc yān hoặc tử.
黍稷 蔡薿	8. Thủ tắc nghị nghị.
攸介攸止	9. Du giới du chỉ,
烝我髦士	10. Chưng ngā mao sĩ.

Dịch nghĩa

1. Thửa ruộng to sáng sủa kia
2. Mỗi năm lấy thuế ở khoảnh mười ngàn mẫu.
3. Ta lấy lúa cũ
4. Nuôi những nông dân ta.
5. Từ xưa vẫn được mùa.
6. Nay đi đến mẫu ruộng ở phía nam,
7. Người thì bừa, kẻ thì vun gốc mạ.
8. Lúa nếp rướm rà tươi tốt.
9. Ở ngôi nhà to lớn để nghỉ ngơi,
10. Tiến dẫn người tuán sĩ của ta đến uỷ lạo họ.

Dịch thơ

Ruộng kia quang đãng mênh mang

Thuế năm thi đánh mười ngàn mẫu vuông.

Đến khi ấy ta tuôn lúa cũ,

Để đem nuôi đầy đủ dân cày.

Từ xưa mùa vẫn được hoài.

Ruộng nam lần bước hôm nay đến vùng,

Người thì bừa, kẻ vun gốc mạ.

Lúa nếp chen khắp cả tốt tươi.

Gian nhà to lớn nghỉ ngơi.

Dẫn trang sī uy lạo người nông dân.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 倘 trác, dáng sáng tỏ rõ ràng. 南 phủ, to lớn. + 十阡 thập thiên (đọc thận) là nói khu 10.000 mẫu, một phần mươi của miếng ruộng. Đất vuông 10 dặm là 100.000 mẫu. Lấy 9 vạn (90.000) mẫu làm ruộng tư, còn lại 1 vạn (10.000) mẫu làm công điền, đó là phép cửu nhất (1/9). 我 ngā, ta, người hưởng lộc về ruộng nương làm chủ cuộc cúng tế. 陳 trán, lúa thóc đã cũ từ năm trước. 農人 nōng nhān, người nông phu, người hưởng 100 mẫu ruộng làm của riêng và cùng lo trồng trọt công điền. 有年 hưu niên (đọc nân) năm được mùa. 適 thích, đến. 穀 vân, bùa cỏ. 福 tử (đọc ty cho hợp vận), vun gốc lúa. Vì rằng theo cách làm ruộng của ông Hậu Tắc, 1 mẫu có 3 đường rãnh cày (lưỡi cày đào sâu thành rãnh, và dùn đất thành luống cao bên cạnh rãnh cày) rộng 1 thước và sâu 1 thước, rải hột giống vào rãnh cày ấy, khi lá mạ mọc lên, nhổ sơ cỏ trên luống cày, rồi lấy đất trên luống vun gốc mạ ở dưới rãnh thì luống cày lun mất mà rãnh cày được khoả bằng. Như thế gốc mạ sâu chịu đựng được gió và nắng. 疑 譬 nghi, dáng rườm rà tươi tốt 介 giới, to. 燕 chưng, tiến dẫn đến. 髯 hào, tuấn tú, tuấn sī, người dân giỏi giang có tài. Đời xưa kẻ sĩ xuất thân ở nghề nông chờ không do ở nghề thợ và nghề buôn. Quản Trọng nói rằng: Con nhà nông thì hằng làm ruộng ở ngoài thôn dã mà không thân cận, người nông dân tuấn tú có thể làm quan, ăn đủ đức hạnh để cậy trông. Tức là nói đúng vào đây.

Bài thơ này thuật lại các bức công khanh có ruộng nương để hưởng lộc, rán sức làm ruộng để lo việc cúng tú phượng vào mùa thu, tế Hậu thổ và Thần nông, cho nên nói đây là ruộng to, mỗi năm lấy hoa lợi của hằng vạn mẫu làm bỗng lộc mà ăn. Đến khi tích trữ lâu ngày còn dư, lại phải

chứa thêm lúa mới, thì lấy lúa cũ phân tán ra nuôi nông dân, bồi bổ cho người không đủ, giúp đỡ cho kẻ không có. Vì đó là từ xưa hằng năm được mùa thì cứ nối theo đưa ra cái cũ mà tích trữ cái mới lại như thế. Nhưng việc sử dụng có tiết độ thì lại hợp nghỉ thức và có thứ tự như thế cho nên lúa tuy có rất nhiều mà không hề bị ướt đở hột nát ra không thể ăn được.

Lại nói từ xưa đã được mùa, nay đi đến mâu ruộng phía nam thì thấy nông dân kẻ đang bừa kẻ đang vun gốc, lúa và nếp lại đã tươi tốt rườm rà, thì đây lại sẽ được mùa nữa. Cho nên ở chỗ nghỉ ngoài đẹp đẽ to lớn, tiến dần người tuấn sĩ của chúng ta đến để uỷ lạo họ.

CHƯƠNG II

以我齊明

11. Dī ngā tư minh

與我犧羊

12. Dữ ngā hy dương

以社以方

13. Dī xā dī phuong.

我田既臧

14. Ngā diền ký tang,

農夫之慶

15. Nông phu chi khánh

琴瑟擊鼓

16. Câm sắt kích cỗ

以御田祖

17. Dī nhạ diền tố,

以祈甘雨

18. Dī kỳ cam vū,

以介我稷黍

19. Dī giới ngā tắc thủ,

以谷我士女

20. Dī cốc ngā sī nữ.

Dịch nghĩa

11. Lấy xôi của ta
12. Và dê của ta

13. Để té thân Hậu thổ và khí bốn phương.
14. Ruộng của ta đã tươi tốt
15. Đó là nhờ hồng phúc của nông phu,
16. Khảy đòn cầm đòn sắt và đánh trống lên
17. Để rước Thần nông,
18. Để cầu mưa lành,
19. Để cây lúa cây nếp của ta được lớn,
20. Để nuôi dưỡng con trai con gái nhân dân của ta.

Dịch thơ

*Hãy bụng xôi nếp của ta,
 Hãy bụng mâm thịt dê ra theo cùng
 Khi bốn phương té chung thân xa.
 Điều tốt tươi khắp cả ruộng đồng,
 Ấy nhờ phúc lớn nhà nông.
 Trống khua, cầm sắt gảy chung nhịp nhàng.
 Đón Thần nông rộn ràng lễ rước,
 Là để cầu cho được mưa lành.
 Để cho lúa nếp lớn nhanh,
 Gái trai dân chúng đủ dành dưỡng nuôi.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 齊 tu đồng với 烧tu là xôi. Thiên Khúc lê trong sách Lễ ký chép. Lúa tắc gọi là minh tu (xôi nếp đựng vào mâm để cúng thần). Ở đây nói tu minh (đọc mang cho hợp vận) cho tiện lợi văn và cho hợp vận.

犧羊 *hy dương*, con dê thuần một màu lông 社 xā, thần Hậu thổ, thần đất. Tế thần đất thì cúng chung với thần Cú long thị. 方 *phương*, mùa thu tế khí ở tứ phương để báo đáp công đức đã làm cho vạn vật thành thực. Thiên Đại tư mã ở sách *Chu lê* chép rằng: *La té hiến cầm dī tự phương (banh)* = Đánh lưới đã xong, bắt thú đã săn đuổi được, dâng lên để cúng tế, tức là dây. 獵 *tương*, tốt lành. 廣 *khánh* (đọc *khương* cho hợp vận), phúc. 御 *nha*, rước. 田祖 *diên tổ*, là tiên sắc, người cày ruộng đầu tiên tức là Thần nông. Quan được chương theo *Chu lê*, hễ trong nước có cầu đảo Thần nông để được mùa thì thổi sáo hát bài *Bàn nhā* (tức thơ *Thát nguyệt*. Bàn phong bài thứ 154), đánh trống đất để làm vui thần ruộng nương, là dây. 穀 *cốc*, dưỡng, lại có nghĩa là lành tốt. Nói bồ vừa đầy lúa thì nhân dân mới an nhàn học tập mà biết lễ tiết.

Nói bụng xôi và con thịt lên cúng tế khí bốn phương và Hậu thổ mà nói rằng: Ruộng nương của ta sở dĩ được tươi tốt, chẳng phải do ta đã khiến được như thế, mà là nhờ hồng phúc của nông phu. Lại đánh nhạc để cúng tế Thần nông mà cầu mưa cho cây lúa cây nếp được lớn hầu nuôi được nhân dân.

CHƯƠNG III

曾孫來止

21. Tăng tôn lai chỉ

以其婦子

22. Dī kỳ phụ tử

饁 彼南畝

23. Diệp bỉ nam mǎu.

田畯 至喜

24. Điền tuấn chi hỉ.

攘 其左右

25. Nhưỡng kỳ tả hữu

嘗 其旨否

26. Thường kỳ chỉ phủ.

禾易長敏	27. Hoà dị trường māu,
終善且有	28. Chung thiện thả hūu.
曾孫不怒	29. Tàng tôn bất nộ.
農夫克敏	30. Nông phu khắc mān.

Dịch nghĩa

21. Tàng tôn (con cháu đứng ra cúng tế) đến nơi
22. Gặp vợ con của nông phu
23. Đem đồ ăn đến māu ruộng phía nam kia.
24. Quan coi việc canh nông cũng đến và vui mừng
25. Tàng tôn (chủ ruộng) lấy đồ ăn ở hai bên
26. Ném thử coi ngon hay không
27. Thấy lúa được săn sóc lên suốt māu ruộng.
28. Thi biết rõ cuộc mùa lúa sẽ tốt sẽ trúng nhiều.
29. Cho nên tàng tôn (chủ ruộng) không buồn giận.
30. Nông phu càng gắng sức làm mau.

Dịch thơ

Tàng tôn chủ tế đến nơi.

Gặp liền những vợ con người nông phu

Ruộng phía nam, đem đồ ăn lại,

Quan canh nông đến thấy hân hoan.

Ở hai bên lấy món ăn,

Để mà được biết ngon chǎng, ném dùng.

Được săn sóc khắp đồng lúa mọc,

Thì trúng nhiều rót cục biết liền

*Tầng tôn chủ ruộng chǎng phiên,
Nông phu càng gắng sức lên lè làng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 曾孫 *tầng tôn*, cháu chắt đứng ra chủ tế cúng ông bà tự xưng, chǎng phải riêng ở tông miếu như thế mà thôi. Thiên Khúc lê ha ở sách Lễ ký chép rằng: *Ngoại sự viết tầng tôn mỗ, hầu mỗ* = Trong lễ tế giao (tế trời ngày đông chí) tế xã (tế đất ngày hạ chí) thuộc ngoại sự, người chủ tế tự xưng là cháu tầng tôn tên gì, bực hầu tên gì. Vũ vương cầu đảo ở những núi có tiếng và sông to, nói: *Hữu đạo tầng tôn Chu vương Phát* = Cháu tầng tôn có đức là vua nhà Chu tên Phát, là đáy. 養 diệp, đưa thực phẩm cho ăn. 摶 nhưỡng, lấy. 旨 chỉ, ngon. 易 dị, săn sóc. 長 trường suốt hết. 有 hữu (đọc vī cho hợp vận), có nhiều. 敏 mẫn (đọc mī cho hợp vận), mau.

Người chủ tế tự xưng là tầng tôn, đi đến, vừa gặp vợ và con của nông phu đem đồ ăn cho người đang bữa cỗ, cho nên cùng đi đến nơi ấy một lượt và quan coi về canh nông cũng đến và vui mừng, mới lấy đồ ăn của nông phu ở hai bên ném xem có ngon hay không. Ý nói người trên kẻ dưới rất thân mến nhau. Lại thấy cây lúa được săn sóc, tươi tốt mọc khắp mâu ruộng đều nhau như một, thì biết là mùa lúa sẽ tốt và nhiều. Cho nên người chủ tế không buồn giận mà nông phu càng gắng làm mau công việc của mình.

CHƯƠNG IV

曾孫之稼
如茨如梁
曾孫之庾

31. *Tầng tôn chi giá*
32. *Nhu từ nhu lương.*
33. *Tầng tôn chi dū*

如抵如京	34. Như trĩ như kinh.
乃求千斯倉	35. Nāi cầu thiên tư thương,
乃求萬斯箱	36. Nāi cầu vạn tư sương.
黍稷稻粱	37. Thủ tắc đạo lương
農夫之慶	38. Nông phu chi khương (khánh).
報以介福	39. Báo dī giới phúc,
萬壽無疆	40. Vạn thọ vô cương.

Dịch nghĩa

31. Lúc thóc của ngài (người chủ tế tự xưng là tăng tôn)
 32. Chen đặc như tranh trên nóc nhà, vun lên cao như
 cái cảng xe.
 33. Vựa bồ của ngài (người chủ ruộng chủ tế tự xưng là
 tăng tôn).
 34. Vun lên như cồn như gò.
 35. Bên tìm hàng ngàn cái vựa mà chúa,
 36. Bên tìm hàng vạn cái xe mà chở.
 37. Lúa nếp, dέ, mạch ấy
 38. Đều do hồng phúc của nông phu mà có.
 39. Cho nên phải báo đáp bằng phúc lớn cho nông phu,
 40. Khiến nông phu được sống muôn tuổi không giới
 hạn.

Dịch thơ

Lúa ngài khi gặt hái vào

Đặc như nóc lá, vun cao như cảng (cảng xe),

Bồ của ngài đầy tràn khắp cả

*Như côn gò đều đā vun đây,
Tìm ngàn cái vựa chứa ngay,
Tìm xe muôn chiếc đến đây chờ vào.
Lúa, mạch, dé, nếp bao thứ thóc
Có là do hồng phúc nông dân.
Phúc lo lây để báo ân,
Nhà nông muôn tuổi vô ngàn sống lâu.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 茲 từ, cái nóc nhà tranh, ý nói chen đầy rậm như lá tranh lợp trên nóc nhà. 梁 lương, cái cảng xe, ý nói gỗ lèn cao như cái cảng xe. 垒 trì, phần đất cao giữa vùng nước. 京 kinh (đọc cương cho hợp vận) cái gò cao. 箱 sương, cái thùng xe.

Đây nói sau khi thu gặt xong, lúa thóc đã nhiều, thì kiểm vựa để đựng, kiểm xe để chờ. Và nói phàm là nếp, lúa, dé, mạch ấy đều nhờ hồng phúc của nông phu mà được, cho nên phải báo đáp bằng phúc lớn, khiến nông phu được sống muôn năm không giới hạn. Tỏ lời khen tặng kẻ dưới để muốn báo đáp trọng hậu như thế ấy.

Thiên Phủ điền có 4 chương, mỗi chương 10 câu

BÀI THỨ 218

CHƯƠNG I

大田
大田多稼

Đại diền (Bắc sơn 8)
1. Đại diền đa giá.

既種既戒
既備乃事
以我覃耜
彷載南畝
播厥百谷
既庭且碩
曾孫是若

2. Ký chủng hột giống,
3. Ký bị nái sī.
4. Dī ngā diêm tự
5. Xúc tải nam māu.
6. Bá quyết bách cốc.
7. Ký định thả thạc,
8. Tầng tôn thị nhược.

Dịch nghĩa

1. Làm ruộng to thì phải nhiều hột giống.
2. Đã lo đầy đủ hột giống và sửa soạn nông cụ
3. Đã hoàn bị mới khởi sự.
4. Lấy lưỡi cày bén của ta.
5. Bắt đầu cày ở mẫu ruộng phía nam.
6. Rải trãm thứ hột giống để gieo mạ.
7. Cây mạ lên thẳng mà to.
8. Để thuận theo ý của tầng tôn (người đứng chủ tể tự xưng).

Dịch thơ

Làm ruộng to hột giống nhiều.

Giống và nông cụ mọi điều lo xong.

Đã hoàn bị mới mong khởi sự.

Thì lưỡi cày bén cứ đem ra,

Mẫu phương nam hãy cày qua.

Rải trãm thứ hột để mà gieo xong.

Cây ma lèn to cùng ngay thẳng.

Ý tầng tôn sê đăng thuận theo.

Chú giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 種 chủng, lựa hột giống. 戒 giới, lo sửa soạn nông cụ. 草 diêm, bén. 傀 xúc, bắt đầu. 載 tái, việc. 庭 đình, ngay thẳng. 碩 thạc (đọc thước cho hợp vận) lớn. 若 nhược, thuận.

Tô thị nói rằng: Làm ruộng to thì hột giống nhiều, cho nên vào mùa đông năm nay phải lo đầy đủ hột giống và sửa soạn mọi việc cho năm tới. Khi đã hoàn bị rồi sau mới khởi sự: lấy lưỡi cày bén khởi đầu cày ở mảnh ruộng phía nam. Cày xong rải hột. Cày thì siêng cần, gieo hột giống thì hợp thời, cho nên mạ mọc lên thẳng mà to để thuận theo ý muốn của vị chủ tế (người chủ tế tự xưng là tầng tôn).

Bài thơ này là lời của nông phu để khen tặng người trên, dường như là để đáp lại ý của bài thơ trên (thiên Phủ diễn).

CHƯƠNG II

既方既阜

9. Ký phương ký tạo.

既堅既好

10. Ký kiên ký hảo,

不稂不莠

11. Bất lang bất đậu.

去其螟螣

12. Khứ kỳ minh đặc

及其蟊賊

13. Cập kỳ mưu tặc,

無害我田穡

14. Vô hại ngã diên trī,

田祖有神

15. Diền tổ hữu thần

Dịch nghĩa

9. Lúa đã trổ hột rồi đã no hột.
10. Hột đã cứng đã tốt.
11. Không có cỏ lang cỏ dại.
12. Phải trừ sâu minh ăn tim lúa, sâu đặc ăn lá lúa;
13. Và sâu mưu ăn gốc lúa, sâu tặc ăn đốt lúa,
14. Để không nguy hại đến lúa non trong ruộng.
15. Phải cầu nguyện với Thần nông,
16. Bắt những loại sâu áy bỏ vào lửa đốt cho tuyệt.

Dịch thơ

Lúa đã trổ hột rồi đầy,

Lúa đã chắc hột tốt thay một vùng.

Cỏ tang, dại thì không còn thấy,

Sâu minh, sâu đặc lại trừ rồi,

Sâu mưu, tặc dứt xong xuôi.

Lúa non vô hại tốt tươi đầy đồng.

Phải cầu nguyện Thần nông giúp sức

Bắt những sâu đem vứt lửa hồng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 方 phương, trổ ra hột lúa mà còn lép. 皀 tao (đọc tấu cho hợp vận) hột đã đầy mà chưa cứng. 穢 lang, cỏ đồng lương. 育 dại, cỏ giống như mạ. Cỏ lang và cỏ dại đều hại lúa. 育 minh, loại sâu ăn tim lúa. 育

tắc, loại sâu ăn lá lúa. *mưu*, loại sâu ăn gốc lúa. 賊 *tắc*, loại sâu ăn đốt lúa, đều là những loại sâu hại mạ. 稚 *tri*, cây lúa non.

Nói mạ đà rậm nhiều, lại phải trừ bốn loại sâu, như thế mạ non trong ruộng mới khỏi bị hại. Nhưng sức người làm không xiết, cho nên mới cầu nguyện Thần nông hãy vì ta mà bắt bốn thứ sâu ấy bỏ vào lửa cho tuyệt. Diêu Sùng sai người bắt cào cào hại lúa có dân đoạn này làm chứng. Ban đêm đốt lửa, quanh ngọn lửa đốt có đào hầm, cào cào đáp vào lửa vừa bị cháy vừa bị rớt lấp xuống hầm, đó là phép xưa truyền lại như thế.

¶

CHƯƠNG III

有渰萋萋

17. Hữu yếm thê thê,

興雲祁祁

18. Hưng vũ kỳ kỳ.

雨我公田

19. Vũ ngā công diền,

遂及我私

20. Toại cập ngā tư.

彼有不穫穡

21. Bỉ hữu bất hoạch tri.

此有不斂穧

22. Thủ hữu tất liêm tể,

彼有遺秉

23. Bỉ hữu di bình,

此有滯穗

24. Thủ hữu trê toại

伊寡婦之利

25. Y quả phụ chi lợi

Dịch nghĩa

17. Có mây che phủ khắp nơi,

18. Rồi mưa xuống từ từ.

19. Mưa xuống ruộng công của ta,

20. Rồi đến ruộng tư của ta,
21. Chỗ kia có những chùm lúa không kịp gặt.
22. Nơi này có mấy bó lúa không kịp thâu,
23. Chỗ kia có những nắm lúa còn sót,
24. Nơi này có mấy chùm lá rơi rớt,
25. Dành cho người đàn bà goá nhặt lấy mà được lợi.

Dịch thơ

*Cỏ mây che phủ khắp nơi
Từ từ mưa lại tuôn rơi khắp vùng.
Hãy mưa xuống ruộng công ta trước,
Rồi ruộng tư lần lượt sa mưa.
Chỗ kia gặt sót còn thừa.
Nơi này mây bó vẫn chưa thâu vào,
Chốn nọ lại còn bao lúa sót,
Mây chùm còn rơi rớt chốn này,
Dành cho goá phụ mót ngay,*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 憐 yém, dáng mây nhiều. 凄妻 thê thê, dáng nhiều. 禿禿 kỳ kỳ, chậm chậm. Mây muôn phủ nhiều, mây nhiều thì mưa to. Mưa muôn từ từ, mưa từ từ thì nước thâm vào đất. 公田 công điền, 1 dặm vuông làm một tỉnh điền, 1 tỉnh điền có 900 mẫu, phỏng 4 con lộ chia ra 9 khu hình như chữ tinh 井, khu chính giữa là công điền, 8 nhà nông lánh mỗi người 100 mẫu ở 8 khu chung quanh, rồi cùng nhau lo cày cấy công điền ở giữa để thay việc nộp thuế. 擔 lẽ, bó. 秉 bình, nắm. 準 trệ, cũng là ý sót bỏ lại.

Nói lòng của người nông phu, trước lo việc công, sau lo việc tư, cho nên mong mây phủ mưa tuôn mà nói rằng: Trời hãy mưa xuống ruộng công của ta, rồi mưa đến ruộng tư của ta, mong nhờ cái đức của vua để được ân huệ thừa, khiến trong lúc gặt hái, chỗ kia có mây chùm lúa không kịp gặt, chỗ này có mây bó lúa không kịp thâu, chỗ kia có mây nấm lúa còn sót, chỗ này có mây chùm lúa còn rơi rớt thì được người đàn bà goá mong nhặt lấy để được lợi. Đó là để thấy năm trúng mùa được thừa thãi, không thu góp sạch cả, để phân sót rớt ấy cho người cô độc không vợ không chồng chung hưởng, đủ thấy rằng đó là những ân huệ không tốn hao gì cũng không bỏ đi trên mặt đất (vì có người mót lấy). Nếu không thế, thì hột lúa dồi dào ấy chẳng giống như vật quý của trời ban phải bị khinh thị mà vứt bỏ đi chăng?

CHƯƠNG IV

曾孫來止

26. Tằng tôn lai chỉ,

以其婦子

27. Dĩ kỳ phụ tử

饁 彼南畝

28. Diệp bỉ nam mầu.

田畯 至喜

29. Điền tuấn chí hỉ.

來方禋 祀

30. Lai phương ân tự.

以其駢 黑

31. Dĩ kỳ tinh hắc

與其黍稷

32. Dữ kỳ thủ tắc

以享以祀

33. Dĩ hưởng dĩ tự,

以介景福

34. Dĩ giới cảnh phúc.

Dịch nghĩa

26. Ngài (chủ tế tự xưng là tầng tôn) đi đến nơi,
27. Gặp vợ con của nông phu
28. Đem đồ ăn đến người gặt hái ở mâu ruộng phía nam.
29. Quan coi việc canh nông cũng đến và vui mừng.
30. Ngài đến để trai giới sạch sẽ cúng tế thần bốn phương.
31. Dùng con vật lông đỏ lông đen.
32. Và xôi với cơm
33. Để cúng tế cho thần về hướng,
34. Để được phúc lớn.

Dịch thơ

Tầng tôn rảo bước đến nơi

Gặp ngay được vợ con người nông dân

Mẫu phía nam đồ ăn đem xuống.

Quan canh nông vui sướng bội phần.

Ngài thì trai giới tế thần,

Thú màu đen, đỏ phải cần sắc lông.

Cơm với xôi大家一起 cúng tế.

Cho thánh thần hướng lê cúng dâng,

Phúc to ngài hướng vô ngần.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 譯 安, ý tinh khiết trai giới sạch sẽ để cúng tế.

Người nông phu nói rằng: Ngài (người đứng chủ tế tự xưng là tầng tôn) đến. Cho nên cùng vợ con đem thực phẩm cho người gặt hái ở mảnh ruộng phía nam ăn. Quan giữ việc canh nông cũng đi đến mà vui mừng. Ngài (chủ tế tự xưng là tầng tôn) đến để trai giới sạch sẽ cúng tế thần bốn phương để báo đáp điều đã cầu đảo. Tế bốn phương thì dùng con thịt sắc lông đúng theo sắc phương hướng ấy mà cúng. Ở đây nói *tinh* *hắc*, màu đỏ màu đen là màu hướng nam và hướng bắc, nói ra hai hướng ấy để có hai hướng còn dư (là hướng tây hướng đông). 以介景福 dĩ giới cảnh phúc, được hưởng phúc to, nông dân muôn ngài hưởng được phúc lớn.

Thiên Đại diền có 4 chương, 2 chương 8 câu và 2 chương 9 câu.

Thiên trước có đoạn văn nói *đánh trống để rước thần nông*, cho nên hoặc có người nghi rằng 4 thiên *Sở từ*, *Tin Nam sơn*, *Phủ diền*, *Đại diền* tức là thơ Bân nhã (đã nói rõ ở cuối phần thơ Bân phong) cũng chưa biết là đúng hay không.

Nhưng ở thiên trước (*Phủ diền*) nhân vật trong ấy lấy việc ruộng ta đã tươi tốt là cái hồng phúc của nông phu mà muôn báo đáp bằng phúc lớn còn ở thiên này người nông phu lấy việc trời mưa xuống ruộng công của ta, rồi đến ruộng tư của ta để muôn ngài cúng tế cho thần thánh về hướng mà được phúc lớn. Thì tâm tính người trên và kẻ dưới sở dĩ đã nhờ dựa vào nhau để báo đáp lẫn nhau như thế, nếu chẳng phải đức hạnh dồi dào thì ai có thể làm nên được?

BÀI THÚ 219

CHƯƠNG I

瞻彼洛矣

Chiêm bỉ Lạc hī (Bắc sơn 9)

瞻彼洛矣

1. Chiêm hỉ Lạc hī

- | | |
|------|-------------------------------|
| 維水決決 | 2. Duy thủy ương ương. |
| 君子至止 | 3. Quân tử chí chỉ, |
| 福祿如茨 | 4. Phúc lộc như từ. |
| 駢韜有奭 | 5. Muội cáp hữu hách |
| 以作六師 | 6. Dī tác lục sư. |

Dịch nghĩa

1. Xem con sông Lạc kia,
2. Nước sâu và rộng.
3. Thiên tử đến nơi,
4. Phúc lộc dồi dào như tích chứa lại.
5. Thiên tử mặc tấm cáp màu đỏ
6. Để dây lênh sáu đạo quân.

Dịch thơ

Hãy xem Lạc thuỷ một dòng.

Nước sâu và rộng mènh mông tuyệt vời.

Nay đã đến nơi rồi thiên tử,

Phúc lộc như chứa trữ dồi dào.

Vua thì mặc cáp đỏ au

Sáu quân hưng khởi xiết bao oai hùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 洛 *Lạc*, tên sông Lạc ở Đông đô, chō hội họp chư hầu, 決決 *ương ương*, sâu rộng. 君子 *quân tử*, chỉ Vua thiên tử. 茨 *từ*, tích chứa. 駢 *muội*, màu do cây

mao sưu nhuộm ra. 裳 cáp, cái tất, miếng mang ở phía trước để che đầu gối, ráp nhiều miếng da lại mà làm ra, sách *Chu quan* (*Chu lê*) gọi là vi biên, y phục trong nhà binh. 矢 hách, dáng màu đỏ. 作 tác, khởi lên. 六師 lục sư, lục quân, sáu đạo quân của thiên tử.

Đây là bài thơ của chư hầu khen tặng thiên tử khi thiên tử tụ hội chư hầu lại ở Đông đô để giảng việc vũ bị.

Nói thiên tử đến sông Lạc ấy, ngự quân phục và dây sáu đạo quân lên.

CHƯƠNG II

瞻彼洛矣

7. Chiêm bỉ lạc hī,

維水決決

8. Duy thuỷ ương ương,

君子至止

9. Quân tử chí chí,

韙琫有珌

10. Bình bồng hữu tất.

君子萬年

11. Quân tử vạn niên,

保其家室

12. Bảo kỳ gia thất,

Dịch nghĩa

7. Xem con sông Lạc kia,

8. Nước sâu và rộng.

9. Thiên tử đến nơi.

10. Bao đựng đao của thiên tử có trang sức phía trên và phía dưới.

11. Thiên tử sống muôn năm,

12. Để giữ gìn gia đình ngài mãi vững vàng.

Dịch thơ

Kìa kìa Lạc thuỷ hãy trông,
 Nước sâu thăm thẳm vô cùng rộng xa
 Nay thiên tử đã qua đến đó,
 Dưới trên trang sức vỏ đựng dao.
 Muôn năm thiên tử sống lâu.
 Giữ gìn gia thất xiết bao vững vàng!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 韶 bình, cái bao đựng dao, nay gọi là đao tiêu. 璧 bồng, những trang sức cho đẹp ở phía trên cây bội dao. 环 tất, những trang sức cho đẹp ở phía dưới cây bội dao. Bồng và tất đều là những trang phục của nhà bình.

CHƯƠNG III

瞻彼洛矣	13. Chiêm bì Lạc hī,
維水決決	14. Duy thuỷ ương ương.
君子至止	15. Quân tử chi chỉ,
福祿既同	16. Phúc lộc ký đồng,
君子萬年	17. Quân tử vạn niên
保其家邦	18. Bảo kỳ gia bang.

Dịch nghĩa

13. Xem con sông Lạc kia

14. Nước sâu và rộng.
15. Thiên tử đến nơi,
16. Phúc lộc đã gom tụ vào người.
17. Thiên tử sống muôn năm,
18. Để giữ gìn nước nhà cho vĩnh vàng.

Dịch thơ

*Hãy xem Lạc thuỷ xuôi dòng,
Nước sâu thăm thẳm mênh mông rộng dài.
Đáng thiên tử hôm nay đến đây,
Phúc lộc đã gom lấy dồi dào.
Muôn năm thiên tử sống lâu,
Nước nhà gìn giữ xiết bao vĩnh vàng!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 同 đồng, tụ hợp lại.
Thiên Chiêm bỉ Lạc hĩ có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THÚ 220

CHƯƠNG I

裳裳者華	Thường thường giả hoa (Bắc sơn 10)
裳裳者華	1. Thường thường giả hoa
其葉湑兮	2. Kỳ diệp tử hé.
我觀之子	3. Ngā cǎu chi tử,

- 我心寫兮 4. Ngā tâm tả hế.
 我心寫兮 5. Ngā tâm tả hế,
 是以有譽處兮 6. Thị dī hữu dự xứ hế.

Dịch nghĩa

1. Cây hoa trổ bông đẹp đẽ
2. Thì lá tươi tốt rướm rà.
3. Ta gặp chư hầu,
4. Thì lòng ta trút hết ưu phiền.
5. Lòng ta trút hết ưu phiền,
6. Là vì chư hầu có sự vui tươi yên lành.

Dịch thơ

*Cây hoa đã trổ bông xinh xắn
 Lá rướm rà tươi tắn xiết bao!
 Ta vừa gặp được chư hầu,
 Thi liền trút sạch ưu sầu lòng ta.
 Bao phiền muộn trút đà cạn dứt,
 Vì chư hầu vui thực yên lành.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 裳裳 *thường thường* như 堂堂 *đường đường* là đẹp đẽ rướm rà. Đồng thị nói rằng: Bản sách xưa chép 常 *thường*, là cây thường đẽ. 滑 *tử*, dáng rướm rà. 觀 *cáu* thấy, gặp. 處 *xử*, yên.

Đây là lời của thiên tử tặng chư hầu vì là để đáp lại bài *Chiêm bỉ lạc hĩ*. Nói cây hoa đã trổ bông thì lá rướm rà đẹp

đẽ. Ta gặp chư hầu rồi thì trút hết ưu phiền mà vui tươi lên.
Ôi! Người mà năng làm cho kẻ khác thấy vui tươi lên như thế thì phải có sự vui tươi yên lành thích nghi.

Chương này cùng với văn thể của chương đầu tiên *Lục tiêu* (bài thứ 179) hoàn toàn tương tự.

CHƯƠNG II

裳裳者華

7. Thường thường giả hoa

莫其黃矣

8. Vân kỳ hoàng hī.

我觀主子

9. Ngā cāu chi tử.

維其有章矣

10. Duy kỳ hữu chương hī.

維其有章矣

11. Duy kỳ hữu chương hī,

是以有慶矣

12. Thị dī hữu khương (khánh) hī.

Dịch nghĩa

7. Cây hoa trổ bông đẹp đẽ

8. Màu vàng rực rỡm rà.

9. Ta gặp chư hầu

10. Chư hầu có văn chương.

11. Chư hầu có văn chương,

12. Là vì có phúc lộc

Dịch thơ

Cây hoa đẹp đẽ bông đều trổ

Đã ứng vàng rực rõ khoe màu.

Ta vừa gặp được chư hầu

Thầy đều rạng rõ dồi dào văn chương.

Chư hầu đều văn chương lừng lẫy,

Phúc lộc đã hưởng lấy dồi dào

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 荟 vân, màu vàng mà rướm rà, chương, văn chương. Có văn chương thì có phúc lộc.

CHƯƠNG III

裳裳者華

13. Thường thường giả hoa

或黃或白

14. Hoặc hoàng hoặc bạch.

我觀之子

15. Ngã cầu chi tử

乘其四駱

16. Thừa kỳ tứ lạc.

乘其四駱

17. Thừa kỳ tứ lạc,

六轡沃若

18. Lục bì ốc nhược.

Dịch nghĩa

13. Cây hoa trổ bông đẹp đẽ

14. Hoặc màu vàng hoặc màu trắng,

15. Ta gấp chư hầu

16. Đi xe bốn ngựa lạc (ngựa bạch bờm đen).

17. Đi xe bốn ngựa lạc (ngựa bạch bờm đen),

18. Sáu dây cương bóng láng tươi sáng.

Dịch thơ

Cây hoa đã trổ bông xinh xắn,

*Hoặc vàng hoe hoặc trắng tươi màu,
Ta vừa gặp được chư hầu
Đi xe ngựa lạc xiết bao huy hoàng!
Bốn ngựa lạc rõ ràng hùng dũng,
Sáu dây cương trơn bóng long lanh!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. Nói xe ngựa của chư hầu uy nghi dồi dào.

CHƯƠNG IV

左之左之
君子宜之
右之右之
君子有之
維其有之
是以似之

19. Ta (tá) chí, ta (tá) chí,
20. Quân tử nghi chí.
21. Vĩ hữu chí, hữu chí,
22. Quân tử hữu chí.
23. Duy kỳ hữu chí,
24. Thị dĩ tự chí.

Dịch nghĩa

19. Phụ tá thiên tử, phụ tá thiên tử,
20. Thị chư hầu đứng đắn.
21. Giúp đỡ thiên tử, giúp đỡ thiên tử,
22. Thị chư hầu đều có đủ tài năng.
23. Vì vốn đã săn rồi,
24. Cho nên hành động của chư hầu đều giống với bản năng.

Dịch thơ

*Phụ tá vua ra công cõ găng
Chư hầu đều đứng đắn vô cùng.
Giúp thiên tử lại ra công
Chư hầu đầy đủ tài dùng xiết bao!
Vì vốn đã dỗi dào có sẵn.
Nên hành vi giống bản năng thay!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Nói chư hầu, tài năng thì hoàn toàn, đức hạnh thì đầy đủ. Phụ tá thiên tử thì chư hầu không có việc gì là không nên. Giúp đỡ thiên tử thì chư hầu không có điều gì không có. Vì tài năng đã có sẵn ở trong, cho nên mới lộ ra ở ngoài, không có điều gì không giống in như bản năng đã sẵn có.

Thiên Thường thường giả hoa có 4 chương, mỗi chương 6 câu.

Bắc sơn chí thập có 10 thiên, 46 chương, 334 câu.

7. TANG HỘ CHI THÁP

(Mười bài thuộc phần thơ Tang hộ)

BÀI THỨ 221

CHƯƠNG I

桑扈	Tang hộ (Tang hộ I)
交交桑扈	1. Giao giao tang hộ,
有鶯其羽	2. Hữu oanh kỳ vũ.
君子樂胥	3. Quân tử lạc tư
受天之祐	4. Thủ thiên chi hộ.

Dịch nghĩa

1. Chim tang hộ bay qua bay lại,
2. Lông có màu sắc đẹp đẽ của chim oanh.
3. Chư hầu vui mừng
4. Nhận được phúc lộc của trời.

Dịch thơ

*Chim tang hộ bay qua bay lại
Sắc lông thi lông lẫy như oanh.
Chư hầu mừng rõ thích tình
Nhận bao phúc lộc trời dành thường ban,*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 父父 giao giao, dáng bay qua bay lại. 桑扈 tang hộ, chim thiết chi. 鸳 oanh, có màu sắc đẹp đẽ. 君子 quân tử, chỉ chư hầu. 胥 tư, tiếng đệm. 祐 hộ, phúc.

Đây cũng là bài thơ về thiên tử đai yến chư hầu. Nói con chim tang hộ bay qua bay lại, lông có màu sắc đẹp đẽ. Chư hầu vui mừng thì được phúc của trời. Đây là lời chúc tụng cầu phúc.

CHƯƠNG II

交交桑扈

5. Giao giao tang hộ.

有鴛其領

6. Hữu oanh kỳ lanh.

君子樂胥

7. Quân tử lạc tư

萬邦之屏

8. Vạn bang chi bình.

Dịch nghĩa

5. Chim tang hộ bay qua bay lại
6. Cổ có màu sắc đẹp đẽ của chim oanh.
7. Chư hầu vui mừng,
8. Vì muôn nước nhỏ được sự che chở.

Dịch thơ

Bay lại bay qua chim tang hộ

Như chim oanh lông cổ đẹp tươi.

Chư hầu mừng rõ vui cười.

Vì muôn nước nhỏ đặng nơi hộ phòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 領 lanh, cái cổ. 屏 bình, che ý
 nói có thể làm hàng rào che chở cho nước nhỏ, vì rằng đã uỷ
 nhiệm chức liên sứ cho vị phương bá để bảo vệ các nước chư
 hầu.

CHƯƠNG III

之屏之翰

9. Chi bình chi hàn,

百闡爲憲

10. Bách bích vi hiến.

不戢不難

11. Bất tập bất na?

受福不那

12. Thủ phúc bất na?

Dịch nghĩa

9. Thiên tử như cây trụ nòng cốt trong bình phong.

10. Hàng trăm vua chư hầu lấy đó làm phép tắc.

11. Chư hầu há không kiểm thúc, không cẩn thận hay
 sao?

12. Phúc lộc nhận được há không nhiều hay sao?

Dịch thơ

Như trụ bình phong làm thiên tử

Trăm chư hầu phép cứ noi chung.

Giữ mình cẩn thận há không?

Phúc thu nhận chẳng vô cùng hay sao?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 翰 hàn (đọc hiện cho hợp vận) cây trụ trong bức tường để chịu đựng bùn đất đập lên ở hai bên tường. 璞 bích, vua. 慶 hiến, phép tắc. Nói chư hầu của thiên tử thống suất, đều lấy thiên tử làm phép tắc. 爾 tráp, kiềm thúc. 難 na, thận trọng. 多 na, nhiều. 不戢 bát tráp tức là kiềm thúc. 不難 bát na, tức là thận trọng. 不那 bát na, nhiều vì là nói há chẳng kiềm thúc hay sao? Há chẳng thận trọng hay sao? Nhận phúc lộc há chẳng nhiều hay sao? Đó là lời xưa, nói gấp mà ra thế. Về sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG VI

兕觥其觶

13. Tự quang kỳ cầu,

旨酒思柔

14. Chỉ ưu tư nhu.

彼交匪敖

15. Bỉ giao phi ngạo,

萬福來求

16. Vạn phúc lai cầu.

Dịch nghĩa

13. Chén sừng tự cong cong.

14. Rượu ngon lại dịu.

15. Chư hầu kia giao thiệp với nhau không có điều gì ngạo mạn,

16. Thì muôn điều phúc lộc sẽ tìm đến.

Dịch thơ

Chén cong cong bằng sừng con tự,

Rượu rót vào được thử dịu ngọt.

Chư hầu giao thiệp chǎng lòn.

Tự tìm đưa đến hằng muôn phúc lành

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 兔脫tự quang, chén rượu làm bằng sừng con tự, như con tê giác. 豈cầu, dáng uốn cong trên cái sừng. 惕chí, ngon. 恩tu, tiếng đệm vào câu văn. 放ngạo, ngạo mạn. Trong việc giao thiệp, không bao giờ ngạo mạn thì mình không có việc gì để phải tìm mong phúc lộc, mà phúc lộc trái lại sẽ tìm đến với mình.

Thiên Tang hộ có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 222

CHƯƠNG I

鴛鴦

Uyên ương (Tang hộ 2)

鴛鴦于飛

1. Uyên ương vu phi,

畢之羅之

2. Tất chi la chi.

君子萬年

3. Quân tử vạn niên,

福祿宜之

4. Phúc lộc nghi chi

Dịch nghĩa

1. Đôi chim uyên ương lướt bay.
2. Thị lấy lưới nhỏ, lưới to mà bắt.
3. Thiên tử sống muôn năm.
4. Phúc lộc rất xứng đáng cho người.

Dịch thơ

*Uyên ương một cặp lướt bay,
Lướt to lướt nhỏ giăng ngay bắt liền.
Sóng lâu thiên tử vạn niên,
Xứng thay phúc lộc dành riêng cho người.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 鸩鳩 uyên ương, loài chim sống dôi. 罗 tát. cái lưới nhỏ có cán dài 罗 la, cái lưới 君子 quân tử chỉ thiên tử.

Đây là bài thơ của chư hầu dùng để đáp lời bài Tang hộ. Chim uyên ương bay, thì lấy lưới nhỏ lưới to ra mà bắt. Thiên tử sống muôn năm, phúc lộc rất xứng đáng dâng cho người.

Đây cũng là lời chúc tụng cầu phúc.

CHƯƠNG II

鴟鳩在梁
戢其左翼
君子萬年
宜其遐福

5. Uyên ương tại lương
6. Tập kỳ tà dục.
7. Quân tử vạn niên;
8. Nghi kỳ hà phúc.

Dịch nghĩa

5. Đôi chim uyên ương đậu trên dập đá
6. Thu gọn cái cánh trái.
7. Thiên tử sống muôn năm.
8. Xứng đáng với phúc lộc lâu dài.

Dịch thơ

*Đậu trên đập đôi uyên ương,
Gọn thu cánh trái để nương sát vào
Muôn năm thiên tử sống lâu.
Xứng thay phúc lộc xiết bao lâu dài!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 卷 lương, cái đập đá để ngăn nước. 集 tập, thu gọn lại. Trương từ nói rằng: Loài chim hai con đậu chung, một con đậu xuôi, một con đậu ngược, phải xếp gọn cái cánh trái để dựa sát vào trong và buông thong thả cái cánh mặt để phòng ngừa hoạn nạn ở ngoài. Vì rằng không quen dùng cánh trái, chỉ tiện dùng cánh mặt. 遠 hà, xa, lâu.

CHƯƠNG III

乘馬在廄
摧之秣之
君子萬年
福祿艾之

9. Thặng mã tại cừu,
10. Toả chi mạt chi.
11. Quân tử vạn niên,
12. Phúc lộc ngại chi.

Dịch nghĩa

9. Bốn con ngựa ở trong chuồng
10. Thị cát cỏ và lấy lúa cho ăn.
11. Thiên tử sống muôn năm.
12. Thị phúc lộc bồi dưỡng cho người.

Dịch thơ

Bốn con ngựa ở trong chuồng
 Cắt cỏ và lúa cừ nuôi luòn đưa vào.
 Muôn năm thiên tử sống lâu.
 Đường bồi phúc lộc đổi dào dài xa.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 排 toả, cắt cỏ. 捺 mat (đọc mội).
 lúa thóc. 挣 ngái (đọc nghê), nuôi dưỡng. Tô thị nói 挣 ngái là
 già, ý nói lấy phúc lộc để trọn thân sống. Nói như thế cũng
 thông.

Bốn con ngựa ở trong chuồng, thì cắt cỏ và lấy thóc cho
 ăn. Thiên tử sống muôn năm, thì phúc lộc bồi dưỡng cho
 người.

CHƯƠNG IV

乘馬在殿
 株之搘之
 君子萬年
 福祿綏之

- 13. Thặng mã tại cứu,
- 14. Mạt chi toả chi.
- 15. Quân tử vạn niên,
- 16. Phúc lộc tuy chi.

Dịch nghĩa

- 13. Bốn con ngựa ở trong chuồng.
- 14. Thì lấy lúa và cát cỏ cho ăn.
- 15. Thiên tử sống muôn năm.
- 16. Thị phúc lộc làm cho người yên vui.

Dịch thơ

Bốn con ngựa ở chuồng rồi,
 Lúa và cỏ láy đem nuôi dồi dào.
 Muôn năm thiên tử sống lâu,
 Phúc và lộc hương xiết nào yên vui!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 綏 tuy (cũng đọc thoá) an. Thiên Uyên ương có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THÚ 223

CHƯƠNG I

頰弁	Khuỷ biến (Tang hộ 3)
有頰者弁	1. Hữu khuỷ giả biến,
實維伊何	2. Thực duy y hè?
爾酒既旨	3. Nhĩ tửu ký chỉ,
爾殼既嘉	4. Nhĩ hào ký gia
豈伊異人	5. Khi y dị nhân?
兄弟匪他	6. Huy đệ phi tha
薦與女蘿	7. Điều dữ nữ la
施于松柏	8. Di vu tùng bách
未見君子	9. Vị kiến quân tử,

憂心弈弈
既見君子
庶幾說懌

10. Ưu tâm dịch dịch.
11. Ký kiến quân tử,
12. Thủ cơ duyệt dịch.

Dịch nghĩa

1. Có người dội mū da,
2. Thật là để làm gì? (để dự yến tiệc)
3. Rượu của ngài đã tốt.
4. Thức ăn của ngài đã ngon
5. Há lại là để dãi người lạ?
6. Là để dãi anh em, chẳng phải để dãi người lạ.
7. Cây điêu cây nữ la
8. Bò lên cây tùng cây bách.
9. Chưa gặp được anh em
10. Thì lòng buồn rười rượi.
11. Khi gặp được anh em đến dự tiệc rồi.
12. Thì mong sẽ được vui tươi

Dịch thơ

Có người dội chiếc mū da

Thật tình như thế để mà làm chi?

Rượu của ngài thật thì tốt lắm,

Lại rất ngon thực phẩm dồi dào.

Há dành dãi khách lạ sao?

Dãi anh em đó chớ nào người xa.

Cây điêu cây nữ la hai thứ

Trên tùng trên bách cù leo cao.

Anh em lúc chưa gặp nhau,

Đòi con rươi rượi sầu đau nỗi lòng.

Khi gặp anh em cùng dự yến,

Thì mong cùng lưu luyến vui tươi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú mà hứng lại tỷ. *hữu khuỷ*, dáng cái māo, hoặc nói là dáng cát đầu lén. *biển*, cái māo bằng da. 嘉 *gia*, 善 *chi*, đều là ngon, tốt. 雄 *tha*, chẳng phải người khác. 烏 *diêu*, cây ký sinh, là giống miếng trang sức ở đầu ngựa, trái như phúc bối, màu đỏ màu đen, ngọt ngon. 女 *蘿* *nữ la*, cây thố ty bò lan trên cổ, màu vàng đỏ như vàng. Đây là thuộc tỷ. *殲*-*quân tử*, anh em làm khách khứa đến dự yến tiệc. 突突 *dịch dịch* (đọc *dược dược*), lòng buồn vô định, không biết dựa vào đâu.

Đây cũng là thơ về bày yến tiệc đai anh em thân thích, cho nên nói: Có bức đội māo da, thật là để làm gì vậy? Rượu của ngài đã tốt, đồ ăn của ngài đã ngon, thì há lại là vì người lạ hay sao? Lại là vì anh em mà đai dằng chẳng phải vì người xa lạ.

Lại nói cây diêu, cây nữ la bò lên trên cây để ví với anh em thân thích với ý chàng chít vắn vít nhờ dựa vào nhau. Cho nên khi chưa gặp được anh em thì buồn bực, lúc đã gặp rồi thì vui tươi.

CHƯƠNG II

有頗者弁
實維何期

13. Hữu khuỷ giả biển
14. Thực duy hà kỳ?

爾酒旣旨	15. Nhĩ tửu ký chí,
爾殼旣時	16. Nhĩ hào ký thi
豈伊異人	17. Khi y dị nhân?
兄弟具來	18. Huynh đệ cù lai
鳶與女蘿	19. Điểu dữ nữ la
施于松上	20. Dị vu tùng thương
未見君子	21. Vị kiến quân tử
憂心惄惄	22. Ưu tâm bính bính.
旣見君子	23. Ký kiến quân tử
庶幾有臧	24. Thứ cơ hữu tang.

Dịch nghĩa

13. Có người dội mồ da
14. Thật là để làm gì? (để dự yến tiệc)
15. Rượu của ngài đã tốt.
16. Thức ăn của ngài đã ngon
17. Há lại để dãi người lạ?
18. Anh em đều đến.
19. Cây điểu cây nữ la
20. Bò lên trên cây tùng (anh em thương mến nhở dựa vào nhau).
21. Khi chưa gặp anh em,
22. Thi lòng buồn âm áp.
23. Lúc đã gặp anh em.
24. Thi mong có điểu tốt lành với nhau.

Dịch thơ

Đội mũ da thấy có người,
Thật ra như thế để rồi làm chi?
Rượu của ngài thật thi ngon tuyệt.
Thức ăn thì tốt thiệt đây mà.
Há răng đai khách lạ xa?
Anh em lớn nhỏ thấy đã đến nơi,
Cây nứa đồng thời cây diều
Cứ bò lên bám víu cây tùng.
Anh em khi chưa hợp chung,
Nỗi sâu ám áp khổ lòng xiết bao!
Khi anh em cùng nhau hợp mốt.
Thì mong điều bền chặt tốt lành.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú mà hứng lại tỷ. 何期 *hà kỳ* như *乎* *期* *hà*, là để làm gì. 時 *thì*, ngon lành. 具 *cụ*, đều. 憶 *bính* *bính* (đọc *bương* *bương* cho hợp vận), nỗi buồn đầy âm áp, 慮 *tương* (đọc *tāng* cho hợp vận), tốt, lành.

CHƯƠNG III

有頰者弁
實維在首

25. Hữu khuỷ giả biến
26. Thực duy tại thủ.

- | | |
|------|-------------------------|
| 爾酒旣旨 | 27. Nhĩ tửu ký chí, |
| 爾殼旣阜 | 28. Nhĩ hào ký phu, |
| 豈伊異人 | 29. Khi y dị nhân? |
| 兄弟甥舅 | 30. Huynh đệ sinh cữu. |
| 如彼雨雪 | 31. Như bì vù tuyết, |
| 先集維霰 | 32. Tiên tập duy tuyến. |
| 死喪無日 | 33. Tử tang vô nhật, |
| 無幾相見 | 34. Vô kỷ tương kiến, |
| 樂酒令夕 | 35. Lạc tửu kim tịch, |
| 君子維宴 | 36. Quân tử duy yến. |

Dịch nghĩa

25. Có người dội mū da
26. Thật ở trên đầu.
27. Rượu của ngài đã tốt,
28. Thức ăn của ngài đã ngon,
29. Há lại để đai người lạ?
30. Mà là để đai anh em, cậu cháu.
31. Như trận hoa tuyết bay xuống.
32. Thị trước tiên phải có trận hột tuyết rơi rồi.
33. Chết mất không bao ngày.
34. Còn gặp nhau chẳng bao lâu nữa,
35. Thị hãy vui vẻ uống rượu với nhau trong đêm nay.
36. Anh em cứ yến ấm với nhau đi.

Dịch thơ

Có người dội chiếc mū da

Trên đầu tề chính thật là xinh thay!

Những thứ rượu của ngài tốt quá!

Những món ăn ngon lạ xiết bao!

Há rằng đai khách lạ sao?

Anh em cậu cháu đều vào dự chung.

Trận hoa tuyêt từng không xuống mai.

Hột tuế thi trước đây đã rơi

Không bao ngày nữa chết rồi,

Sóng còn chẳng đăng mây hỏi gấp nhau.

Đêm nay nhấp rượu vào vui sướng.

Để anh em ăn uống no say.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú mà hứng lại tỷ. *Tỷ phu*, nhiều. *Thi sinh cữu*, cháu và cậu, nói anh em của cha mẹ, con của cô, con của chị em anh em của vợ. *Tỷ tuyết*, hột tuyết bắt đầu đông lại. Sắp có tuyết xuống nhiều thì trước tiên phải có lúc hơi ấm, tuyết từ trên rơi xuống gặp khí hơi ấm thì tan chảy ra, rồi lại đông lại thành hột, gọi là tuyết (tục gọi là mễ tuyết hay lạp tuyết) mãi lâu khí lạnh càng hơn thì tuyết rơi xuống nhiều. Nói hột tuyết kết thành thì sắp đến mùa hoa tuyết xuống, để ví hẽ tuổi già đến thì đây là triệu chứng sắp chết rồi. Cho nên rồi cũng nói chết mát không bao ngày, không thể còn gặp nhau lâu nữa, thì phải vui vẻ uống rượu với nhau cho cạn nỗi hoan lạc trong đêm nay. Đây là ý dốc thêm tinh thần mến những người thân thích.

Thiên Khuỷ biến có 3 chương, mỗi chương 12 câu.

BÀI THÚ 224

CHƯƠNG I

車鞞	Xa hạt (Tang hộ 4)
間關車之鞞兮	1. Gian quan xa chi hạt hê
思變季女逝兮	2. Tư luyến quý nữ thê hê
匪饑匪渴	3. Khỉ cơ phi khát,
德音來括	4. Đức âm lai quát.
雖無好友	5. Tuy vô hảo hữu,
式燕且喜	6. Thức yến thả hỉ.

Dịch nghĩa

- Đóng chốt xe nghe cộp cộp
- Nhớ đến nàng con gái út đẹp đẽ mà đến cưới rước nàng về.
- Chẳng phải đợi, chẳng phải khát.
- (Ta rạo rực trong lòng, chỉ mong được) nghe thanh âm êm dịu của nàng lúc hội ngộ.
- Tuy không có bạn tốt,
- Thì hãy yến ấm với nhau cho vui vẻ tung bừng.

Dịch thơ

*Chốt xe cộp cộp đóng vào,
Nhờ cô gái út đến mau cưới liền.
Ta đâu phải vì riêng khát, đợi*

*Chỉ muốn nghe tiếng nói gập nàng,
Tuy không bạn tốt đoán trang
Thì cùng yến ám huy hoàng vui chung*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 閑閑 *gian quan*, tiếng đóng cây chốt ở đầu trục bánh xe. 素 *hạt*, cây chốt sắt ở đầu trục bánh xe, nếu không có việc gì để di, thì lấy cây chốt ấy ra, lúc đánh xe đi, mới đóng cây chốt ấy vào. Xe của người đi rước dâu. 嫁 *huyền*, dáng dẹp. 遣 *thệ*, di. 相 *quát*, hội kiến gặp nhau.

Đây là bài thơ yến ám vui chơi trong lễ cưới. Cho nên nói đóng cây chốt ở đầu trục xe nghe cộp cộp, vì nhớ đến nàng con gái út dẹp mới di xe đến để rước. Chẳng phải đói chàng phải khát, mà chỉ mong được nghe tiếng nói của nàng đến hội kiến mà lòng ta như đói ran khao khát vậy. Tuy không người bạ, thì cũng nên yến ám để cùng vui thích.

CHƯƠNG III

依彼平林

7. Y bỉ bình lâm

有集維鶴

8. Hữu tập duy kiêu.

辰彼碩女

9. Thời bỉ thạc nữ

令德來教

10. Lịnh đức lai giáo.

式燕且譽

11. Thức yến thả dự,

好爾無射

12. Háo nhī vô dịch.

Dịch nghĩa

7. Cánh rừng chốn đồng bằng tươi tốt kia

8. Có chim trĩ đậu lại.
9. Lúc ấy nàng con gái đã lớn kia
10. Lấy đức tốt để khuyên bảo (khi phối hợp với ta).
11. Thì hãy yên ấm mà khen tặng nàng.
12. Mến thích nàng không chán.

Dịch thơ

Rừng kia ở chân đồng bằng

Có con chim trĩ thấy hằng đậu luôn.

Bây giờ đã lớn khôn nàng ấy

Khuyên bảo ta nàng lấy đức lành.

Để khen, yến ấm linh đình,

Không bao giờ chán, nàng tình mến thương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 楊柳, đáng cây tươi tốt. 留連, hiều, chim trĩ, hơi nhỏ hơn chim dịch, chạy thì lại kêu, đuôi dài, thịt rất ngon. 此時, thời, lúc. 許她, to. 她呢, nàng, cô gái út. 這句 (đọc đó cho hợp vận), chán.

Ở vùng đất bằng, cánh rừng tươi tốt kia có con chim trĩ đậu lại. Lúc ấy cô gái út đã lớn kia lấy đức hạnh tốt đẹp đến phối hợp với ta để mà khuyên bảo. Cho nên cùng yến ấm và khen tặng nàng, hàm mộ nàng mãi không chán.

CHƯƠNG III

雖無旨酒
式飲庶幾

13. Tuy vô chỉ tửu,
14. Thức ấm thứ cơ.

雖無嘉穀
式食庶幾
雖無德與女
式歌且舞

15. Tuy vô gia hào,
16. Thức thực thứ cơ.,
17. Tuy vô đức dũ nhữ,
18. Thức ca thă vũ.

Dịch nghĩa

13. Tuy không có rượu ngon
14. Thì cũng mong nàng hãy uống đi.
15. Tuy không có thức ăn ngon.
16. Thì cũng mong nàng hãy dùng đi.
17. Tuy không có đức hạnh tốt lành để cùng nàng,
18. Thì nàng cũng ca múa lên đi.

Dịch thơ

*Rượu ngon không có tuy là,
Thì mong cứ hãy nhấp qua hơi nàng!
Món ăn ngon tuy rằng đã thiếu,
Thì mong nàng hãy chiều có dùng
Đức lành ta dấu đã không,
Thì nàng cứ hát và cùng múa lên.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 嘉 chi. 嘉 gia đều là ngon đẹp.
nhữ, nàng, chỉ người con gái út.

Nói tuy ta không có rượu ngon, thức ăn tốt và đức hạnh
đẹp để cùng nàng, nàng cũng nên ăn uống múa hát để vui vẻ
cùng nhau.

CHƯƠNG IV

陟彼高岡	19. Trắc bỉ cao cương,
析其柞薪	20. Tích kỳ tạc tân.
析其柞薪	21. Tích kỳ tạc tân,
其葉湑兮	22. Kỳ diệp tử hé.
鮮我觀腹	23. Tiên ngā câu nhī
我心寫兮	24. Ngā tâm tả hé,

Dịch nghĩa

19. Lên trên sống núi cao kia
20. Đẽn cây tạc làm củi.
21. Đẽn cây tạc làm củi.
22. Lá của nó rướm rà.
23. Ít khi ta gặp được nàng.
24. Gặp được nàng thì lòng ta như trút hết mọi nỗi phiền ưu.

Dịch thơ

Bước lên sống núi chênh vênh.

Đẽ làm củi, đốn tạc trên mà dùng,

Những cây tạc đốn đã xong,

Lá tươi của nó vẫn trong rậm đầy

Ít khi ta gặp nàng đây.

Gặp nàng, phiền muộn trút ngay khỏi lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 步 trắc, lên. 衢 tac, cây lichen.
涓 tử, rướm rà. 鮑 tiễn, ít. 觀 cát, gập, thấy.

Lên trên sóng núi mà chật cùi, thì lá của nó rướm rà. Ta
được gặp nàng, thì lòng ta trút hết mọi nỗi ưu sầu.

CHƯƠNG V

高山仰止

25. Cao sơn ngưỡng chi.

景行行止

26. Cảnh hành hành chỉ.

四牡騤騤

27. Tứ mãu phi phi,

六轡如琴

28. Lục bì như cầm.

觀爾新昏

29. Cát nhī tân hôn

以慰我心

30. Dī uỷ ngā tâm.

Dịch nghĩa

25. Núi cao thì để người ta ngưỡng trông.

26. Đường lớn thì để người ta đi.

27. Bốn con ngựa đực chạy mãi không dừng.

28. Sáu sợi dây cương rất điều hoà (Xe chạy đến đón
cưới nàng).

29. Gặp được nàng trong buổi lễ tân hôn

30. Để an ủi lòng ta.

Dịch thơ

Nút cao để được ngưỡng trông.

Đường to thi để người dùng bước đi.

Bốn ngựa được mài phi lướt tới.

Thảy điêu hòa sáu sợi dây cương.

Tân hôn ta gấp được nàng,

Để an ủi nỗi mơ màng lòng ta.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. *如 ngưỡng* (đọc *ngương* cho hợp vân), ngóng trông. *景德 cảnh hành*, đường to. *如琴* như cầm, nói sáu sợi dây cương điêu hoà như đàn cầm đàn sắt. *慰 uỷ*, yên.

Núi cao thì có thể ngưỡng trông lên. Con đường to thì có thể đi được. Ngựa thuần thực, người đánh xe giỏi giǎn thì có thể đi đón rước nàng con gái út để an ủi lòng ta.

Đây gom phần đầu và phần cuối mà nói. Thiên *Biểu lý* ở sách *Lê ký* chép rằng: Thơ Tiểu nhã có câu: *Cao sơn ngưỡng chỉ. Cảnh hành tranh chỉ* (=Núi cao thì để người ta ngưỡng trông. Đường lớn thì để người ta đi). (Nhưng sách *Lê ký tập thuyết* của Chu Hy giải là: Núi cao thì để người ta ngưỡng trông, Bực có đức hạnh lớn thì được người ta xem như khuôn phép mà noi theo).

Khổng tử mới khen rằng: Kinh *Thi* chuộng điêu nhân nghĩa như thế, cứ hướng tới con đường mà đi, nữa đường kiệt sức mới chịu dừng quên thân mình già, chẳng cần biết số năm mình còn sống là không đủ, cứ cần cù lao nhọc, ngày ngày cố gắng mài, đến chết mới thôi.

Thiên Xa hạt có 5 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THÚ 225

CHƯƠNG I

青蠅	Thanh nhặng (Tang hộ 5)
營營青蠅	1. Doanh doanh thanh nhặng,
止于樊	2. Chỉ vu phàn.
豈弟君子	3. Khải dẽ quân tư
無信讒言	4. Vô tín sàm ngôn.

Dịch nghĩa

1. Ruồi xanh bay nghe âm ý.
2. Đậu ở bờ rào.
3. Vua dẽ dàng và vui vẻ
4. Chờ nghe lời sàm nịnh.

Dịch thơ

Ruồi xanh âm ý nghe bay

Cá đàn kéo đến đậu ngay bờ rào.

Vua dẽ dàng xiết bao vui vẻ

Chờ nghe lời nhũng kẻ gièm pha!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 靑 蠅 doanh doanh, tiếng ruồi xanh bay qua bay lại khiến người ta nghe rõi lên. 靑 蠅 thanh nhặng, ruồi xanh, đồ dơ màu trắng thì nó biến ra đen, đồ dơ

màu đen thì nó biến ra trắng. 繁 *phiên* (đọc *phàn*) bờ rào.
繁 *quàn* tử, nói thiên tử.

Nhà thơ cho là thiên tử ưa nghe lời sàm nịnh, cho nên
lấy tiếng ruồi xanh bay âm ỹ mà ví, để răn thiên tử chớ
nghe.

CHƯƠNG II

營營青蠅

5. Doanh doanh thanh nhăng

止于棘

6. Chỉ vu cúc,

讒人罔極

7. Sàm nhân vông cực

交亂四國

8. Giao loạn tứ quốc.

Dịch nghĩa

5. Ruồi xanh bay nghe âm ỹ.
6. Đậu ở cây gai.
7. Kẻ sàm loạn thì không cùng không đứt,
8. Làm rối loạn các nước trong bốn phương.

Dịch thơ

Bay nghe âm ỹ ruồi xanh

Trên cây gai đã bùa quanh đậu cùng.

Kẻ sàm nịnh không cùng không đứt,

Làm rối ren các nước bốn phương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 棘 *cúc*, cây gai để làm bờ rào.
極 *cực*, cùng cực.

CHƯƠNG III

營營青蠅

止于榛

讒人罔極

構我二人

9. Doanh doanh thanh nhăng

10. Chỉ vu trăn.

11. Sàm nhân vồng cực

12. Cấu ngã nhị nhân.

Dịch nghĩa

9. Ruồi xanh bay nghe âm ý

10. Đậu ở cây trăn.

11. Kẻ sàm nịnh thì không dứt,

12. Làm rối loạn tình nghĩa giữa ta và người nghe theo.

Dịch thơ

Ruồi xanh âm ý bay qua

Trên cây trăn nọ thảy đà đậu chung.

Kẻ sàm nịnh không cùng mưu hai.

Tôi và người bại hoại cảm tình.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 構cấu, hợp, làm cho rối loạn.
二人nhị nhân, hai người, ta và người nghe theo.

Thiên Thanh nhăng có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THÚ 226

CHƯƠNG I

賓之初筵
賓之初筵
左右秩秩
籩豆有楚
殽核維旅
酒既和旨
飲酒孔偕
鍾鼓旣設
舉觴逸逸
大侯旣抗
弓矢斯張
射夫旣同
獻爾發功
發彼有的
以祈爾爵

- Tân chi sơ diên (Tang hộ 5)
1. Tân chi sơ diên
 2. Tả hữu trật trật.
 3. Biên đậu hữu sở.
 4. Hào hạch duy lữ.
 5. Tửu ký hòa chỉ.
 6. Âm tửu khổng giai.
 7. Chung cổ ký thiết.
 8. Cử thù dật dật.
 9. Đại hầu ký kháng.
 10. Cung thi tư trương.
 11. Xạ phu ký đồng.
 12. Hiến nhĩ phát công.
 13. Phát bỉ hữu đích.
 14. Dī kỳ nhĩ tước.

Dịch nghĩa

1. Tân khách bắt đầu ngồi vào tiệc
2. Ở bên phải bên trái đều tề chỉnh trật tự.

3. Những dĩa những thô đều bày thành hàng liệt
4. Món dưa món trái cây cũng dọn ra.
5. Rượu đã điều hòa ngon đẹp.
6. Người uống rượu đều đồng nhau nhau.
7. Chuông trống đã bày phải dời đi.
8. Bưng chén rượu của chủ rót mời lên cùng qua qua lại lại mời nhau có trật tự.
9. Cái bia to của vua đã cặng lên.
10. Cung tên cũng giương lên.
11. Người hán cung đã phân từng cặp.
12. Các ngài hãy tâu báo việc thành công bắn trúng đích của các ngài.
13. Ta hãy bắn trúng đích kia,
14. Để đòi chén rượu phạt cho ngài uống vậy.

Dịch thơ

Tân khách bắt đầu vào tiệc dự

Hai bên đều trật tự nghiêm trang.

Dĩa và thố sắp thành hàng.

Những dưa những quả rõ ràng bày ra.

Những thứ rượu điều hòa ngon thật.

Người uống thì lại rất tương đồng.

Trống chuông dời xuống cho xong.

Trước sau trật tự nâng chung rượu mời.

Cái bia to cặng rồi ngay ngắn.

Cung với tên để bắn đều giương.

Mọi người thành cặp săn sàng.

Và tâu trúng đích rõ ràng thành công.

Bắn trúng đích ta mong giành lấy,

Rượu phạt đòn ngài phải uống cho.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 初筵 sơ diên, bắt đầu ngồi vào tiệc. 告賓: tả hữu, bên phải bên trái của tiệc rượu. 秩秩 trật trật, có trật tự. 楚 sở, dáng bày thành hàng liệt. 般 hào, thức ăn đựng trong thố như dưa muối dưa chua. 核 hạch, thức ăn đựng trong dĩa như trái đào trái mai. 旅 lữ, trần bày ra. 烹烹 hoà chi, điều hòa ngon lành. 炙 khổng, rất. 箴 giai (đọc kỳ cho hợp vận), đồng đều như một. 設 thiết (đọc thất cho hợp vận) trước đã bày ra, nay phải dời xuống dưới. Người đánh nhạc trước đã treo chuông trống lên rồi hôm sau sắp có lễ đại xá (sắp cúng tế mà thi bắn) mới dời những chuông trống ấy xuống để tránh chõ bắn tên. 鼎鼎 cử thù, bưng chén rượu của chủ rót mời đặt lên trên chiếu. 逸逸 dật dật, qua lại có thứ tự. 大侯 đại hầu, cái bia to để vua bắn, bia của thiên tử bắn thì vẽ con gấu ở phần đất trắng, của chư hầu bắn thì vẽ con my (loài nai to hơn hươu) ở phần đất đỏ, của quan đại phu bắn thì bằng bồ vẽ con cọp con beo, của kẻ sĩ bắn thì bằng bồ vẽ con hươu con heo. Tâm bia của thiên tử bắn thì cao một trượng, chiếm một phần ba ở phía trong. Chỗ đất trắng (phần trắng trên tâm bia) có vẽ hình con gấu, còn phía ngoài thì thuộc phần đất đỏ có vẽ hình hơi khí và mây. Phàm bắn tên thì giương tâm bia lên mà không cột sợi dây thừng ở phía trái dưới tâm bia vào cây trụ, mà cột gút lại ở giữa. Đến khi sắp bắn, quan tư mã ra lệnh giương tâm bia, các con em mới mở gút ra và căng sợi dây thừng ở phía trái, dưới tâm bia cột vào cây trụ. Tâm bia của thiên tử giương lên thì cung tên cũng giương theo 射夫既同 xạ phu ký đồng, người bắn tên đã sánh bạn với nhau. Theo phép bắn, vua chọn bể tôi phân ra 3

ngẫu (cặp). Những người bắn tên, ngoài số 3 ngẫu áy ra, tự lựa đồng bạn của mình, gọi là chúng ngẫu. 獻 hiến, tâu báo. 發 phát, bắn tên. 的 đích, cái bia hứng tên. 祈 kỳ, cầu, tìm. 酒 tuốc, chén rượu. Người bắn trật phải uống chén rượu đầy.

Vệ Vũ công uống rượu, hối lỗi mà làm bài thơ này.

Chương này nói nhân có cuộc thi bắn mà có yến tiệc. Lễ nghi của bữa tiệc khởi đầu dồi dào, rượu đã điều hoà rất ngon, người uống thì đồng đều như một. Đến việc chuông trống được dời đi, bưng chén rượu của chủ mời lên, cảng cái bia và giương cung tên ra những cặp tay bắn thi nhau bắn, mỗi người đều ra sức tranh đua quyết thắng để mình đòi chén rượu phạt cho người.

CHƯƠNG II

籥舞笙鼓

15. Được vũ sênh cổ.

樂既和奏

16. Nhạc ký hòa tấu.

烝衍烈祖

17. Chung khán liệt tổ,

以洽百禮

18. Dĩ hợp bách lễ.

百禮既至

19. Bách lễ ký chí,

有壬有林

20. Hữu nhân hữu lâm,

錫爾純嘏

21. Tích nhĩ thuần giá.

子孫其湛

22. Tử tôn kỳ đam,

其湛曰樂

23. Kỳ đam viết lạc.

各奏爾能

24. Các tấu nhĩ năng.

賓載手仇

25. Tân tái thú cầu.

室人人又

26. Thất nhân nhập du (hựu),

酌彼康爵

以奏爾時

27. Chước bỉ khang tước

28. Dī tấu nhī thi.

Dịch nghĩa

15. Cầm ống sáo mà nhảy múa, có tiếng sênh tiếng trống phụ họa theo.
16. Nhạc đã hoà dịu tấu lên.
17. Tiết dâng nỗi vui mừng áy lên tổ tiên có công nghiệp hiển hách.
18. Để hợp với trăm thứ lễ nghi mà cúng tế.
19. Trăm thứ lễ nghi đã thi hành rất đầy đủ.
20. Đã to tát, đã dồi dào.
21. Thị tổ tiên sẽ ban cho người những phúc lộc hoàn toàn đẹp.
22. Con cháu sẽ được yên vui.
23. Cái yên vui áy rằng thật là vui thích.
24. Con cháu mỗi người đều rót rượu dâng lên xác thần.
25. Tân khách thì thân tự lấy tay rót rượu,
26. Những người hầu tiệc bước vào.
27. Lạt rót chén rượu bồ dưỡng kia
28. Để dâng cúng đúng lễ tế theo mùa.

Dịch thơ

Cầm sáo múa, trống sênh phụ họa,

Nhạc dịu êm bỗng đã tấu liền.

Nỗi vui dâng cúng tổ tiên.

Hợp cùng trăm lễ tế lên tận tình.

Trăm thứ lễ thi hành đủ cả,

Vừa lớn to lại quá dồi dào.

Tốt lành phúc lộc ban trao,

Để cho con cháu về sau vui lành.

Nỗi yên vui thật tình thích thú.

Con cháu đều rót rượu dâng ngay.

Khách thi rót lấy tân tay.

Những người hầu tiệc đông thay tiến vào,

Lại lấy chén rót mau rượu bỗ,

Té theo mùa đầy đủ tiến dâng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 舞文舞 dược vũ tức là 文舞 *văn vũ* (múa điệu văn), cầm ống sáo mà múa. 燕 chưng, tiến. 翩 khán, vui. 翩 liết, công nghiệp. 沉 hạp, hợp. 白禮 bách lễ, trầm lễ, ý nói nhiều, đầy đủ. 千 nhâm, to lớn. 林 lâm, thịnh, dồi dào. Nói nghi lễ dồi dào to tát. 錫 tích, thần thánh ban cho. 翩 nhī, người đứng chủ tế. 罷 giá, phúc. 湛 đam (đọc trầm cho hợp vận), vui. 各奏爾能 các tấu nhī nǎng (đọc nâm cho hợp vận), nói con cháu mỗi người đều rót rượu dâng lên xác thần, xác thần rót rượu đáp lại mà cạn chén. 𦥑 câu, rót rượu vào chén. 室人 thất nhân, người có phận sự làm việc trong nhà, nói người hầu tiệc. 又 hưu (đọc du hay di) lại một lần nữa. Người khách thì tay rót rượu, người hầu tiệc lại rót nữa để mời rượu thêm. 康 khang, an. Rượu uống vào để thân thể được an vui. Hoặc nói rằng khang 康 đọc ra 抗 kháng. Thiên Minh đường vi ở sách Lê ký có câu nói: Sùng điểm kháng khuê (đắp cái bệ đất cao mà để ngọc khuê, một lẽ khí quý

trọng cho vũng vàng). Đây cũng nói những chén rượu để trên cái bệ đất. *已* *thì* (đọc *thù*) là những vật có theo mùa.

Đây nói nhân buổi cúng tế mà uống rượu. Lúc mới đầu lễ nhạc còn dồi dào như thế.

CHƯƠNG III

賓之初筵

29. Tân chi sơ diên

溫溫其恭

30. Ôn ôn kỵ cung

其未醉止

31. Kỳ vị tuý chỉ,

威儀反反

32. Uy nghi phiên phiên

曰既醉止

33. Viết ký tuý chỉ.

威儀幡幡

34. Uy nghi phan phan.

舍其坐遷

35. Xả kỵ toạ thiên,

屢舞僂僂

36. Lũ vũ tiên tiên,

其未醉止

37. Kỳ vị tuý chỉ,

威儀抑抑

38. Uy nghi úc úc

曰既醉止

39. Viết ký tuý chỉ,

威儀惄惄

40. Uy nghi bất bất,

是曰既醉

41. Thị viết ký túy,

不知其秩

42. Bất trì ký trật.

Dịch nghĩa

29. Tân khách lúc mới vào tiệc

30. Thị ôn hòa cung kính.

31. Lúc chưa say.
32. Uy nghi còn giữ gìn theo lẽ phép.
33. Nói đã đến lúc say rồi,
34. Thì uy nghi khinh suất.
35. Bỏ chỗ mình ngồi mà dời sang chỗ khác,
36. Cứ nhảy múa ngắt ngưỡng.
37. Khi chưa say,
38. Thì uy nghi thận trọng kín đáo.
39. Nói đã đến lúc say rồi,
40. Thì uy nghi lớn dè.
41. Ấy là nói lúc đã say
42. Thì không còn nghi lẽ bình thường nữa.

Dịch thơ

*Tân khách bắt đầu vào dự tiệc,
 Cung kính thay chi xiết ôn hòa!
 Lúc chưa say rượu ngà ngà
 Đúng theo lẽ phép thật là uy nghi.
 Và đến lúc li bì say thật,
 Vẽ uy nghi khinh suất rõ ràng.
 Chỗ ngồi cứ bỏ dời sang,
 Múa quanh ngắt ngưỡng ngang tàng kê chi.
 Lúc chưa say nhăng khi tinh táo.
 Thời uy nghi kín đáo nghiêm trang.
 Đến khi say đã tàng tàng,
 Uy nghi lớn dè rõ ràng lô ngay.*

Là nói lúc đã say đáo đê.

Thì không còn nghi lê bình thường.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 反反 phán phán (đọc phiên phiên), doái trông đến lễ nghi. 幡幡 phan phan (đọc phiên phiên), nhiều lần khinh suất. 還 thiêu. dài. 屢 lũ, nhiều lần. 僊僗 tiên tiên, ngất ngưởng cất cao lên. 抑抑 úc úc, thận trọng kín đáo. 悚怱 bạt bạt, lớn dẽ, không trang trọng. 秩 trật, thường, bình thường.

Đây nói người uống rượu thường thường hắt đầu thì trật tự nghiêm trang, rồi cuối cùng thì say sưa hỗn độn.

CHƯƠNG IV

賓既醉止

43. Tân ký tuý chỉ,

載號載呶

44. Tái hào tái nao,

亂我籩豆

45. Loạn ngã biên đậu,

屢舞傴傴

46. Lũ vũ khi khi.

是曰既醉

47. Thị viết ký tuý,

不知其郵

48. Bất tri kỳ bưu;

側弁之俄

49. Trắc biên chi nga,

屢舞僂僂

50. Lũ vũ ta ta.

既醉而出

51. Ký túy nhì xuất,

並受其福

52. Tịnh thú kỳ phúc.

醉而不出

53. Tuý nhì bất xuất,

是謂伐德
飲酒孔嘉
維其令儀

54. Thị vị phạt đức.
55. Âm từu khổng gia,
56. Duy kỳ linh nghi.

Dịch nghĩa

43. Tân khách đã say
44. Thị kêu thét om xòm.
45. Làm lộn xộn cả dìa bát của ta,
46. Cứ nhảy múa ngã nghiêng.
47. Áy là nói lúc đã say,
48. Thị không còn biết lối mình nữa.
49. Đội mũ nghiêng nghiêng.
50. Cứ nhảy múa mãi không thôi.
51. Tân khách khi đã say mà đi ra,
52. Thị chủ và khách cùng nhận được phúc cả.
53. Say xưa mà không tách đi ra
54. Thị gọi là tổn hại đức hạnh.
55. Uống rượu mà được rất tốt lành.
56. Chỉ vì có uy nghi đẹp đẽ.

Dịch thơ

Khi tân khách đã say rượu hết,
Thì cùng nhau la thét kêu vang.
Bao nhiêu dìa bát ngôn ngang,
Ngã nghiêng nhảy múa ngang tang xá chi.
Áy là nói đến khi say thiệt,
Thì không còn hiểu biết lối mình,

*Trên đầu đội mũ chinh chinh,
Nhảy quanh quơ múa măc tình chẳng thôi,
Khi tân khách say rồi trở bước.
Chủ khách đều nhận được phúc lành.
Say mà không bước ra nhanh,
Bao nhiêu đức tốt phải dành tôn thương.
Uống rượu mà vẫn thường đẹp đẽ.
Vì uy nghi đầy vẻ đẹp xinh.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 號 hào, kêu. 嘶 nao, nói om xòm. 傲 傲 khi khi, dáng nghiêm ngā. 鄙 bùu (đọc vi cho hợp vận) đồng với chū 尤 vưu, tội lõi. 側 trắc, nghiêm. 俄 nga, dáng nghiêm. 傑 傑 ta ta, không thôi, không dứt. 出 xuát, đi ra. 伐 phạt, hại. 積 khống, rất. 令 linh, tốt lành.

Chương này nói rất tận tường trạng mạo của người say. Nhân nói tân khách đã say mà đi ra thì sẽ cùng chủ nhân giữ được tiếng tốt. Say xưa đến như thế thì tổn hại đức hạnh. Uống rượu mà sở dĩ được rất tốt lành là vì người uống có uy nghi đẹp đẽ. Nay uống rượu như thế thì không còn uy nghi gì cả.

CHƯƠNG V

凡此飲酒
或醉或否
既立之監

- 57. Phàm thử ẩm tửu
- 58. Hoặc túy hoặc phủ.
- 59. Ký lập chi giám

或佐之史
彼醉不臧
不醉反恥
式勿從謂
無俾大怠
匪言勿言
匪由勿語
由醉之言
俾出童羖
三爵不識
矧敢多又

60. Hoặc tá chi sử.
61. Bỉ túy bất tương,
62. Bất túy phản sĩ.
63. Thức vật tung vị
64. Vô tý thái dài.
65. Phỉ ngôn vật ngôn.
66. Phỉ do vật ngữ.
67. Do túy chí ngôn
68. Tý xuất đồng cổ.
69. Tam tước bất chí,
70. Thần cảm đà hưu?

Dịch nghĩa

57. Phàm khi uống rượu
58. Thì có người say, có người không say.
59. Cho nên đã lập ra chức giám
60. Và chức sứ để phụ giúp.
61. Kẻ kia đã say thì làm lầm việc không tốt lành,
62. Thì người chưa say trái lại phải thẹn giùm.
63. Hãy chớ theo mà nói gì với kẻ say cả.
64. Để khiến kẻ say ấy chớ quá khinh lòn xàng bậy.
65. Những việc không đáng nói thì chớ nói.
66. Việc không đáng theo thì chớ bàn.
67. Lúc say sưa mà nói xàng.
68. Thì khiến người phải mang ra con dê đen không sừng để nộp phạt.

69. Người uống ba chén rượu thì đã hôn mê không
không ghi nhớ được gì.

70. Phương chi lại dám uống nhiều hơn nữa hay sao?

Dịch thơ

Những thứ rượu phàm khi uống lấy.

Có người say, kẻ lại không say,

Cho nên chức giám được bày,

Có thêm chức sứ để hay phụ vào.

Làm việc xấu, kẻ nào say thật.

Người chưa say thấy rất then thùng.

Chờ nên bày giải nói cùng

Khiến cho chờ quá buông lung làm xăng,

Chẳng nên nói thì đứng có nói.

Chẳng đáng theo chờ vội luận bàn.

Lúc say mà cứ nói càn,

Đòi dê nộp phạt để răn từ rày.

Uống ba chén thì say quên mất,

Huống dám còn uống thật nhiều sao?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 监 gián, 史 sứ, đều thuộc quan
tư chính, người xem xét lễ nghi coi chừng khách uống quá
say mà thất lễ. Những buổi yến tiệc trong lễ hương xạ (thi
bán trong châu) sợ có người say sưa mệt mỏi mà thất lễ, mới

lập ra quan tư chính để coi chừng, xem xét lẽ nghi pháp độ. 謂 *vị*, cáo cho biết. 由 *do*, theo. 童羖 *đồng cổ*, dê đực lông đen không có sừng, át là không có con vật ấy. 識 *chí*, ghi.

Nói người uống rượu có kẻ say, có kẻ không say, cho nên lập ra chức giám và chức sứ phụ giúp, khi kẻ kia đã say không tự biết những việc không tốt lành của mình đã làm, thì khiến người chưa say trái lại thấy xấu hổ then giùm. Làm sao đi theo kẻ say mà nói bảo cho hiểu biết để khiến kẻ say ấy chớ đến mức quá khinh lòn càn bậy được? Có bảo cho thì lời nói như thế này: Việc gì không đáng nói thì chớ nói, việc gì không đáng theo thì chớ bàn. Say xưa mà nói xằng thì người sẽ bị phạt, phải mang ra con dê đen không sừng. Biết ra nói như thế, chớ không có con dê đen mà không sừng bao giờ, để làm cho kẻ say phải khiếp sợ. Người uống đến ba chén thì đã hôn mê không còn ghi nhớ được việc gì, huống chi lại dám uống nhiều nữa hay sao? Lại dặn dò để khuyên răn.

Thiên Tân chí sơ diên có 5 chương, mỗi chương 14 câu.

Bài tự của Mao công nói rằng: Đây là bài thơ của Vệ Vũ công châm biếm U vương, còn bài tự của Hàn thị nói rằng: Đó là bài thơ của Vệ Vũ công uống rượu mà hối lỗi.

Nay xét theo ý của bài thơ này với của bài ức trong phần thơ Đại nhã giống nhau, thì việc Vệ Vũ công tự cải hối mà làm ra phải theo ý nghĩa bài tự của Hàn thị.

BÀI THÚ 227

CHƯƠNG I

魚藻

魚在在藻

有頌其首

Ngư tảo (Tang hộ 7)

1. Ngư tại tại tảo

2. Hữu phần kỳ thủ.

王 在 在 鎬
豈 樂 飲 酒

3. Vương tại tại Hạo
4. Khải lạc ẩm tửu.

Dịch nghĩa

1. Con cá ở trong rong tảo
2. Có cái đầu to
3. Thiên tử ở Hạo kinh.
4. Đang vui vẻ uống rượu.

Dịch thơ

Giữa rong con cá ở vào

Rõ ràng nó có cái đầu to thay!

Ở Hạo kinh bấy nay thiên tử

Đang yên vui hơn hờ nhậu chơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 藻 *tǎo*, rong tảo, loại cỏ rêu mọc trong nước. 頌 *phán*, dáng đầu to. 豈 *khải*, cũng là vui.

Đây là bài thơ của chư hầu khen tặng thiên tử khi được thiên tử thết đãi yến tiệc.

Nói con cá ở đâu? Con cá ở trong rong tảo có cái đầu to ra đấy. Còn thiên tử ở đâu? Thiên tử ở Hạo kinh đang vui vẻ uống rượu.

CHƯƠNG II

魚 在 在 藻
有 莘 其 尾

5. Ngư tại tại tảo
6. Hữu sǎn kỳ vi.

王在在 鎬
飲酒樂豈

7. Vương tại tại Hạo
8. Âm tửu lạc khải.

Dịch nghĩa

5. Con cá ở trong rǎo-tǎo
6. Có cái đuôi dài.
7. Thiên tử ở Hạo kinh
8. Đang uống rượu vui vẻ.

Dịch thơ

Có con cá ở trong rong

Đuôi dài tha thướt thung dung rõ ràng.

Chốn Hạo kinh vua đang ở đây,

Vui vẻ thay nhấp lấy rượu vào.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 莘 sān, dài.

CHƯƠNG III

魚在在藻
依于其蒲
王在在鎬
有那其居

9. Ngư tại tại tảo
10. Y vu kỳ bồ.
11. Vương tại tại Hạo
12. Hữu na kỳ cư.

9. Con cá ở trong rong tảo
10. Tựa vào cây lác.
11. Thiên tử ở Hao kinh
12. Đang ở yên ổn nơi ấy.

Dịch thơ

Cá kia ở dưới đám rong

Tựa vào cây lác để dung thân hình.

Thiên tử nơi Hao kinh hiện ngự

Giữa chốn kia ngoài cù yên vui.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 那 na, yên. 懈 cự. ờ.

Thiên Ngư tảo có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THÚ 228

CHƯƠNG I

采菽	Thái Thúc (Tang hộ 8)
采菽采菽	1. Thái thúc, thái thúc,
筐之筥之	2. Khuông chi cử ehì,
君子來朝	3. Quân tử lai triều.
何錫予之	4. Hà tích dữ chí?
雖無予之	5. Tuy vô dữ chí?

路車乘馬	6. Lộ xa thặng mā.
又何予之	7. Hữu hà dǔ chí?
玄袞及黼	8. Huyền cốn cập phủ.

Dịch nghĩa

1. Hái đậu, hái đậu
2. Thị lấy giỏ vuông giỏ tròn mà đựng.
3. Chư hầu đến châu,
4. (Thiên tử) phải lấy gì mà ban cho?
5. Tuy không có gì đáng cho cả,
6. Chỉ có xe và bốn ngựa.
7. (Thiên tử) lại lấy gì mà ban cho nữa?
8. Chỉ có áo cốn đen và quần phủ (thêu hình cái búa).

Dịch thơ

*Đi hái đậu thi lo đi hái,
Giỏ vuông tròn cứ lấy đựng vào.
Nhưng trang quân tử đến châu,
Lấy gì xứng đáng nhất hầu ban ra?
Của đáng quý tuy là không có,
Bốn ngựa và chiếc lộ xa thôi.
Ban gì thêm nữa cho người?
Cốn đen quần phủ kia thời tặng luôn.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 條 *thúc*, thứ đậu to. 君子 *quân tử*, chỉ chư hầu. 路車 *lộ xa*, xe kim lộ để ban cho chư hầu cùng một họ. (Thiên tử có 5 thứ xe: 1 ngọc lộ. 2 kim lộ. 3 tương lộ.. 4 cách lộ. 5 mộc lộ). Còn tương lộ thì để ban cho chư hầu khác họ. 玄袞 *huyền cỗn*, áo bào đen có thêu con rồng uốn khúc. 補 *phủ*, như hình cái búa thêu ở quần (thêu màu đen và trắng như hình cái búa đen có lưỡi mài sáng trắng). Theo chế độ nhà Chu, bực công thì có cỗn miện (áo thêu rồng và mũ) 9 thứ (5 thứ thêu ở áo và 4 thứ thêu ở quần) đã thấy ở thiên Cửu vực (Bản phong, bài thứ 159); bực hầu bá thì có tệ miện (áo thêu chim trĩ và mũ) 7 thứ (3 thứ thêu ở áo và 4 thứ thêu ở quần) thì từ hoa trùng (chim trĩ) trở xuống; bực tử, nam có xuế miện (áo thêu cọp, khỉ và mũ) 5 thứ (3 thứ thêu ở áo và 2 thứ thêu ở quần) áo từ tông di (cọp, khỉ) trở xuống, còn quần thì phủ phát (thêu hình cái búa màu đen trắng và thêu hình hai chữ 已 *dī* đổi ngược nhau); bực công khanh thì có si miện (áo gai mịn và mũ) 3 thứ, áo phân mề (thêu hình phấn và gạo) mà quần phủ phát; bực đại phu thì có huyên miện, tất là áo đen quần phát (quần thêu hai chữ 已 *dī*, đổi ngược nhau) mà thôi.

Đây là bài thơ của thiên tử đáp lại bài *Ngư tako*.

Hái đậu, hái đậu thì lấy cái giỏ vuông cái giỏ tròn mà đựng. Chư hầu đến châu thì thiên tử ắt có những món gì để ban cho. Lại nói nay tuy không có gì để ban cho, mà chỉ có xe bốn ngựa, áo cỗn đen và quần phủ để cho mà thôi. Nói như thế là tỏ lòng ưa mến chư hầu lắm, của ban cho như vậy mà ý vẫn cho là không trọng hậu.

CHƯƠNG III

驚 沸檻泉 ,

9. Tất phất hạm tuyễn,

ban cho. Lại nói nay tuy không có gì để ban cho, mà chỉ có xe bốn ngựa, áo cồn đen và quần phủ để cho mà thôi. Nói như thế là tỏ lòng ưa mến chư hầu lấm, của ban cho như vậy mà ý vẫn cho là không trọng hậu.

CHƯƠNG III

觱沸槛泉

9. Tất phát hạm tuyển,

言采其芹

10. Ngôn thái kỳ cần,

君子來朝

11. Quân tử lai triều,

言觀其旂

12. Ngôn quan kỳ kỳ.

其旂淠淠

13. Kỳ kỳ tỷ tỷ,

鸞聲嗟嗟

14. Loan thanh huế huế,

載驂載騶

15. Tái sam tái tú,

君子所屆

16. Quân tử sở giới.

Dịch nghĩa

9. Nước suối phun lên chảy ra ào ào

10. Nói là đến đáy để hái rau cần.

11. Chư hầu đến châu,

12. Nói là đã thấy cờ ở phía xa xa,

13. Lá cờ phát phổi lay động.

14. Tiếng chuông nghe nao nức,

15. Có xe ba ngựa xe bốn ngựa,

16. Ấy là chư hầu đã đến nơi.

Dịch thơ

Phun ào ào chảy tuôn nước suối,

Hải rau cần là nói đến nơi.
 Châu vua, quân tử đến rồi,
 Bóng cờ thấp thoáng tuyệt vời đã trông.
 Cờ phát phơi uy hùng lay động,
 Tiếng chuông khua lồng lộng nghe vang,
 Xe ba, bốn ngựa rộn ràng.
 Chư hầu nay đã huy hoàng đến nơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng 漢詩 tất phát, dáng nước suối chảy ra. 檻泉 hạm tuyển (đọc tuân cho hợp vận) suối từ dưới đất phun thẳng lên. 芹 cần, rau cần mọc dưới nước, ăn được. 淩涩 tỷ tỷ, dáng lay động. 噜嘻 huế, hué, tiếng kêu. 留 giới (đọc ký), đến.

Nước suối từ dưới đất phun lên chảy ra, nói đến nơi ấy để hái rau cần. Chư hầu đến châu, nói là đã thấy cờ của chư hầu ở phía xa. Thấy được cờ, nghe được tiếng chuông khua, lại thấy được ngựa thì biết là chư hầu đã đến đây rồi.

Chú giải của Chu Hy

旗 kỳ, thú cờ có thêu rồng và có gắn chuông.

CHƯƠNG III

赤帀在股，
 邪幅在下。
 彼交匪紝，
 ,

17. Xích phát tại cõi,
 18. Tà bức tại hạ.
 19. Bỉ giao phi thư.

Xe ba, bốn ngựa rộn ràng.

Chư hầu nay đã huy hoàng đến nơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 煙沸; tái phát, dáng nước suối chảy ra. 瀧泉 ham tuyền (đọc tuân cho hợp vận) suối từ dưới đất phun thẳng lên. 莖 cần, rau cần mọc dưới nước, ăn được. 混混 tỷ tỷ, dáng lay động. 嘻嘻 huế, huế, tiếng kêu. 屢 giới (đọc ky), đến.

Nước suối từ dưới đất phun lên chảy ra, nói đến nơi ấy để hái rau cần. Chư hầu đến châu, nói là đã thấy cờ của chư hầu ở phía xa. Thấy được cờ, nghe được tiếng chuông khua, lại thấy được ngựa thì biết là chư hầu đã đến đây rồi.

Chú giải của Chu Hy

旂 kỳ, thứ cờ có thêu rồng và có gán chuông.

CHƯƠNG III

赤芾在股

17. Xích phát tại cổ,

邪幅在下

18. Tà bức tại hạ.

彼交匪紝

19. Bỉ giao phi thư.

天子所予

20. Thiên tử sở dữ.

樂只君子

21. Lạc chỉ quân tử!

天子命之

22. Thiên tử mệnh chi.

樂只君子

23. Lạc chỉ quân tử!

福祿申之

24. Phúc lộc thân chi.

Dịch nghĩa

17. Chị hầu mặc phắt đỏ ở bắp vế,
18. Phía dưới bắp vế có quần xà cạp.
19. Trong cuộc giao tế, chị hầu ấy chẳng dám chậm chạp khinh lòn.
20. Cho nên được thiên tử ban cho (xe ngựa, quần áo).
21. Vui thay chị hầu ấy!
22. Được thiên tử khiếu đem phẩm vật ban cho.
23. Vui thay những chị hầu ấy!
24. Được ban thêm cho nhiều phúc lộc.

Dịch thơ

*Ở bắp vế, phắt thì màu đỏ,
Bắp chuôi đ鞧 được bó sát vào.
Chẳng hề chậm chạp tiếp giao,
Cho nên thiên tử tặng trao đủ đầy.
Thì rõ thật vui thay quân tử!
Vua sai đ鞧 các thứ thường ban
Chị hầu chi xiết hân hoan
Thêm nhiều phúc lộc sống an cuộc đời.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 股 cỗ, bắp vế, phần phía trên ống chân gọi cỗ. 邪幅 tà bức, miếng xà cạp quần xéo xéo ở ống chân, như nay là miếng hành đằng (xà cạp) để quần ống chân dưới bắp vế. 爵 giao, giao tế giao thiệp với nhau. 絹 thư (đọc thư cho hợp vận trắc), hoãn chậm.

Chư hầu mặc phật, quán sát ống chân để triều kiến
thiên tử. cung kính tề chỉnh gọn gàng, không dám chậm
chạp thì được thiên tử ban cho xe ngựa. y phục và được thiên
tử ban thêm cho phúc lộc.

CHƯƠNG V

維柞之枝

25. Duy tạc chi chi

其葉蓬蓬

26. Kỳ diệp bồng bồng.

樂只君子

27. Lạc chỉ quân tử!

殿天子之邦

28. Điện thiên tử chi bang.

樂只君子

29. Lạc chỉ quân tử!

萬福攸同

30. Vạn phúc du đồng.

平平左右

31. Biền biển tả hữu

亦是率從

32. Diệc thị suất túng.

Dịch nghĩa

25. Chỉ có cành cây tạc

26. Thị lá tươi tốt rướm rà.

27. Vui thay chư hầu áy!

28. Đã trấn giữ được đất nước của thiên tử.

29. Vui thay chư hầu áy!

30. Được muôn điều phúc lộc kết tụ vào.

31. Những bể tội đứng đắn của chư hầu

32. Cũng được đi theo mà đến đây.

Dịch thơ

Nay chỉ thấy ở cành cây tac,

Là rướm rà dày đặc tươi xanh.

Chư hầu vui vẻ thích tình

Nước nhà thiên tử an ninh trấn phòng.

Chư hầu áy lòng chi xiết!

Muôn phúc như đã kết tụ vào.

Tôi trung trực của chư hầu

Được đi theo để cung vào đến đây.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 柄 lâ, cây lịch (xem lại thiên Xa hạt bài thứ 224). 蓬蓬 bồng bồng, dáng rướm rà. 殿 điện, trấn áp. 半半 biền biền, được sửa trị đứng đắn. 左右 tả hữu, các bê tôi của chư hầu. 率 suất, đi theo.

Chỉ có cây tạc thì lá tươi tốt rướm rà. Vui thay những chư hầu áy đã trấn áp được đất nước của thiên tử, để muôn điều phúc lộc kết tụ vào! Lại nói các bê tôi ở hai bên của chư hầu cũng noi theo mà đến đây.

CHƯƠNG V

汎汎楊舟

33. Phiếm phiếm dương chu

紳繩維之

34. Phất lê duy chi.

樂只君子

35. Lạc chỉ quân tử!

天子葵之

36. Thiên tử quỳ chi.

樂只君子

37. Lạc chỉ quân tử!

福祿臘之

38. Phúc lộc tỳ chi.

優哉游哉
亦是戾矣

39. Ưu tai du tai!
40. Diệc thị lệ hī.

Dịch nghĩa

33. Chiếc thuyền bằng gỗ·cây dương bình bồng
34. Phải lấy dây dỏi mà cột giữ lại.
35. Vui thay chư hầu áy!
36. Được thiên tử độ biết tài năng công đức.
37. Vui thay những chư hầu áy!
38. Được ban cho phúc lộc trọng hậu.
39. Chư hầu áy thung dung nhàn nhã thay!
40. Đến như thế áy.

Dịch thơ

*Thuyền gỗ dương bình bồng trôi nổi,
Thì phải dùng dây dỏi buộc vào.
Vui thay những bậc chư hầu!
Được vua độ biết tài cao đủ đầy.
Và rõ thật vui thay quân tử!
Phúc lộc vua ân từ dồi dào.
Thung dung nhàn nhã chư hầu
Đến như thế áy xiết bao yên lành!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 繡 phất, sợi dây dỏi to. 繼 lê, 綸 duy, đều là cột. Nói lấy dây dỏi to mà cột thuyền, 禊 quỳ,

đo, đo lường mà biết, 腕 tỳ, trọng hậu, 戟 lệ (đọc ly cho hợp vận), đến.

Chiếc thuyền bằng gỗ cây dương bình bồng lênh đênh thì phải lấy dây đỏi mà cột lại. Vui thay những chư hầu ấy được thiên tử độ biết tài năng! Phúc lộc át được ban cho trọng hậu, cho nên mới than khen chư hầu được được thung dung đến như thế áy.

優游 ưu du, thung dung nhàn hạ.

Thiên Thái thúc có 5 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THÚ 229

CHƯƠNG I

角弓

Giác cung (Tang hộ 9)

醉 醉 角弓

1. Tinh tinh giác cung

翫 其 反 矣

2. Phiên kỳ phiên (phản) hī.

兄 弟 昔 姻

3. Huynh đệ hôn nhân

無 背 遠 矣

4. Vô tư viễn hī.

Dịch nghĩa

1. Cây cung sừng điêu hoà
2. Đã bật trở ra.
3. Anh em thân thích bên nội bên ngoại
4. Chớ xa lạ với nhau.

Dịch thơ

Cây cung sừng thật điêu hoà

Hai đầu đã thấy bật ra kia rồi.

Anh em nội ngoại những người

Chớ nên hờ hững cách vời xa nhau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 駢駢tinh tinh, dáng đều đặn của cây cung. 角弓giác cung, cây cung được trang sức bằng sừng. 翩phiên, dáng bưng trở lại, bật trở lại. Cây cung là một vật hễ giương lên thì hai đầu cung hướng vào trong mà tiến đến gần nhau, hễ buông thả thì hai đầu cung bật ra ngoài mà tách xa nhau, cũng như cái ý thân gần, xa lạ giữa anh em bên nội bên ngoại, hễ thân gần thì họ tựu đến, còn xa lạ thì họ bỏ đi. 舛tư, lẩn nhau.

Đây là bài thơ châm biếm vua không thân cứu tộc (ông sơ, ông cố, ông nội, cha, mình, con, cháu, chắt, chít) mà lại ưa kẻ sàm nịnh, khiến thân tộc oán trách.

Nói cây cung sừng diều hoà đã bật trở ra. Anh em bên nội bên ngoại, há lại có thể xa lạ được hay sao?

CHƯƠNG II

爾之遠矣

5. Nhī chí viễn hī,

民胥然矣

6. Dân tư nhiên hī.

爾之教矣

7. Nhī chí giáo hī,

民胥微矣

8. Dân tư hiệu hī.

Dịch nghĩa

5. Ngài xa lạ họ hàng thân thích,

6. Thì dân chúng đều làm như thế ấy.

7. Ngài dạy bảo như thế nào;
8. Thị dân chúng đều bắt chước theo vậy.

Dịch thơ

*Ngài xa lìa những họ hàng,
Dân đều làm thế rõ ràng khác chi.
Ngài mà dạy bảo những gì.
Dân đều bắt chước tức thì làm theo.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 爾 nhī, ngài, chỉ vua. Bề trên làm những gì, thì kẻ dưới bắt chước theo còn hơn nữa.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|-----------------------|
| 此令兄弟 | 9. Thủ lệnh huynh đệ |
| 綽綽有裕 | 10. Xước xước hữu dụ |
| 不令兄弟 | 11. Bất lệnh huynh đệ |
| 交相爲渝 | 12. Giao tương vi dù. |

Dịch nghĩa

9. Những anh em tốt này,
10. Thị tình nghĩa vẫn rộng rãi dài dà.
11. Còn những anh em không tốt kia,
12. Sẽ làm hại lẫn nhau (vì sự giáo hoá không tốt của vua, vua ưa kẻ sàm nịnh).

Dịch thơ

*Anh em này rất tốt lành,
Đủ đầy rộng rãi nghĩa tình xiết bao!
Anh em chẳng tốt tí nào
Sẽ cùng làm hại lẫn nhau tức thì.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 令 *linh*, tốt lành. 足 *xuất*, rộng. 足 *du* (có thể đọc *dụ*, *dữ*), nhiều. 痞 *dū* (có thể đọc *dụ* *dữ*), bình.

Nói tuy sự giáo hoá của vua không được tốt, mà những anh em tốt này thì tình nghĩa vẫn rộng rãi dồi dào không biến đổi. Còn những anh em không tốt kia thì do sự giáo hoá không được tốt ấy của vua, mà làm hại lẫn nhau. Đó là chỉ những đứa sàm nịnh mình mà nói.

CHƯƠNG IV

民之無良

13. Dân chi vô lương

相怨一方

14. Tương oán nhất phương.

受爵不讓

15. Thủ tước bất nhượng

至於己斯亡

16. Chí vu dī tư vong.

Dịch nghĩa

13. Dân chúng mà không lương thiện

14. Thì mỗi người giữ một phương mà oán trách chống đối nhau.

15. Giành lấy tước vị mà không biết nhường nhau,

16. Thị chỉ đến cảnh nguy vong mà thôi.

Dịch thơ

Nhân dân mà chẳng thiện lương

Oán hờn riêng giữ một phương chống kình.

Chẳng nhường tước vị tranh giành,

Nguy vong ắt sẽ rành rành đến ngay.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 一方 nhất phương, ở một phương kia. Hờn oán nhau thì mỗi người giữ một phương mà chống đối. Nếu mình lấy cái lòng oán trách người để oán trách mình, và lấy cái bụng thương mình mà thương người, khiến giữa người kia và ta được thấy rõ nhau không có che giấu điều gì, thì há lại cho có điều oán trách nữa hay sao?

Huống chi anh em mà oán trách nhau, gièm pha lấn nhau để giành tước vị mà không biết nhường nhịn nhau, thì rốt cuộc cũng phải nguy vong mà thôi.

CHƯƠNG V

老馬反爲駒

17. Lão mã phản vi câu.

不顧其後

18. Bất cố kỳ hậu.

如食宜餽

19. Như tự nghi ứ,

如酌孔取

20. Nhờ chước khổng thủ.

Dịch nghĩa

17. Ngựa già mà trái lại tự cho mình là ngựa tơ,

18. Không đoái nghĩ đến mai hậu (sẽ không đảm nhiệm nội).
19. Như cho ăn nhiều rồi thì phải no,
20. Như rót rượu cho uống đã quá chén.

Dịch thơ

*Ngựa già tự nhận là tơ,
Lại không nghĩ việc đáng lo sau này.
Ăn nhiều thì phải no dai.
Rót nhiều quá chén phải say đậm đà.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 醉 犹, no. 酒 khồng, rất

Nói người ta chỉ biết gièm pha hâm hại người để giành
tước vị mà không biết mình thiếu tài cán, không đảm nhiệm
rồi. Như con ngựa già suy nhược nội, mà trái lại tự cho mình
là như con ngựa tơ, không đoái tưởng đến tương lai sẽ có điều
lo ngại đảm nhiệm không nổi. Lại như cho ăn đã nhiều thì
phải no, rót rượu cho uống cũng đã quá chén rồi vậy.

CHƯƠNG VI

毋教猱升木
如塗塗附
君子有徽猷
小人與屬

21. Vô giáo nao thăng mộc,
22. Như đồ đồ phụ.
23. Quân tử hữu huy du.
24. Tiểu nhân dữ thuộc.

Dịch nghĩa

21. Chó dạy con vượn trèo cây,
22. Cũng như lấy bùn phủ thêm lên lớp bùn.
23. Nếu vua có đạo đức tốt,
24. Kẻ tiểu nhân sẽ hoá thành tốt lành theo để tựa vào.

Dịch thơ

Dạy trèo cho vượn chó nê.

Chó đem bùn phủ lên trên đất lầy.

Nếu vua đạo đức đẹp hay,

Tiểu nhân thành thiện với qua tựa vào.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 猴 nao (cũng đọc *nhu*), tức là con mè hầu (macaque), thuộc loài vượn, tính leo cây rất giỏi, không cần được dạy leo mà vẫn leo được. 土 đồi, bùn. 覆 phủ, thêm vào. 微 huy, đẹp. 賦 du, đạo lý. 屬 thuộc (đọc thụ cho hợp vận), phụ thuộc vào.

Nói ân tình của kẻ tiểu nhân vốn đã mong manh. Vua lại ưa sàm nịnh để kẻ tiểu nhân tự đến, thì cũng như dạy con vượn trèo cây, lại cũng như trên lớp đất lầy lại lấy bùn phủ thêm lên. Nếu vua có đạo đức tốt, thì kẻ tiểu nhân sẽ hoá thành tốt lành để tựa vào vua, không đến như thế ấy vậy.

CHƯƠNG VII

雨雪瀌瀌

見暎曰消

25. Vụ tuyết tiêu tiêu

26. Kiển hiện viết tiêu,

莫肯下遺
式居妻驕

27. Mạc kháng há di,
28. Thức cư lự kiêu.

Dịch nghĩa

25. Tuyết rơi xuống quá nhiều,
26. Gặp khí nóng của mặt trời thì tan ngay (ngụ ý lời gièm pha gặp người sáng suốt thì tiêu dứt ngay).
27. Nếu vua chẳng chịu bỏ rơi những kẻ gièm pha ấy
28. Thì chúng càng kiêu ngạo khinh lòn hơn nữa.

Dịch thơ

Tuyết bay rơi xuống quá nhiều,
Gặp ngay khí nóng đã tiêu tan rồi.
Gièm pha vua chẳng bỏ rơi,
Chúng càng kiêu ngạo để người ngang tàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 濛濛 tiêu tiêu, dáng dồi dào. 眇 hiện, khí mặt trời. Trương tử nói rằng: Lời gièm pha gặp người sáng suốt phải tự dứt ngay. Hễ vua cam lòng tin theo, không chịu rút bỏ, thì lời gièm pha càng bành trướng khinh lòn hơn nữa.

CHƯƠNG VIII

雨雪浮浮
見瞑曰流

29. Vụ tuyêt phù phù
30. Kiến hiện viết lưu.

如蠻如髦

31. Như man như mao

我是用憂

32. Ngã thị dụng ưu.

Dịch nghĩa

29. Tuyết rơi xuống quá nhiều

30. Gặp khí nóng thì chảy ngay.

31. Những kẻ gièm pha ấy như man như rợ (không lẽ nghĩa)

32. Khiến ta phải ưu sầu.

Dịch thơ

Quá nhiều phơi phới tuyết bay,

Gặp liên khí nóng chảy đầy tan ra.

Như man rợ kẻ gièm pha,

Tương tàn tương hại khiến ta ưu sầu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 浮浮 phù phù như 濛濛 tiêu tiêu, là đáng dồi dào. 流 lưu, chảy đi hết. 蠻 man, rợ miền nam. 髢 mao, (đọc mâu cho hợp vần), man rợ. Thiên Mục thê trong kinh Thư viết 髢 mao, nói kẻ man rợ không có lẽ nghĩa cứ tàn hại lẫn nhau.

Thiên Giác cung có 8 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THÚ 230

CHƯƠNG I

菀柳	Uất liễu (Tang hộ 10)
有菀者柳	1. Hữu uất giả liễu,
不尚息焉	2. Bất thượng tức yên?
上帝甚蹈	3. Thượng đế thậm đạo,
無自暱焉	4. Vô tự nặc yên.
俾予靖之	5. Tý dư tịnh chi,
後予極焉	6. Hậu dư cực yên.

Dịch nghĩa

1. Có cây liễu tươi tốt rườm rà.
2. Ai lại chẳng mong đến dừng nghỉ dưới bóng cây liễu ấy hay sao?
3. Thiên tử rất uy linh đáng sợ,
4. Cho nên chư hầu không ai dám đến gần.
5. Giả sử ta đến cháu để giúp thiên tử định yên vương thất nhà Chu.
6. Thì về sau ta phải cam chịu hết những điều ham muốn của thiên tử.

Dịch thơ

*Có cây liễu tốt rườm rà,
Đừng chân dưới gốc, ai mà chẳng mong!
Đáng sợ thay uy hùng thiên tử!*

Đêu lánh xa vì sợ long nhan.

Nếu châu để giúp vững an,

Điều vua ham muốn phải mang vào mình.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 柳 liễu, cây liễu tươi tốt rướm rà. 尚 thương, hy vọng, mong mỏi. 上帝 thương đế, chỉ vua. 痛đao, đáng lẽ là chữ 神 thần, nói uy linh đáng sợ. 晕 nắc, thân cận, gần gũi. 精 tinh, định yên. 極 cực, đòi hỏi cho được hết các điều ham muốn.

Thiên tử bạo ngược, cho nên chư hầu không tới châu mà làm bài thơ này.

Nói nơi kia có cây liễu tươi tốt rướm rà, người đi đường há lại không mong đến dừng nghỉ dưới bóng cây liễu đó hay sao? Nói như thế để ví rằng: Ai lại chẳng muốn đến châu mà phụng thờ thiên tử? Nhưng thiên tử rất uy linh như quỷ thần, khiến người ta sợ mà không dám đến gần. Giả sử ta đến châu mà phụng sự thiên tử để yên định vương thất nhà Chu, thì về sau thiên tử át sẽ đem hết điều ham muốn mà đòi hỏi ở ta. Cho nên chư hầu không đến châu thiên tử. Mà nếu một mình ta đến châu, thì thiên tử át trách việc ấy mãi chẳng thôi. Như Tề Uy vương đến châu thiên tử nhà Chu, về sau trái lại phải bị nhục.

Hoặc nói chương này thuộc hưng. Chương sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG II

有菀者柳

不尚愒焉

7. Hữu uất giả liễu,

8. Bất thượng khí yên?

上帝甚蹈
無自療焉
俾予靖之
後予邁焉

9. Thượng đế thậm đạo,
10. Vô tự trái yên.
11. Tý dư tịnh chi.
12. Hậu dư mại yên.

Dịch nghĩa

7. Có cây liễu tươi tốt rườm rà.
8. Ai lại chẳng mong đến dừng nghỉ dưới bóng cây liễu ấy hay sao?
9. Thiên tử rất uy vệ.
10. Cho nên chư hầu không ai dám tự chiêu tai hại đến gần thiên tử.
11. Giả sử ta đến châu để giúp thiên tử định yên vương thất nhà Chu.
12. Thì về sau ta phải cam chịu hết những đòi hỏi quá phận của thiên tử.

Dịch thơ

Có cây liễu râm tốt tươi,
Bóng cây dừng nghỉ, ai người chẳng mong?
Bực thiên tử rất uy hùng.
Chư hầu không dám chiêu bưng hoa vào.
Giúp vua yên định đến châu.
Điều vua đòi hỏi về sau cam lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 惕 khí, nghỉ ngơi. 審 trái (đọc té) bình, tai hại. 邁 mai (đọc lê) quá, đòi hỏi quá phân.

CHƯƠNG III

有鳥高飛
亦傅于天
彼人之心
于何其臻
曷予靖之
居以凶矜

13. Hữu điểu cao phi,
14. Diệc phụ vu thiên.
15. Bỉ nhân chi tâm
16. Vũ hà kỳ trăn?
17. Hạt dư tịnh chi,
18. Cư dī hưng căng.

Dịch nghĩa

13. Có con chim bay cao,
14. Cũng bay vút tận trời.
15. Lòng dạ tham bạo của thiên tử
16. Không biết đến mức độ nào.
17. Bao giờ ta đến chầu để giúp thiên tử định yên vương thất,
18. Thì ta chỉ hứng chịu một cách vô cớ những tai họa đáng tội nghiệp mà thôi.

Dịch thơ

Chim bay cao vút tuyệt vời,

Tung bay đến tận lưng trời mờ cao.

Lòng vua tham ngược xiết bao!

Còn ai biết đến độ nào nữa đây?

Chầu vua an định sau này,

Chỉ dành hứng chịu họa tai vô tình.

Chú giải của Dịch giả

Chương này thuộc hùng. 傳 phu, 犯 trấn đều là đến. 彼人 bỉ nhān, người kia, chỉ thiên tử. 居 cư như 徒然 đō nhiên, chịu suông láy, vô cớ mà hùng chịu tai hoạ. 凶矜 hung cǎng, gặp tai hoạ đáng xót thương tội nghiệp.

Con chim cao vút đến tận trời. Lòng dạ của thiên tử không biết đến đâu là cùng tốt. Ý nói thiên tử tham bạo phóng túng vô cùng, hận trách đến mấy cũng chẳng xong, người ta không biết lòng tham bạo ấy đến mức độ nào nữa. Như thế thì ta há lại có thể đến giúp thiên tử định yên vương thất hay sao? Nếu đến thì ta chỉ hùng chịu một cách vô cớ những tai hoạ đáng tội nghiệp mà thôi.

Thiên Uất liêu có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

Tang hộ chi thập có 10 thiên, 43 chương, 282 câu.

8. ĐÔ NHÂN SĨ CHÍ THẤP.

(Mười bài thuộc thơ Đô nhân sĩ)

BÀI THỨ 231

CHƯƠNG I

都人士	Đô nhân sĩ. (Đô nhân sĩ I)
彼都人士	1. Bỉ đō nhân sĩ
狐裘黃黃	2. Hồ Cầu hoàng hoàng,
其容不改	3. Kỳ dung bất cải,
出言有章	4. Xuất ngôn hữu chương,
行歸於周	5. Hành quy vu Chu,

Dịch nghĩa

1. Bực kẻ sĩ ở kinh đô xưa kia
2. Mặc áo da chồn màu vàng,
3. Dung mạo bình thường không thay đổi,
4. Thốt lời thì có văn chương,
5. Đi về kinh đô nhà Chu.
6. Được muôn dân ngưỡng vọng.

Dịch thơ

Sĩ nhân kia ở kinh kỳ

Da chọn làm áo màu thì vang trời.

Lúc bình thường dáng người không đổi,

Khi thốt ra lời nói văn chương,

Chu kinh cất bước lên đường.

Muôn dân trọng vọng kính nhường xiết bao!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 都 都, kinh đô của thiên tử. 黄黃 hoang hoang, màu vàng của áo da chồn. 不改 bất cải, thường thường vẫn thế không thay đổi. 章chương, văn chương. 周 Chu, kinh đô ở đất Hạo, Hạo kinh cũng gọi là Tây đô.

Sau thời ly loạn, người ta không thấy lại vẻ thịnh vượng trong đô áp của ngày xưa và nếp đẹp dễ ngoài dáng điệu của các nhân vật trong kinh đô nữa, mới làm bài thơ này để than tiếc.

CHƯƠNG II

彼都人士

7. Bỉ dô nhân sī

台笠縑撮

8. Đài lạp tri toát.

彼君子女

9. Bỉ quân tử nǚ

綢直如髮

10. Trù trực như phát,

我不見兮

11. Ngā băt kiến hế,

我心不說

12. Ngā tâm băt duyệt.

Dịch nghĩa

7. Bực kẻ sĩ trong kinh đô xưa kia

8. Đội nón bằng lá kè hay đội mũ bằng vải đen.

9. Còn con gái nhà sang trọng kia.

10. Thì có mái tóc đẹp đẽ.

11. Bây giờ ta không được thấy những nhân vật đẹp đẽ
ý nữa,

12. Cho nên lòng ta không vui.

Dịch thơ

Sī nhān kia ở kinh kỳ,

Nón thì bằng lá, mũ thì vải thâm.

Con gái nhà tiếng tăm sang trọng,

Mái tóc đen trơn bóng xinh tươi.

Nay ta nào thấy được người,

Cho nên luống những không vui tác lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 臺 dài, lá phù tu, lá kè để làm nón lá. 緺撮 tri toát (đọc tuyết cho hợp vận), cái mũ bằng vải đen làm rất nhỏ chỉ vừa đủ để giữ cái đầu (búi) tóc. 君子女 quān tử nǚ, con gái nhà phú quý trong kinh đô. 緺直如髮 trù trực như phát (đọc phiết cho hợp vận), chưa rõ nghĩa là gì, nhưng lấy chương IV và V mà suy, thì nói là tóc đẹp.

CHƯƠNG III

彼都人士

13. Bì dō nhân sī

充耳琇實

14. Sung nhī tú thực.

彼君子女

15. Bì quān tử nǚ

謂之尹吉

16. Vị chi Doān Cật.

我不見兮

17. Ngā bát kiến hế,

我心宛結

18. Ngā tâm uẩn kết.

Dịch nghĩa

13. Bực kè sī trong kinh đô xưa kia.

14. Đầu che tai bằng đá quý.

15. Còn con gái nhà sang trọng kia

16. Đầu gọi là thuộc họ Doān, họ Cật (những gia tộc quý trọng nhất).

17. Ngày nay ta không còn thấy những nhân vật quý trọng ấy nữa.

18. Cho nên lòng ta cứ chất chứa mãi nỗi ưu sầu.

Dịch thơ

Sĩ nhân kia ở kinh thành
Che tai đá quý long lanh rõ ràng.
Con gái nhà giàu sang quyền chức
Họ Doãn và họ Cát mà thôi.
Nay ta chẳng thấy được người,
Ưu sầu chất chứa bồi hồi lòng ta.

Chú giải của Chu Hy.

Chương này thuộc phú. 玲瓏, thứ đá đẹp, lấy đá đẹp làm ngọc che tai. 丌吉 *Doãn Cát*, chưa rõ là nghĩa gì. Trịnh thị nói rằng: 吉 đọc *Cát*, tức là họ Doãn họ Cát là hai họ xưa đã làm thông gia với nhà Chu. Gặp những con gái của nhà sang trọng ở kinh đô, người ta đều nói là thuộc họ Doãn họ Cát, ý nói thuộc gia tộc có lối phép. Lý thi nói rằng: Nói họ Doãn, họ Cát cũng như trong đời nhà Tấn nói học Vương họ Tạ, như trong đời nhà Đường nói họ Thôi họ Lư vậy. 累 uẩn như 屈 khuất (là đè nén co lại không được duỗi ra như 積 tích (là chất chứa lại không được phân tán ra).

CHƯƠNG IV

彼都人士
垂帶而厲
彼君子女
卷髮如翫

19. Bỉ đô nhân sĩ
20. Thùy đái như lệ
21. Bỉ quân tử nữ,
22. Quyền phát như sải.

我不見兮
言從之邁

23. Ngã bất kiến hế,
24. Ngôn tùng chi mại.

Dịch nghĩa

18. Bực kẻ sỉ trong kinh đô xưa kia
20. Thắt lưng đai buông thòng tha thướt.
21. Còn con gái nhà sang trọng kia,
22. Tóc mai quấn uốn dịu dàng.
23. Ngày nay ta không còn thấy nữa,
24. Nếu thấy được thì ta sẽ bước đi theo.

Dịch thơ

Sỉ nhàn kia ở kinh đô

Lưng đai tha thướt phát phơ rủ thòng.

Con gái thuộc giống dòng sang cả.

Tóc mai quấn éo lả hây hây.

Ta nào còn thấy hôm nay

Thấy thời ta cứ bước ngay theo cùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 屬 lê (đọc *lai*), dáng dây đai thòng xuồng. 卷髮 quyển phát, những lọn tóc mai ngắn ở hai bên trên không thể thu gọn lên trán, cứ để cong uốn thòng xuồng phát phơ cho đẹp. 蠻 mại (đọc *sui*), loại bò cạp, có nọc chích người, chót đuôi cong lên như tóc quấn cuộn. 邁 mai, đi. Vì rằng: ấy là chẳngặng trông thấy, chờ nếu trông thấy được những nhân vật đẹp đẽ ấy thì ta sẽ bước đi theo. Ý nói

rất nhớ trông những nhân vật trong thời thịnh vượng xưa kia.

CHƯƠNG V

匪伊垂之	25. Phỉ y thùy chi,
帶則有餘	26. Đái tắc hữu dư.
匪伊卷之	27. Phỉ y quyền chi,
髮 則有旗	28. Phát tắc hữu dư.
我不見兮	29. Ngã bất kiến hê,
雲何盱矣	30. Vân hà hu hī.

Dịch nghĩa

25. Bực kẻ sĩ không phải cố ý buông thòng dây đai,
26. Mà nó tự nhiên còn thừa, cho nên rủ xuống tha
thướt
27. Còn con gái không phải cố ý làm cho tóc mai cuốn
lên,
28. Mà nó tự nhiên bong lên phát phơ.
29. Ngày nay ta không thấy,
30. Răng sao còn trông mong được nữa.

Dịch thơ

Dai thòng nào có ý buông,

Còn thừa nên tự luôn luôn rủ thòng.

Tóc mai nào cố uốn cong.

Phát phơ ẻo lả tự bong tuyêt vời.

Ta nào được thấy bao người,
Rằng còn trông ngóng cái thời ấy chi,

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú: 標 du, dương cát lên. 舊 hu, trông mong (xem lại chương V, bài thứ 205).

Đây nói dây lưng của kẻ sĩ, không phải cố ý làm cho thông xuống, mà nó tự nhiên còn thừa ra mà rủ xuống tha thoát. Còn tóc của con gái, không phải cố ý cho cuộn lên, mà tự nhiên đã bong lên phơ phất. Ý nói cái sắc đẹp tự nhiên không trang sức giả tạo nhưng nay không được trông thấy nữa, thì làm sao mà chẳng trông mong hay sao?

Thiên Đô nhân sĩ có 5 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 232

CHƯƠNG I

采綠	Thái lục (Đô nhân sĩ 2)
終朝采綠	1. Chung triêu thái lục
不盈一掬	2. Bất doanh nhất cúc.
予髮曲局	3. Dư phát khúc cục.
薄言歸沐	4. Bạc ngôn quy mộc

Dịch nghĩa

1. Suốt buổi sáng hái rau lục
2. Mà không đầy một bùm tay.
3. Tóc của ta cuộn rối,

4. Bèn trở về gội rửa (mà chờ chồng trở về).

Dịch thơ

Suốt buổi sáng hái toàn rau lục,
Nắm trong tay một vóc chẳng đầy.
Tóc ta cuốn rối thế này,
Trở về gội rửa làm ngay đợi chàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 終朝 chung triêu, buổi sáng từ sớm mai đến lúc ăn cơm. 緣 lục, cỏ vương sô (cũng gọi là cỏ tận dùng để nhuộm màu vàng). 菊 cúc, một bùm, do hai bàn tay bùm lại. 局 cục, cuốn rối, như nói đầu tóc rối quăn như hoa bồng cuộn bay.

Người vợ nhớ chồng nói trọn buổi sáng hái rau lục mà không đầy bùm tay. Quá nhớ nhung mà không chuyên tâm vào công việc. Lại nhớ tóc trên đầu quăn rối, nàng mới bỏ việc hái rau lục trở về gội rửa để chờ chồng nàng trở về.

CHƯƠNG II

終朝采藍

5. Chung triêu thái lam

不盈一襜

6. Bất doanh nhất xiêm,

五日爲期

7. Ngũ nhật vi kỳ,

六日不詹

8. Lục nhật bất chiêm

Dịch nghĩa

5. Suốt buổi sáng hái cây chàm

6. Không dây vạt áo túm lại mà đụng
7. Hẹn ước với nhau năm ngày,
8. Nay đã sáu ngày qua mà không thấy chàng.

Dịch thơ

*Suốt buổi sáng cây chàm ta hái,
Vạt áo ta túm lại không dây,
Hẹn nhau chờ đúng năm ngày,
Nay là thứ sáu mảy may thấy gì.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 藍 *lam*, cây chàm để nhuộm màu xanh. 膽 *xiêm* (đọc *đam*), áo mặc che phía trước, tức che trước đầu gối. 膽 *chiêm* đồng với 膽 *chiêm* là ngǎng mặt mà trông. 五日爲期 *ngũ nhật vi kỳ* (lấy năm ngày làm kỳ ước hẹn với nhau), năm ngày, thời gian hẹn ước đã qua. 六日爲膽 *lục nhật vi chiêm* (đã sáu ngày rồi mà không thấy), quá thời gian ước hẹn mà không thấy.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|-------------------------|
| 之子于狩 | 9. Chi tử vu thú, |
| 言艱其弓 | 10. Ngôn sướng kỳ cung. |
| 之子于釣 | 11. Chi tử vu điếu, |
| 言綸之繩 | 12. Ngôn luân kỳ thằng. |

Dịch nghĩa

9. Nếu chàng đi săn,

10. Thị sao lo đẻ cung vào bao.
11. Nếu chàng đi câu.
12. Thị em lo sửa soạn dây câu (để đi với chàng).

Dịch thơ

*Nếu nay chàng định đi săn bắn,
Cung em lo đẻ săn vào bao.
Nếu nay chàng muốn đi câu,
Nhớ em sửa soạn trước sau đàng hoàng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 之子 chi tử, nói người chồng. 缪 luân, sửa soạn dây câu.

Nói nếu: chàng trở về mà muốn đi săn thì em sẽ vì chàng lấy cung bù vào bao, và nếu chàng muốn đi câu, thì em sẽ vì chàng sửa soạn nhẹ câu. Trông đợi tha thiết, nhớ nhung sâu xa, nàng muốn không có đi đâu mà không cùng đi chung với nhau.

CHƯƠNG V

其釣維何	13. Kỳ điếu duy hè?
維魴及鱸	14. Duy phòng cặp tự.
維魴及鱸	15. Duy phòng cặp tự.
薄言觀者	16. Bạc ngôn quan già.

Dịch nghĩa

13. Câu thị được thứ cá nào?

14. Chỉ có cá phòng và cá tự.
15. Chỉ có cá phòng và cá tự.
16. Thì em đi theo để xem chàng câu.

Dịch thơ

Cá đã câu được thì mấy thử?

Chỉ có phòng cá tự mà thôi.

Cá phòng cá tự chàng ôi!

Đi câu, em cũng theo coi bên chàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Chàng đi câu thì câu được cá (cá phòng cứ tự), nàng lại sẽ đi theo để xem chàng câu. Cũng là ý tứ của chương trên.

Thiên Thái lục có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THÚ 233

CHƯƠNG I

黍苗	Thứ miêu. (Đô nhân sĩ 3)
艽菴黍苗	1. Bồng bồng thứ miêu,
陰雨膏之	2. Âm vũ cáo chi.
悠悠南行	3. Du du nam hành,
召伯勞之	4. Thiệu bá lao chi.

Dịch nghĩa

1. Mạ nếp lên lớn cao.
2. Chỉ có mưa âm thầm làm tươi mướt.
3. Người đi về phương nam xa xôi.
4. Chỉ có Thiệu Mục công an ủi được.

Dịch thơ

*Mạ nếp thì lớn cao lả lướt,
Mưa âm thầm trơn mướt tốt tươi.
Về nam xa tít bao người,
Thiệu Công an ủi mà thôi nỗi tình.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 茫茫 *bồng bồng*, dáng lớn cao lên. 悠悠 *du du*, ý đi xa.

Tuyên vương phong cho Thân bá nước Tạ, sao Thiệu Mục công đi xây đắp thành ấp. Cho nên sắp đi về phương nam để phục dịch, những quân sĩ ra đi mới làm bài thơ này.

Nói rằng mạ nếp đã lên cao, thì chỉ có mưa âm thầm mới thấm nhuần làm cho tươi mướt. Người đi về phương nam xa xôi thì chỉ có Thiệu bá mới an ủi được.

CHƯƠNG II

我任我輩

5. Ngā nhâm. Ngā liền,

我車我牛

6. Ngā xa. Ngā ngưu,

我行既集

7. Ngā hành ký tập,

蓋雲歸哉

8. Cái vân quy tai

Dịch nghĩa

5. Ta thì vác đồ. Ta thì kéo xe.
6. Ta thì đẩy xe. Ta thì đánh kéo xe lớn.
7. Việc đã làm của chúng ta đã xong xuôi.
8. Cho nên nói rằng: Trở về được rồi vậy thay!

Dịch thơ

Xe ta kéo. Đồ ta vác láy.

Ta đánh bò. Ta đẩy xe nhanh.

Việc ta làm đã hoàn thành,

Rằng ta về được đành rành từ đây.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 任 nhám, vác trên lưng. 葱 liễn, người kéo xe. 牛 ngưu (đọc nghī cho hợp vận), bò để kéo xe to. 集 tập, thành. Xây cát thành áp nước Tạ đã xong mà trở về.

CHƯƠNG III

我徒我御

9. Ngã đồ. Ngã ngự.

我師我旅

10. Ngã sư. Ngã lữ.

我行旣集

11. Ngã hành ký tập,

蓋雲歸處

12. Cái vân quy xứ.

Dịch nghĩa

9. (Quân sĩ ra đi nối tiếp:) Ta thì đi bộ. Ta thì đi xe.

- Ta thì đi trong sư đoàn. Ta thì đi trong lữ đoàn.
- Việc đi làm của chúng ta đã xong xuôi.
- Cho nên nói rằng: Trở về mà ở yên vậy!

Dịch thơ

Ta đi xe. Ta thì đi bộ.

Ta sư đoàn. Ta ở lữ đoàn.

Việc ta làm đã hoàn toàn.

Rằng ta về ở an nhàn từ đây.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 徒 *dō*, đi bộ. 御 *ngự*, đi xe. 旅 *lǚ*, đạo quân 500 người. 師 *sư*, đạo quân có 5 lữ (500 x 5 = 2500). Truyện *Xuân thu* nói rằng: Vui đi thì có một sư đi theo. Quan khanh đi thì có một lữ đi theo. (*Xuân thu*. Lỗ định công tứ niêm).

CHƯƠNG IV

肅肅謝功
召伯蠣均
烈烈征師
召伯成之

- Túc túc Tạ công
- Thiệu bá doanh chi,
- Liệt liệt chinh sư,
- Thiệu bá thành chi.

Dịch nghĩa

- Công việc xây cất áp Tạ rất nghiêm chỉnh.
- Do Thiệu bá coi sóc làm nén.
- Quân đi đến áp Tạ để xây cất rất uy vũ.
- Để Thiệu bà hoàn thành việc này dựng áp Tạ.

Dịch thơ

Rất nghiêm chỉnh việc xây áp Tạ.

Mọi việc do Thiệu bá giữ trông.

Quân đi xây cất oai hùng.

Để cho Thiệu bá nên công hoàn thành.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 肅肅 túc túc, dáng nghiêm chỉnh. 謝 Tạ, tên ấp Tạ, nước của Thân bá được phong, nay ở quân (khu vực hành chính) Tín dương thuộc Đặng Châu. 功 công, công việc xây cất. 翳 doanh, trị, coi sóc xây cất. 烈烈 liệt liệt, dáng uy vũ. 征 chinh, đi.

CHƯƠNG V

原隰既平

17. Nguyên thấp ký bình.

泉流既清

18. Tuyên lưu ký thanh.

召伯有成

19. Thiệu bá hữu thành.

王心則寧

20. Vương tâm tắc ninh.

Dịch nghĩa

17. Chốn đồng bằng và nơi dưới thấp đã dọn dẹp bằng phẳng.

18. Sông ngòi đã lưu thông trong tréo.

19. Thiệu bá đã hoàn thành công trình ấy,

20. Thị vua được yên lòng.

Dịch thơ

Chỗ dưới thấp bình nguyên đều phẳng.

Các sông ngòi trong lặng chảy xuôi.

Thiệu công hoàn tất việc rồi.

Thì vua mới được yên vui tết lòng

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 平 河, dọn dẹp cuốc đất cho bằng phẳng. 清 thanh, sửa trị sông ngòi cho lưu thông trong trẻo.

Nói Thiệu bá xây dựng áp Tạ, xem sự thích nghi của đồng bằng và cửa nơi dưới thấp, làm lưu thông sự tiện lợi của sông ngòi. Công trình ấy đã hoàn thành, thì tuyên vương nhà Chu yên lòng.

Thiên Thủ miêu có 5 chương, mỗi chương 4 câu.

Đây là bài thơ về thời Tuyên Vương, cùng với thiên *Tung cao* thuộc phần thơ Đại nhã có liên quan với nhau.

BÀI THÚ 234

CHƯƠNG I

隰桑

Thấp tang. (Đô nhân sī 4)

隰桑有阿

1. Thấp tang hữu a,

其葉有難

2. Kỳ diệp hữu na.

既見君子

3. Ký kiến quân tử.

其樂如何

4. Kỳ lạc như hà?

Dịch nghĩa

1. Cây dâu ở chỗ thấp có dáng đẹp đẽ,
2. Lá mọc rườm rà.
3. Đã gặp người quân tử rồi.
4. Thì nỗi vui thích biết là đường nào?

Dịch thơ

*Xinh thay chỗ thấp cây dâu,
Lá thì chen rậm một màu tốt tươi.
Gặp trang quân tử ấy rồi,
Thì lòng hồn hở thích vui đường nào?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 隱 tháp, chỗ dưới tháp, thích hợp với cây dâu. 阿 a, dáng đẹp đẽ. 難 na, dáng dồi dào, đều nói hình trạng cành lá cây dâu đẹp đẽ rū xuông rườm rà. Đây là bài thơ mừng người quân tử.

Nói cây dâu ở chỗ thấp có dáng đẹp đẽ lá đơn rườm rà. Đã gặp bực quân tử rồi, thì nói vui thích biết là đường nào! Ý tú lời thơ đại khái giống với của thiên Tinh tinh giả nga (bài thứ 182), nhưng bực quân tử được nói ở đây thì không biết chỉ về ai.

Hoặc nói thuộc tỳ. Chương sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG II

隱桑有阿
其葉有沃

5. Tháp tang hữu a,
6. Kỳ diệp hữu ốc.

既見君子
雲何不樂

7. Ký kiến quân tử,
8. Vân hà bất lạc?

Dịch nghĩa

5. Cây dâu ở chõ tháp có dáng đẹp đẽ,
6. Lá trơn bóng râm dày tốt tươi.
7. Đã gặp người quân tử rồi,
8. Rằng sao mà chẳng vui thích được?

Dịch thơ

Cây dâu chõ tháp đẹp thay!
Lá thi trơn bóng râm dày tốt tươi.
Gặp trang quân tử ấy rồi,
Rằng sao lại chẳng thích vui toại lòng?

Chủ giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng 汝 óc (đọc *Ước*), bóng láng.

CHƯƠNG III

隰桑有阿
其葉有幽
既見君子
德音孔膠

9. Tháp hữu tang a,
10. Kỳ diệp hữu u.
11. Ký kiến quân tử.
12. Đức âm khổng giao.

Dịch nghĩa

9. Cây dâu ở chõ thấp có dáng đẹp đẽ,
10. Lá màu sậm đen.
11. Đã gặp người quân tử rồi
12. (Thì nghe được) tiếng tâm của người rất vững bền.

Dịch thơ

Cây dâu chõ thấp xinh.

Lá thì đen mượt dây cành tốt tươi.

Gặp trong quân tử ấy rồi.

Được nghe tâm tiếng của người bền lâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hùng. 幽 u, màu đen. 膠 giao, vững chắc.

CHƯƠNG IV

心乎愛矣
遐不謂矣
中心藏之
何日忘之

13. Tâm hồ ái hī,
14. Hà bất vị hī?
15. Trung tâm tàng chi,
16. Hà nhật vong chi?

Dịch nghĩa

13. Lòng đã yêu quý người quân tử,
14. Mà sao lại chẳng thoát ra cho người biết?
15. Lại cứ giấu mãi trong lòng.
16. Thì biết ngày nào mới quên được?

Dịch thơ

Lòng đà yêu quý người rồi.

Mà sao lại chẳng thoát lời cho hay?

Trong lòng cứ giấu thế này.

Làm sao mà biết được ngày nào quên?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 遇 *hà* đồng với chữ 何 *hà* là sao? Thiên Biêu ý trong sách *Lễ ký* viết 瑕 *hà*. Trịnh thị chú giải rằng: 瑕 *hà* là 胡 *hồ* (sao?). 謂 *vị* như 告 *cáo* (cáo báo cho biết).

Nói lòng ta thành thật yêu quý người quân tử. Nhưng đã gặp người quân tử rồi thì sao lại chẳng tỏ cho người biết mà lại chỉ ôm ấp giấu kín trong lòng để khiến một ngày nào sẽ quên đi chẳng?

Sở từ có câu: *Tư công tử hè, vị cảm ngôn* (= Nhớ mong công tử mà chưa dám nói ra). Ý tứ của lời này cũng giống như đoạn này. Niềm yêu kính đã nẩy chồi lên gốc ăn sâu ở trong lòng, cho nên nó phát lộ từ từ chậm chạp để tồn tại mãi lâu dài.

Thiên Tháp tang có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THÚ 235

CHƯƠNG I

白華

Bạch hoa. (Đô nhân sī 5)

白華菅兮

1. Bạch hoa gian hè,

白茅束兮
之子之遠
俾我獨兮

2. Bạch mao thúc hề.
3. Chi tử chi viễn,
4. Tý ngã độc hề.

Dịch nghĩa

1. Cỏ lau đã ngâm nước xong.
2. Thì lấy cỏ tranh mà bó lại.
3. Nhà vua xa lánh ta,
4. Phải khiến ta cô đơn.

Dịch thơ

*Đã vừa ngâm nước cỏ lau,
Thì liền lại phải bó vào bằng tranh.
Nhà vua xa cách ta đành.
Khiến ta phải chịu một mình cô đơn.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 白華 *bach hoa*, cỏ lau ngoài đồng nội. Cỏ lau ấy đã ngâm nước cho mềm dịu gọi là 蒹 *gian*. 之子 *chi tử*, ngài, chỉ U vương. 壤 *tý*, khiến. 我 *ngã*, ta. Thân hoàng hậu tự xưng.

U vương cưới con gái của chư hầu nước Thân làm hoàng hậu, sau lại được nàng Bao Tự, mà truất Thân hoàng hậu xuống. Cho nên Thân hoàng hậu mới làm bài thơ này.

Nói cỏ lau đã ngâm nước xong, thì lấy cỏ tranh mà bó lại. Cỏ lau và cỏ tranh là hai việc nhỏ mọn còn phải nhờ lắn nhau (cái này bó cái kia) để làm chồi mà dùng (ý nói vợ chồng phải nhờ tựa lắn nhau). Sao vua lại xa lánh ta, để khiến ta phải cô độc.

CHƯƠNG II

英英白雲
露彼菅茅
天步艱難
之子不猶

5. Anh anh bạch vân
6. Lộ bỉ gian mao.
7. Thiên bộ gian nan,
8. Chi tử bất du.

Dịch nghĩa

5. Mây trắng nhẹ nhàng sáng loà
6. Hoá thành sương lộ để nhuần đượm lau và tranh.
7. Thời vận khó khăn,
8. Mà vua lại không mưu lo để che chở muôn dân.

Dịch thơ

Nhẹ nhàng mây sáng trắng ngàn
Hoá thành sương lộ đượm nhuần tranh lau.
Gian nan thời vận khổ đau,
Vua không mưu tính cứu mau dân lành.

Chủ giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 英英 *anh anh*, dáng nhẹ nhàng rạng rỡ. 白雲 *bạch vân*, mây trắng, hơi khí nhẹ nhàng trong sạch của thuỷ thổ, đang đêm thì bốc lên. 露 lộ, sương lộ, tức cái hơi khí nhẹ nhàng trong sạch ấy phân tán mà rơi xuống. 步 bộ, đi. 天步 *thiên bộ*, như nói thời vận. 猶 du (thường đọc do), mưu đồ. Hoặc nói du là như.

Nói mây đã hóa thành sương lộ để thấm nhuần vạn vật, không có vật nhỏ mọn nào là không được thấm nhuần. Nay

thời vận gian man mà nhà vua lại không mưu đồ (để che chở muôn dân) thì chẳng bằng như mây trắng đã hoá thành sương lộ để thám nhuần cỏ lau cỏ tranh vậy.

CHƯƠNG III

澠池北流

9. Phưu trì bắc lưu,

浸彼稻田

10. Tẩm bỉ đạo diền.

嘯歌傷懷

11. Tiếu ca thương hoài,

念彼碩人

12. Niệm bỉ thạc nhân.

Dịch nghĩa

9. Dòng sông con chảy về phương bắc,
10. Còn thám nhuần tươm tươi được ruộng lúa.
11. Ta phải tắc lưỡi sầu ca đau đớn trong lòng,
12. Nhớ đến nhà vua chí tôn vĩ đại kia.

Dịch thơ

Sông con về bắc chảy xuôi.

Thám nhuần ruộng lúa tốt tươi dõi dào.

Xót lòng tắc lưỡi ca sầu,

Vua kia vĩ đại, rạt rào nhớ mong.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tụ. 澎 phưu, dáng chảy đi. 北流 bắc lưu, trong khoảng đất Phong đất Hao (nước nhà Chu) những con sông phần nhiều chảy về bắc. 碩人 thạc nhân, tiếng tôn trọng lớn lao, cũng nói U vương.

Nói con sông con chảy nhỏ nhen mà còn có thể thầm
nhuần tươm tuối. Còn vua tôn trọng lớn lao mà trái lại
không thể điều hoà lưu thông niềm ân trạch yêu đương. Cho
nên phải khiến ta tắc lưỡi sâu ca đau đớn mà tưởng nhớ.

CHƯƠNG IV

樵彼桑薪

13. Tiêu bì tang tân,

印烘于煁

14. Ngang hồng vu thâm.

維彼碩人

15. Duy bì thạc nhân

實勞我心

16. Thực lao ngã tâm.

Dịch nghĩa

13. Đốn củi dâu kia.

14. Mà ta chỉ đốt sáng trên lò mà thôi.

15. Chỉ có nhà vua chí tôn vĩ đại kia.

16. Thật đã làm lao khổ lòng ta (vì bỏ rơi và truất phế ta).

Dịch thơ

Dâu kia làm củi đốn dùng,

Trên lò chỉ đốt sáng hồng mà thôi.

Chí tôn vĩ đại ấy người,

Thật làm lao khổ ngậm ngùi lòng ta.

Chủ giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 樵 tiều, hái củi. 桑薪 tang tân, củi dâu rất tốt. 印 ngang, ta. 烘 hồng, đốt cháy cho soi sáng. 煣

thâm, cái lò không thể bắc nồi lên nấu, dùng để đốt lửa cho sáng mà không thể để nấu đồ ăn được.

Củi dâu đáng dùng để nấu đồ ăn, mà chỉ dùng để đốt cho sáng nói như thế để ví với hoàng hậu chính thức mà trái lại bỏ rơi ty tiện.

CHƯƠNG V

鼓錘于宮

17. Cỗ chung vu cung,

聲聞于外

18. Thanh văn vu ngoại.

念子慄 慄

19. Niệm tử thảo thảo,

視我邁邁

20. Thị ngã mại mại.

Dịch nghĩa

17. Đánh chuông ở trong cung.

18. Thì tiếng chuông nghe lọt ra ngoài.

19. Lòng sầu rười rượi nhớ đến vua,

20. Mà vua lại chẳng đoái trông đến ta.

Dịch thơ

Trong cung chuông đánh kêu vang,

Tiếng nghe văng vẳng vọng sang ra ngoài,

Nhớ vua lòng những bi ai,

Nhưng vua lại chẳng đoái hoài đến ta.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 慄 慄 *thảo thảo*, dáng ưu sầu. 邁邁 *mại mại*, không đoái đến.

Đánh chuông ở trong cung, thì tiếng chuông nghe lọt ra ngoài. Thần thiếp nhớ vua, lòng sâu rười rượi, mà vua lại chẳng đoái tưởng đến thần thiếp vì sao vậy thay?

CHƯƠNG VI

有鶯在梁

21. Hữu thu tại lương,

有鶴在林

22. Hữu hạc tại lâm.

維彼碩人

23. Duy bỉ thạc nhân

實勞我心

24. Thực lao ngā tâm.

Dịch nghĩa

21. Có con chim (già dây) trên đập bắt cá,
22. Có con chim hạc lại ở trên rừng.
23. Chỉ có vua chí tôn và vī đại kia
24. Thật đã làm lao khổ lòng ta.

Dịch thơ

Đập kia già dây đậu rồi.

Hạc thì lại ở xa vời rừng hoang.

Chi tôn vī đại hiên ngang.

Thật làm lao khổ bẽ bàng lòng ta.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 鶯 *thu*, chim thóc thu, chim già dây (đầu sói như đầu ông già, có cái dây dưới cổ, ăn cá, tính tham lam). 梁 *lương*, đập bắt cá.

Tô thị nói rằng: Chim thu già đây và chim hạc đều bắt cá mà ăn. Nhưng chim hạc đối với chim thu thì thanh nhã và ô trọc khác nhau xa. Nay chim thu lại ở trên đập bắt cá, còn chim hạc thì ở trong rừng, chim thu thì no, chim hạc thì đói. U vương nâng đỡ Bao Tự mà truất phế Thân hoàng hậu, tỳ như nuôi dưỡng chim thu mà đuổi bỏ chim hạc vậy.

CHƯƠNG VII

鴛鴦在梁

25. Uyên ương tại lương,

戢其左翼

26. Tráp kỳ tả đức,

之子無良

27. Chi tử vô lương,

二三其德

28. Nhị tam kỳ đức,

Dịch nghĩa

25. Chim oan ương đậu trên đập bắt cá.

26. Thu gọn cánh trái lên không mất độ thường.

27. Nhà vua là người vô lương.

28. Có đôi ba tình ý.

Dịch thơ

Oan ương trên đập đậu cùng,

Gọn thu cánh trái, giữ chung độ thường.

Nhà vua là kẻ vô lương,

Đôi ba hạnh kiểm tình thương đổi dời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 戟其左翼 *tráp kỵ tả dực*, thu gọn cánh trái, ý nói không mất độ thường. 良 *lương*, thiện lành. 二三其德 *nhi tam kỵ đức*, đôi ba đức hạnh, đôi ba tình ý. Người mà có đôi ba tình ý, lòng dạ không chuyên nhất trung thành, thì không bằng như chim oan ương.

CHƯƠNG VIII

有扁斯石

29. Hữu biện tư thạch,

履之卑兮

30. Lý chi ty hế.

之子之遠

31. Chi tử chi viễn,

俾我底兮

32. Tý ngã dê hế.

Dịch nghĩa

29. Có hòn đá ở dưới thấp.

30. Thì người bước lên hòn đá ấy cũng thấp thỏi theo luôn.

31. Nhà vua xa lánh ta,

32. Khiến ta phải đớn đau.

Dịch thơ

Có hòn đá chõ trũng sâu,

Cũng đồng thấp thỏi người nào bước lên.

Xa ta, vua đã láng quên,

Khiến ta lầm nỗi buồn phiền đớn đau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 扁 bi en, dáng ở dưới thấp. 倚 tý, khi ien. 痘 d e (đọc k y cho hợp v n), bệnh, đau đớn.

Có hòn đá ở dưới thấp, thì người bước lên hòn đá ấy cũng thấp thỏI theo luôn. Như thần thiếp mà hèn hạ, thì người yêu quý thần thiếp cũng phải hèn hạ theo luôn. Cho nên vua mới xa lánh thần thiếp (để khỏi phải hèn hạ với thần thiếp) để khi ien thần thiếp phải đau đớn.

Thiên Bách hoa có 8 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THÚ 236

CHƯƠNG I

綿 蟻	
綿 蟻 黃 鳥	
止 于 丘 阿	
道 之 雲 遠	
我 勞 如 何	
飲 之 食 之	
教 之 誨 之	
命 彼 後 車	
謂 之 載 之	

Mi�en man. (Đô nhân s�i 6).	
1. Mi�en man hoàng di�u	
2. Chỉ vu kh�au a,	
3. Đạo chi v�n vi�n,	
4. Ng�a lao như h�a?	
5. Ấm chi tự chi,	
6. Giáo chi hồi chi,	
7. M�ệnh b�i h�au xa,	
8. V�i chi tái chi.	

Dịch nghĩa

1. Chim hoàng ly hót líu lo
2. Đậu trên cái g o uốn cong.

3. Rằng vì đường xa xôi,
4. Mà ta thì lao khổ là đường nào?
5. Mong có người cho ta uống, cho ta ăn.
6. Dạy ta, răn ta,
7. Và gọi xe ở sau kia,
8. Bảo chở ta đi.

Dịch thơ

*Chim hoàng ly hót líu lo,
Phải dừng đậu lại trên gò uốn cong.
Vì đường xa tít muôn trùng.
Mà ta khổ nhọc khốn cùng đường bao.
Cho ta ăn uống mong sao,
Răn ta dạy dỗ giỏi trau tập tành,
Gọi xe sau lại cho nhanh.
Và chàng truyền bảo đành rành chở ta.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỳ. 綿蟹 miên man, tiếng chim kêu. 阿 a, cái gò cong. 後車 hậu xa, xe sau, xe phụ thêm ở phía sau.

Đây là người hèn hạ chịu lao khổ mong được nơi nhờ tựa làm ra lời chim nói để tự ví mình. Nói rằng: Chim hoàng ly hót líu lo, tự nói là phải dừng lại ở cái gò cong mà không thể bay tới được nữa, vì rằng đường xa quá lao khổ. Đường lúc ấy mà có người cho mình uống, cho mình ăn, dạy mình, răn mình và gọi xe sau mà chở mình đi chẳng vậy?

CHƯƠNG II

綿 蟹 黃 鳥
止 于 丘 隅
豈 敢 慄 行
畏 不 能 趨
飲 之 食 之
教 之 誨 之
命 彼 後 車
謂 之 裁 之

9. Miên man hoàng điểu
10. Chỉ vu khâu ngung.
11. Khi cảm đạn hành?
12. Úy bất năng xu.
13. Âm chi tự chi.
14. Giáo chi hối chi.
15. Mệnh bỉ hậu xa.
16. Vị chi tái chi.

Dịch nghĩa

9. Chim hoàng ly hót líu lo.
10. Đậu ở một góc đê.
11. Há lại dám sợ cuộc hành trình hay sao?
12. Chỉ sợ không thể đi mau được
13. Mong có người cho ta uống, cho ta ăn,
14. Dạy ta, răn ta,
15. Và gọi xe ở phía sau kia,
16. Rồi bảo chở ta đi.

Dịch thơ

Chim hoàng ly hót líu lo

Bay sang đậu ở góc gò với nhau.

Hành trình dám sợ hay sao?

Chỉ là không thể đi mau, sợ rằng.

Mong người cho uống cho ăn.

Đay ta và lại khuyên răn đủ đầy.

Xe sau gọi lại nơi này.

Rồi cùng truyền bǎo chở ngay ta liền.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 隅 *ngung*, góc. 憲 *dan*, sợ. 趨 *xu*, đi.

CHƯƠNG III

綿蠻黃鳥

17. Miên man hoàng diều

止于丘側

18. Chỉ vu khâu trắc,

豈敢憚行

19. Khi cảm đạn hành?

畏不能極

20. Uỷ bất năng cực.

飲主食之

21. Ăm chi tự chi.

教之誨之

22. Giáo chi hối chi,

命彼後車

23. Mệnh bỉ hậu xa,

謂之載之

24. Vị chi tái chi.

Dịch nghĩa

17. Chim hoàng ly hót líu lo

18. Đậu ở một bên gò.

19. Há lại dám sợ cuộc hành trình hay sao?

20. Chỉ sợ không thể đi đến nơi được.

21. Mong có người cho ta uống, cho ta ăn.

22. Dạy ta, răn ta,
23. Và gọi xe ở phía sau kia,
24. Rồi bảo chờ ta đi.

Dịch thơ

*Hoàng ly ca hót líu lo,
Cùng bay lại đậu bên gò đất cao.
Hành trình dám sợ hay sao?
Không đi đến chốn nao nao sợ hoài.
Cho ta ăn uống mong ai,
Dạy ta và cứ miệt mai răn khuyên,
Xe sau thì gọi lại liền,
Chờ ta đi, lại còn truyền lệnh ngay*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 側 trắc, bên cạnh. 極 cực, đến. Sách Quốc ngữ có câu: *Tề triêu giá, tắc tịch cực vu Lỗ quốc.* (= Sớm mai đi xe từ nước Tề thì chiều đến nước Lỗ).

Thiên Miên man có 3 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THÚ 218

CHƯƠNG I

瓠葉
幡幡瓠葉

Hồ diệp. (Đô nhân sĩ 7)
1. Phiên phiên hồ diệp,

采之亨之
君子有酒
酌言嘗之

2. **Thái chí phanh chí.**
3. **Quân tử hữu tửu.**
4. **ChƯỚC NGÔN THƯỜNG CHI.**

Dịch nghĩa

1. Lá bầu phơi phới,
2. Hái láy mà luộc nấu.
3. Người quân tử có rượu.
4. Rót mà uống với tân khách.

Dịch thơ

*Lá bầu phơi phới non tươi,
Hãy lo hái láy để rồi luộc đi.
Rượu ngon quân tử thiếu chi
Để cùng tân khách nhâm nhi vui hoà.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.幡幡 phiên phién, dáng lá bầu.

Đây cũng là bài thơ về ăn uống với nhau. Nói lá bầu phơi phới, hãy hái láy mà luộc. Nói thức ăn rất đậm bậc. Người quân tử có rượu thì cũng lấy rượu ấy ra mà uống. Đó là thuật lời khiêm nhường của chủ nhân, nói thức ăn đậm bậc thì cùng đem ra cùng tân khách ăn uống với nhau.

CHƯƠNG II

有兔斯首

5. **Hữu thố tư thủ,**

炮之燔之
君子有酒
的言獻之

6. Bào chi phiên chi.
7. Quân tử hữu tửu,
8. Chước ngôn hiến chi.

Dịch nghĩa

5. Có một con thỏ để làm thịt,
6. Phải làm sạch lông rồi nướng.
7. Người quân tử có rượu.
8. Rót lấy dâng cho tân khách dùng.

Dịch thơ

Có con thỏ săn rồi đây.

Làm lông cho sạch, nướng ngay cho vàng,

Rượu ngon quân tử săn sàng.

Rót ra đây chén đoan trang dâng mời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 有兔斯首 *hữu thố tư thủ*, có một con thỏ. Con thú thì đếm đầu (thủ, cái đầu) mà kể. Cũng như con cá thì đếm đuôi (vĩ, đuôi) mà kể. 炮 *bào*, làm cho sạch lông (hoặc cạo bằng nước sôi, hoặc thui bằng lửa ngọn). 燔 *phiên* (đọc *phàn*), nướng trên lửa (không có xâu vào cây ghim). Đây cũng là món ăn đậm bạc. 獻 *hiến*, dâng lên cho tân khách dùng.

CHƯƠNG III

有兔斯首

9. Hữu thố tư thủ;

燔之炙之
君子有酒
酌言酢之

10. Phiên chi chích chi.
11. Quân tử hữu tửu,
12. Chước ngôn tặc chi.

Dịch nghĩa

9. Có một con thỏ để làm thịt,
10. Để lên lửa than mà nướng, hay lui thành xâu mà nướng.
11. Người quân tử có rượu.
12. Thị khách rót ra nói là để báo đáp lại chủ.

Dịch thơ

Để làm thịt, thỏ có liền.

Lui chung hoặc để nướng nguyên cho vàng.

Rượu ngon quân tử săn sàng.

Đáp dâng cho chủ hân hoan trao mời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 炙 chích (có âm đọc chá, đây đọc trước cho hợp vận), nướng. Xâu thịt vào cây dài để kê lên lửa mà nướng. 酢 tac, báo đáp lại. Khách đã uống cạn chén rượu của chủ mời, liền rót chén rượu khác mời lại chủ để báo đáp.

CHƯƠNG IV

有冤斯首
燔之炮之

13. Hữu thố tư thủ,
14. Phiên chi bào chi,

君子有酒
酌煙酬之

15. Quân tử hữu tửu
16. Chuwèc ngôn thù chi.

Dịch nghĩa

13. Có một con thỏ để làm thịt,
14. Phải làm sạch lông rồi nướng.
15. Người quân tử có rượu,
16. Lại rót ra nói là để mời khách uống nữa.

Dịch thơ

*Một con thỏ có sẵn sàng,
Lông làm sạch sẽ đăng hoàng nướng đi.
Rượu thì quân tử thiếu chi,
Rót mời khách nữa li bì uống vui.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 酣 thù, chủ đã uống cạn chén rượu của khách báo đáp, lại rót rượu mà tự uống lấy, rồi lại rót rượu mời khách uống nữa.

Thiên Hồ diệp có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THÚ 238

漸漸之石	CHƯƠNG I
漸漸之石	Sàm sàm chí thạch.(Đô nhân sĩ 8) 1. Sàm sàm chí thạch,

維其高矣	2. Duy kỳ cao hī.
山川悠遠	3. Sơn xuyên du viễn,
維其勞矣	4. Duy kỳ lao hī.
武人東征	5. Vũ nhân đông chinh,
不皇朝矣	6. Bất hoàng triêu hī.

Dịch nghĩa

1. Núi đá vòi voi.
2. Chỉ thấy cao vút lên.
3. Núi sông xa xôi.
4. Chỉ phải lao khổ mà thôi.
5. Tướng suý đi chinh chiến phương đông.
6. Không có buổi sớm nào được rảnh rang.

Dịch thơ

*Hòn núi đá vuông mình sừng sững,
Đáng vút cao dựng đứng chờ voi,
Núi sông cách trở xa xôi,
Chỉ thêm lấm việc lôi thôi nhọc nhằn.
Đi sang đông tướng quân cát bước,
Không sớm nào lại được rảnh rang.*

Chủ giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 漸漸 sàm sàm, dáng cao vút lên. 武人 vuônhân, tướng suý. 遙 hoàng, rảnh rang. Nói không có buổi sớm nào được rảnh rang.

Vị tướng suýt xuất chinh, trải qua những nẻo xa xôi,
những hồi nguy hiểm, không kham lao khổ mà làm bài thơ
này.

CHƯƠNG II

漸漸之石	7. Sàm sàm chi thạch,
維其卒矣	8. Duy kỳ tốt hī.
山川悠遠	9. Sơn xuyên du viễn,
曷其沒矣	10. Hạt kỳ mệt hī.
武人東征	11. Vũ nhan đông chinh,
不皇出矣	12. Bất hoàng xuất hī.

Dịch nghĩa

7. Núi đá vòi voi.
8. Chỉ thấy cao nhọn lên.
9. Núi sông xa xôi,
10. Bao giờ mới trải qua cho khắp?
11. Tướng suý đi chinh phạt phương đông.
12. Chỉ biết thâm nhập vào, mà không rảnh rang lò thoát ra khỏi.

Dịch thơ

Hòn núi đá chênh vênh chẳng chất.

Dáng nhọn tiên cao ngất trập trùng.

Xa xôi cách trở núi sông,

Bao giờ mới trải khắp vùng hiểm nguy?

Sang đông tướng quân đi chinh phạt.

Chẳng rảnh rang hòng thoát được nào.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 卒 tốt (đọc tuát), cao nhọn lên, nói ngọn núi cao nhọn. 昙 hat, sao? 没 mốt (đọc mut cho hợp vận), cùng tận. Nói những chốn phải trải qua, bao giờ mới đi cho biết được? 不遑出 bất hoàng xuất, nói chỉ biết càng đi sâu vào, mà không rảnh rang để lo thoát ra khỏi.

CHƯƠNG III

有豕白蹢

13. Hữu thi bạch đích

烝涉波矣

14. Chương thiệp ba hī.

月離于畢

15. Nguyệt ly vu Tất,

俾滂沱矣

16. Tý phuong dà hī.

武人東征

17. Vũ nhân đông chinh

不皇他矣

18. Bất hoàng tha hī.

Dịch nghĩa

13. Có những con heo móng đã trăng,

14. Đã cùng nhau lội sóng.

15. Mặt trăng đã ở vào vị trí sao Tất,

16. Thị khiến sẽ có mưa to.

17. Tướng suý đi chinh phạt phương đông,

18. Quá lao khổ, không còn rảnh rang lo đến việc khác nữa.

Dịch thơ

*Những con heo nay đã trăng móng,
 Đã cùng nhau lội sóng tuôn đi,
 Trăng bên sao Tất đã kè;
 Khiến trời sẽ đổ dầm dề mưa to.
 Sang đông tướng quân lo chinh phạt,
 Ranh đâu mà việc khác đầm đương.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 蹤 *dích*, móng chân. 焰 *chương*, sô^đ đông, bầy. 離 *lý*, mặt trăng ở vào nơi.畢 *Tất*, tên sao. Heo lội sóng, mặt trăng ở vào chỗ sao Tất thì chứng nghiệm sẽ là có mưa.

Trương tử nói rằng: Con heo cứ đội bùn, lăn sinh là tính thông thường của nó. Nay móng chân của nó đều trăng lại cùng nhau lội sóng mà đi, thì hoạ về thuỷ tai (mưa to) có thể biết trước được.

Đây nói đi phục dịch chinh chiến đã lâu, lại gặp mưa to, thì rất là khổ cực mà không còn rảnh rang lo đến việc khác nữa.

Thiên Sâm sàm chỉ thạch có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THÚ 239

CHƯƠNG I

苕之華

Điều chi hoa (Đô nhân sĩ 9).

苕之華	1. Điều chi hoa,
芸其黃矣	2. Vân kỳ hoàng hī.
心之憂矣	3. Tâm chi ưu hī,
維其傷矣	4. Duy kỳ thương hī.

Dịch nghĩa

1. Hoa cây điêu,
2. Màu sắc vàng rực.
3. Lòng ta ưu sầu (vì gặp thời nhà Chu suy tàn).
4. Chỉ dành đau xót lấy mà thôi.

Dịch thơ

*Hoa lăng điêu trên cây hớn hở
 Điều ửng vàng rực rõ khoe màu.
 Lòng ta luống nhusing ưu sầu.
 Chỉ dành chua xót đón đau một mình.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 苒 điêu, cây lăng điêu. Sách *Bản thảo* nói tức nay là cây tử uy, mọc lan ra ở trên cây cao, hoa màu vàng đỏ, cũng gọi là lăng tiêu.

Nhà thơ tự cho là mình gặp thời nhà Chu suy tàn, như cây điêu dựa vào cây khác mà sống, tuy được vinh hiển mà không lâu dài, cho nên lấy đó để ví mà tự nói rằng lòng mình vì thế mà đau thương.

CHƯƠNG II

苕之華

5. Điếu chi hoa,

其葉青青

6. Kỳ diệp tinh tinh.

知我如此

7. Tri ngã như thủ,

不如無生

8. Bất như vô sinh.

Dịch nghĩa

5. Hoa cây điêu,

6. Lá thì rướm rà.

7. Biết ta cũng sẽ như thế (giống như hoa lá cây điêu chóng tàn run).

8. Thì chẳng bằng là đừng sinh ra vậy.

Dịch thơ

Hoa lăng điêu trên cây xinh xắn,

Lá trên cành tươi tắn râm đầy.

Biết ta sẽ cũng thế này.

Đừng sinh đừng sống còn hay hơn mà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 青青 tinh tinh, dáng rướm rà nhưng mà làm sao lâu dài được thay?

CHƯƠNG III

羊首墳祥

9. Tương dương phân thủ.

三星在罶

10. Tam tình tại liêu.

人可以食

11. Nhân khả dĩ thực,

鮮可以飽

12. Tiển khả dĩ bảo.

Dịch nghĩa

9. Con dê cái gầy ốm thì đâu to.

10. Trong cái đó không có cá, nước lặng yên chỉ thấy bóng chòm ba ngôi sao long lanh.

11. Người ta chỉ có thể mong được ăn,

12. Mà ít có ai mong được no.

Dịch thơ

Đầu to lớn ốm gầy dê cái.

Đó trống không giọi thấy ba sao.

Người mong chỉ được ăn vào.

Ít ai mong mỗi bữa nào được no.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 羊羊 *tương đương*, con dê cái. 境 *phần*, to. Con dê hẽ gầy ốm thì đầu to lớn. 罻 *liêu*, cái đó để bắt cá. Trong cái đó không có cá (không có cá vùng vẫy) thì nước lặng yên, chỉ thấy bóng chòm ba ngôi sao long lanh mà thôi.

Nói trong thời đói kém còn kéo dài thêm, muôn vật đều điêu tàn như thế. Chỉ mong được ăn là đủ rồi, há đâu dám mong được ăn no hay sao?

Thiên Điều chỉ hoa có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

Trần thị nói rằng: Ở bài thơ này, lời văn thì giản dị, tình ý thì bi ai. Nhà Chu sắp mất, không thể nào cứu vãn được. Nhà thơ chỉ đau xót cho nhà Chu mà thôi.

BÀI THÚ 240

CHƯƠNG I

何草不黃

Hà thảo bất huyền. (Đô nhân sĩ 10)

何草不黃

1. Hà thảo bất huyền?

何日不行

2. Hà nhật bất hàng (hành)?

何人不將

3. Hà nhân bất tương

經營四方

4. Kinh doanh tứ phương?

Dịch nghĩa

1. Cây cỏ nào mà không vàng úa?
2. Ngày nào mà chẳng đi chinh chiến?
3. Người nào mà chẳng ra đi
4. Để kinh doanh, làm ăn ở bốn phương?

Dịch thơ

Có cây nào chẳng úa vàng?

Ngày nào mà chẳng với vàng chiến chinh?

Người nào mà chẳng xuất hành

Bốn phương bận việc kinh doanh tháng ngày?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 黃 hoàng, vàng. Cây cỏ hễ suy tàn thì vàng úa. 將 tương, cũng là đi.

Nhà Chu sấp mặt, việc chinh chiến không dứt. Người đi chinh chiến phải khổ nhọc mới làm bài thơ này.

Nói rằng: Cây cỏ nào mà không vàng úa, có ngày nào mà không đi chinh chiến, có người nào mà chẳng ra đi để kinh doanh làm ăn ở bốn phương?

CHƯƠNG II

何草不玄

5. Hà thảo bất huyền?

何人不矜

6. Hà nhân bất quan?

哀我征夫

7. Ai ngã chinh phu!

獨爲匪民

8. Độc vì phi dân?

Dịch nghĩa

5. Cây cỏ nào mà không đỏ xậm đen?

6. Người nào mà chẳng goá vợ?

7. Thương thay cho chúng ta là chinh phu đi đánh giặc!

8. Riêng mình chẳng phải là người hay sao (mà chẳng được trở về hưởng lạc thú gia đình)?

Dịch thơ

Cỏ cây nào chẳng đen khô?

Ai người chẳng goá đơn cô một mình?

Thương thay ta phải chiến chinh!

Riêng ta chẳng phải người dành hay sao?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hưng. 玄 huyền, màu đỏ lộn đen. Cây cổ đã vàng úa rồi lại đỏ sậm đen khi đã khô. 珍 quan, người không có vợ.

Nói những người đi chinh chiến quá thời hạn mà không được trở về, mất hết những lạc thú của gia đình. Thương thay cho chúng ta là khách chinh phu! Há riêng mình chẳng phải là người hay sao (mà chẳng được trở về để hưởng lại thú gia đình, như loài cây cổ không có tình gia thất)?

CHƯƠNG III

匪兕匪虎

9. Phỉ tự phỉ hổ

率彼曠野

10. Suất bỉ khoáng dã.

哀我征夫

11. Ai ngā chinh phu

朝夕不暇

12. Triêu tịch bất hạ!

Dịch nghĩa

9. Chúng ta, khách chinh phu, không phải như con tự con cọp

10. Mà cứ khiến phải noi theo đồng nội trống không.

10. Thương thay khách chinh phu chúng ta.

12. Sớm tối không được rảnh rang (vì lo đánh giặc).

Dịch thơ

Chúng ta cọp, tự chẳng là

Noi theo đồng nội lân la tháng ngày.

Chúng ta chinh chiến thương thay!

Sớm hôm nào rảnh mảy may nỗi tình.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 率 suất, noi theo. 罥 khoáng, trống không.

Nói rằng khách chinh phu chúng ta không phải như con tự con cọp (ưa thích chốn đồng nội) mà sai lại khiến chúng ta cứ noi theo khoảng đồng nội trống không để đánh giặc cho sớm tối không được rảnh rang gì.

CHƯƠNG IV

有丸者狐

13. Hữu bông giả hô

率彼幽草

14. Suất bỉ u thảo.

有棧之車

15. Hữu sạn chī xa

行彼周道

16. Hành bỉ chu đạo.

Dịch nghĩa

13. Có con chồn đuôi dài lê thê.
14. Nói theo chốn cỏ rậm âm u kia.
15. Có chiếc xe chở đồ
16. Cứ đi trên đường to kia (mãi làm lung không được nghỉ).

Dịch thơ

Có con chồn nọ dài đuôi.

Âm u cỏ rậm cứ noi theo hoài.

Chiếc xe đẻ chở đồ này.

Trên đường to lớn miệt mài chở luôn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 范 bồng, dáng đuôi dài. 槓車
sạn xa, xe chở đò. 周道 chu đạo, đường to. Ý nói xe chở đò
nặng nhọc trên đường to mãi không được nghỉ ngơi.

*Thiên Hà thảo bát hoàng có 4 chương, mỗi chương 4
câu.*

Đô nhân sī chi thập có 10 thiên, 43 chương, 200 câu.

(Tiếp theo ở quyển hạ).

KHỔNG TÚ
Kinh Thi

(Kinh Thi tập truyện - Trọn bộ 3 tập)

TẬP II

Dịch giả: TẠ QUANG PHÁT

*

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc VŨ VĂN ĐÁNG

Tổng biên tập: NGUYỄN ĐỨC HÙNG

Biên tập

NGÔ ĐÌNH KHÁNH

Bìa

TRẦN ĐẠI THẮNG

Sửa bản in

THÀNH LÀM

In 500 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại Công ty in LD - XH

Số đăng ký KHXB 1644/XB - QLXB. Quyết định xuất bản số 177/QĐXB do NXB Đà Nẵng ký ngày 21/3/2003. In xong và nộp lưu chiểu quý III - 2003.

KHỔNG TỬ
KINH THI
(TRỌN BỘ)

2

GIÁ TRỌN BỘ : 185.000D